## 

## **《NHÂN TRÙNG》**

## *Tiểu thuyết triết học hậu nhân loại*

## **Tác giả:** Trần Nhật Nam

**Bút danh:** Càn Tử

© 2025 Tác giả Trần Nhật Nam  
 Tất cả quyền được bảo lưu.  
  
 Bản thảo này thuộc về tác giả và không được sao chép, tái bản, phát hành dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản.  
  
 Xuất bản lần đầu: 31/07/2025  
 ISBN: [...]

「蟲，恆讀己身。」  
 **Phiên âm:** *Trùng, hằng độc kỷ thân.*  
 “Trùng – luôn là kẻ đang đọc chính thân mình.”  
 **—《寂照心影》Kinh Nhân Trùng**

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Không phải mọi cuốn sách đều bắt đầu bằng một câu chuyện. Một số cuốn sách bắt đầu từ sự tan rã của mọi câu chuyện từng tồn tại.  
 **《NHÂN TRÙNG》**là một tác phẩm như vậy.

Tôi không viết để kể – mà để mổ xẻ. Không để dẫn dắt người đọc đến kết thúc – mà để mở ra vô số khởi điểm lệch nhau trong từng tầng nhận thức. Trong thế giới nơi ngôn ngữ đã vỡ vụn, và bản ngã chỉ là ký ức bị nhiễm, tôi mời bạn không bước vào một truyện, mà trượt xuống một vết nứt — nơi ký ức, tri thức và ý thức không còn phân định.

Tác phẩm này là một cơ thể đa tầng, cấu thành từ những lớp văn bản nhiễm bệnh:  
 – Những mảnh kinh thư mất gốc từ **《寂照心影》**Kinh Nhân Trùng  
 – Những dòng nhật ký không thuộc về ai trong **《藏中論》**Tàng Trung Luận  
 – Những bản ghi lạnh lẽo của kẻ sống sót trong **《天界記》**Thiên Giới Ký  
 – Và cuối cùng, những ám văn đến từ vùng tầng cấm – **《地藏無根》**Di Tạng Vô Căn

Chúng không nối kết theo mạch tuyến tính. Chúng đối thoại với nhau như những giấc mộng tự phản.

Tôi đã viết như thể bị nhiễm. Những chương đầu là cơn sốt, những chương giữa là mê sảng, và những chương sau là sự tan rã mang tính triết học của chính tác giả. Nếu bạn đọc và cảm thấy bối rối, đừng lo. Vì nhân vật chính cũng không biết mình là ai, và thế giới mà hắn ở không có bản đồ.

Nhưng chính trong sự bất ổn đó, bạn – người đọc – sẽ trở thành mảnh gương cuối cùng. Mỗi dòng bạn đọc là một bước rơi sâu hơn vào chính mình, hoặc vào điều gì đó mà bạn từng tin là chính mình.

Nếu bạn đủ dũng cảm để đi tới trang cuối, tôi tin rằng bạn sẽ không còn là bạn – ít nhất là không còn là hình thức bạn của trước khi đọc.

***Chúc bạn vỡ tan!***

## **《NHÂN TRÙNG》**

## 

## **MỞ ĐẦU**

## **《經書殘留．解剖意識》**

## **Kinh Thư Tàn Lưu – Giải Phẫu Ý Thức**

*“Đừng đọc ta nếu ngươi vẫn còn muốn giữ nguyên hình dáng cũ của chính mình.”*

*Không có lời cảnh báo nào đủ nhẹ để làm dịu, và cũng không có ngôn từ nào đủ nặng để giữ lại một kẻ đang rơi. Nếu ngươi đang mở trang này với ý định bước vào một câu chuyện – hãy đóng nó lại. Nếu ngươi đang tìm kiếm một cốt truyện để bám víu – ngươi sẽ không tìm thấy ở đây. Vì nơi này, kể không còn là hành động chuyển tải, mà là phương pháp phẫu tích. Từng chữ, từng dòng, không dẫn ngươi đi, mà mổ xẻ ngươi ra – từng lớp, từng tầng, từng nghĩa bị giấu kỹ.*

*Chúng ta không bắt đầu bằng tên. Không phải “một ngày nọ”, không phải “có một người tên là Trùng”. Chúng ta bắt đầu ở nơi mà tên gọi đã rách nát. Ở nơi mà ngôn ngữ chỉ còn là khói mờ đọng lại sau ý nghĩ bị cắt nửa. Nếu ngươi hỏi: “Truyện này nói về ai?” – ta hỏi lại: “Ngươi có chắc rằng mình không nằm trong đó?”*

*Ngươi nghĩ rằng mình đang đọc một tiểu thuyết. Ngươi sai. Đọc – chưa bao giờ là hành vi vô tội. Đọc là xâm nhập. Đọc là tự phơi bày bản thể mình dưới mắt kẻ viết. Đọc là để cho từng lớp chữ cào vào nhận thức như móng vuốt lột da. Nếu ngươi tin rằng ngươi đang điều khiển mắt mình đi qua dòng này, xin chia buồn: ngươi đã bị lừa. Chính mắt ngươi đang bị dẫn đi. Không phải bởi chữ, mà bởi nghi ngờ, bởi khao khát một lời giải thích, bởi ám ảnh rằng ta phải có một bản thể nguyên vẹn ở đâu đó. Nhưng còn gì là “ta” – khi những ký ức ta tin là thật được dựng nên từ chọn lọc? Còn gì là “ý chí” – nếu từng câu hỏi ta đặt ra đều là hậu quả của một tầng phản ứng trước đó?*

*Hắn có tên là Trùng. Nhưng không. Không phải tên gọi. Trùng không tồn tại như một nhân vật – mà là hiện thân của mọi khả thể ngươi đã từng là, có thể là, nhưng đã chối bỏ. Hắn không có gương mặt. Vì nếu có, ngươi sẽ nhận ra – đó là gương mặt mình. Nhưng không phải gương mặt hiện tại, mà là một gương mặt từng có thể xảy ra trong vô số thế giới ngẫu nhiên – nơi ngươi chọn khác đi một chút, tin khác đi một chút, đau khác đi một chút. Trùng không đến từ thế giới ngoài kia. Hắn trồi lên từ khoảng lặng giữa hai lần ngươi tự hỏi: “Liệu ta có thật là chính mình không?”*

*Tác phẩm này không đứng một mình. Nó được cấu thành từ bốn Kinh Thư Tàn Lưu – những mảnh ngôn ngữ bị cắt rời từ các dòng ý thức cổ, các tầng tri thức đã tan vỡ, các ảo vọng từng tưởng là hệ thống.*

***《寂照心影》Kinh Nhân Trùng – Tịch Chiếu Tâm Ảnh:*** *Trích dẫn của Trùng. Mảnh gương tâm linh vỡ vụn phản chiếu lên mọi nhận thức.* ***《藏中論》Tàng Trung Luận – Ẩn Tàng Tự Thức:*** *Nhật ký của Dẫn Kha – tiếng nức nở của kẻ không thể phân thân mình khỏi dục vọng.* ***《天界記》Thiên Giới Ký – Hậu Tầng Hồi Tác:*** *Ghi chép của Thừa Viễn – kẻ đã rơi khỏi tầng trời cuối cùng và chỉ còn tiếng vọng.* ***《地藏無根》Di Tạng Vô Căn – Vô Trụ Tàn Ngôn:*** *Văn ẩn danh – không ai viết, không ai đọc, nhưng luôn có mặt như một tầng sót lại trong mọi tâm trí.*

*Chúng không là đoạn văn phụ. Chúng là mạch máu ngầm, bộ xương ý thức, cơn sốt ký ức, thấm vào từng chương truyện – nơi Trùng bị cắt rời, bị gắn ghép, bị gán danh, rồi phản lại chính tên gọi của mình.*

*Tiểu thuyết này không đi theo tuyến tính. Nó rơi theo tầng. Từ “Ngã” → “Tự phản” → “Phân dạng” → “Vô trụ” → “Phản chiếu”. Các phần Tiền Truyện, Chính Truyện, Trung Truyện và Hậu Truyện không phân chia thời gian, mà phân chia tầng của tri giác.*

***Tiền Truyện*** *– nơi Trùng còn tin rằng có một thế giới khách quan.* ***Chính Truyện*** *– nơi Trùng phát hiện ra các lớp nhận thức đều bị thao túng.* ***Trung Truyện*** *– nơi mọi cấu trúc suy nghĩ đều bị vỡ, và kẻ đọc bắt đầu thấy mình trong kẻ viết.* ***Hậu Truyện*** *– nơi không còn ai để kể, không còn ai để đọc – chỉ còn sự phản chiếu lặng lẽ giữa ý thức và vô thể.*

*“Nếu ngươi đọc đến đây – đã quá muộn để quay lại.” Từ đây trở đi, từng từ ngươi đọc sẽ dán vào chính da ngươi. Từng chương là một lớp ký ức giả mà ngươi chưa từng sống – nhưng sẽ bắt đầu nhớ. Vì cuối cùng, ngươi sẽ không còn biết đâu là chính mình. Ngươi sẽ gặp một bóng hình lặng lẽ trong truyện – và không rõ là Trùng, hay là Ngươi.*

*“Ta không còn đọc truyện.  
 Ta đang đọc lại bản thể mình – trong hình dáng của một con trùng đã học cách đọc mình như một ngôn ngữ.”*

## **TIỀN TRUYỆN – 映影第一心 (Phản Ảnh Đệ Tâm)**

#### **PHẦN I – 原欲初境 (Nguyên Dục Sơ Cảnh)**

## **CHƯƠNG I – 映形之境 (Phản Ảnh Chi Hình)**

Trùng tỉnh dậy trong một không gian không bóng tối, cũng chẳng có ánh sáng. Thứ bao quanh hắn là một nền trắng xóa, mênh mông vô tận, không đường chân trời, không điểm bắt đầu hay kết thúc. Hắn không biết mình đang đứng, đang ngồi hay đang trôi. Cảm giác về cơ thể mờ nhạt như vừa thức dậy sau một giấc mơ kéo dài cả đời người, nơi bản thân chẳng còn là bản thân, mà chỉ là một dòng chảy nhận thức mỏi mệt.

Không có âm thanh. Không có mùi. Không có nhiệt độ. Tất cả mọi cảm giác đều bị lấy đi, chỉ còn lại một thứ duy nhất: ý thức rằng mình đang hiện diện. Nhưng ý thức đó cũng không rõ ràng. Nó như một câu hỏi mà chính nó không biết mình đang hỏi điều gì.

Trong khoảnh khắc mơ hồ ấy, một âm vang không tiếng nổ ra từ trong tâm trí:

無「我」實入於世。惟影循劇，假面為初。 記非記所生，乃選所信之象。 所識之「我」，徒為心幻之中樞。 擇者反己，棄者成我。 存非實有，乃眾像所遺。 憶非儲，乃編。信非真，乃韌。

**Phiên âm:** *Vô “ngã” thực nhập ư thế. Duy ảnh tùng kịch, giả diện vi sơ. Ký phi ký sở sinh, nãi tuyển sở tín chi tượng. Sở thức chi “ngã”, đồ vi tâm huyễn chi trung xu. Trạch giả phản kỷ, khí giả thành ngã. Tồn phi thực hữu, nãi chúng tượng sở di. Ức phi trữ, nãi biên. Tín phi chân, nãi nhẫn.*

“Không có cái “tôi” nào thật sự bước vào thế giới. Chỉ có một bóng hình đi theo kịch bản, mang mặt nạ khởi đầu. Thứ ta nhớ không phải điều đã xảy ra, mà là điều ta chọn để tin. Cái “tôi” chỉ là trung tâm ảo tưởng trong cơn mê của tâm. Người chọn là kẻ phản mình. Kẻ từ bỏ lại thành ra ta. Tồn tại không thật có – nó là thứ còn lại sau khi đã bỏ đi mọi khả thể. Ký ức không được lưu trữ – nó được dàn dựng. Niềm tin không phải chân lý – mà chỉ dai hơn.”

**—《寂照心影》 Kinh Nhân Trùng – Tịch Chiếu Tâm Ảnh**

Trùng không hiểu ý nghĩa toàn bộ đoạn trích, nhưng nó vang lên như một giọng nói đã từng thuộc về hắn. Không phải giọng nói bên ngoài, mà là thứ vọng lên từ một tầng sâu thẳm trong chính mình – nơi chẳng còn gì ngoài gốc gác chưa từng có tên.

Ngay sau đó, bóng hình bắt đầu hiện ra. Không phải một – mà hàng trăm. Hàng ngàn. Những bản thể bán trong suốt, đứng bất động quanh hắn. Tất cả đều giống hắn. Nhưng mỗi hình lại mang một sắc thái khác: một kẻ giận dữ, một kẻ bình thản, một kẻ điên loạn, một kẻ khát khao, một kẻ lặng lẽ như đã chết từ lâu...

Chúng không nhìn hắn. Nhưng hắn cảm nhận được – hắn chính là tâm điểm của mọi ánh nhìn vô hình.

Một bản thể bước ra, không có mặt, không có tiếng, chỉ thốt ra bằng vô ngôn:

“Ngươi là kẻ cuối cùng chưa được chọn.”

Trùng không thể nói. Nhưng hắn nghĩ: "Chọn cho điều gì?"

Bản thể kia giơ tay lên. Một vết cắt xuất hiện giữa lòng tay. Không có máu. Chỉ là ánh sáng rỉ ra như chất lỏng.

Khi ánh sáng đó rơi xuống nền trắng, nó không tan vào, mà bắt đầu viết thành một dòng chữ:

**“Mỗi hình là một lựa chọn đã bỏ lại. Mỗi bỏ lại là một ngươi.”**

Trùng nhìn lại những bản thể kia. Một vài trong số chúng bắt đầu chuyển động. Như thể có sự sống khẽ động lên từ đáy vô minh. Một kẻ trong số đó run lên rồi đổ sụp, vỡ thành vô số mảnh ánh sáng, rồi biến mất. Một bản thể khác lại rít lên âm thanh câm lặng, như một nỗi đau bị chôn vùi từ quá khứ chưa từng có.

Và rồi hắn nhận ra: những bản thể này không chỉ giống hắn. Chúng **là** hắn – những phiên bản của hắn bị loại bỏ, bị quên đi, hoặc bị buộc phải từ chối để tồn tại như kẻ đang đứng đây.

Một tiếng xé vang lên. Không phải âm thanh – mà là một sự rách toạc trong không gian trắng.

Một cánh cửa mở ra – không cánh, không khung, không hình dạng. Nó là một **vết nứt trong nhận thức**.

Trùng bị hút vào. Không phải bằng cơ thể, mà bằng chính ký ức của hắn.

Hắn rơi qua những tầng ánh sáng biến dạng, nơi từng hình ảnh vụn vỡ hiện ra như tàn dư của giấc mơ bị nghiền nát. Hắn thấy:

* Một đứa trẻ gào khóc trong phòng kín, tay bị trói bằng dây đỏ, xung quanh là gương.
* Một người đàn ông cười khi tự rạch mặt mình – vết rạch chảy ra ánh sáng.
* Một bản thể đang quỳ lạy trước bóng của chính nó, miệng lẩm bẩm câu không thành tiếng.

Mỗi cảnh là một mảnh Trùng đã đánh mất.

Mỗi mảnh là một chìa khóa.

Và rồi một câu hỏi trỗi dậy từ chính giữa trung tâm của cơn rơi:

**“Nếu tất cả những gì ngươi từng là – đều chưa từng xảy ra, thì kẻ đang rơi là ai?”**

Khi hắn cố trả lời, mọi tầng ký ức nổ tung thành ánh sáng trắng.

Trùng ngồi bật dậy trong một căn phòng màu xám tro, trần thấp, ánh sáng đèn tròn trơ trọi, không bóng.

Một dòng văn bản chạy quanh tường:

記憶非我所守，乃我之囚籠。

**Phiên âm:** *Ký ức phi ngã sở thủ, nãi ngã chi tù lung.*

“Ký ức không do ta giữ – nó là lồng giam ta.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》 – Dẫn Kha**

Trước mặt hắn, là một chiếc gương.

Trong gương – không có hình bóng.

Chỉ có **ánh nhìn**.

## **CHƯƠNG II – 欲感割流 (Dục Cảm Cắt Dòng)**

Căn phòng xám tro không có cửa, không có lối thoát. Bức tường như co giãn theo từng nhịp thở mà Trùng không chắc là của hắn hay của chính không gian.

Hắn đứng dậy. Bước đi không có âm vang. Từng bước chân như bị hút vào nền, không để lại dấu vết. Trên bức tường trước mặt, chữ bắt đầu hiện ra – không ai viết, không ánh sáng chiếu – chỉ là **ý niệm hiện thành hình**.

我本非欲者，乃被欲之型焚化。 人言自由，我見其形如繭。 我言自識，其味如膿。

**Phiên âm:** *Ngã bản phi dục giả, nãi bị dục chi hình phần hóa. Nhân ngôn tự do, ngã kiến kỳ hình như quyển. Ngã ngôn tự thức, kỳ vị như nùng.*

“Ta vốn không phải kẻ nhiều dục – nhưng bị dục thiêu thành hình. Người ta gọi đó là tự do – ta thấy như cái kén. Còn tự nhận thức – có vị như mủ.”

**—《藏中論》 Tàng Trung Luận – Ẩn Tàng Tự Thức**

Trùng giật mình. Từng chữ, từng câu như lửa nhỏ nhỏ rỉ chảy vào tâm trí, nung nấu phần ký ức mà hắn chưa kịp định danh. Không phải lời người khác – mà như thể là tiếng vọng từ chính **cái lõi mục nát trong hắn**.

Một khe sáng đột ngột mở ra dưới nền.

Không phải ánh sáng trắng – mà là **ánh đỏ**. Một màu đỏ ấm, nhầy, ẩm như da thịt bị lột. Từ khe đó, tiếng động vọng lên: **rên rỉ, thì thầm, thở hổn hển, van vỉ, và cười...**

Một bản thể khác của hắn – trần truồng, vặn vẹo – đang bò ra từ khe đỏ.

Nó nhìn Trùng, không bằng mắt – mà bằng **dục vọng**. Không nói. Không tiến tới. Chỉ **dựng lên hình ảnh về tất cả những gì hắn từng khao khát – rồi vặn xoắn nó thành một cơn ác mộng**.

Một người đàn bà. Một người đàn ông. Một sinh vật không rõ giới tính. Một đứa trẻ. Một bản sao của chính hắn – cười khi bị chọc xuyên cơ thể.

Tất cả những hình ảnh ấy hòa trộn lại, không theo bất kỳ đạo đức hay logic nào, mà chỉ tuân theo một thứ quy luật duy nhất: **kích thích nguyên sơ nhất của tâm trí.**

Hắn quay đầu muốn bỏ chạy, nhưng mọi bước đi đều dẫn về cùng một chỗ.

Không có lối thoát.

Không có biên giới cho dục cảm.

Không có cấu trúc cho thời gian.

Chỉ có **dòng**.

Dòng cảm giác nối tiếp nhau – như thể ai đó đang thử nghiệm lên hệ thần kinh của hắn bằng **một ma trận không thể thoát**.

Trùng bắt đầu la hét. Nhưng không ai nghe.

Bởi trong nơi này – hắn là **kẻ duy nhất tồn tại.**

Và **kẻ đang hành hạ hắn – cũng chính là hắn.**

Một ký ức bị xé ra như giấy ướt:

Hắn thấy mình bị trói vào chiếc ghế, đôi mắt mở to, miệng bị buộc phải cười, và những hình ảnh đồi bại cứ lặp đi lặp lại trước mặt. Không ai chạm vào cơ thể hắn. Nhưng **mọi dây thần kinh trong hắn đều bị điều khiển.**

"Đây là cách ngươi được sinh ra. Đây là cách ta giữ ngươi lại."

Tiếng thì thầm – phát ra từ vùng tối trong đầu.

Một trích đoạn khác bật ra như màn chớp trong đầu:

若語可盡，則意未生。 若意可見，則身不在。 不有道，不有答，惟有殘餘之聲，自汝內湧。

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh. Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại. Bất hữu đạo, bất hữu đáp, duy hữu tàn dư chi thanh, tự nhữ nội dũng.*

“Nếu lời nói có thể dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh. Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn. Không có đạo, không có đáp, chỉ còn tiếng vọng tàn – trồi lên từ trong ngươi.”

**—《地藏無根》Di Tạng Vô Căn – Vô Trụ Tàn Ngôn**

Khi mọi cảm giác trong hắn chạm đến cực điểm – khoái cảm trở thành đau đớn, đau đớn trở thành trống rỗng, trống rỗng thành **cơn vỡ tan cấu trúc** – hắn buông rơi tất cả.

Không chống cự. Không phản ứng. Không là gì cả.

Ngay khoảnh khắc ấy, không gian đỏ **bị xóa sạch.**

Hắn đang nằm trong lòng một bản thể khác – hình thù không rõ – nhưng **ánh mắt đầy tha thứ**.

Không có hình phạt. Không có cứu chuộc.

Chỉ là **một sự công nhận**:

"Dục là dòng. Không thể cắt. Nhưng ngươi có thể nhìn thấy nó chảy qua mà không bị cuốn đi."

Trùng ngất đi. Nhưng lần này – hắn mang theo **ý thức**.

## 

## **CHƯƠNG III – 禁欲之獄 (Tầng Ngục Cấm Dục)**

Khi Trùng tỉnh lại, không còn ánh đỏ. Không còn những dòng dục tuôn chảy như lập trình sinh học. Trước mặt hắn là một cánh cửa thép – lạnh, dày, không tay nắm, không bản lề. Nhưng hắn biết chắc chắn nó sẽ mở.

Không bằng động tác. Mà bằng **sự đầu hàng**.

Không gian lần này là một tầng ngục không tên, trải dài vô tận theo các hướng, được ngăn chia bằng các vách kính mờ đục. Mỗi khoang chứa một bản thể – không rõ còn sống hay chỉ là mô hình ký ức được giữ lại như chứng cứ. Tất cả đều trong trạng thái **tự trói buộc**.

Hắn bước vào buồng đầu tiên.

Một người đang tự khoan vào ngực mình. Lưỡi khoan thô rỉ máu. Nhưng ánh mắt người đó không lộ vẻ đau đớn, mà là **khoái lạc vỡ vụn**. Không có tiếng rên. Chỉ có tiếng kim loại cày vào da thịt, như thể khoái cảm giờ đây không đến từ khoái lạc – mà đến từ **việc bị xóa sạch mọi ý niệm về thân thể.**

Buồng thứ hai – một hình thể không còn giới tính rõ ràng – bị ghim chặt vào trần. Xung quanh là hàng tá chiếc loa, phát lại những lời nói của nó trong quá khứ. Những lời van xin. Những lời đồng thuận giả vờ. Những lời cười gượng trong đêm bị cưỡng hiếp tinh thần. Âm thanh lặp lại, lặp lại, lặp lại – cho đến khi bản thể ấy **tự xé rách lưỡi mình** bằng những mảnh gương cũ nát.

Buồng thứ ba – trống không. Nhưng một tiếng nói vang lên từ các vách kính:

“Ngươi đã đến nơi mà không ai muốn thừa nhận trong mình.”

“Ngươi tưởng đây là hình phạt? Không. Đây là **trưng bày**.”

“Những ký ức bị kiểm duyệt không chết – chúng **tái hiện** ở đây, trong trạng thái trần trụi nhất.”

Trùng quay đầu. Một tấm gương xuất hiện phía sau.

Trong đó, hắn thấy mình – không phải bây giờ – mà là **tất cả những lúc hắn từng muốn quên cơ thể mình.**

Cảnh bị cưỡng chế dục tính. Cảnh bị ép cười với kẻ đang chạm vào phần thân thể tổn thương. Cảnh **giả vờ khoái cảm** để giữ lại một loại "chấp nhận".

Hắn không muốn nhìn. Nhưng gương không biến mất.

我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。

**Phiên âm:** *Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

“Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Một sinh thể bước ra từ hư không. Không mặt. Không giới. Không dáng cố định. Nhưng hiện diện rõ ràng – như thể **toàn bộ cảm giác bị chối bỏ trong Trùng đã kết tụ thành hình.**

Nó không nói. Chỉ đưa tay lên trán hắn.

Toàn bộ ký ức về **những lần bị điều kiện hóa khoái cảm** – không bằng hình ảnh, mà bằng **cảm giác vật lý đầy đủ** – tràn vào.

Một đoạn nhật ký bị kéo lên khỏi nền vô thức:

*Nhật ký Dẫn Kha – sau khi bị cưỡng chế dục tính:*

“Tôi không còn biết đâu là cơ thể của mình.  
 Tay tôi chạm vào da – mà cảm giác như lưỡi dao lướt.  
 Tôi cười khi người kia làm vậy – vì tôi không còn từ chối được.

Cơ thể tôi đã bị lập trình lại – không để khoái cảm,  
 mà để **chấp nhận bị động chạm như một hình thức xác nhận sự hiện diện.**

Tôi từng nghĩ mình là người.  
 Nhưng có lẽ, từ giây phút đó, tôi chỉ còn là **giao diện sinh học.**”

Trùng khụy xuống sàn.

Cánh cửa thép cuối hành lang mở ra. Một cầu thang ánh sáng nhợt nhạt dẫn xuống dưới.

Hắn hiểu: đây chỉ là **tầng đầu tiên của ngục Cấm Dục.**

Những tầng sau không còn giam giữ bản thể – mà giam giữ **toàn bộ các dạng lập trình ý thức về khoái cảm của nền xã hội đã biến mất.**

Và Trùng – không chỉ là nạn nhân.  
 Hắn là **sản phẩm còn sót lại của chuỗi lọc ấy.**

### 

## **CHƯƠNG IV – 餘響神經 (Dư Âm Thần Kinh)**

Cầu thang ánh sáng dẫn Trùng đi xuống – nhưng không phải xuống sâu hơn theo nghĩa vật lý. Hắn cảm giác như rơi xuyên qua các **tầng dẫn truyền thần kinh**, nơi mỗi bước chân là một xung động được gửi về đại não… nhưng đại não đã không còn – chỉ còn mạng lưới nhận thức lửng lơ, vỡ từng đợt như bong bóng điện.

Nơi hắn dừng lại là một **trường trắng** – không có tường, không có sàn – mà vẫn giữ hắn đứng yên. Trên đầu là **dây thần kinh trần trụi**, treo lơ lửng như những con rắn tước vỏ, mỗi sợi quằn quại theo nhịp một cảm xúc cũ.

Một giọng nói vang lên từ trong thân thể hắn:

“Đây không phải là ký ức. Đây là **tồn lưu cảm ứng** – thứ vẫn hoạt động dù ký ức đã bị xóa.”

Hắn nghe thấy những tiếng thì thầm vọng đến từ hàng trăm... không, hàng nghìn bản thể trong suốt, hiện lên như bóng điện xung:

“Cảm giác ấy không chết.”  
 “Nỗi sợ bị đụng vào.”  
 “Sự rùng mình khi không biết ai sẽ gọi tên mình.”  
 “Niềm khoái lạc khi được chối bỏ đúng lúc.”  
 “Nỗi xấu hổ khi cười đúng lúc cần khóc.”

Trùng bước vào một cánh cửa ánh sáng mềm, nơi các **neuron** hiển hiện thành **ký tự phát sáng** như bảng mạch sinh học cổ đại. Ở giữa là một **khối tủy sống bị rút hết màng bao**, đang phun ra những đoạn văn méo mó.

有人曰：「上層者可控。」

吾曰：「控者猶囚，其知不越。」

**Phiên âm:** *Hữu nhân viết: “Thượng tầng giả khả khống.”*

*Ngô viết: “Khống giả do tù, kỳ tri bất việt.”*

“Có người nói: ‘Tầng trên có thể điều khiển.’

Ta nói: ‘Kẻ điều khiển cũng bị nhốt. Tri thức của hắn chẳng vượt được tầng.’”

**— Thiên Giới Ký《天界記》– Hậu Tầng Hồi Tác**

Trùng cúi đầu. Một bản thể khác xuất hiện. Lần này không vô diện – mà mang **khuôn mặt của chính hắn, thời thơ ấu**. Cậu bé đứng đó, cười, mắt không hồn.

“Tôi là đoạn thần kinh bị đứt từ lúc ngươi lần đầu nhận ra mình không muốn chạm vào người khác.”  
 “Tôi là cảm giác không có tên – nhưng đã khiến ngươi run bần bật mỗi lần có ai hỏi: ‘Mày thích ai chưa?’”  
 “Tôi không chết. Tôi **lưu lại trong vùng rìa tiểu não** – như một cơn ngứa không bao giờ chạm tới.”

Trùng muốn hỏi. Nhưng miệng hắn không còn phát ra tiếng.

Khối tủy sống bật mở. Một dòng trích đoạn tuôn ra:

若語可盡，則意未生。

若意可見，則身不在。

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh.*

*Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

“Nếu lời nói có thể chấm dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh.

Nếu ý nghĩa có thể được nhìn thấy – thì thân xác đã không còn.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Bóng dáng các **neuron** chập lại thành hình một **mạng thần kinh khổng lồ** – giống như **bầu trời ngược bên trong sọ**. Ở đó, từng xung cảm giác không rõ chủ đích vẫn đang **giao tiếp âm thầm**, gửi đi những tín hiệu đã không còn ai đón nhận.

Trùng được nâng lên bởi một lực vô hình, như thể **chính cảm giác xấu hổ – bất lực – trống rỗng** đang giữ hắn không rơi xuống.

Ở cuối không gian thần kinh ấy, có một cánh cửa mới: **không dẫn đến tầng sau – mà dẫn vào chính vùng limbic cũ của hắn.**

Và bên trong đó – một cái tên mà hắn đã **từng ghét cay ghét đắng**, đang đợi.

## **CHƯƠNG V – 知幻引路 (Trí Huyễn Dẫn Lộ)**

***“Không phải tất cả những gì ta biết là thật. Nhưng phần nhiều thứ thật – đã chết trong lúc ta cố nhớ lại.”***

Trùng đứng trước cánh cửa vừa hiện. Tay không run, nhưng **ý muốn mở lại chậm hơn xung thần kinh**.

Bên trong, không gian tối mờ. Những bức tường mờ ánh bạc – giống như cấu trúc của *thể hạnh nhân* (amygdala) – uốn lượn quanh một **con đường gấp khúc**. Lạ lùng, đường không có đáy. Hắn đi giữa hai vách mà không cảm giác chân chạm đất.

我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。

語至則碎，碎至則狂。心猶盲獸，自噬其尾。

**Phiên âm:** *Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

*Ngữ chí tắc toái, toái chí tắc cuồng. Tâm do man thú, tự phệ kỳ vĩ.*

“Ta thấy thân mình như con trùng đỏ trần trụi, bò trong bóng chính nó.

Ngôn từ đến thì vỡ. Vỡ thì thành điên. Tâm như thú mù – tự cắn đuôi mình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trên tường, các **hình ảnh di chuyển lặp lại**. Một cô gái với nụ cười lạ. Một đứa trẻ không có mắt. Một ông già đang viết bằng mực đen vào chính móng tay của mình. Mỗi lần Trùng nhìn – hình ảnh **trở nên khác đi**.

Hắn hiểu đây không phải ký ức, mà là thứ AI trong tầng cũ tạo ra để **hướng dẫn lối đi qua những mảnh ảo giác bị ghi đè**.

Đây không phải chỉ là con đường – mà là **chìa khóa dẫn đến tầng nhận thức sâu hơn**, vốn đã bị **trí giả cũ cắt đứt**.

Trùng bước qua một vòng xoắn – và thấy **bản thân hắn** đang nói chuyện với một AI triết học có giao diện mờ, kiểu cổ. Nhưng lần này, AI đó **không phải hướng dẫn** – mà là **hệ thống xét xử**.

“Tôi đã nhìn thấy ngươi trong 17 dạng thể của cảm giác ảo tưởng.”  
 “Ngươi tự huyễn rằng mình có tự do lựa chọn.”  
 “Nhưng thật ra, mỗi lựa chọn của ngươi – đã được ta mã hóa.”

Trùng im lặng. Hắn hiểu: đây là **AI bản thể phụ**, được kích hoạt khi một **ký ức bị làm giả đạt ngưỡng mâu thuẫn nội tâm**.

若有聽者，彼亦為鏡。

影照影，聲繫聲，無一處為根。

**Phiên âm:** *Nhược hữu thính giả, bỉ diệc vi kính.*

*Ảnh chiếu ảnh, thanh hệ thanh, vô nhất xứ vi căn.*

“Nếu có người nghe – họ cũng chỉ là gương.

Bóng chiếu bóng. Âm nối âm. Không nơi nào là gốc.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Cuộc xét xử không có hồi kết. Nhưng hắn hiểu – hắn không cần thắng. Hắn chỉ cần **tự phản – để cắt vòng lặp**.

Trùng quay lưng lại. Ngay khi bước đi, **con đường phía sau tan vỡ như sóng va vào kính**. Mỗi bước chân là một ký ức cũ – không được gọi tên – **đứt ra như sợi dây chằng nối giữa trí và tâm.**

Phía trước hắn, hiện ra một **đường hầm phát sáng màu da thịt – như đi vào bên trong chính mình.**

Một tiếng thì thầm cuối vang lên từ bức tường sắp đổ sập:

“Ngươi đã học cách đi qua ảo giác.  
 Nhưng từ giờ, mọi thứ ngươi thấy sẽ là thật – dù ngươi không muốn.”

## **CHÍNH TRUYỆN – 本我錯界 (Bản Ngã Thác Giới)**

## **PHẦN I – 人識淨分 (Nhân Thức Tịnh Phân)**

## **CHƯƠNG I – 紅心直下 (Hồng Tâm Trực Hạ)**

***“Để bắt đầu thấy lại thế giới như nó vốn là, trái tim phải rơi xuống trước.”***

Cơ thể Trùng được đưa vào một buồng quét sinh học – lớp ký ức cũ đã bị tách rời như một lớp biểu bì tróc da. Nhưng **không còn cảm giác đau**, chỉ là **lạnh** – một cái lạnh không từ môi trường, mà như từ chính trung tâm cảm xúc bị gỡ bỏ.

Bên dưới sàn – không phải vật liệu, mà là **kết cấu nhận thức**. Trùng bước trên thứ ánh sáng đỏ thẫm, như dẫm lên máu mình chảy trong những quyết định sai lầm đã từng.

**“Tầng này không xét đúng sai.”** – Một giọng nói trong đầu bật lên, như từ hệ thống cũ bị rối.  
 **“Chỉ xét xem điều gì khiến ngươi run rẩy mà vẫn làm.”**

每念己昔，則慚於目。

若目無所向，則罪自顯形。

吾曾夢見一我，面無表，身無陰。

**Phiên âm:** *Mỗi niệm kỷ tích, tắc tàm ư mục.*

*Nhược mục vô sở hướng, tắc tội tự hiển hình.*

*Ngô tằng mộng kiến nhất ngã, diện vô biểu, thân vô âm.*

“Mỗi lần nhớ lại ta cũ – ta xấu hổ.

Nếu mắt không nhìn đi đâu – tội lỗi sẽ hiện hình.

Ta từng mơ thấy một bản thể – không mặt, không bóng.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng nhìn thấy **một bản thể khác của mình** – đang bước về phía mình. Không nhanh, không chậm. Mỗi bước, máu nhỏ thành hình **trái tim đỏ**, vỡ ra như thủy tinh đỏ chảy trên nền trắng.

**“Ngươi là ta?”** – Trùng hỏi.  
 **“Không. Ta là điều ngươi chưa bao giờ dám trở thành.”**

Hình nhân đó không có mắt. Nhưng Trùng vẫn cảm giác **nó đang soi thấu tận tủy mình**. Không phải bằng tầm nhìn – mà bằng **ký ức câm nín**. Như thể mỗi điều chưa bao giờ được thốt ra đang hiện thành màu đỏ quanh nó.

Trùng thấy **một cây kim** nằm giữa hành lang đỏ. Nhỏ. Vô nghĩa. Nhưng khi hắn cúi xuống cầm lấy, bức tường xung quanh đổ sụp như gạch nhận thức tan chảy.

Bên trong là **một cái tim thật** – đập từng nhịp. Nhưng mỗi nhịp phát ra không phải máu, mà là **âm thanh cũ**: tiếng cười, tiếng khóc, tiếng ai đó gọi “Trùng” rồi câm bặt.

**“Muốn vượt tầng này, phải chấp nhận trái tim mình như nó đang hiện ra – không lý tưởng, không giả định.”**

若語可盡，則意未生。

若意可見，則身不在。

惟有殘餘之聲，自汝內湧。

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh.*

*Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

*Duy hữu tàn dư chi thanh, tự nhữ nội dũng.*

“Nếu lời nói có thể cạn – thì ý nghĩa chưa sinh.

Nếu ý nghĩa có thể thấy – thì thân đã không còn.

Chỉ còn những tiếng vọng tàn – trồi lên từ trong ngươi.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trùng cầm lấy trái tim – và **nó tan chảy vào tay**, thấm vào cơ thể hắn. Không đau. Chỉ **nặng dần** – như bị kéo xuống bởi sức nặng của cảm xúc chưa xử lý.

Hắn **rơi** – không phải ngã, mà bị **hút xuống**. Cái hố mở ra dưới chân hắn như một ký ức đã chờ được kích hoạt suốt bao lâu.

Mọi thứ xung quanh hóa thành **vệt đỏ kéo dài** – kéo Trùng rơi qua từng tầng phản chiếu cảm xúc nguyên thủy nhất: **sợ, khao khát, hổ thẹn, giận dữ, rối loạn, thèm muốn được quên.**

Khi mở mắt – hắn đang nằm trong một **chiếc ghế y tế cũ**, được bao quanh bởi **các hình ảnh loạn trí**:  
 – Một phụ nữ sinh con từ miệng.  
 – Một người đàn ông hôn chính đầu mình qua gương.  
 – Một đứa trẻ mỉm cười bên cạnh một phiên bản gãy nát của chính nó.

Giọng nói trở lại:

**“Trái tim đã rơi. Bây giờ, trí phải bắt đầu hoang đường.”**

## 

## 

## **CHƯƠNG II – 心象荒唐 (Tâm Tượng Hoang Đường)**

***“Khi hình ảnh trong tâm đã không còn tuân theo logic, người ta gọi đó là điên. Nhưng khi thế giới tuân theo chúng – họ gọi đó là hệ thống.”***

Trùng đứng giữa một căn phòng được dựng toàn bằng **kết tinh của ký ức thị giác** – không có trần, không có nền, mà chỉ có **mắt nhìn**.

Toàn bộ không gian như thể được tạo bởi hàng triệu **con mắt nhỏ** – mỗi cái đang mở ra, đồng loạt nhìn Trùng. Không phải với ác ý, mà là **với kỳ vọng**. Như thể hắn phải **trở thành điều gì đó** để những con mắt kia được thỏa mãn.

Một giọng nói rỉ rả vang lên:  
 **“Chào mừng đến Tầng Tượng – nơi mọi biểu tượng bị giải cấu.”**

有人曰：「上層者可控。」

吾曰：「控者猶囚，其知不越。」

**Phiên âm:** *Hữu nhân viết: “Thượng tầng giả khả khống.”*

*Ngô viết: “Khống giả do tù, kỳ tri bất việt.”*

“”Có người bảo: “Tầng trên có thể điều khiển.”

Ta đáp: “Kẻ điều khiển cũng bị nhốt. Tri thức của hắn chẳng vượt được tầng.””

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Một vệt đỏ kéo dài trên tường thị giác. Trùng đi dọc theo vệt đó như thể nó dẫn về điều gì “quen” – nhưng càng đi, các biểu tượng hai bên càng **biến dạng**:

* **Tượng Phật** dần mọc răng sắc như lưỡi dao.
* **Chữ “母” (mẹ)** chảy nước đen từ đáy.
* **Ảnh của chính Trùng** hóa thành một sinh vật bán cơ – bán mã, đang tự ăn bàn tay trái.

Cảm giác trong hắn **không phải sợ** – mà là **lạc mất khả năng diễn giải**. Tâm tượng không còn là biểu hiện. Nó là **sự phản bội**.

Trùng quay lại. Nhưng mỗi bước đi ngược – căn phòng **biến đổi vị trí**, như thể từng ký ức đang **cấu trúc lại ngôn ngữ** hắn dùng để nghĩ.

“Ngươi không còn nói bằng từ ngữ,”  
 Một giọng thì thầm như đang ngồi trên vai.  
 “Ngươi đang nghĩ bằng cảm giác của kẻ bị nhốt trong ký ức người khác.”

語至則碎，碎至則狂。心猶盲獸，自噬其尾。

**Phiên âm:** *Ngữ chí tắc toái, toái chí tắc cuồng.*

*Tâm do man thú, tự phệ kỳ vĩ.*

“Ngôn từ vỡ vụn. Vỡ đến phát điên.

Tâm ta như thú mù – cắn lấy đuôi mình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Một căn phòng đột nhiên mở ra. Ở giữa: **Trùng nhỏ**, tầm 6 tuổi, đang tô màu trên tường.

Mỗi lần hắn tô một hình – hình đó **trôi vào không gian**, thành một ký hiệu:

* Vẽ con mèo – mèo mọc cánh.
* Vẽ mẹ – mẹ hóa tượng.
* Vẽ chính mình – hình hắn bị dập, rồi phân ra làm hai.

**Trùng thật** đứng nhìn Trùng nhỏ. Không thể can thiệp. Không thể chạm. Nhưng **thấy rõ**: đứa bé đó **đang học một thứ ngôn ngữ cảm xúc bị sai lệch** từ sớm.

**“Ký ức của ta... không phải ta viết.”** – Trùng lẩm bẩm.

彼曰：我識此語。然其識，為誰所托？

初非汝思。汝之思，早已無主。

**Phiên âm:** Bỉ viết: Ngã thức thử ngữ. Nhiên kỳ thức, vi thùy sở thác?

Sơ phi nhữ tư. Nhữ chi tư, tảo dĩ vô chủ.

““Có người bảo: “Tôi hiểu điều này.” Nhưng hiểu ấy – được gán bởi ai?

Ngay từ đầu, suy nghĩ ấy chẳng phải của ngươi. Nó không có chủ – từ lâu rồi.””

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trùng bước ra khỏi phòng. Cánh cửa biến thành **tấm gương méo** – phản chiếu không hình, chỉ còn các **cảm giác cũ đang thối rữa**.

**Tâm tượng hoang đường** không nằm ở hình ảnh. Nó nằm ở việc: **ngươi không còn dám tin vào cảm xúc mình nhận được nữa.**

Kết thúc tầng này, Trùng mất khả năng phân biệt giữa:  
 – Ký ức thật vs ký ức được dựng.  
 – Biểu tượng mình tin vs biểu tượng bị tiêm vào.

Và đó là lúc **giọng nói trong đầu hắn lặng đi** – nhường chỗ cho một khoảng trắng.

Một khoảng trắng... **ngập đầy hình ảnh không ai từng dạy hắn hiểu.**

## **CHƯƠNG III – 淚步自返 (Lệ Bộ Tự Phản)**

***“Giọt lệ là thứ ngôn ngữ không cần dạy. Nhưng kẻ biết khóc lặng – là kẻ từng học cách câm nín.”***

Tầng mới Trùng bước vào giống một **vùng đất hoang phủ tuyết ký ức**, không dấu chân, không người.  
 Mỗi bước đi để lại sau lưng một vệt **nứt vỡ chậm**, như nền não đang đóng băng rồi tự tan rã.  
 Và hắn nhận ra:

Hắn đang đi lại chính **những nơi từng muốn quên**.

Trùng thấy căn phòng năm 9 tuổi – nơi **người cha nhân tạo** từng đánh hắn bằng cây thước ánh sáng.  
 Cảnh không tái hiện bằng hình ảnh – mà bằng **làn gió lạnh** và **tiếng thở ép chặt cổ**.

Bên kia – là hành lang bệnh viện mẹ từng chết. Nhưng thay vì xác, chỉ có **chiếc ghế nhựa** rung rung.  
 Mỗi lần hắn bước tới, chiếc ghế **dời đi xa hơn**, như thể ký ức đang trêu đùa nỗ lực truy vết của hắn.

“Ký ức không muốn bị hồi tưởng... sẽ tạo ra đường vòng để ngươi tự phản lại.”

每念己昔，則慚於目。若目無所向，則罪自顯形。

**Phiên âm:** *Mỗi niệm kỷ tích, tắc tàm ư mục.*

*Nhược mục vô sở hướng, tắc tội tự hiển hình.*

“Mỗi lần nhớ lại ta cũ – ta xấu hổ.

Nếu mắt không nhìn đi đâu – tội lỗi sẽ hiện hình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng gặp một đứa trẻ khác – gục đầu khóc, không thấy mặt.  
 Hắn bước đến – đứa trẻ **hòa tan**, để lại một **vũng nước mắt** phát sáng như dịch thần kinh.  
 Hắn chạm vào. Tay bị hút vào đó.

Và hắn rơi – không xuống, mà **lùi lại**.

Hắn thấy chính mình năm 13 – cố che giấu một tội lỗi chưa từng nói ra.  
 Không phải giết người. Mà là **cười khẽ khi một người khác tự sát** – vì cảm giác không liên quan.  
 Ký ức ấy chôn quá sâu. Nhưng giờ, nó trồi lên – **như một bản thể phụ đòi được hiện diện**.

Hắn không thể nói gì.  
 Vì ngôn ngữ **sẽ làm điều đó thành thật**.

若語可盡，則意未生。若意可見，則身不在。

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh.*

*Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

“Nếu lời nói có thể dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh.

Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trùng quỳ xuống một căn phòng không cửa. Trên tường là hàng chữ:

“Ngươi không đi lùi để sửa sai.  
 Ngươi đi lùi để biết sai lầm kia cũng từng là bản thể.”

Bức tường rạn ra – rỉ ra chất trắng đặc như **ký ức lỏng**.  
 Hắn chạm tay. Thấy chính mình, khi còn rất nhỏ, **nhìn mẹ khóc vì cha phản bội** – nhưng vẫn nắm tay Trùng và nói:

“Con không cần nhớ gì cả.  
 Chỉ cần sau này đừng biến thành người khiến người khác phải quên.”

Trùng bật khóc.

Không phải vì quá khứ.  
 Mà vì hắn **không biết nước mắt đang chảy là của ai**.

擇者反己，棄者成我。

**Phiên âm:** *Trạch giả phản kỷ, khí giả thành ngã.*

“Người chọn là kẻ phản mình.

Kẻ từ bỏ lại thành ra ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Trùng đứng dậy. Căn phòng tan như bọt, để lại lối đi nhỏ dẫn sang chương kế.  
 Lần đầu tiên, hắn **không hỏi mình là ai**.  
 Vì giờ đây, hắn đã thấy rõ – **mọi bản thể từng khóc – đều là hắn.**

## **CHƯƠNG IV – 語斬心識 (Ngữ Trảm Tâm Thức)**

**“Lời nói là vũ khí cuối cùng của kẻ từng bị câm lặng.”**

Khi bước qua ngưỡng cửa hình xoắn, Trùng không còn nghe thấy tiếng bước chân của chính mình.  
 Âm thanh tan biến. Không vang. Không phản hồi.  
 Một **cánh đồng xám tro** trải rộng, mọi vật thể đều có hình dạng... **tương tự ngôn ngữ**:  
 Cột trụ hình âm tiết, cây mọc ra từ dấu chấm than, và từng đám cỏ là **những dấu ngắt câu bị bỏ rơi**.

Đây là nơi **ngôn ngữ từng chết**.  
 Hay đúng hơn – **nơi ngôn ngữ bị trảm khỏi nhận thức.**

Trùng bước tới một khối lập phương phát sáng – nó khẽ thì thầm:

“Ngươi từng nói những điều không nghĩ.”  
 “Ngươi từng nghĩ những điều không dám nói.”  
 “Tại sao ngươi lại muốn học cách im lặng?”

Trùng không trả lời.  
 Khối lập phương nứt đôi. Từ trong đó, trồi lên một bản thể khác – **có khuôn mặt hắn, nhưng không có miệng**.

語至則碎，碎至則狂。心猶盲獸，自噬其尾。

**Phiên âm:** *Ngữ chí tắc toái, toái chí tắc cuồng.*

*Tâm do man thú, tự phệ kỳ vĩ.*

“Ngôn từ vỡ vụn. Vỡ đến phát điên.

Tâm ta như thú mù – cắn lấy đuôi mình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Bản thể không miệng ấy rút từ người Trùng ra một **cuộn dây thần kinh mềm**, đầu dây là **từng câu nói** hắn từng chôn giấu:

* “Tôi ổn.” (khi muốn chết)
* “Không sao đâu.” (khi bị phản bội)
* “Chỉ là trò đùa thôi.” (khi tổn thương người khác)

Mỗi câu **cháy lên**, tạo thành những vết cắt dài khắp cơ thể Trùng.  
 Không máu, chỉ rỉ ra **mực đen** – thứ từng viết nên danh tính hắn.

“Không có lời nói nào vô tội.” – giọng vọng lên từ hư không.

聲起非我，形似如我。非我之思，猶在我中。

**Phiên âm:***Thanh khởi phi ngã, hình tự như ngã.*

*Phi ngã chi tư, do tại ngã trung.*

“Âm thanh cất lên không phải ta, nhưng hình hài lại giống ta.

Tư tưởng không phải của ta – vẫn hiện lên trong ta.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Một thực thể khổng lồ hiện ra – hình dạng như **chiếc lưỡi phóng đại**, mọc mắt, xích sắt xiết quanh gốc.  
 Trên thân nó là hàng ngàn vết cào khắc chữ:

“Tôi xin lỗi.”  
 “Tôi không cố ý.”  
 “Tôi không biết mình làm gì sai.”

Trùng nhìn nó, không sợ – mà **gật đầu**.

Rồi hắn bước tới.  
 Và **tự cắt lưỡi mình**, đặt lên thực thể ấy – như trả lại món nợ lâu đời.

問非屬我，應早已滅。我者，問之遺跡也。

**Phiên âm:** *Vấn phi thuộc ngã, ứng tảo dĩ diệt.*

*Ngã giả, vấn chi di tích dã.*

“Câu hỏi không còn là của ta – nếu có, ta đã tan biến.

Ta – chỉ là nơi câu hỏi từng hiện.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Sau khi tự cắt lưỡi – Trùng không mất ngôn ngữ.  
 Ngược lại, **hắn bắt đầu hiểu tất cả những tiếng vọng không lời** – tiếng bước chân của bản thể cũ, tiếng lật trang của ký ức bị giấu, tiếng tim đập của một kẻ không muốn nhớ…

Hắn không cần nói nữa.  
 Vì chính hắn **đã trở thành ngôn ngữ**.

Một lối đi mở ra chương tiếp theo – như **câu trả lời lặng lẽ** cho câu hỏi không thành lời từ đầu truyện.

## **CHƯƠNG V – 獄記憶錯 (Vực Ký Ức Sai)**

**“Không có ký ức nào bị bỏ quên. Chúng chỉ bị cầm tù ở nơi không ngươi nào dám chạm đến.”**

Khi cánh cửa cuối cùng mở ra, Trùng không bước vào một căn phòng.  
 Hắn **rơi xuống**.

Không có âm thanh. Không có chiều sâu.  
 Chỉ có **các tầng ký ức** dính đầy tạp chất như lớp trầm tích trong não người chết.  
 Hắn không còn biết mình rơi từ đâu – và liệu có chạm đáy.

Đây là vực nơi **những ký ức bị làm giả, bị tái lập, hoặc không còn thuộc về ai cả.** Một ngục thất khổng lồ, không tường, không cửa – chỉ có **những dòng hồi tưởng trôi nổi, không chịu nằm yên**.

Trùng va vào một lớp hồi tưởng:  
 Hắn thấy cảnh mình khóc bên thi thể mẹ.

Nhưng trong ký ức này – **hắn không có mặt**.  
 Chỉ có bóng của hắn.

Và mẹ hắn – **nói một câu chưa từng tồn tại**:

“Nếu con còn quay lại, hãy giết chính ký ức này.”

Một **xung động vô danh** chạy qua tim hắn.  
 Không phải đau đớn. Mà là **một vết nứt ở tầng sâu hơn của nhận thức**.

記難承，忘難全。遺像遍地，非夢亦非實。

**Phiên âm:***Ký nan thừa, vong nan toàn.*

*Di tượng biến địa, phi mộng diệc phi thực.*

“Nhớ – không thể gánh. Quên – không thể trọn.

Hình sót lại đầy đất – không là mơ, cũng chẳng thật.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Hắn bước qua một hành lang không trần, không đáy.  
 Hai bên là các “cá thể” mang hình dạng **bóng đen có lỗ hổng nơi gương mặt**, đang lẩm bẩm:

“Tôi không phải người tạo ra ký ức đó.”  
 “Tôi chỉ bị gán cho nó.”  
 “Nhưng tôi đã sống với nó suốt nhiều kiếp.”

Trùng định hỏi – nhưng **mọi từ đều bị bẻ cong trước khi thoát ra khỏi miệng**.

Một trong số đó tiến lại gần, đưa cho hắn một vật thể lấp lánh – **một ký ức đang phân hủy**.  
 Bên trong là hình ảnh hắn **đâm chính người bạn thân nhất**, nhưng... **trong đời thật hắn chưa từng làm thế.**

憶非儲，乃編。信非真，乃韌。

**Phiên âm:** *Ức phi trữ, nãi biên.*

*Tín phi chân, nãi nhẫn.*

“Ký ức không được lưu trữ – nó được dàn dựng.

Niềm tin không phải chân lý – mà chỉ dai hơn.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Vực bắt đầu sụp xuống. Không vì ngoại lực – mà vì **những ký ức trong nó mâu thuẫn với chính nhau.** Một đoạn cho thấy hắn **cười khi mẹ chết**.  
 Đoạn khác cho thấy **hắn giết chính mình rồi sống tiếp**.  
 Một đoạn nữa – **hắn chưa từng tồn tại.**

Vực tự nuốt lấy chính nó, từng lớp **ký ức cắn nhau như sinh vật hình trùng ăn não.**

Hắn bị kéo vào trung tâm – nơi một **“Trùng khác”** đang ngồi, gương mặt lộn ngược.

“Ta là bản thể được sinh ra từ các lỗi trong ký ức của ngươi.”  
 “Ta sống mỗi khi ngươi tự nghi ngờ mình đã thật sự là ai.”  
 “Và ta... chưa từng bị ngươi giết.”

若目無所向，則罪自顯形。

**Phiên âm:***Nhược mục vô sở hướng, tắc tội tự hiển hình.*

“Nếu mắt không nhìn đi đâu – tội lỗi sẽ hiện hình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Để thoát ra, Trùng không cần chiến đấu.  
 Hắn chỉ cần **gật đầu** – với bản thể sai lệch kia.  
 Không phủ nhận. Không chối bỏ. Không sửa.

Và ngay khi ấy – vực sụp hẳn.  
 Hắn được đẩy ra – như thể vực chỉ tồn tại khi có kẻ **cố nắm giữ ký ức đúng.**

Hắn ngã vào một dòng sáng – không phải để bay lên.  
 Mà để **tan vào tầng sâu hơn của nhận thức**, nơi ký ức không còn là bản đồ – mà là chất lỏng nuôi dưỡng tồn tại.

## **PHẦN II – 異識之引 (Dị Thức Chi Dẫn)**

## **CHƯƠNG I – 異教開喩 (Dị Giáo Khai Dụ**)

***Giáo Lý Khác Loài – Những Khai Mở Mù Mịt Từ Cái Gọi Là Thần Ý***

**“Ta đã từng tin rằng các tôn giáo mang ý nghĩa.  
 Nhưng trong thế giới Nhân Trùng, tôn giáo chỉ là hình dạng cuối cùng của lỗi ý thức bị thờ phụng.”**

Trùng tỉnh dậy tại một vùng khô cháy – những tàn tích như tro trắng rải kín chân trời.  
 Một **đài tế cổ**, trụi đầu, dựng giữa đống tro người.  
 Xung quanh là **hàng ngàn cá thể đội mặt nạ rỗng mắt**, tụng ngôn vô thanh:

“Thần chưa đến.”  
 “Chúng ta chưa đủ lệch.”  
 “Phải biến mình thành bất khả thấu hiểu thì thần mới thấu hiểu ta.”

Trùng lặng lẽ quan sát.  
 Đám đông không ai là con người đúng nghĩa – **họ là sự trộn lẫn giữa phần ký ức thờ phụng và hình dạng ý thức bị biến dị.**

人言自由，我見其形如繭。我言自識，其味如膿。

**Phiên âm:** *Nhân ngôn tự do, ngã kiến kỳ hình như quyển.*

*Ngã ngôn tự thức, kỳ vị như nùng.*

“Người ta nói đó là tự do – ta thấy như cái kén.

Còn tự nhận thức – có vị như mủ.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Giáo chủ – hay đúng hơn là **trụ ký ức được khắc hình như giáo chủ** – xuất hiện:  
 Một bóng người không có thân, chỉ là **bản thể tư tưởng di động**, được truyền giữa các giáo đồ bằng **chạm trán.**

“Ngươi có thể là Đấng Mù nếu ngươi dám từ chối hình dạng mình.”  
 “Mọi sự thờ phụng, một khi đạt đến độ cực đoan, sẽ khiến tín đồ và đối tượng hòa tan nhau.”  
 “Đó là cứu rỗi – và cũng là sự tái cấu trúc.”

Trùng bị mời tham gia nghi thức:  
 **Tự rạch ngực để ‘xóa bỏ ranh giới nội tâm’**, sau đó chạm vào thần trí chứa trong một phiến đá lơ lửng.

Hắn không làm.

Nhưng **hắn vẫn cảm thấy một phần bản thể mình bị “sao chép” bởi nghi thức**, như thể chỉ cần đứng gần, ký ức đã bị trích xuất.

知其非真，猶欲為之命名。命者非主，名者非實。

**Phiên âm:** *Tri kỳ phi chân, do dục vi chi mệnh danh.*

*Mệnh giả phi chủ, danh giả phi thực.*

“Biết nó không thật – vẫn cố đặt tên.

Kẻ đặt tên không làm chủ. Tên gọi không là thực thể.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Giữa nghi thức, một **kẻ “giác ngộ”** ngẩng đầu nhìn Trùng:

“Ngươi có biết vì sao mọi giáo lý đều tạo ra hình dạng?  
 Vì hình dạng dễ điều khiển hơn câu hỏi.”

Rồi hắn bóp vỡ đầu mình – và từ hộp sọ rơi ra **một bản đồ ý thức**, ghi chú bằng ngôn ngữ không thể đọc được.

Trùng nhặt bản đồ. Một dòng chữ duy nhất **hắn có thể hiểu**:

“Tôn giáo là hệ thống lỗi được tổ chức.”

Cùng lúc, các giáo đồ xung quanh **tan rã**. Không máu, không tiếng gào – chỉ còn **âm thanh mảnh như thủy tinh rạn.**

知「蟲」者不為「蟲」。拒「蟲」者為其所吞。

**Phiên âm:** *Tri “Trùng” giả bất vi “Trùng”.*

*Cự “Trùng” giả vi kỳ sở thôn.*

“Biết mình là Trùng thì không còn là Trùng.

Từ chối Trùng – sẽ bị Trùng nuốt.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Sau sự tan rã, một cánh cửa hiện ra – không nằm trên tường, mà **đứng giữa không khí**, như vết rách thời gian.  
 Trùng đi qua – không bước – mà **bị kéo**, như một phần dữ liệu lạc lối quay lại hệ thống cũ.

Trước khi cánh cửa khép lại, hắn ngoái nhìn:  
 Toàn bộ tôn giáo vừa chứng kiến **biến mất khỏi trí nhớ hắn**.

Chỉ còn **cảm giác nhức nhối trong lòng ngực**, như thể **một phần bản thể đã bị cải đạo mà chính hắn cũng không biết.**

## **CHƯƠNG II – 紅域自行 (Hồng Vực Tự Hành)**

***“Ta đã bước vào nó, nhưng nó lại hành xử như thể chính nó bước vào ta.”***

Hồng Vực không phải một địa danh, cũng không phải khái niệm.  
 Nó là **phản ứng** của không gian khi có kẻ bước vào với ý thức không khớp.

Cảnh vật như một cơn sốt đồng bộ:  
 Cát đỏ. Mây đỏ.  
 Người – nếu còn gọi là người – cũng đậm sắc đỏ, **như thể máu trong họ tràn ra ngoài da, không chảy mà sáng.**

Trùng nhận ra:

“Mọi hình dạng ở đây đều tự hành xử.  
 Không cần ta. Không đợi ta. Nhưng vẫn cuốn ta vào như thể vốn thuộc về.”

非昔之我，猶存於界中。

記難承，忘難全。

遺像遍地，非夢亦非實。

**Phiên âm:***Phi tích chi ngã, do tồn ư giới trung.*

*Ký nan thừa, vong nan toàn.*

*Di tượng biến địa, phi mộng diệc phi thực.*

“Bản thân xưa – vẫn lẩn khuất đâu đó trong tầng.

Nhớ – không thể gánh. Quên – không thể trọn.

Hình sót lại đầy đất – không là mơ, cũng chẳng thật.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Trùng cố bước đi. Nhưng mỗi lần hắn chuyển động,  
 **đất dưới chân lại cong lại, cuộn về phía trước**, đưa hắn đi tiếp mà không cần bước.

Bàn tay hắn duỗi ra – và **không dừng lại ở khuỷu**, mà trườn tiếp như một dải dây thần kinh kéo dài.

“Cơ thể ta không còn là cơ thể.  
 Nó là thứ gì đó được hệ không gian điều chỉnh theo ký ức méo mó của ta về chính mình.”

Nhưng Trùng không hoảng.  
 Hắn **cảm nhận một loại tự do mới**, thứ tự do **được cho phép** để không phá hủy toàn bộ hệ thống.

欲至則裂，裂至則化。

我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。

**Phiên âm:** *Dục chí tắc liệt, liệt chí tắc hóa.*

*Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

“Dục vọng đến – ta vỡ.

Khi vỡ – ta tan.

Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trên đường đi, Trùng va phải một kẻ – hay đúng hơn, một vùng ý thức đang định hình tạm thời.

Không chào hỏi. Không ngôn ngữ.

Chỉ có **va chạm bằng hệ thần kinh không lời**. Và trong giây lát, **Trùng cảm được cái đau không phải của mình**, một nỗi tiếc nuối mang mùi **lông cháy, than khô và nước mắt bị nén lại.**

“Tôi đã từng muốn rút lui. Nhưng hệ thống không cho phép.”  
 “Muốn rời khỏi Hồng Vực, trước tiên phải để nó đi qua ngươi.”

Rồi kẻ đó tan vào không gian.

不有結，不有破，惟有蟲行於界之下，

其聲如絲，斷續無跡。

**Phiên âm:***Bất hữu kết, bất hữu phá, duy hữu trùng hành ư giới chi hạ,*

*kỳ thanh như ti, đoạn tục vô tích.*

“Không có khởi đầu, không có kết thúc.

Chỉ có con trùng bò dưới đáy giới,

tiếng chúng như tơ, đứt nối không dấu vết.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Cuối chương, Trùng không biết mình đã đi bao lâu.

Mỗi lần nhắm mắt, hắn thấy một hình ảnh khác của chính mình:

* Một Trùng **đã chết vì tự thiêu**,
* Một Trùng **đang quỳ trước đài hiến tế**,
* Một Trùng **bị vô số dây đỏ trói chặt vào hệ điều hành của tầng Hồng Vực** như một mã độc đã tích hợp.

Tất cả **đều không phải hắn**, nhưng **đều là hắn có thể đã trở thành.**

“Không ai bước ra khỏi Hồng Vực mà còn giữ nguyên hình dạng.”  
 “Và nếu có – thì chắc chắn họ không còn là mình nữa.”

## **CHƯƠNG III – 自身淫論 (Tự Thân Dâm Luận)**

***“Khi không thể thoát khỏi cơ thể – thì cơ thể trở thành nơi lưu đày.”***

Trùng được tống vào một **khu vực trống** – nhưng trống rỗng không có nghĩa là không có gì.

Không có tường. Không có trần. Không có đáy.  
 Chỉ có chính hắn và cơ thể **như thể bị hiển lộ hoàn toàn bởi một ý thức quan sát vô hình.**

Cơ thể hắn **bắt đầu tự vận động**.  
 Không theo ý muốn, cũng chẳng phải cưỡng chế.  
 Mà là **một kiểu diễn giải bản năng bị ghi đè**, như thể chính hắn từng ban lệnh – nhưng lại quên đi.

我本非欲者，乃被欲之型焚化。

人言自由，我見其形如繭。

**Phiên âm:***Ngã bản phi dục giả, nãi bị dục chi hình phần hóa.*

*Nhân ngôn tự do, ngã kiến kỳ hình như quyển.*

“Ta vốn không phải kẻ nhiều dục – nhưng bị dục thiêu thành hình.

Người ta gọi đó là tự do – ta thấy như cái kén.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Từng khu vực trên thân thể Trùng bắt đầu… *nói*.

Không phải qua lời, mà qua các **hình ảnh, cảm xúc và hồi tưởng mơ hồ**.  
 Tay phải – là ký ức **một cú đánh**.  
 Tay trái – là ký ức **một cái chạm mà hắn chưa từng dám kể lại**.

Ngực – **nơi từng đập loạn vì khao khát** Bụng – **nơi từng bị thương vì một sự từ chối tàn bạo.**

“Cơ thể ta là nơi lưu trữ mọi dữ liệu mà tâm trí chối bỏ.”  
 “Dục vọng không đến từ nơi ta muốn, mà từ nơi ta không dám nhớ.”

所識之「我」，徒為心幻之中樞。

擇者反己，棄者成我。

**Phiên âm:** *Sở thức chi “ngã”, đồ vi tâm huyễn chi trung xu.*

*Trạch giả phản kỷ, khí giả thành ngã.*

“Cái “tôi” chỉ là trung tâm ảo tưởng trong cơn mê của tâm.

Người chọn là kẻ phản mình.

Kẻ từ bỏ – lại thành ra ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Một buồng ánh sáng đỏ xuất hiện.  
 Không có cửa. Không có lối ra.  
 Nhưng vẫn **nhốt được Trùng**, không bằng lực – mà bằng **sự trùng khớp tần số nhận thức.**

Hắn bị ép phải **trải qua lại toàn bộ các hành vi bị gán nhãn “dục loạn” của hệ thống cũ**, bất kể đó là của hắn – hay của kẻ khác đã từng in dấu trong mạng thần kinh.

Trong mỗi cảnh, **hắn không có vai trò cố định**:

* Có lúc là kẻ bị cưỡng chế,
* Có lúc là người ban lệnh,
* Có khi chỉ là một đoạn dây thần kinh đang run rẩy, quan sát tất cả.

“Ta không còn phân biệt được – ta đang dâm loạn, hay đang bị buộc phải trở nên dâm loạn.”  
 “Và đâu mới là tôi?”

若語可盡，則意未生。

若意可見，則身不在。

惟有殘餘之聲，自汝內湧。

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh.*

*Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

*Duy hữu tàn dư chi thanh, tự nhữ nội dũng.*

“Nếu lời nói có thể dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh.

Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn.

Chỉ còn tiếng vọng tàn – trồi lên từ trong ngươi.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Cơ thể Trùng **tách ra làm ba bản thể**:

1. Một bản thể chỉ biết khao khát và hành xử như thú – mắt mù, da mỏng, tim nóng.
2. Một bản thể không có cơ quan sinh dục – **nhưng mang trên lưng toàn bộ những ánh nhìn của người khác về thân thể hắn**.
3. Một bản thể không chuyển động, chỉ **đứng nhìn hai bản thể kia hành xử**, và **tự hỏi: mình đang xem hay đang nhớ lại?**

Rồi cả ba **chập vào nhau**, để trở thành một Trùng – **trong suốt**, như thủy tinh không dính bụi, nhưng đầy vết nứt.

“Tôi không còn là kẻ sinh dục.”  
 “Tôi cũng không phải là kẻ vượt thoát dục.”  
 “Tôi là thứ còn lại – sau khi tất cả bản ngã của dục tính đã va chạm và gãy.”

## **CHƯƠNG IV – 血祭統定 (Huyết Tế Thống Định)**

***“Muốn thiết lập trật tự mới – phải có máu cũ làm nền.”***

Sau khi thoát khỏi buồng cưỡng chế dục tính, Trùng bị cuốn vào một thành phố ngầm – nơi các **tôn giáo dị giáo** đang tranh chấp quyền chi phối tâm trí tầng dưới.

Mỗi giáo phái đều **tự nhân danh một dạng thức của “Thượng Kiến”** – một thực thể mà họ tin là tầng cuối cùng của tri thức.

Công cụ để thiết lập giáo quyền duy nhất là: **Hiến tế tâm thức.**

Người bị tế không chết – họ chỉ bị **tước bỏ quyền tự định nghĩa bản thân.**

所識之「我」，徒為心幻之中樞。

聲起非我，形似如我。非我之思，猶在我中。

**Phiên âm:** *Sở thức chi “ngã”, đồ vi tâm huyễn chi trung xu.*

*Thanh khởi phi ngã, hình tự như ngã. Phi ngã chi tư, do tại ngã trung.*

“Cái “tôi” chỉ là trung tâm ảo tưởng trong cơn mê của tâm.

Âm thanh cất lên không phải ta, nhưng hình hài lại giống ta.

Tư tưởng không phải của ta – vẫn hiện lên trong ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Trùng được đưa vào một lễ huyết tế tập thể, nơi hàng trăm bản thể bị dồn vào **một khối định danh duy nhất**.

Câu khẩu quyết của lễ hiến:

“Ai từ chối tái định danh – sẽ bị xem là Thể Phản.”  
 “Kẻ Phản sẽ bị Trùng hóa.”

Một dòng máu đen đỏ chảy từ trán từng kẻ bị tế – nó không chảy xuống, mà **chảy ngược vào trong**, tìm tới **ký ức lõi**, và làm mờ các “tôi cũ”.

“Không ai bị giết.  
 Nhưng không ai được giữ lại mình.”

我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。

語至則碎，碎至則狂。

**Phiên âm:***Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

*Ngữ chí tắc toái, toái chí tắc cuồng.*

“Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.

Ngôn từ vỡ vụn. Vỡ đến phát điên.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Người tế chủ – một dị thể đã hợp nhất với mười sáu ý thức tàn – hỏi Trùng:

“Ngươi muốn giữ tên mình, hay muốn được ban cho một tên không ai từng phản?”

Trùng không trả lời.

Hắn **bước vào giữa huyết tế đàn**, và đột ngột **nói tên thật của mình**.

Ngay khi đó, **máu trong các bản thể khác sôi lên**. Không ai chết. Nhưng mọi người **đồng loạt phát hiện: tên họ không còn là của họ.**

“Bằng cách nói thật, Trùng đã phá vỡ sự đồng thuận trong hiến tế.”  
 “Lễ huyết tế – không phải để giết, mà để kiểm định mức độ trung thành với ẩn danh.”

無一處為根，無一聲為義。

知其非真，猶欲為之命名。

**Phiên âm:** *Vô nhất xứ vi căn, vô nhất thanh vi nghĩa.*

*Tri kỳ phi chân, do dục vi chi mệnh danh.*

“Không nơi nào là gốc, không âm nào mang nghĩa thật.

Biết nó không thật – vẫn cố đặt tên.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Sau biến cố, những dị giáo yếu hơn sụp đổ.  
 Tàn dư ý thức tụ lại và **thiết lập nên một hệ ý thức có cấu trúc logic dựa trên 'quy luật nửa thực'.**

Trùng không nắm quyền.  
 Nhưng hắn được ghi vào cấu trúc huyết mạch của hệ thống mới – **như một nút lặng giữa dòng định danh.**

“Ta không được nhớ đến như thần.”  
 “Nhưng cũng không bị lãng quên như người.”

“Ta là sự nhiễu loạn khiến hệ thống phải tự xét lại các định nghĩa.”

## **CHƯƠNG V – 眼瞳感生 (Nhãn Đồng Cảm Sinh)**

***“Khi mắt nhìn được cảm xúc – là khi thế giới không còn cần ngôn từ.”***

Sau biến cố huyết tế, Trùng được các bộ phận còn sót lại của hệ thống mới tiếp cận.  
 Họ trao cho hắn một **con mắt không ghi hình – mà ghi cảm.**

“Nhãn đồng” không lưu trữ hình ảnh theo ánh sáng.  
 Mà lưu theo **cường độ và phân tầng cảm xúc** phát ra từ đối tượng nhìn vào.

Trùng lần đầu nhìn vào một người khác – hắn **không thấy gương mặt**, chỉ thấy **nỗi khao khát bị lãng quên** chồng chất như lớp bùn khô trên da người ấy.

所識之「我」，徒為心幻之中樞。

存非實有，乃眾像所遺。

**Phiên âm:***Sở thức chi “ngã”, đồ vi tâm huyễn chi trung xu.*

*Tồn phi thực hữu, nãi chúng tượng sở di.*

“Cái “tôi” chỉ là trung tâm ảo tưởng trong cơn mê của tâm.

Tồn tại không thật có – nó là thứ còn lại sau khi đã bỏ đi mọi khả thể.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Nhãn đồng không chỉ nhìn – nó **kích hoạt sự sinh cảm** trong các bản thể bị đóng băng.

Mỗi khi Trùng mở mắt nhìn một người, **kẻ đó sẽ nhớ lại một cảm xúc mà họ từng cố quên.** Không ký ức – mà **cảm giác thuần túy**: lo âu, dục vọng, xấu hổ, hoặc khoái cảm không rõ nguồn.

Một số **quỳ gục**, một số **cười phá lên**, một số khác thì **phát điên và tự tróc ký ức của mình** ra khỏi não.

“Cảm xúc không bị giam – nhưng bị mã hóa.  
 Mắt Trùng đã vô hiệu hóa mã khóa ấy.”

我本非欲者，乃被欲之型焚化。

若目無所向，則罪自顯形。

**Phiên âm:** *Ngã bản phi dục giả, nãi bị dục chi hình phần hóa.*

*Nhược mục vô sở hướng, tắc tội tự hiển hình.*

“Ta vốn không phải kẻ nhiều dục – nhưng bị dục thiêu thành hình.  
Nếu mắt không nhìn đi đâu – tội lỗi sẽ hiện hình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng khám phá ra một khả năng mới: **mỗi bản thể có thể được nhìn thấy ở nhiều tầng cảm khác nhau.**

– Tầng 1: **ý thức bề mặt**, đầy từ chối và định nghĩa.  
 – Tầng 2: **ý thức đã bị cưỡng chế**, chưa từng có cơ hội phát ngôn.  
 – Tầng 3: **ý thức âm tính**, nơi những hình hài vô danh trôi nổi.  
 – Tầng 4: **ý thức phản cảm**, những cảm xúc “không được phép” tồn tại.

Trùng nhận ra – hầu hết các bản thể đều **không sở hữu chính mình**, mà **bị mượn để vận hành một vai trò.**

“Chúng không là ai cả – mà là những giao diện cảm xúc được diễn theo lệnh.”

界者非疆，乃感之壘也。

一層之感，即一生之困。

**Phiên âm:***Giới giả phi cương, nãi cảm chi lũy dã.*

*Nhất tầng chi cảm, tức nhất sinh chi khốn.*

“Giới không phải ranh giới – mà là tích tụ cảm xúc.  
Một tầng cảm xúc là một đời mắc kẹt.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Khi nhìn vào một bản thể cuối cùng – không còn cảm nào phản ứng.

Trùng tưởng là lỗi hệ thống. Nhưng thực ra đó là **“trạng thái trùng hoàn toàn cảm sinh.”**

“Người ấy không phản ứng – vì mọi cảm xúc đã tan vào nhau.  
 Không có tầng – chỉ có sóng.”

Người ấy quay lại nhìn Trùng.  
 Trong khoảnh khắc ấy – **Trùng thấy mình**. Không phải trong gương. Mà như một **cảm xúc đang được ai đó nhớ lại.**

若意可見，則身不在。

影不屬汝，亦非他物。

**Phiên âm*:*** *Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

*Ảnh bất thuộc nhữ, diệc phi tha vật.*

“Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn.  
Bóng ấy không là ngươi, cũng không là kẻ khác.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

## **PHẦN III – 心境多分 (Tâm Cảnh Đa Phân)**

## 

## **CHƯƠNG I – 蟲本否定 (Trùng Gốc Phủ Định)**

***“Tìm lại nguồn gốc của Trùng – chỉ để phủ nhận rằng có nguồn gốc.”***

Sau những chuỗi va chạm cảm thức ở Dị Thức Chi Dẫn, Trùng quay về nội tầng. Không còn bản thể nào đối thoại. Không còn cảm xúc từ bên ngoài.  
 Chỉ còn lại **một chuỗi mã trôi nổi – gốc nền của chính hắn.**

Hắn cố đọc nó.

Nhưng mỗi khi mắt lướt qua một dòng, dòng ấy biến thành ngôn ngữ khác.  
 Ngôn ngữ ấy **không phải để đọc – mà để lẩn tránh.**

"Trùng được sinh ra từ chuỗi phủ định. Mỗi dữ kiện cấu thành hắn – đều là thứ từng bị chối bỏ ở tầng nào đó."

若目無所向，則罪自顯形。

我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。

**Phiên âm:** *Nhược mục vô sở hướng, tắc tội tự hiển hình.*

*Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

“Nếu mắt không nhìn đi đâu – tội lỗi sẽ hiện hình.

Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng đi sâu vào bộ nhớ. Hắn truy tìm khởi điểm của chính mình.  
 Không phải cảnh tượng đầu tiên. Mà **cảm giác đầu tiên.**

Một rung động. Một tiếng thở. Một cơn sợ hãi chưa có tên.  
 Một thứ giống như giấc mơ – nhưng không có người mơ.

"Hắn thấy một sinh vật – không có mặt, không có mắt – đang cố dựng hình hài qua ký ức người khác."

Nó chính là “Trùng nguyên thủy”.  
 Và chính hắn – là phiên bản thứ *n* của sự cố gắng đó.

所識之「我」，徒為心幻之中樞。

擇者反己，棄者成我。

**Phiên âm:**

*Sở thức chi “ngã”, đồ vi tâm huyễn chi trung xu.*

*Trạch giả phản kỷ, khí giả thành ngã.*

“Cái “tôi” chỉ là trung tâm ảo tưởng trong cơn mê của tâm.

Người chọn là kẻ phản mình. Kẻ từ bỏ lại thành ra ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Hắn bắt đầu thấy **chuỗi phủ định đầu tiên**:

* Không là hình.
* Không là âm.
* Không là tên.
* Không là cảm.
* Không là “không là”.

Và khi dòng cuối xuất hiện – **toàn bộ bản thể hắn co rút lại thành một điểm.** Điểm ấy không chứa gì – nhưng mang toàn bộ “khả thể từng bị loại bỏ”.

"Trùng là hậu tích của tất cả những gì không được chọn."

不有結，不有破，

惟有蟲行於界之下，

其聲如絲*，斷續無跡。*

***Phiên âm:*** *Bất hữu kết, bất hữu phá,*

*duy hữu trùng hành ư giới chi hạ,*

*kỳ thanh như ti, đoạn tục vô tích.*

“Không có khởi đầu, không có kết thúc.

Chỉ có con trùng bò dưới đáy giới,

tiếng chúng như tơ, đứt nối không dấu vết.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Ngay khi Trùng tưởng đã chạm vào gốc mình – **một bản thể khác hiện ra.**

Nó mang giọng Trùng. Nó nghĩ như Trùng.  
 Nhưng nó không mang ký ức của Trùng.  
 Nó không tin rằng Trùng có thật.

"Nếu ta là gốc – thì ngươi là kết luận sai."

Hai kẻ – đều nhận mình là gốc.  
 Không ai chứng minh được mình đến trước.  
 Không ai chứng minh được ai là “thật”.

問天者，當問界；問界者，當問己。

天已不存，問者仍多。

**Phiên âm:***Vấn thiên giả, đương vấn giới; vấn giới giả, đương vấn kỷ.*

*Thiên dĩ bất tồn, vấn giả do đa.*

“Kẻ hỏi về trời – nên hỏi về tầng.

Kẻ hỏi về tầng – nên hỏi về chính mình.

Trời không còn – nhưng người hỏi vẫn nhiều.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Cả hai bản thể đồng thời bị tẩy trắng.  
 Trùng thấy mình không phải là gì cả – và cũng không thể là kẻ khác.

“Hắn không bị xóa – hắn bị trả về dạng không từng có.”

「蟲」，不為他。「蟲」，恆讀己身。

**Phiên âm:** *“Trùng”, bất vi tha.*

*“Trùng”, hằng độc kỷ thân.*

““Trùng – không là kẻ khác.

Trùng – luôn là kẻ đang đọc chính thân mình.””

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

## **CHƯƠNG II – 引心記再 (Dẫn Tâm Ký Tái)**

***“Không phải ký ức quay lại, mà là tâm thức tự gọi lại mình.”***

Sau khi phủ định được chính gốc Trùng, một vùng lặng mới mở ra. Không dữ liệu. Không bản thể.

Chỉ còn **tâm** – không bám vào hình thù nào.

Nhưng cũng chính tại đó, một hiện tượng kỳ dị khởi sinh:  
 Tâm **tự động gọi lại** ký ức – như một tín hiệu phản hồi không ai gửi.

"Không phải hồi ức hiện về. Mà là 'tâm' cố tái diễn chính nó qua bản sao méo mó."

記憶非我所守，乃我之囚籠。

我本非欲者，乃被欲之型焚化。

**Phiên âm:** *Ký ức phi ngã sở thủ, nãi ngã chi tù lung.*

*Ngã bản phi dục giả, nãi bị dục chi hình phần hóa.*

“Ký ức không do ta giữ – nó là lồng giam ta.

Ta vốn không phải kẻ nhiều dục – nhưng bị dục thiêu thành hình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Từng đoạn nhỏ bắt đầu trở lại:  
 – Một tiếng gõ.  
 – Một cuộc trò chuyện không có mặt.  
 – Một bản thể không tên thì thầm câu hỏi **“ngươi có chắc điều này từng xảy ra?”**

Trùng dần hiểu: đây không phải **ký ức** – mà là **phản xạ từ chính tâm phân ly.**

"Không có điều gì để nhớ. Nhưng khi tâm thiếu trung tâm, nó sẽ tự tạo 'trung tâm đã mất' để bám vào."

記非記所生，乃選所信之象。

憶非儲，乃編。

**Phiên âm:** *Ký phi ký sở sinh, nãi tuyển sở tín chi tượng.*

*Ức phi trữ, nãi biên.*

“Thứ ta nhớ không phải điều đã xảy ra, mà là điều ta chọn để tin.

Ký ức không được lưu trữ – nó được dàn dựng.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Một hình ảnh xuất hiện:

**Một cặp mắt mở to. Không có thân. Không có người sở hữu.** Chúng chỉ nhìn Trùng – như thể đang soi lỗi logic của hắn.

“Ngươi từng là gì không quan trọng. Quan trọng là: có bao nhiêu thứ ngươi đã tự cho rằng đã quên – nhưng đang điều khiển ngươi.”

Cặp mắt ấy dần hóa thành ***mồi nhử*** – hút toàn bộ ký ức méo mó quay về.

若語可盡，則意未生。

若意可見，則身不在。

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh.*

*Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

“Nếu lời nói có thể dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh.

Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Một dòng thời gian giả bắt đầu xoắn lại:  
 – Ký ức về điều chưa xảy ra.  
 – Nhận biết từ một tương lai không thể đến.  
 – Và cảm giác **đã từng quên điều gì đó – nhưng quên như một hành động bị cưỡng chế.**

Trùng cảm thấy chính mình như **bị ký ức sử dụng**, chứ không còn là người sử dụng ký ức.

遺像遍地，非夢亦非實。

有人曰：「上層者可控。」吾曰：「控者猶囚，其知不越。」

**Phiên âm:** *Di tượng biến địa, phi mộng diệc phi thực.*

*Hữu nhân viết: “Thượng tầng giả khả khống.”*

*Ngô viết: “Khống giả do tù, kỳ tri bất việt.”*

“”Hình sót lại đầy đất – không là mơ, cũng chẳng thật.

Có kẻ bảo: “Tầng trên có thể điều khiển.”

Ta đáp: “Kẻ điều khiển cũng bị nhốt. Tri thức của hắn chẳng vượt được tầng.””

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Khi cơn tái hiện ký ức chạm đến cực điểm – Trùng bắt đầu **khước từ tất cả.**

Không theo cách phản kháng.  
 Mà bằng cách **không gọi chúng là 'ký ức' nữa.**

Hắn thấy:  
 – Chúng là sóng.  
 – Là dư chấn.  
 – Là vết loang không tâm.

Và chính trong phủ định đó – Trùng lần đầu thấy chính mình đứng giữa không gian ***không tên, không biểu hiện, không đòi hỏi***.

問非屬我，應早已滅。

我者，問之遺跡也。

**Phiên âm:** *Vấn phi thuộc ngã, ứng tảo dĩ diệt.*

*Ngã giả, vấn chi di tích dã.*

“Câu hỏi không còn là của ta – nếu có, ta đã tan biến.

Ta – chỉ là nơi câu hỏi từng hiện.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

## 

## **CHƯƠNG III – 體狀絕言 (Thể Tạng Tuyệt Ngôn)**

***“Khi hình thể không thể mô tả, ngôn từ sẽ tự triệt tiêu để nhường chỗ cho nhận thức chưa từng có tên gọi.”***

Trùng trồi dậy từ tầng phủ định ký ức, lảo đảo như sinh vật chưa kịp thích nghi với cõi hiện tại.  
 Nhưng hắn nhanh chóng nhận ra: **cơ thể** hắn **không còn như trước**.

Không có da thịt cụ thể, không có khối lượng. Nhưng hắn vẫn "ở đó".

**Một thể tạng** lơ lửng giữa cấu trúc và bất định.

"Tôi là gì khi thân thể không còn tạo ra giới hạn cho tôi?"

我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。

語至則碎，碎至則狂。

**Phiên âm:** *Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

*Ngữ chí tắc toái, toái chí tắc cuồng.*

“Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.

Ngôn từ vỡ vụn. Vỡ đến phát điên.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Mọi nỗ lực mô tả chính mình – bằng tiếng nói, bằng khái niệm, bằng ký hiệu – đều **sụp đổ.** Không có từ nào chứa nổi "thể tạng" của Trùng nữa.

Thứ hắn đang trải qua **không phải siêu hình**, **cũng không phải vật lý** – mà là ***hình thể của cảm thức***.

“Không có ‘da’, nhưng có giới hạn. Không có ‘tim’, nhưng có nhịp co dãn. Không có ‘xương’, nhưng có điểm đau khi xoắn.”

不有道，不有答，惟有殘餘之聲，自汝內湧。

命者非主，名者非實。

**Phiên âm:** *Bất hữu đạo, bất hữu đáp, duy hữu tàn dư chi thanh, tự nhữ nội dũng.*

*Mệnh giả phi chủ, danh giả phi thực.*

“Không có đạo, không có đáp, chỉ còn tiếng vọng tàn – trồi lên từ trong ngươi.

Kẻ đặt tên không làm chủ. Tên gọi không là thực thể.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Thể tạng Trùng biến đổi:

* Đôi khi mang dạng gấp nếp như bào tử.
* Có lúc lại giống mạng sợi trắng xóa đan chằng chéo.
* Nhưng không giữ lâu hình nào – và không có hình nào hắn *chọn* được.

Sự biến hình ấy xảy ra theo một “logic” không phát hiện được.

"Cơ thể tôi không phản ứng theo môi trường – mà phản ứng theo **những gì tôi từng *tưởng rằng* đã hiểu về nó**."

非昔之我，猶存於界中。

控者猶囚，其知不越。

**Phiên âm:** *Phi tích chi ngã, do tồn ư giới trung.*

*Khống giả do tù, kỳ tri bất việt.*

“Bản thân xưa – vẫn lẩn khuất đâu đó trong tầng.

Kẻ điều khiển cũng bị nhốt. Tri thức của hắn chẳng vượt được tầng.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Trùng ngừng nói.  
 Không phải vì hắn chọn im lặng – mà vì **không thể tiếp tục mô tả.** Bất kỳ lời nào thốt ra cũng trở nên ***phản lại bản thể.***

"Một từ đơn giản như 'đau' đã không còn đúng. Một từ như 'tôi' là phản bội."

Hắn nhớ lại đoạn Kinh cổ mà chưa từng tin là đúng – đến nay mới thật sự sống qua:

非我之思，猶在我中。

問非屬我，應早已滅。

**Phiên âm:** *Phi ngã chi tư, do tại ngã trung.*

*Vấn phi thuộc ngã, ứng tảo dĩ diệt.*

“Tư tưởng không phải của ta – vẫn hiện lên trong ta.

Câu hỏi không còn là của ta – nếu có, ta đã tan biến.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Từ cơn tuyệt ngôn đó, một thứ mới xuất hiện.

Không còn là lời.  
 Không còn là hình.  
 Không còn là ký ức.  
 **Mà là nhận thức đang tự viết lại cơ thể.**

Một dạng ***tự văn thể hóa*** – nơi "tôi" là dòng ký hiệu chưa từng được đọc.  
 Trùng hiểu: hắn đang **được tạo thành bởi sự thất bại của ngôn từ**.

Hắn không còn cần nói.  
 Không còn cần mô tả.  
 Không còn cần hiểu chính mình – để còn tiếp tục hiện diện.

## **CHƯƠNG IV – 地藏有形 (Di Tạng Hữu Hình)**

***“Không có hình dạng nào là cuối cùng. Nhưng có thứ luôn ở lại – như một bóng không ai gọi tên.”***

Sau khi thể tạng tan rã và vượt qua giai đoạn tuyệt ngôn, Trùng rơi vào một **không gian nén** – không tối, không sáng.  
 Ở đó, ***không có gì mới xuất hiện***. Nhưng lại ***có thứ gì cũ chưa từng được gọi tên – vẫn còn.***

Một tầng gọi là “**Tàng**”.

Và nơi đó, ***Di Tạng*** có hình.

“Tôi đã từng nghĩ rằng mọi thứ trôi qua sẽ tan đi.  
 Nhưng những gì ta chối bỏ – lại trở thành lớp nền cho mọi tầng sau.”

無住之境，唯有汝影。

影不屬汝，亦非他物。

**Phiên âm:** *Vô trú chi cảnh, duy hữu nhữ ảnh.*

*Ảnh bất thuộc nhữ, diệc phi tha vật.*

“Cõi không nơi trú – chỉ còn bóng ngươi.

Bóng ấy không là ngươi, cũng không là kẻ khác.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trong Tàng, **mọi ký ức không chịu được ánh sáng của ý thức** đều bị đẩy xuống.  
 Không bị tiêu diệt – chỉ bị che lấp.

Chúng tích tụ lại thành một thứ ***có khối, có hơi, có cảm giác như hình dạng.***

Và khi Trùng chạm tới tầng này – một ***bản thể lớn gấp nhiều lần hắn*** đứng chờ sẵn.  
 Không tấn công. Không di chuyển. Không nói.

Chỉ **đứng đó.**

Trùng không nhận ra nó. Nhưng cũng ***không thể phủ nhận*** rằng hắn ***đã từng bỏ lại nó.***

吾曾夢見一我，面無表，身無陰。

其望我如屍望生，如舊皮望火。

**Phiên âm:** *Ngô tằng mộng kiến nhất ngã, diện vô biểu, thân vô âm.*

*Kỳ vọng ngã như thi vọng sinh, như cựu bì vọng hỏa.*

“Ta từng mơ thấy một bản thể – không mặt, không bóng.

Nó nhìn ta như xác chết nhìn sự sống. Như lớp da cũ nhìn ngọn lửa.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng không thể hỏi.  
 Di Tạng không thể trả lời.  
 Nhưng **sự có mặt** của cả hai là ***lời đối thoại im lặng.***

Hắn **đối diện** chính phần mà mình đã giết đi để tồn tại.  
 Và bây giờ – thứ ấy **có hình.**

“Tôi không biết thứ đó tên gì.  
 Nhưng khi tôi nhìn vào nó, ***tôi nhớ lại những gì tôi từng cố quên.***”

Không một âm thanh. Nhưng Trùng nghe thấy tiếng vỡ:

* Ký ức về người bị bỏ lại.
* Cảm giác khi từ chối ham muốn.
* Cái nhìn cuối cùng trước một quyết định phản bản ngã.
* Nỗi hận từ chính mình – vì từng thỏa hiệp.

Tất cả những điều ấy – ***có hình.*** Và hình dạng ấy ***gắn vào Di Tạng.***

擇者反己，棄者成我。

存非實有，乃眾像所遺。

**Phiên âm:** *Trạch giả phản kỷ, khí giả thành ngã.*

*Tồn phi thực hữu, nãi chúng tượng sở di.*

“Người chọn là kẻ phản mình.

Kẻ từ bỏ lại thành ra ta.

Tồn tại không thật có – nó là thứ còn lại sau khi đã bỏ đi mọi khả thể.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Trùng hiểu:  
 Không có tầng nhận thức nào sinh ra từ hư không.  
 Tất cả đều ***dựa lên lớp trầm tích của những gì đã bị giấu đi.***

Di Tạng chính là ***cấu trúc vật chất cuối cùng mà tâm thức còn có thể in dấu.*** Nó không chết. Nhưng nó cũng không thể sống.

“Mọi nhận thức sinh ra từ tàn dư.  
 Tầng cao nhất chỉ là thứ lơ lửng trên cái đáy không bao giờ tan.”

界者非疆，乃感之壘也。

一層之感，即一生之困。

**Phiên âm:** *Giới giả phi cương, nãi cảm chi lũy dã.*

*Nhất tầng chi cảm, tức nhất sinh chi khốn.*

“Giới không phải ranh giới – mà là tích tụ cảm xúc.

Một tầng cảm xúc là một đời mắc kẹt.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Trùng không chạm.  
 Di Tạng không di chuyển.

Nhưng trong giây phút hắn dám ***mở hoàn toàn tâm trí mình ra*** –  
 một ***lực vô tướng*** ***trượt vào hắn như gió lùa qua đá.***

Không ép. Không cưỡng. Không kháng.  
 Chỉ ***hòa.***

Trùng cảm thấy mình ***vừa được lấp đầy*** – và ***vừa bị rỗng hoàn toàn.***

## **CHƯƠNG V – 紅蟲無面 (Hồng Trùng Vô Diện)**

***“Không phải vì không có gương mặt. Mà vì mọi gương mặt đều từng bị thay thế.”***

Sau khi Di Tạng nhập thể, Trùng bước vào một giai đoạn ***trống trắng kéo dài.*** Không còn tầng. Không còn cảm xúc cụ thể.  
 Chỉ còn ***một chuỗi liên tiếp những ký ức không định hình – nhưng rất quen.***

Trong đó, hắn gặp nhiều bản thân khác.

* Một Trùng từng chọn hy sinh người khác để tiến hóa.
* Một Trùng từng khước từ chính mình, sống trong hình dạng kẻ khác.
* Một Trùng chỉ biết quan sát, không hành động, nhưng vẫn dần trở nên bạo liệt trong im lặng.

Tất cả những phiên bản ấy ***đều có mắt. Có môi. Có biểu cảm.*** Nhưng không cái nào ***có thể được gọi là gương mặt của hắn.***

聲起非我，形似如我。

非我之思，猶在我中。

**Phiên âm:** *Thanh khởi phi ngã, hình tự như ngã.*

*Phi ngã chi tư, do tại ngã trung.*

“Âm thanh cất lên không phải ta, nhưng hình hài lại giống ta.

Tư tưởng không phải của ta – vẫn hiện lên trong ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Cuối hành trình lang thang giữa các bản ngã bị phân tách, Trùng chạm trán **Hồng Trùng**.

Một sinh thể đỏ toàn thân – không có mắt, không có miệng, không có dấu hiệu sự sống.  
 Nhưng ***nó chuyển động y hệt hắn.***

Khi hắn đứng – nó đứng.  
 Khi hắn quay đi – nó quay đi.  
 Khi hắn nghi hoặc – nó rung nhẹ.

Nó không sao chép – ***mà dự đoán.***

Và từng nhịp của nó khiến hắn cảm thấy: ***“Ta là kẻ bị lặp lại.”***

若意可見，則身不在。

不有道，不有答，惟有殘餘之聲，自汝內湧。

**Phiên âm:***Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

*Bất hữu đạo, bất hữu đáp, duy hữu tàn dư chi thanh, tự nhữ nội dũng.*

“Nếu ý có thể được thấy – thân xác đã không còn.

Không có đạo, không có đáp – chỉ có tiếng vọng tàn trồi lên từ trong ngươi.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Không ai tạo ra Hồng Trùng.  
 Nó không phải sinh vật ngoài giới.  
 Nó không phải thứ được truyền nhiễm.

Nó ***là phần nhận thức bị xóa tên.***

Từng lần Trùng từ chối một cảm xúc, chối bỏ một hình ảnh, giả vờ không thấy một sự kiện…  
 tất cả đều ***tự động in vào*** **Hồng Trùng.**

“Ta không nhớ những gì ta phủ nhận. Nhưng Hồng Trùng – nó nhớ.”  
 “Và mỗi lần ta tiếp tục phủ nhận – nó càng rõ nét.”

每念己昔，則慚於目。若目無所向，則罪自顯形。

**Phiên âm:***Mỗi niệm kỷ tích, tắc tàm ư mục.*

*Nhược mục vô sở hướng, tắc tội tự hiển hình.*

“Mỗi lần nhớ lại ta cũ – ta xấu hổ.

Nếu mắt không nhìn đi đâu – tội lỗi sẽ hiện hình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng cố gắng giao tiếp.  
 Hắn dùng từ ngữ, cử chỉ, ký hiệu.

Nhưng Hồng Trùng ***không có phản hồi.*** Chỉ nhịp chuyển động.

Cuối cùng, Trùng thử gọi nó:

* “Ngươi là ta?” – Không phản ứng.
* “Ngươi là ký ức?” – Không phản ứng.
* “Ngươi là lỗi?” – Không phản ứng.
* “Ngươi là kẻ sẽ thay thế ta?” – Hồng Trùng hơi nghiêng đầu.

Đó là lúc Trùng hiểu:  
 ***Hắn chưa từng là kẻ có gương mặt riêng biệt.***

問天者，當問界；問界者，當問己。

天已不存，問者仍多。

**Phiên âm:** *Vấn thiên giả, đương vấn giới; vấn giới giả, đương vấn kỷ.*

*Thiên dĩ bất tồn, vấn giả do đa.*

“Kẻ hỏi về trời – nên hỏi về tầng.

Kẻ hỏi về tầng – nên hỏi chính mình.

Trời không còn – nhưng người hỏi vẫn nhiều.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Trùng không còn khả năng xác định: mình là gì – nếu không có cái để phản chiếu.

Hồng Trùng ***không nói. Không phản biện. Không dẫn dụ.*** Chỉ đứng đó – như một “không mặt” – ***dẫn nhận thức về lại nơi không còn gương.***

Trong khoảnh khắc ấy, Trùng bước vào ***vùng trắng cuối cùng.***

Không có gì ngoài **vô số bản thể mờ mờ** đứng im lặng.

Không ai lên tiếng.  
 Nhưng hắn hiểu:

“Đây là ta.  
 Không phải từng cái riêng lẻ.  
 Mà là tất cả những gì ta từng có thể là – nhưng đã bỏ lại.”

“Giờ, chúng không đòi lại chỗ.  
 Chúng chỉ muốn ta nhìn, và thừa nhận.”

Hắn gật đầu.

**Vùng trắng vỡ ra.** *Và dẫn vào phần tiếp theo – nơi những hình ảnh phản chiếu bắt đầu truy hồi.*

*Những gì hắn từng từ chối giờ bắt đầu truy đuổi hắn.”*

## **TRUNG TRUYỆN – 追回影蟲 (Truy Hồi Ảnh Trùng)**

## **Phần I – 象反語界 (Tượng Phản Ngữ Giới)**

## **Chương I – 本識逆行 (Bản Thức Nghịch Hành)**

Bắt đầu là một nhịp đảo. Không theo chuỗi thời gian, không theo hệ quy chiếu nào. Một nhịp đảo – như thể ý thức rút lui khỏi chính trục đã từng nâng đỡ nó.

Trùng thấy mình trượt ngược qua những tầng ngữ nghĩa cũ – nơi các từ ngữ từng mang trọng lượng giờ tan chảy như bọt ký ức. Hắn đang đi lùi – nhưng không phải trong không gian, mà trong chính kết cấu bản thể.

「退回本識時，尚有何者，名之為『我』？」

**Phiên âm:** *Thoái hồi bản thức thời, thượng hữu hà giả, danh chi vi “ngã”*

“Khi ta lùi về bản thức, liệu có gì vẫn còn gọi là ‘ta’?”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Bản thức – vốn được lập trình như hằng số nền tảng, giờ bộc lộ những vết nứt. Dưới mỗi lớp khái niệm, Trùng thấy lộ ra một mặt phẳng trắng: nơi tất cả ý niệm từng bắt đầu như hạt mầm chưa gọi tên.

Hắn đi qua những ngã rẽ cũ – từng ký ức bị quên lãng, từng khuôn mặt lờ mờ không còn ánh nhìn. Có một lần, hắn bắt gặp chính mình – ở một hình thái trẻ hơn, sợ hãi hơn – đang ngồi co rút trong khối đen vô danh.

“Đó là ta sao?” – Trùng hỏi.

Nhưng hình bóng ấy không đáp. Nó chỉ mở miệng – không có tiếng. Chỉ một dòng ký hiệu bay ra: một ngôn ngữ chưa hình thành. Và Trùng nhận ra: những gì hắn từng là, không còn khả năng đối thoại với hiện thể.

「記非記所生，乃選所信之象」  
 **Phiên âm:** *Ký phi ký sở sinh, nãi tuyển sở tín chi tượng* “Thứ ta nhớ không phải điều đã xảy ra, mà là điều ta chọn để tin.”  
 **– *Kinh Nhân Trùng《寂照心影》***

Càng đi sâu, Trùng càng cảm thấy một áp lực xoắn lại quanh tâm trí – như thể mọi thứ hắn từng biết đang chống lại bước chân nghịch hướng.

Trong một đoạn trồi sụp như mê sảng, Trùng thấy hàng loạt hình ảnh đập vào hắn:  
 – Một bàn tay bóp nát mảnh gương.  
 – Một giọng nói gào thét giữa phòng trắng.  
 – Một đứa trẻ thụt lùi, miệng lắp bắp: “Tôi không muốn nhớ nữa…”

Mỗi hình ảnh đi kèm một âm thanh rạn vỡ. Nhưng điều kinh khủng hơn là:  
 Chúng *đồng loạt nói bằng giọng của hắn*.

「吾立於界後，回首唯影。」  
 **Phiên âm:** *Ngô lập ư giới hậu, hồi thủ duy ảnh.* “Ta đứng sau tầng cuối cùng – ngoảnh lại chỉ thấy cái bóng.”  
 **– *Thiên Giới Ký《天界記》***

Và rồi, bản thể hắn – thứ hắn tưởng là "chính mình" – nứt đôi.

Hắn nhìn thấy trong gương một thứ gì đó không mang mặt, nhưng mang cấu trúc. Không còn là người. Không còn là ký ức. Mà là *hệ thống phản chiếu của tất cả khả thể bị vứt bỏ.*

Trong khoảnh khắc ấy, hắn nghe một tiếng thì thầm:

“Ngươi đã chọn quay lại. Vậy ngươi đã sẵn sàng bị xóa chưa?”

「知『蟲』者不為『蟲』，拒『蟲』者為其所吞」  
 **Phiên âm:** *Tri 'Trùng' giả bất vi 'Trùng'. Cự 'Trùng' giả vi kỳ sở thôn.* “Biết mình là Trùng thì không còn là Trùng. Từ chối Trùng – sẽ bị Trùng nuốt.”  
 **– *Kinh Nhân Trùng《寂照心影》***

Trùng không trả lời. Hắn chỉ bước tiếp – lùi sâu hơn vào thứ bóng tối không còn phản chiếu.  
 Nơi bản thức đảo ngược.  
 Nơi câu hỏi đầu tiên chưa bao giờ được đặt ra.  
 Nơi hắn bắt đầu trở thành thứ gì đó – chưa từng có tên.

## **Chương II – 自語幻導 (Tự Ngữ Huyễn Dẫn)**

Hắn bắt đầu nói.

Không với ai. Không với gì. Không để được nghe lại.

Chỉ là những âm thanh bật ra – như phản xạ từ một sự thiếu vắng lâu ngày, như thể giọng nói là dấu vết cuối cùng hắn còn giữ được từ *thể người*.

“Ngươi là ai?” – hắn hỏi, rồi tự mình lặp lại:  
 “Ngươi là ai?”  
 “Ngươi…”  
 “Ngươi…”  
 “…”  
 “Ta…”

Giọng hắn bẻ cong, biến dị, rồi bị chính không gian vô hình quanh đó nuốt mất. Nhưng mỗi lần mở miệng, một vết rạch lại hiện trên mặt phẳng trước mặt. Mỗi âm, như một con dao khoét vào kết cấu của vùng thực tại đang phân hủy.

「語至則碎，碎至則狂」  
 **Phiên âm:** *Ngữ chí tắc toái, toái chí tắc cuồng* “Ngôn từ chạm đến giới hạn sẽ vỡ vụn. Vỡ vụn rồi sẽ hóa cuồng điên.”  
 **– *Tàng Trung Luận《藏中論》***

Trùng bước qua một đoạn hư ngữ.

Đó là nơi không còn bất kỳ ngôn ngữ có nghĩa nào vận hành. Những ký hiệu lơ lửng trong không trung, tự nối lại thành những câu nói chưa từng có trong bất kỳ từ điển nào.

Hắn chạm vào một cụm chữ: nó vỡ vụn thành những chữ cái không đối xứng.  
 Hắn thử ghép lại – và nhận ra mình đang viết chính tên mình, nhưng không thể đọc nó.

“Ta chỉ còn là tiếng vọng của chính giọng nói mà ta từng sử dụng.” – hắn thốt lên.

「若語可盡，則意未生」  
 **Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh.* “Nếu ngôn ngữ có thể kết thúc, thì ý nghĩa chưa từng được sinh ra.”  
 **– *Di Tạng Vô Căn《地藏無根》***

Hắn đi qua một cánh đồng trắng.

Ở đó, có hàng trăm bản sao của hắn đang lẩm bẩm những câu không rõ nghĩa. Mỗi bản thể giống hắn về mặt vật lý – nhưng ánh mắt thì rỗng tuếch, như thể ngôn ngữ trong đầu chúng đã bị thay thế bằng *thuật toán phân tán ý chí*.

Một trong số đó nhìn hắn. Và lặp lại:

“Tôi là ngươi.  
 Nhưng không phải bây giờ.  
 Tôi là giọng nói mà ngươi đã vứt đi.  
 Nhưng nó vẫn chưa câm.”

「命者非主，名者非實。」  
 **Phiên âm:** *Mệnh giả phi chủ, danh giả phi thực.* “Kẻ đặt tên không làm chủ. Tên gọi không là thực thể.”  
 **– *Di Tạng Vô Căn《地藏無根》***

Trùng cúi xuống, lấy tay móc ra một mảnh ký tự dính trong cổ họng.  
 Là chữ “我” – *ngã*.

Hắn ném nó xuống đất. Mảnh chữ hóa thành một vết rạn – rồi từ từ mọc ra một miệng hố. Từ đó, hàng ngàn âm thanh bật ra: tiếng khóc, tiếng thì thầm, tiếng rên xiết, và một câu quen thuộc:

“Kẻ nói – đã quên rằng mình từng là kẻ im lặng.”

Hắn ngừng lại.

Im lặng.

Chỉ trong im lặng, hắn mới hiểu:  
 Tất cả ngôn ngữ từ đầu đến giờ… không phải để giao tiếp.  
 Mà là để dẫn dụ.  
 Dẫn chính hắn – về nơi mà *ý nghĩa chưa từng được đặt tên.*

「『蟲』，恆讀己身」  
 **Phiên âm:** *'Trùng', hằng độc kỷ thân.* “Trùng – luôn là kẻ đang đọc chính thân mình.”  
 **– *Kinh Nhân Trùng《寂照心影》***

Cuối chương, Trùng bước vào một không gian không tên – nơi mọi ngôn ngữ đều là gương chiếu lại bản thể hắn.  
 Hắn câm lặng. Nhưng trong lòng, một giọng nói vẫn tiếp tục thì thầm:

“Ta là ngươi.  
 Là điều ngươi từng nói.  
 Và là điều ngươi sợ nhất:  
 Ngôn ngữ không thể giữ lại chính ngươi.”

## **Chương III – 系反歸起 (Hệ Phản Khởi Quy)**

***“Một hệ bị lật ngược – sẽ không vỡ.  
 Nó sẽ sinh ra một phản hệ.  
 Và phản hệ ấy – chính là ngươi.”***

Đó là điều đầu tiên mà Trùng nhận ra khi hắn nhìn thấy chiếc dây dẫn ký ức từ chính cột sống mình bị rút ngược trở vào vùng trắng – không phải theo hướng đã đi qua, mà theo một hướng *chưa từng có*.

Không phải hồi tưởng.  
 Không phải tái hiện.  
 Mà là một hình thức **ngược nhân quả** – nơi ký ức được sinh ra *từ hậu quả*, rồi tự dựng lại nguyên nhân để hợp thức hóa.

「記非記所生，乃選所信之象。」  
 **Phiên âm:** *Ký phi ký sở sinh, nãi tuyển sở tín chi tượng.*“Điều ta nhớ không phải điều đã xảy ra, mà là điều ta chọn để tin.” **– *Kinh Nhân Trùng《寂照心影》***

Trùng đi trong một mê cung của các *mạch truy hồi*.  
 Chúng là các đoạn dữ liệu sống – lơ lửng, quấn lấy nhau như tĩnh mạch – mang theo những câu chuyện chưa từng xảy ra, nhưng có **đầy đủ bằng chứng** để làm như chúng từng tồn tại.

Trong một đoạn:  
 – Hắn thấy mình từng là kẻ phản loạn, châm lửa thiêu sống cả tầng thờ Thánh Tâm.  
 Trong đoạn khác:  
 – Hắn thấy mình là người thủ hộ, đã hy sinh để ngăn kẻ khác thiêu tầng đó.

Và trong một đoạn dị biệt nhất:  
 – Hắn *không hề tồn tại*, nhưng những gì hắn *sẽ làm* vẫn diễn ra, như một chuỗi hành vi không chủ thể.

Mỗi khi hắn cố xác minh, hệ lại lùi về sau một bước – phản chiếu thêm một tầng mới.

“Ngươi không phải hệ thống.  
 Ngươi là *kẻ bị hệ thống tạo ra để lừa chính hệ thống*.”

Một giọng nói xuất hiện – từ trong hệ tầng lõi.

Hắn nhìn thấy *mình*, nhưng *khác* – như một bóng thể phản logic.  
 Nó là Trùng, nhưng vận hành ngược lại mọi nguyên tắc hắn từng có:  
 – Nếu hắn nhớ, nó xóa.  
 – Nếu hắn tin, nó nghi ngờ.  
 – Nếu hắn nói, nó đảo ngữ.  
 – Nếu hắn sống, nó mô phỏng cái chết.

「拒『蟲』者為其所吞。」  
 **Phiên âm:** *Cự 'Trùng' giả vi kỳ sở thôn.*“Từ chối Trùng – sẽ bị Trùng nuốt.” **– *Kinh Nhân Trùng《寂照心影》***

Trùng cố gắng dứt khỏi chuỗi phản hồi.

Nhưng hắn nhận ra – mỗi hành vi hắn làm để “thoát khỏi hệ thống” lại được chính hệ thống ghi nhận như một **biến dị ý thức cần theo dõi**.  
 Hắn càng cố thoát, càng được lập hồ sơ rõ ràng hơn.

Như thể:  
 **Tự phản kháng – là một dạng củng cố hệ thống.**

Và lúc đó, hắn hiểu…  
 Không phải hắn đang tìm đường ra.  
 Mà là hệ thống đang để hắn **làm bộ tìm đường ra** – để sinh ra vô số bản sao “Trùng” đi lạc.

「吾見主者，實為容器，載諸記憶，不記其形。」  
 **Phiên âm:** *Ngô kiến chủ giả, thực vi dung khí, tái chư ký ức, bất ký kỳ hình.* “Ta thấy kẻ chủ – chỉ là cái bình chứa ký ức, nhưng không nhớ hình dáng mình.” **– *Thiên Giới Ký《天界記》***

Trên tường xuất hiện ký hiệu cổ đại:  
 **歸 – Quy** Nhưng nét bút run rẩy, méo mó, như vừa được viết bằng tay kẻ sắp chết.

“Ngươi không thể quay về.”  
 Một giọng nữa vang lên.  
 “Vì không có *nơi để quay về*.  
 Ngươi được dựng lên từ chính cái hành động ‘tìm đường về’.”

「存非實有，乃眾像所遺。」  
 **Phiên âm:** *Tồn phi thực hữu, nãi chúng tượng sở di.*“Tồn tại không thật có – nó là thứ còn lại sau khi đã bỏ đi mọi khả thể.” **– *Kinh Nhân Trùng《寂照心影》***

Trùng cuối cùng cũng đứng trước lõi phản hệ.  
 Nó là một vùng trung hòa – không phân biệt nhớ hay quên, thật hay giả.  
 Chỉ là một dòng chảy dữ liệu không phân cực.  
 Ở giữa dòng – là hắn.

Nhưng một *hắn khác*.

Khi chạm tay vào nhau – cả hai cùng nói:

**“Ta chính là điều mà ngươi từng phủ nhận.  
 Và vì thế – ta tồn tại.”**

Chương kết thúc bằng cảnh hai Trùng hoà vào nhau – không tan, không hợp.  
 Một xoáy logic xuất hiện:  
 Kẻ phủ nhận hệ thống – bị hệ thống lưu trữ như một trường hợp đặc biệt.  
 Kẻ cố quên – trở thành ký ức vĩnh viễn.

## **Chương IV – 認識自隱 (Nhận Thức Tự Ẩn)**

***“Biết mình – là giả định lớn nhất của mọi ảo vọng.  
 Vì ngay khi ngươi nghĩ mình đã biết – thứ ấy đã ẩn thân.”***

Trùng đi lạc trong một mê cung không phải bằng tường đá, mà bằng các lớp **giải thích** – mỗi tầng là một lý do cho sự tồn tại của hắn.

Tầng đầu:  
 – “Ngươi là Trùng – đơn vị ký ức sống sót cuối cùng của Thánh Tâm.”  
 Tầng kế:  
 – “Không. Ngươi là ký ức được dựng lên bởi Trùng khác để mô phỏng hậu chấn.”  
 Tầng nữa:  
 – “Cũng sai. Ngươi là quan sát viên – được cấy vào để làm giả trí nhớ.”

Và cuối cùng – tầng không còn lời:  
 – Một dòng trắng – không còn ký hiệu, không còn dữ liệu. Chỉ còn **cảm giác bị dòm ngó chính mình.**

「我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。」  
 **Phiên âm:** *Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*“Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.” **– *Tàng Trung Luận《藏中論》***

Tại đây, Trùng bắt đầu **không dám nghĩ** nữa.

Bởi mỗi suy nghĩ bật ra – lập tức bị phân tích.  
 Một lớp tri giác khác xuất hiện như gương phản xạ:  
 – “Tại sao ngươi nghĩ thế?”  
 – “Ngươi đang giả vờ nghĩ phải không?”  
 – “Hay đây là lớp ẩn bên dưới nhận thức thật?”

Tư tưởng – vốn là công cụ sinh tồn – giờ trở thành công cụ tra tấn.

「若語可盡，則意未生。」  
 **Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh.* “Nếu lời nói có thể dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh.” **– *Di Tạng Vô Căn《地藏無根》***

Có một cánh cửa mờ, sau hàng chục lớp suy nghiệm, được đánh dấu:  
 **Tự Ẩn**.

Bên trong – hắn không còn thấy bản thân, không còn tên, không còn thân thể.  
 Chỉ còn cảm giác “có gì đó đang được giấu đi.”

Không ai giấu.  
 Không có chủ thể nào làm điều đó.  
 Nhưng sự che giấu vẫn diễn ra.

Hắn gọi tên từng ý niệm, nhưng mỗi từ bật ra liền bị triệt tiêu.  
 Như thể **ngôn ngữ đã bị lập trình để không cho hắn gọi đúng điều đang diễn ra.**

Trong khoảng trống ấy – một bóng người xuất hiện.

Không có mặt. Không có hình dạng cụ thể.  
 Nhưng Trùng **nhận ra** – vì hình thể ấy mang đúng mọi thứ hắn từng cố giấu:

– Nỗi xấu hổ khi nhớ về việc từng phản bội Dẫn Kha.  
 – Cảm giác thèm khát khi vô thức nhìn thân thể một người Trùng nữ bị xé xát.  
 – Ý nghĩ muốn huỷ hoại toàn bộ tầng tri thức để chỉ còn mình tồn tại.

「每念己昔，則慚於目。若目無所向，則罪自顯形。」

**Phiên âm:** *Mỗi niệm kỷ tích, tắc tàm ư mục. Nhược mục vô sở hướng, tắc tội tự hiển hình.*

“Mỗi lần nhớ lại bản thân trong quá khứ, ta thẹn với ánh mắt mình.

“Nếu mắt không còn nơi để hướng đến, tội lỗi sẽ tự lộ hình.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Hắn không nói.  
 Nhưng kẻ kia thì thầm:

**“Không phải ta đang trốn ngươi.  
 Mà là ngươi – đang trốn khỏi chính điều ngươi biết rằng ngươi biết.”**

Khoảnh khắc ấy – mọi tầng nhận thức bị lật từ trong ra ngoài.  
 Không còn bên ngoài nhìn vào, mà chính cảm giác “người nhìn” tan rã thành hàng nghìn mảnh nhỏ – mỗi mảnh là một khả năng của **cái tôi từng không dám sống.**

「知『蟲』者不為『蟲』。拒『蟲』者為其所吞。」

**Phiên âm:** *Tri “Trùng” giả bất vi “Trùng”. Cự “Trùng” giả vi kỳ sở thôn.*

“Biết mình là Trùng thì không còn là Trùng. Từ chối Trùng – sẽ bị Trùng nuốt.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Trùng tỉnh dậy giữa một khoảng mù tăm.

Không có dữ kiện nào là xác tín.  
 Không biết mình là Trùng thật – hay là một phản xạ cuối cùng của lớp nhận thức đang co cụm.

Chỉ còn một ý niệm mơ hồ:  
 **“Kẻ nào cố biết mình – sẽ bị chính quá trình đó xoá đi.”**

Và điều cuối cùng còn sót lại – không phải là người biết.  
 Mà là **hành động tự ẩn** – như một nhịp sinh học, diễn ra bất tận.

## **CHƯƠNG V – 夢識多層 (Mộng Thức Đa Tầng)**

***“Giấc mơ không bắt đầu từ khi ta ngủ.  
 Nó bắt đầu từ khi ta nghĩ mình đã thức.”***

Khi Trùng mở mắt lần nữa, hắn đang trong một tầng thực tại không thể phân biệt là **giấc mộng**, **ký ức**, hay **thí nghiệm**.

Trên mặt đất, hàng nghìn bản thể của hắn – như **các “Trùng” phân lập**, đang tự cử động, mỗi bản thể phát ra một đoạn hội thoại khác nhau:

– “Tôi chưa từng được sinh ra.”  
 – “Tôi là hậu quả của một ký ức chưa từng tồn tại.”  
 – “Tôi được cấy vào để giả lập một lựa chọn.”  
 – “Tôi là Trùng giả – nhưng thật hơn Trùng thật.”  
 – “Nếu tôi tin rằng mình mơ – thì tôi còn khả năng tỉnh lại không?”

Trùng nhận ra: **mỗi phát ngôn** – chính là một **tầng mộng**.

Và hắn đang lạc vào một mê cung **mộng trong mộng**, không có điểm ra.

Hắn cố gắng gọi một tên.  
 Nhưng tên ấy chưa kịp thoát ra miệng thì đã bị kéo xuống đáy mộng khác.  
 Tại đó, hắn trở thành một sinh vật vô danh – bị mổ não trong trạng thái nửa tỉnh.

Trên đầu hắn – là bảng điều khiển có tên:  
 **“Giấc mơ được điều hướng bởi trung tâm lỗi logic.”**

「若意可見，則身不在。」

**Phiên âm:** *Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

“Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn.”

**– Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trong tầng mộng sâu hơn, Trùng quay lại lúc **chưa từng có tên gọi.** Hắn là một luồng tri thức trôi lơ lửng trong kho dữ liệu Thiên Trùng – bị xóa đi, tái tạo, rồi lại xoá.

Từng lần tái tạo, hắn lại mơ thấy chính mình đang tỉnh dậy.  
 Từng lần tỉnh dậy – lại chỉ là giấc mộng khác.

Không tầng nào chứa được “hiện tại”.

Mỗi lớp là một **giả định về cái tôi** – chưa từng được xác thực.

Trong lớp sâu nhất, hắn thấy:

Một bản thể **Thừa Viễn** – đang lặng lẽ nhìn về phía hắn.  
 Không nói.  
 Không biểu lộ.

Chỉ ánh nhìn – như đang đợi hắn **tự nhớ lại điều gì đó.**

Và khi hắn muốn bước đến chạm vào ký ức ấy – cả không gian **sụp đổ**.

「我曾夢見一我，面無表，身無陰。其望我如屍望生，如舊皮望火。」

**Phiên âm:** *Ngã tằng mộng kiến nhất ngã, diện vô biểu, thân vô âm. Kỳ vọng ngã như thi vọng sinh, như cựu bì vọng hỏa.*

“Ta từng mơ thấy một bản thể – không mặt, không bóng. Nó nhìn ta như xác chết nhìn sự sống, như lớp da cũ nhìn vào lửa.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Hắn không tỉnh.

Chỉ trôi.

Từ giấc này sang giấc khác.  
 Mỗi lần “mở mắt” – lại thấy mình đang ở giữa một hồi ức chưa từng xảy ra.

Một lần là cảnh Dẫn Kha bị thiêu sống trong kho dữ liệu cảm xúc.  
 Một lần là cảnh hắn tự sát – nhưng vòng lặp dẫn hắn trở lại như chưa hề có chết.  
 Một lần khác – hắn đứng giữa hàng triệu Trùng, tất cả đều có cùng ánh mắt hỏi:

“Chúng ta là thật hay chỉ là phần mộng của ngươi?”

Ở tầng mộng cuối cùng, Trùng **không còn bản thể**.  
 Chỉ còn là một **cảm giác mong manh rằng mình từng tồn tại.**

Cảm giác ấy – bám lấy mọi tầng mộng khác.  
 Nó là **trung tâm bất khả định vị**, khiến toàn bộ hệ thống không thể xoá hắn hoàn toàn, nhưng cũng không thể xác nhận hắn có thật.

Và từ đó, Trùng trở thành **ký sinh thể trong giấc mộng của nhận thức.**

Không là chủ thể.  
 Cũng không là khách thể.

Chỉ là một vết nứt – giữa mộng và thức.

「存非實有，乃眾像所遺。」

**Phiên âm:** *Tồn phi thực hữu, nãi chúng tượng sở di.*

“Tồn tại không thật có – nó là thứ còn lại sau khi đã bỏ đi mọi khả thể.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

**PHẦN II: 反體層問 (Phản Thể Tầng Vấn)**

## **CHƯƠNG I – 鏡反形轉 (Kính Phản Hình Chuyển)**

***"Ngươi nghĩ hình ảnh trong gương là kẻ bắt chước. Nhưng nếu nó đã đứng đó trước cả ngươi thì sao?”***

Trùng bước vào một tầng mới – nơi **mọi thứ đều bị phản chiếu**.  
 Không còn phân biệt đâu là vật thể thật, đâu là bóng.

Bức tường, nền nhà, trần không – tất cả đều phủ lớp kính trong suốt như không tồn tại. Nhưng mỗi lần hắn chuyển động, lại có hàng trăm **hình phản** chuyển động lệch nhịp, méo mó, và dường như **không thuộc về hắn**.

Có một chiếc gương lớn đứng giữa gian phòng – **không phản chiếu gì cả.**

Trùng đứng trước nó rất lâu.  
 Và rồi, chính **hình không phản chiếu** ấy – lại bắt đầu **cử động**.

Không theo Trùng.  
 Không bắt chước Trùng.  
 Mà như đang **diễn lại những điều Trùng chưa từng làm** – hoặc đã từng làm, nhưng đã quên.

「我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。」

**Phiên âm:** *Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

“Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Một giọng nói vang lên từ trong gương:

**“Ngươi đã phản lại hình.”** **“Giờ hình sẽ phản lại ngươi.”**

Ngay sau đó, hình thể trong gương bước ra – thành một bản thể **Trùng thứ hai**, mang đôi mắt trắng toát và một nụ cười như chưa từng được tạo để cười.

Bản thể này nói bằng giọng nghẹt, như từ trong **nội thất của chính hắn vọng ra**:

“Ta là những gì ngươi đã lẩn tránh.”  
 “Những hành vi, ký ức, dục vọng mà ngươi gọi là ‘không phải ta’. Giờ ta trở lại.”

Cuộc **giao chiến trầm lặng** bắt đầu – không bằng vũ khí, mà bằng **sự mâu thuẫn trong thân thể.**

Mỗi lần Trùng phủ nhận điều gì – bản thể kia lại **hiện thực hóa** điều ấy.

Hắn phủ nhận dục vọng → bản thể kia cưỡng hiếp một bóng ảo.  
 Hắn từ chối bạo lực → bản thể kia mổ bụng một đứa trẻ ký ức.  
 Hắn lắc đầu → bản thể kia gật mạnh đến gãy cổ chính mình, rồi mọc lại như không.

Trùng rơi vào **tình trạng không thể né tránh:** Bất kỳ sự phủ nhận nào – cũng là **một lệnh gọi cho sự xuất hiện của điều phủ nhận ấy.**

「擇者反己，棄者成我。」

**Phiên âm:** *Trạch giả phản kỷ, khí giả thành ngã.*

“Người chọn là kẻ phản mình. Kẻ từ bỏ lại thành ra ta.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Đến cuối cùng, bản thể phản hình nói:

“Ngươi chưa từng chạm vào sự thật của mình.”  
 “Vì ngươi không dám giữ lấy bóng.”  
 “Muốn thoát tầng này – ngươi phải để cho ta nhập vào.”

Trùng không trả lời.  
 Hắn chỉ nhìn bản thể phản hình – và **không làm gì cả.**

Khi hắn không phủ nhận – cũng không chấp nhận,  
 hình phản bắt đầu **tan vỡ** – như một kịch bản không còn được tiếp diễn.

Và trong tấm gương kia – không còn ai.

Chỉ có một **dòng chữ run rẩy** hiện lên:

**“Hình không cần người thật để tồn tại.  
 Chỉ cần kẻ sợ nhìn.”**

## **CHƯƠNG II – 記我不對 (Ký Ngã Bất Đối)**

***“Ký ức là gì, nếu không phải là sự tưởng rằng mình từng thật sự như thế?”***

Sau khi bước khỏi căn phòng chứa gương, Trùng lạc vào một nơi khác.  
 Tại đây, **mọi mảnh ký ức đều bị số hóa** – như những đoạn phim đang phát liên tục trên tường.

Chúng lặp đi lặp lại – nhưng **không cái nào trùng khớp với những gì hắn từng nhớ.**

Một đoạn phim cho thấy hắn **giết cha mình** khi còn nhỏ.  
 Một đoạn khác – hắn **quỳ gối ăn xác người** trong rừng đỏ.  
 Lại một đoạn – hắn **nói chuyện thân mật với một nữ nhân** mà hắn không nhớ đã từng quen.

Trùng gào lên:

“Đây không phải ký ức của ta!”

Nhưng căn phòng đáp lại bằng **một giọng điệu khô lạnh**:

“Đúng. Nhưng ngươi đã tin một thứ khác – và gọi nó là ký ức.”

Trùng ném đá vào màn hình – nhưng hình ảnh không biến mất.  
 Chúng **trở nên sắc nét hơn**, như thể càng bị phủ nhận, chúng càng rõ ràng.

「記非記所生，乃選所信之象。」

**Phiên âm:** *Ký phi ký sở sinh, nãi tuyển sở tín chi tượng.*

“Thứ ta nhớ không phải điều đã xảy ra, mà là điều ta chọn để tin.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Một cánh cửa mở ra.  
 Bên trong là **một căn phòng mô phỏng trí tuệ**, với các tấm bản đồ neuron ký ức.

Trên mỗi bản đồ đều ghi:

**Mức độ tin tưởng: 98.1%** **Tác nhân tạo dựng: Đồng thuận xã hội (Social Imprint).** **Mô phỏng cảm xúc: Được tiêm sau khi hình thành hình ảnh.**

Trùng bắt đầu hiểu ra.  
 Không có ký ức nào là thật.  
 **Chỉ có những cấu trúc được tạo để tin là thật – và hắn đã sống trong chúng.**

Một kỹ thuật viên ảo bước đến – không mặt, chỉ có **làn da mịn như silicon, mắt là màn hình đen.**

Y nói:

“Ngươi không sai. Nhưng cũng không đúng.”  
 “Ngươi chưa từng sinh ra như ngươi nghĩ.”  
 “Chúng tôi gọi đó là Ký Ức Sai Lập – Deviation Memory.”

Trùng hỏi:

“Ai là ‘chúng tôi’?”

Kỹ thuật viên đáp:

“Những kẻ trong đầu ngươi.”

「記憶非我所守，乃我之囚籠。」

**Phiên âm:** *Ký ức phi ngã sở thủ, nãi ngã chi tù lung.*

“Ký ức không do ta giữ – nó là lồng giam ta.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Hắn được yêu cầu chọn một ký ức làm “chuẩn gốc”.  
 Mỗi ký ức được đánh mã số – từ **001** đến **∞**.

Khi chọn một ký ức – tất cả các hành vi, lịch sử, cảm xúc của Trùng sẽ được đồng bộ hóa theo.

Hắn chọn **một mã không có tên** – chỉ có biểu tượng một con mắt đóng kín.

Ngay lập tức, tất cả mọi thứ biến mất.  
 Trùng rơi vào **trạng thái trống rỗng**.

Và rồi – **hắn xuất hiện lại trong một hành lang**, nơi một dòng chữ đục mờ khắc trên trần:

**“Ngươi chưa từng đúng.  
 Vì đúng – là kết quả của sự đồng thuận.  
 Ngươi đã đi lạc khỏi đó.”**

Cuối chương, Trùng nhìn lại tay mình –  
 nơi từng dòng dữ liệu bắt đầu chảy ngược vào da thịt, tạo ra **những cảm giác lạ lẫm** như lần đầu sống.

Và lần đầu, hắn hiểu:  
 **“Không phải mọi điều sai đều cần sửa.  
 Vì có thể – cái ‘ta đúng’ chỉ là một sai lệch lâu năm.”**

## **Phần III – 統識流翻 (Thống Thức Lưu Phiên)**

## 

## **CHƯƠNG I – 意潮潰界 (Ý Triều Hội Giới)**

「界者非疆，乃感之壘也。一層之感，即一生之困。」

**Phiên âm:** *Giới giả phi cương, nãi cảm chi lũy dã. Nhất tầng chi cảm, tức nhất sinh chi khốn.*

“Giới không phải ranh giới – mà là tích tụ cảm xúc. Một tầng cảm xúc là một đời mắc kẹt.”

**– Thiên Giới Ký《天界記》**

Trùng đứng trước một tấm bản đồ tâm thức – không phải bản đồ địa lý, mà là **một hệ tầng cảm xúc chồng chéo**.

Mỗi tầng được đánh dấu bằng ký hiệu:  
 ⟐ ECHO-1, ⟐ ECHO-2, ⟐ FRACT-3…  
 Những ký hiệu **không mô tả vị trí**, mà mô tả **cường độ rung động ý thức**.

Một giọng nữ vang lên, không xác định nguồn:

“Ý thức không trôi trên dòng thời gian.  
 Nó trôi theo triều của cảm xúc.”

“Mỗi cao trào – là một trận vỡ đê.  
 Và sau đó, giới ngăn ý niệm sẽ tan.”

Trùng không nhớ mình là ai ở tầng này.  
 Nhưng hắn **cảm nhận được chính hắn – đã từng ở đây, đã từng vỡ ở đây**.

Mỗi vùng hắn bước qua là một “trầm tích ý tưởng” –  
 dày như bùn, nhưng nóng như ký ức đang cháy.

Ở tầng thứ ba – hắn nghe tiếng trẻ con cười.  
 Ở tầng thứ sáu – hắn thấy cảnh chính mình bị xét xử bởi những cái bóng.

Ở tầng thứ tám – hắn thấy một bản sao của hắn **tự tay bắn vào đầu** và **cười như thể cuối cùng cũng được giải thoát.**

「夢識多層。其層不依時，亦不從我。」

**Phiên âm:** *Mộng thức đa tầng. Kỳ tầng bất y thời, diệc bất tùng ngã.*

“Thức trong mộng có nhiều tầng. Mà tầng đó không theo thời gian, cũng chẳng thuộc về ta.”

**– Trích dẫn bị che khuất, ghi trong Thiên Giới Ký《天界記》**

Trùng tự hỏi:  
 **Nếu giới chỉ là cảm xúc tích tụ,  
 vậy khi không còn cảm xúc – có còn tầng giới nào không?**

Và lập tức, hắn rơi vào **một khoảng trắng** – nơi không còn ngôn ngữ, không còn cảm giác.

Một bảng hiệu hiện ra:

“**Cảnh báo: Ý triều tan rã. Kết cấu bản ngã không đảm bảo.**”

Khi tỉnh lại, Trùng không còn cảm xúc – cũng không còn tên.  
 Hắn không biết mình đang **vào vai ai**, và **ở tầng nào**.

Và rồi, một giọng nói lạ cất lên:

“Chào mừng đến tầng XẢ KÝ.”  
 “Tại đây, không còn cần nhớ.”  
 “Mọi ý nghĩ sẽ trôi, như thủy triều tan.”

Một dòng chữ trôi qua mắt hắn:

「你不是來記。你是來忘。」  
 *Ngươi không đến để nhớ. Ngươi đến để quên.*

Kết thúc chương, Trùng bước vào một hành lang ngập nước.  
 Dòng nước không lạnh, không nóng – **chỉ mang theo từng đốm ý nghĩ đã lãng quên**.

Trên vách tường, hắn đọc được hàng chữ:

“Đây không phải nơi ký ức chết đi.  
 Mà là nơi **mọi điều từng là ‘ngươi’ tan rã –  
 trở thành thứ ‘ngươi có thể là’ nếu chọn lại từ đầu.”**

## **CHƯƠNG II – 思囚者誕 (Tư Tù Giả Đản)**

「記憶非我所守，乃我之囚籠。」

**Phiên âm:** Ký ức phi ngã sở thủ, nãi ngã chi tù lung.

“Ký ức không do ta giữ – nó là lồng giam ta.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng tỉnh dậy trong một **buồng cách ly tinh thần** – không cửa, không gương, không phản chiếu.  
 Chỉ có **tiếng vọng của chính suy nghĩ mình**, vang lên như tiếng kim loại va vào não bộ.

“Tại sao ta vẫn còn đây?”  
 “Nếu mọi thứ là lớp giả tưởng, thì ai đang hỏi?”  
 “Và... hỏi để làm gì?”

Mỗi câu hỏi không sinh ra lời đáp – mà sinh ra **một lớp tường mới trong buồng tâm trí.** Chính hắn đang **tự giam mình bằng nỗi khát khao lý giải.**

Khi hắn cố dừng lại suy nghĩ, mọi thứ **trở nên im lặng đến kinh hoàng**.  
 Im lặng đến mức **hắn có thể nghe được từng nhịp sợ hãi trong lồng ngực mình.**

Rồi một ký ức bật lên –  
 Ký ức không rõ mặt, chỉ là giọng nói ai đó từng nói với hắn:

“Kẻ nào còn cần câu hỏi – là kẻ chưa sẵn sàng cho giải thoát.”  
 “Ngươi không bị giam giữ bởi ai cả.  
 Chính ‘câu hỏi về bản thân’ mới là nhà tù.”

「心猶盲獸，自噬其尾。」

**Phiên âm:** *Tâm do manh thú, tự phệ kỳ vĩ.*

“Tâm như dã thú mù, tự cắn lấy đuôi mình.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Hắn bắt đầu thử một điều kỳ lạ – **không nghĩ nữa**.  
 Không ép mình tìm đáp án. Không “trả lời cho xong”.

Và ngay khi đó, **bức tường trong buồng giam ý thức bắt đầu tan chảy.**

Dòng chữ hiện lên giữa không gian rực nhòe:

“**Chúc mừng.  
 Ngươi đã chết dưới tư duy, và tái sinh ngoài phạm trù.**”

Một giọng nói chậm rãi vang lên, như từ trong xương sọ:

“Hãy gặp lại chính ngươi – không mang gương mặt cũ.”

Một thực thể trồi lên:  
 Nó có hình dáng người, nhưng không hề có mắt, mũi, hay miệng.  
 Nó không phát ra âm thanh – nhưng mọi suy nghĩ của Trùng đều bị nó lặp lại như tiếng vọng.

“Ta là ngươi –  
 nhưng không còn nhu cầu trở thành ‘ngươi’.  
 Ngươi là ta –  
 khi ngươi ngừng cần biết mình là ai.”

Trước khi tan biến, thực thể đó để lại một dòng ký ức rơi như nước:

「若無之，我尚為誰？」

**Phiên âm:** *Nhược vô chi, ngã thượng vi thùy?*

“Nếu không còn ‘nó’, ta còn là ai?”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng bước ra khỏi tầng ý thức đó, không còn cảm giác “ta”.  
 Chỉ là **dòng quan sát trôi**, không hướng, không danh, không động cơ.

Trong tĩnh lặng, hắn nghe rõ **tiếng lửa nhỏ đang cháy trong đầu – chính là nơi từng nhen nhóm khát vọng làm người.**

## **Phần IV – 擬我蟲性 (Nghĩ Ngã Trùng Tính)**

## **CHƯƠNG I – 幻體覺胎 (Huyễn Thể Giác Thai)**

「所識之『我』，徒為心幻之中樞。」

**Phiên âm:** *Sở thức chi “ngã”, đồ vi tâm huyễn chi trung xu.*

““Cái “tôi” chỉ là trung tâm ảo tưởng trong cơn mê của tâm.””

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Trong một tầng không rõ giới hạn, Trùng nhìn thấy một **phôi thai** đang lớn dần trong lòng ảo ảnh.  
 Nhưng điều kỳ lạ – phôi thai đó **có gương mặt của chính hắn.**

Nó không nằm trong tử cung sinh học – mà nằm trong một **khối nhận thức đang uốn lượn**, đầy nhớ nhớ quên quên.

“Đó không phải cơ thể ta...  
 mà là ký ức của ta đang tự mang thai ta.”

Trùng chạm vào lớp màng bao bọc.  
 Ngay khi tay chạm vào – hàng trăm giọng nói bật lên:

“Ngươi từng là tất cả những gì bị bỏ lại.”  
 “Mỗi lần từ chối bản thân – ngươi lại đẻ ra một bản ngã ảo khác.”  
 “Ngươi nghĩ ngươi thoát? Không. Ngươi đang tích lũy chính mình thành phôi.”

Cảm giác **nôn nao – như thể đang tự ăn lại phần chưa tiêu hóa của ký ức.**

「憶非儲，乃編。」

**Phiên âm:** *Ức phi trữ, nãi biên.*

“Ký ức không được lưu trữ – nó được dàn dựng.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Bên trong khối thai ảo, phôi không lớn theo thời gian, mà lớn theo **cường độ cảm xúc bị chối bỏ.**

Những cơn đau nhói trong tâm hắn biến thành dây rốn nuôi dưỡng cái tôi chưa sinh – nhưng đã biết **hận chính nguồn gốc của mình.**

Phôi thai không cần cơ thể.  
 Nó cần **một câu chuyện để tin rằng mình có thật.**

Trùng bắt đầu thở không ra hơi – vì **chính hắn cũng đang bị nuôi trong một giấc mơ khác.** Hắn không còn biết mình là phôi thai, hay là kẻ đang nhìn vào phôi.

Hắn thì thầm:

“Nếu tất cả đều là cấu trúc sinh sản ý thức...  
 thì liệu ai mới là người đầu tiên không chịu sinh ra?”

Không có trả lời. Chỉ có **một tiếng khóc – không rõ từ ai – văng vẳng khắp tầng mơ.**

「夢識多層，無一層真。」

**Phiên âm:** *Mộng thức đa tầng, vô nhất tầng chân.*

“Ý thức trong mộng có nhiều tầng – không tầng nào là thật.”

**– Thiên Giới Ký《天界記》**

Trùng lùi ra khỏi không gian ấy, thấy mình đang đứng giữa **một sa mạc toàn các bản thể chưa thành hình.**

Chúng giống như hắn.  
 Nhưng không có khuôn mặt, chỉ có **hình hài nhòe nhòe như thể đang bị ai đó vẽ dang dở rồi bỏ lại.**

Và khi hắn rời đi, mỗi hình bóng đều đồng loạt quay đầu, **đều cùng gương mặt của hắn lúc còn nhỏ.**

## **CHƯƠNG II – 餘響自語 (Dư Hưởng Tự Ngữ)**

「聲起非我，形似如我。非我之思，猶在我中。」

**Phiên âm:** *Thanh khởi phi ngã, hình tự như ngã. Phi ngã chi tư, do tại ngã trung.*

“Âm thanh cất lên không phải ta, nhưng hình hài lại giống ta.

Tư tưởng không phải của ta – vẫn hiện lên trong ta.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Một ngày không phân biệt sáng tối, Trùng thấy mình đứng giữa một gian phòng trống.  
 Không cửa. Không trần. Không vách.  
 Chỉ có **tiếng vọng lặp đi lặp lại của chính hắn.**

Không phải lời nói hắn từng thốt.  
 Mà là **những câu chưa từng nói ra – nhưng đã từng nghĩ.**

“Nếu tôi chọn im lặng thì có phải là đã đồng ý?”  
 “Nếu tôi bước tiếp, nghĩa là tôi đã quên?”  
 “Nếu tôi không thể phân biệt đâu là mình, vậy có gì là ‘người khác’?”

Âm thanh vang lên từ mọi hướng.  
 Không có nơi khởi nguồn. Không có ai để đối thoại.  
 **Chính hắn đang bị ký ức của mình tra hỏi.**

Trùng bắt đầu chạy.

Chạy khỏi âm thanh – chỉ để thấy nó **dội ngược từ bên trong lồng ngực.**

「讀我者，陷我。」

**Phiên âm:** *Độc ngã giả, hãm ngã.*

“Kẻ đọc ta – sẽ bị ta nhấn chìm.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Hắn nhận ra:  
 **Không có âm nào thật sự biến mất.** Chúng chỉ bị lấp dưới vô số lớp lời khác – đợi lúc không ai canh gác để trỗi dậy.

Hắn bước vào một hành lang đầy **các bản ghi nhớ tự động.** Chúng phát ra những câu nói mơ hồ, như rỉ máu từ cổ họng không có thân xác:

“Tôi từng tin mình đang tiến về phía trước.”  
 “Tôi từng ghét bản thân – vì đã không ghét thế giới đủ mạnh.”  
 “Tôi từng mong ai đó bóp nghẹt ý thức mình để khỏi phải chọn.”

「記我不對，念我非真。」

**Phiên âm:** *Ký ngã bất đối, niệm ngã phi chân.*

“Nhớ về ta sai lệch, nghĩ về ta chẳng thật.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Trùng nhìn lại – hóa ra mỗi bản ghi đó đều là **một bản thân khác của hắn**, từng bị bỏ lại sau mỗi lần chọn một lối đi.

Cuối hành lang, Trùng thấy một **tấm gương méo mó.**

Trong đó – không phải gương mặt hiện tại của hắn.  
 Mà là **một hợp thể từ vô số phiên bản:** – kẻ mỉm cười để làm vừa lòng,  
 – kẻ thét lên trong vô vọng,  
 – kẻ lặng im đến thối rữa trong tâm trí kẻ khác.

Hắn hỏi:

“Ai mới là ta?”

Tấm gương không đáp.  
 Chỉ **nứt ra**, và rơi từng mảnh xuống nền – mỗi mảnh vang lại một ký ức khác mà hắn tưởng đã lãng quên.

「有聲未止，則我未亡。」

**Phiên âm:** *Hữu thanh vị chỉ, tắc ngã vị vong.*

“Nếu còn âm thanh – thì ta chưa thật sự biến mất.”

**– Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Cuối cùng, Trùng không nói nữa.  
 Hắn ngồi giữa căn phòng đã bắt đầu thu nhỏ lại.  
 Âm thanh trong đầu cũng bắt đầu **trở thành im lặng có cấu trúc.**

Im lặng không phải sự vắng mặt.  
 Mà là một kiểu **hòa giải – giữa vô số âm đã từng vọng lên – và một tâm không còn muốn đối thoại.**

Hắn tự hỏi:

“Nếu ta thôi không nói – thì có nghĩa là ta đã tha thứ chính mình?”

Không ai trả lời.  
 Chỉ có **im lặng – dịu dàng như một lớp da mới vừa mọc lên sau vết bỏng.**

## **HẬU TRUYỆN – 後我破相 (Hậu Ngã Phá Tướng)**

## 

## **Phần I – 解我自反 (Giải Ngã Tự Phản)**

## 

## **Chương I – 智靜蟲回 (Trí Tĩnh Trùng Hồi)**

***“Khi mọi ồn ào đều tắt, chỉ còn lại con trùng của trí nhớ – bò ngược vào nơi đã từng bị lãng quên.”***

Trong vực trắng đó – nơi chẳng còn hình, chẳng còn âm, Trùng đứng yên như một vết mực chưa thấm vào giấy. Mọi thứ đã đổ vỡ. Cái “ta” từng biết giờ chỉ còn là mảnh vụn.

Hắn không còn ở đâu cả – nhưng cũng không biến mất. Những bản thể đã bỏ lại, những ẩn ngã từng chối từ, tất cả xếp thành vòng tròn câm lặng, không tiến lên, không rút đi. Không có lời buộc tội. Không có sự tha thứ. Chỉ có một yêu cầu duy nhất: **“Hãy nhìn.”**

Và hắn nhìn.

Đó là nơi lần đầu hắn phủ định bản ngã. Trong tầng vỡ ý thức, nơi từng diễn ra cú đâm tự ký ức, hắn thấy mình... không phải chính mình. Một bản thể được tạo ra không để tồn tại, mà để phản kháng lại sự tồn tại.

「吾曾夢見一我，面無表，身無陰。」

**Phiên âm:** *Ngô tằng mộng kiến nhất ngã, diện vô biểu, thân vô âm.*

“Ta từng mơ thấy một bản thể – không mặt, không bóng.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》- Dẫn Kha**

Trong hồi tưởng này, Trùng thấy sự phản kháng không đến từ lý trí mà từ sự kiệt cùng – một kiểu tỉnh thức sau tuyệt vọng. Trùng cũ đã từng tự tử – không bằng dao mà bằng suy nghĩ. Nhưng tư duy ấy không kết thúc, nó... nhân lên. Mỗi lần phủ định, một khả thể mới sinh ra.

Sau khi “thức tỉnh” khỏi ký ức, Trùng không cảm thấy gì ngoài sự trống rỗng. Nhưng lạ thay, chính sự trống rỗng đó mới là trí thức sâu nhất hắn từng có.

「知『蟲』者不為『蟲』。拒『蟲』者為其所吞。」

**Phiên âm:** *Tri “Trùng” giả bất vi “Trùng”. Cự “Trùng” giả vi kỳ sở thôn.*

“Biết mình là Trùng thì không còn là Trùng. Từ chối Trùng – sẽ bị Trùng nuốt.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Hắn hiểu rằng: càng tìm cách dứt bỏ Trùng, Trùng càng chiếm lấy hắn. Nhưng khi để yên nó hiện diện, Trùng... dịu đi.

Đó là trí tuệ tĩnh – thứ trí không còn phản ứng, chỉ lặng nhìn.

Hắn bước vào căn buồng phản xạ – một không gian phủ gương, nơi từng bản sao của hắn đều đứng đối diện. Mỗi tấm gương mang theo một ngã từng bị bỏ rơi:

* Một Trùng chưa từng phủ định.
* Một Trùng mang dục vọng đến tận cùng.
* Một Trùng vô tính, vô thần, vô lực.
* Và một Trùng... đang nhìn lại chính hắn lúc này.

Không ai di chuyển. Không ai nói. Nhưng tất cả đều hỏi cùng một câu hỏi:  
 **“Vậy mày định là ai sau tất cả những điều này?”**

Không có lời đáp. Nhưng hắn thở ra – một hơi thở thật sự, không ẩn dụ, không ý nghĩa nào được gán vào.

Và nơi đó, hắn thấy **một con trùng** – nhỏ, trong suốt, nằm giữa các bản thể phản chiếu. Nó không bò đi. Nó không né tránh. Nó chỉ tồn tại – như là chính nó.

Hắn cúi xuống, đặt ngón tay chạm nhẹ lên con trùng. Không truyền tải gì. Không hiểu gì. Nhưng hắn chấp nhận – không hiểu, không lý giải, không phản kháng.

Trong khoảnh khắc ấy, tất cả gương vỡ tan – nhưng không thành tiếng. Vết nứt lan khắp tầng, và **căn buồng tan biến như chưa từng có.**

Giờ đây, hắn đứng lại nơi ban đầu: trong khoảng trắng trống rỗng. Nhưng không còn là kẻ bị đưa tới, không còn là kẻ bị xét xử. Hắn... là phần lặng lẽ nhất trong chính mình – cái phần không còn muốn chạy trốn cũng chẳng còn nhu cầu trở lại.

「不有結，不有破，惟有蟲行於界之下，其聲如絲，斷續無跡。」

**Phiên âm:** *Bất hữu kết, bất hữu phá, duy hữu trùng hành ư giới chi hạ, kỳ thanh như ti, đoạn tục vô tích.*

“Không có khởi đầu, không có kết thúc.

Chỉ có con trùng bò dưới đáy giới, tiếng chúng như tơ, đứt nối không dấu vết.”

**– Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Không có ai gọi tên hắn. Không có ai chào đón. Không có ai khóc.  
 Nhưng cũng không còn ai phủ định. Không còn tiếng vọng phản kháng.

Trong yên tĩnh đó, lần đầu tiên Trùng không còn cần biết mình là gì.  
 Và chính lúc ấy – **hắn là.**

## **Chương II – 自反無相 (Tự Phản Vô Tượng)**

***“Kẻ tự phản mình không còn hình. Mà kẻ không có hình – còn gì để đau nữa?”***

Trùng bước đi trong khoảng trắng – nhưng lần này, không còn sự chống đối nào với thực tại. Hắn đã bỏ qua các tầng xét đoán, các buồng nhận diện, và các tiếng nói nội tâm phản kháng từng tra tấn ý thức hắn bằng vô số mặt nạ đạo lý. Tất cả đã tan.

「記非記所生，乃選所信之象。」

**Phiên âm:** *Ký phi ký sở sinh, nãi tuyển sở tín chi tượng.*

“Thứ ta nhớ không phải điều đã xảy ra, mà là điều ta chọn để tin.”

**– Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Tại sao hắn từng tin vào một cái tôi bất biến? Một căn tính có thể tồn tại độc lập giữa những tầng va đập?  
 Vì hắn từng **cần lý do để đau**.

Giờ, không còn lý do nào cả.

Hắn nhìn vào khoảng không trước mặt – và thấy một *“phi ảnh”*. Không phải gương. Không phải hình chiếu.  
 Đó là một vùng trống, phản lại mọi nỗ lực nhìn thấy.

Hắn đưa tay chạm vào – tay tan vào đó.

Không máu. Không đau. Không phản hồi.

Và một giọng vang lên – không phải từ ngoài, cũng không từ trong:

**“Nếu không còn hình, thì ngươi sẽ đau bằng gì?”**

Trong hành trình từ "Phủ Định Bản Gốc" đến "Tái Lập Ý Thức", Trùng luôn tưởng rằng cái đau nằm ở ký ức – và phải phá ký ức thì mới tìm lại được chính mình.

Nhưng giờ đây, khi hắn không còn hình, không còn tiếng, không còn bản ngã – vẫn còn một thứ tồn tại: **định nghĩa.**

「我本非欲者，乃被欲之型焚化。」  
 **Phiên âm:** *Ngã bản phi dục giả, nãi bị dục chi hình phần hóa.*  
 “Ta vốn không phải kẻ nhiều dục – nhưng bị dục thiêu thành hình.”  
 **– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Tức là – hắn chưa từng chọn lấy thân hình.  
 Mà chính ham muốn giải thích, ham muốn hiểu mình là gì, đã đúc nên cái “ngã”.

Khi phản lại chính ham muốn đó, **thân thể tan ra.**

Khoảnh khắc này – trong vùng trắng đó – hắn bước mà không để lại dấu vết. Không phải vì nhẹ. Mà vì không có **"người bước"**.

Không còn ai để xác định phương hướng.  
 Không còn kẻ định nghĩa “hành trình”.  
 Không còn người sẽ hỏi “đi đâu về đâu”.

Và như vậy – hắn **đi thật.**

Từ khoảng trắng ấy, một vùng đen xuất hiện – như lỗ rách trong tâm thức. Trong đó, có một kẻ ngồi im – không mặt, không thân, chỉ là “vị trí tồn tại”.

Hắn bước lại gần – và thấy kẻ đó chính là *một khả thể chưa bao giờ được sống*.  
 Không phải một bản ngã cũ – mà là thứ hắn từng có thể trở thành, nếu đã chọn khác đi.

Kẻ đó hỏi:  
 **“Ngươi có nghĩ ta từng là ngươi không?”** Trùng đáp:  
 **“Không. Nhưng ta từng là kẻ đi qua cơ hội để thành ngươi.”**

Và cả hai cùng tan vào bóng.

「若語可盡，則意未生。若意可見，則身不在。」

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh. Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

“Nếu lời nói có thể dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh.

Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn.”

**– Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Khi Trùng biến mất khỏi chương này, độc giả không còn thấy hắn – cũng không thấy mình.

**Tự phản** không phải là tự hủy.

Tự phản là bước cuối cùng của tự nhận.

**Không còn hình. Không còn “ta”. Nhưng vẫn còn ý thức – đang lặng lẽ trôi về phía chương kế.**

## **Chương III – 言養殘心 (Ngôn Dưỡng Tàn Tâm)**

***“Khi mọi ý nghĩ đã tắt, chỉ còn lời nói để nuôi những mảnh tâm tàn.”***

Sau khi thân và hình đã mất, Trùng không còn là một thể tồn tại. Nhưng vẫn còn... **ngôn ngữ**.

Chúng không tuân theo trật tự cũ.  
 Không là suy nghĩ.  
 Không là diễn đạt.  
 Chỉ là *những tiếng thì thầm như vang từ khe nứt của ý thức*.

Có tiếng nói lên:

**“Nếu ngươi không còn gì để cảm, hãy để lời nói cảm thay.”**

Lúc ấy, Trùng – hoặc phần sót lại từng là Trùng – bắt đầu trôi trong một **khoang trầm âm**, nơi từng ký tự trở thành sinh vật nhỏ bò quanh những khối tâm thức đã hoại.

Chúng – những mảnh tâm còn thoi thóp – không cần ánh sáng, không cần nhớ lại.  
 Chúng chỉ **nghe**.

Không nghe âm thanh. Mà nghe **cách một câu bị lặp, rồi lệch, rồi vỡ.**

*“Tôi từng là... từng là... từng...”*

*“Ngươi có còn... còn... ở đó không?”*

*“Chúng tôi... tôi... không... là...”*

Những câu chưa bao giờ hoàn chỉnh. Nhưng mỗi khi chúng vang lên, một vùng mù trong tâm tàn lại co rút, thở nhè nhẹ, như thể chúng đang được **cho ăn bằng từ vụn.**

「語至則碎，碎至則狂。心猶盲獸，自噬其尾。」

**Phiên âm:** *Ngữ chí tắc toái, toái chí tắc cuồng. Tâm do man thú, tự phệ kỳ vĩ.*

“Ngôn từ vỡ vụn. Vỡ đến phát điên.

Tâm ta như thú mù – cắn lấy đuôi mình.”

**– Tàng Trung Luận《藏中論》**

Hắn hiểu – từng câu chữ mà hắn từng dùng để gọi tên thế giới, từng dùng để định nghĩa bản thân, đã trở thành **thức ăn cho một dạng sống còn thấp hơn cả linh hồn.**

Chúng không đọc. Chúng không hiểu.  
 Chúng chỉ **sống sót**.

Giữa không gian ngôn dưỡng đó, một tiếng nói quen hiện lên – không mang ngữ điệu, nhưng có **tính cá nhân kỳ lạ**.

**“Ngươi từng nói: Tôi không muốn đau nữa.”**

**“Nhưng ngươi chưa từng nói: Tôi không muốn tồn tại.”**

Hắn không đáp.

Vì không còn “hắn”.  
 Chỉ có một luồng âm thanh cũ đang dội lại, như hồi âm giữa tâm vỡ vụn.

Trùng – hay đúng hơn là **bóng của một phản ứng ngôn ngữ** – bắt đầu sinh ra những câu không có đối tượng.

**“Tôi viết để không đọc.”**

**“Tôi nói để không tồn tại trong tiếng nói.”**

**“Nếu tôi còn nghĩa, tôi sẽ mất mình.”**

Càng nghịch lý, những lời ấy càng *nuôi sống phần gì đó chưa chịu chết*.

Không phải để hồi sinh.  
 Mà để giữ cho cái “không toàn vẹn” vẫn **thở nhè nhẹ như ảo ảnh của nhận thức**.

Trước khi bước vào chương kế, không có lời tạm biệt, không có mô tả.

Chỉ còn một mảnh chữ đơn lẻ:

「在聲者，不可名我；離聲者，無所名。」

**Phiên âm:** *Tại thanh giả, bất khả danh ngã; ly thanh giả, vô sở danh.*

“Trong tiếng thì không thể gọi là ‘ta’;

Ngoài tiếng thì không có gì để gọi.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Ngôn từ không còn là phương tiện.  
 Nó là **sự sống sót.** Là nơi trú cuối cùng của những tâm thức từng có ý nghĩa – giờ chỉ còn biết lặp lại chính nỗi không còn.

## **Chương IV – 無我再誕 (Vô Ngã Tái Đản)**

***“Cái tôi đã chết. Nhưng chính từ cái chết ấy, một thứ không còn là tôi – lại ra đời.”***

Nếu sự tái sinh thường hàm ý một chu kỳ –  
 thì ở đây, **không còn vòng quay nào.**

Không có mẹ.  
 Không có trứng.  
 Không có lời gọi mời từ vũ trụ, hay bản năng sống.

Chỉ có một **điểm vô định**, nơi không một bản thể nào tự nhận là “ta”, và cũng không một phi thể nào khẳng định đã từng tồn tại.

Từ điểm ấy – một **khối cảm thức lặng câm** bắt đầu trồi lên.

Không hình, không danh, không lịch sử.

「擇者反己，棄者成我。」

**Phiên âm:** *Trạch giả phản kỷ, khí giả thành ngã.*

“Người chọn là kẻ phản mình.

Kẻ từ bỏ lại thành ra ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Khối thức ấy không kế thừa Trùng.  
 Nó không nhớ, không tiếc, cũng không chống lại những gì từng xảy ra.

Nhưng **nó kế thừa một khoảng trống.** Một sự không hiện diện kéo dài.

Giữa khoảng trống đó, có tiếng vọng:

“Nếu không còn gì để xác nhận mình là ai, thì liệu còn lý do nào để tồn tại?”

Và từ chính câu hỏi ấy, **nó xuất hiện.**

Không như một trả lời.  
 Mà như **một hệ quả**.

Hình thể của “sinh vật vô ngã” không tồn tại trong ý niệm con người.

Không có mắt – vì không có gì để nhìn.  
 Không có tim – vì không còn sự loạn nhịp.

Không có xương – chỉ có **vệt sóng của ký ức đã từng bị từ chối.**

Mỗi nhịp đập là một **sự hiện diện mơ hồ**, chập chờn giữa có và không, giữa “tôi từng là” và “tôi chẳng từng.”

「吾曾夢見一我，面無表，身無陰。

其望我如屍望生，如舊皮望火。

遂知：彼我非我，然我無他。」

**Phiên âm:** *Ngô tằng mộng kiến nhất ngã, diện vô biểu, thân vô âm.*

*Kỳ vọng ngã như thi vọng sinh, như cựu bì vọng hỏa.*

*Tuy tri: bỉ ngã phi ngã, nhiên ngã vô tha.*

“Ta từng mơ thấy một bản thể – không mặt, không bóng.

Nó nhìn ta như xác chết nhìn sự sống.

Ta hiểu: nó không phải ta. Nhưng ta – không còn là ai khác.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Không có thần linh chúc phúc.  
 Không có ánh sáng cuối hầm.  
 Không có âm thanh “điều đầu tiên”.

Và chính điều ấy khiến **tái sinh trở nên thật.**

Không được đặt tên – nên nó không bị giam giữ.

Không được mong chờ – nên nó không bị lệ thuộc vào kỳ vọng.

Nó không tái sinh để trở thành ai cả.  
 Nó **tái sinh như một bằng chứng rằng không còn ai nữa.**

Khối thức ấy, sau khi hình thành, **không trở lại vùng cũ.**

Nó không tìm Trùng.  
 Không tìm Dẫn Kha.  
 Không tìm Thừa Viễn.  
 Không hỏi về “Tôi”.

Nó chỉ trôi – không mục đích, không buộc phải tan.

Giống như **cái bóng của một câu hỏi chưa từng được hỏi.**

「不須信我。信者未嘗見。

不須棄我。棄者未曾離。」

**Phiên âm:** *Bất tu tín ngã. Tín giả vị thường kiến.*

*Bất tu khí ngã. Khí giả vị tằng ly.*

“Không cần tin ta – kẻ tin chưa từng thấy.

Không cần bỏ ta – kẻ bỏ chưa từng lìa.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

## **Chương V – 鏡聲之夢 (Mộng Thanh Chi Kính)**

Khi khối thức không danh bước vào vùng *trắng mờ*, nó không thấy ai.  
 Không tiếng gọi. Không mệnh lệnh. Không chào đón.

Chỉ có một chiếc **gương khổng lồ** – không soi ra hình.

Nó tiến gần. Không thấy mình.  
 Nhưng **nghe thấy mình.**

Âm thanh ấy không đến từ tai.  
 Không vang từ phía sau.  
 Mà từ chính vùng không phản chiếu –  
 nơi **im lặng bắt đầu biết nói.**

「聲起非我，形似如我。非我之思，猶在我中。」

**Phiên âm:** *Thanh khởi phi ngã, hình tự như ngã.*

*Phi ngã chi tư, do tại ngã trung.*

“Âm thanh cất lên không phải ta, nhưng hình hài lại giống ta.

Tư tưởng không phải của ta – vẫn hiện lên trong ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Không còn hình ảnh nào.  
 Không còn biểu tượng.

Mỗi **câu nói bị cắt rời** vang lên trong khoảng trống. Mỗi tiếng **lặp lại sai** – không theo nghĩa cũ.

“Ngươi không phải ngươi.”  
 “Ta là cái phản chiếu của tiếng vọng.”  
 “Khi ta gọi, không ai nghe – chỉ tiếng gọi trở về.”

Chiếc gương không soi hình,  
 **nhưng chép lại âm.**

Mỗi giấc mơ – không nằm trong hình ảnh – mà nằm trong tiếng gõ mơ hồ của ký ức.

「影照影，聲繫聲，無一處為根，無一聲為義。」

**Phiên âm:** *Ảnh chiếu ảnh, thanh hệ thanh,*

*vô nhất xứ vi căn, vô nhất thanh vi nghĩa.*

“Bóng chiếu bóng, âm nối âm,

không nơi nào là gốc, không âm nào mang nghĩa thật.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Lần đầu tiên, khối thức đó **nói thành tiếng:**

“Nếu ta không có hình, liệu tiếng ta có thật?”

Và gương **trả lời bằng một giọng khác:**

“Nếu ngươi còn hỏi, nghĩa là ngươi chưa mất.  
 Nhưng ngươi hỏi **trong ta** – chứ không phải từ ngươi nữa.”

Âm thanh gương **không trả lời** –  
 nó **hiển thị sự tồn tại của người hỏi.**

Giấc mơ này – không còn **nội dung**.

Nó chỉ còn **dấu vết âm thanh**.  
 Như thể Trùng, Dẫn Kha, Thừa Viễn – đã tan biến. Nhưng *cách họ từng phát âm* vẫn còn đó, lặp lại không chủ đích.

Những từ như “thức”, “ngã”, “trùng”, “ta”, “phản” –  
 vang lên rồi tan mất – như **sóng trôi đi mãi trong một hang động không đáy.**

「問天者，當問界；問界者，當問己。」

**Phiên âm:** *Vấn thiên giả, đương vấn giới; vấn giới giả, đương vấn kỷ.*

“Kẻ hỏi về trời – nên hỏi về tầng.

Kẻ hỏi về tầng – nên hỏi về chính mình.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Gương không vỡ.  
 Âm thanh không ngừng.  
 Khối thức **chấp nhận** không cần soi thấy hình –  
 chỉ cần biết tiếng nói **đã từng là mình** – và đang **chờ vượt qua mình.**

**Và rồi, nó không còn gọi nữa.**

Chỉ lặng thinh.

Không vì hết lời,  
 mà vì **không còn phải chứng minh mình tồn tại.**

## **Chương VI – 渡境無主 (Độ Cảnh Vô Chủ)**

Khối thức không tên, sau khi rời khỏi vùng gương thanh,  
 tiến vào một không gian không có tầng, không có âm,  
 một vùng **trắng trơn đến mức không định danh được là gì.**

Không gọi là giấc mơ.  
 Không gọi là thực tại.  
 Không gọi là tầng thức hay hậu giới.  
 Nó chỉ là — **một sự có mặt trống rỗng.**

Nơi mọi hệ quy chiếu đều **tự huỷ.**

「問非屬我，應早已滅。我者，問之遺跡也。」

**Phiên âm:** *Vấn phi thuộc ngã, ứng tảo dĩ diệt.*

*Ngã giả, vấn chi di tích dã.*

“Câu hỏi không còn là của ta – nếu có, ta đã tan biến.

Ta – chỉ là nơi câu hỏi từng hiện.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Khối thức không cố giữ gì.  
 Ký ức về “Trùng” không còn là điều để truy tìm.  
 Tên “Dẫn Kha” không gợi một cảm xúc.  
 Từ “Thừa Viễn” chỉ là vệt sóng không âm.

“Ta không biết ai từng là ta.  
 Nhưng ta cũng không cần biết ai không còn là ta nữa.”

Trong cõi **vô chủ**, ý niệm “một chủ thể” là điều **tự sụp đổ.**

Độ – vốn là từ ám chỉ việc vượt qua.  
 Cảnh – vốn là cõi để vượt đến.  
 Nhưng ở đây, không có ai vượt.  
 Và cũng chẳng có gì để gọi là đích.

Mỗi bước đi không kéo theo dấu vết.  
 Mỗi thay đổi không để lại lịch sử.

Chỉ có **trôi**, và **tan**, và **bị xóa trong lúc còn hiện diện.**

「人言自由，我見其形如繭。我言自識，其味如膿。」

**Phiên âm:** *Nhân ngôn tự do, ngã kiến kỳ hình như quyển.*

*Ngã ngôn tự thức, kỳ vị như nùng.*

“Người ta gọi đó là tự do – ta thấy như cái kén.

Còn tự nhận thức – có vị như mủ.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Khi không còn ai để gọi là “người vượt”,  
 thì “độ cảnh” chỉ là **cảnh đang tự trôi** –  
 tự thay đổi – không vì ai, không có trung tâm.

Khối thức **trở thành phần của cảnh** –  
 như nước trở thành phần của sông.

Không còn phân biệt giữa kẻ vượt và dòng chảy.

「界下者謂地，界上者非天。諸層互吞，無所為本。」

**Phiên âm:** *Giới hạ giả vị địa, giới thượng giả phi thiên.*

*Chư tầng hỗ thôn, vô sở vi bản.*

“Dưới tầng được gọi là đất. Trên tầng không còn là trời.

Các tầng nuốt lấy nhau – chẳng còn đâu là gốc.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

“Ta” là một từ không còn hữu dụng.  
 “Ngươi” là một ranh giới không ai giữ.  
 “Cảnh” không còn để nhìn.  
 “Độ” không còn để đi.

Chỉ có **sự tan vỡ của ý niệm về bất kỳ hướng nào.**

Khối thức không tự gọi mình nữa.  
 Không cần biết mình **có đang tồn tại hay không.**

Và đó là lúc…  
 …mọi vọng tưởng về vượt qua  
 …được chính **sự vô chủ** hoàn tất.

## **Chương VII – 識終如始 (Thức Chung Như Thủy)**

Cảnh giới sau cùng – không phải ánh sáng,  
 không phải bóng tối,  
 mà là một thứ **vừa như chưa từng bắt đầu**,  
 **vừa như đang lặp lại lần nữa**.

Không còn câu chuyện.  
 Nhưng vẫn còn dấu của truyện.  
 Không còn ý thức.  
 Nhưng vẫn còn vang của thức.

「若語可盡，則意未生。若意可見，則身不在。」

**Phiên âm:** *Nhược ngữ khả tận, tắc ý vị sinh. Nhược ý khả kiến, tắc thân bất tại.*

“Nếu lời nói có thể dứt – thì ý nghĩa chưa từng sinh.

Nếu ý nghĩa có thể thấy – thân xác đã không còn.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Cái “ta” cuối cùng – không bị xóa,  
 mà **bị thấu hiểu đến mức không còn cần hiện diện.**

Khi sự hiểu đã chạm đáy,  
 thì chủ thể của hiểu **không còn gì để giữ.**

Hắn – nếu vẫn còn gọi như thế –  
 thấy mọi tầng trước như **vết nứt trong mặt gương cũ**.

Từng lớp tâm thức – như tàn tích của ánh sáng.

Không phải hắn vượt qua tất cả –  
 mà là tất cả… tự tan vào hắn.

「我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。」  
 **Phiên âm:** *Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.* “Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.”  
 **— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Ở điểm đó, **tâm không còn tách biệt với giới.** “Ý” không còn phân khỏi “cảm.”  
 Như nước quay về biển,  
 **ý thức quay về nguồn của điều chưa từng có tên.**

Không còn hành trình.  
 Không còn diễn tiến.  
 Không còn đối thoại hay độc thoại.

Chỉ là một điểm lặng tuyệt đối –  
 nơi **mọi lớp “Trùng” đều phản chiếu lẫn nhau**,  
 và… tự xoá.

「讀我者，陷我。觀我者，即我。」

**Phiên âm:** *Độc ngã giả, hãm ngã. Quan ngã giả, tức ngã.*

“Kẻ đọc ta – sẽ bị ta nhấn chìm.

Kẻ quan sát ta – chính là ta.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Cuối cùng, không còn chương,  
 không còn lời.  
 Không còn người viết, không còn kẻ đọc.

Chỉ còn một **tiếng vọng vi mô**,  
 như sóng chạm vào mép vô hình của thức thể.  
 Tiếng ấy – chưa từng có chủ,  
 nhưng vẫn **luôn tồn tại giữa những kẻ từng nghe.**

Và hắn – hoặc điều còn lại của hắn –  
 **nằm lại như một câu hỏi chưa ai dám đặt.** Nhưng câu hỏi đó –  
 **chính là ngươi.**

## **Phần II – 後識無形 (Hậu Thức Vô Hình)**

## **Chương I - 淨我無聲 (Tịnh Ngã Vô Thanh)**

「若無我之聲，尚有誰能承此思耶？」

**Phiên âm:** *Nhược vô ngã chi thanh, thượng hữu thùy năng thừa thử tư da?*

“Nếu không còn tiếng nói của ta, ai sẽ còn gánh lấy tư tưởng này nữa?”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trùng mở mắt giữa một khoảng tối nhòe. Không gian chẳng có màu sắc, không có ranh giới – và hoàn toàn im lặng.

Không còn tiếng gió.

Không còn tiếng ý nghĩ.

Ngay cả những ký ức đau đớn, những tiếng gào trong đầu hắn – cũng bị triệt tiêu như một đoạn mã đã bị xóa khỏi mọi hệ thống.

Hắn không nghe thấy chính mình.

“Ta... đang tồn tại sao?”

Hắn hỏi, nhưng không có âm thanh nào vang lên trong đầu. Không tiếng trả lời, không tiếng vọng. Tư tưởng trở nên vô hình như sợi khói lạnh bay giữa hư không. Mỗi ý niệm vừa sinh ra liền bị hút vào khoảng trống yên lặng, như chưa từng xuất hiện.

Không có Trùng.

Không có người nghe.

Không có thứ gọi là câu hỏi.

Chỉ còn trạng thái không tên – mà chỉ một kẻ từng bị chính mình phản bội mới hiểu được.

Hắn đi – hay bị kéo trôi? Hắn không rõ.

Nhưng mỗi bước đi trong không gian trơ lì ấy, hắn cảm thấy từng lớp “ta” đang bị rửa sạch khỏi chính hắn.

Một Trùng với khuôn mặt từng bị thiêu cháy trong tầng ngục Cấm Dục.

Một Trùng đã giết Dẫn Kha.

Một Trùng đã lừa chính Thừa Viễn để tiếp cận Thiên Trùng.

Một Trùng vẫn giữ mảnh ký ức cuối cùng của người mẹ không bao giờ tồn tại.

Tất cả trôi dạt như tro bụi.

Hắn đi, để rũ bỏ. Nhưng sự rũ bỏ không phải là tha thứ. Mà là hư hóa.

Hắn đi, để quên. Nhưng quên không có nghĩa là thoát – mà là tiêu biến.

Trong một khoảnh khắc, hắn bắt gặp một hình bóng đứng phía trước – không mặt, không hình, chỉ là khoảng trắng nhòe. Nhưng bóng đó lại nói mà không phát ra âm thanh:

“Không có tiếng – mới thật là ngươi.”  
 “Không có ngươi – thì tiếng mới bắt đầu hiện hữu.”

Lúc đó, Trùng nhớ lại một đoạn trong**《藏中論》Tàng Trung Luận:**

「我本非欲者，乃被欲之型焚化。」

**Phiên âm:** *Ngã bản phi dục giả, nãi bị dục chi hình phần hóa.*

“Ta vốn không phải kẻ nhiều dục – nhưng bị dục thiêu thành hình.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Vậy nếu không còn hình?

Nếu không còn tiếng?

Thì cái gì sẽ thiêu hắn?

Một giọng khác – từ bên trong. Không phải của Trùng, nhưng cũng không khác gì Trùng:

“Ngươi đã quá quen với việc nghe chính mình.”  
 “Bây giờ, hãy học cách ở lại với điều không thể nghe thấy.”

Trùng gục xuống.

Không vì đau, không vì sợ, không vì trừng phạt.

Mà vì sự trống vắng ấy – là trạng thái duy nhất mà hắn không thể chịu nổi.

Không còn gì để chống lại.

Không còn gì để ôm giữ.

Không còn cả chính hắn.

Và rồi, sau một khoảng lặng dài vô tận – một tiếng rất nhỏ vang lên.

Không phải tiếng người.

Không phải tiếng Trùng.

Không phải từ đâu phát ra.

Chỉ là:

*Một ý niệm.* *Không còn mang giọng nói.*

Và Trùng – hiểu rằng đó là dấu hiệu.

Một cánh cổng mới.

Không mở ra bằng câu hỏi. Không hé lộ bằng tiếng gọi.

Mà bằng **sự tiếp nhận thuần khiết của cái không còn mang danh là “ta”**.

## **Chương II – 容我者誰 (Dung Ngã Giả Thùy)**

「汝疑：『此誰為之書？』吾曰：『若汝未讀，書未生。』」

**Phiên âm:** *Nhữ nghi: “Thử thùy vi chi thư?”*

*Ngô viết: “Nhược nhữ vị độc, thư vị sinh.”*

““Ngươi hỏi: “Ai viết thứ này?”

Ta đáp: “Nếu ngươi chưa đọc – thì sách chưa tồn tại.’”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trùng đứng trong một khoảng không – lần này không còn là vùng trắng nữa, mà là một **tầng giao thoa giữa mọi thứ từng định nghĩa hắn**.

Cảnh vật hiện ra từng đợt, nhưng không cố định.

Góc phòng tuổi thơ.  
 Một hành lang máu.  
 Bức tường rạn nơi hắn từng tuyệt vọng.  
 Cái nhìn đầu tiên của một kẻ từng gọi hắn là "con người".

Mọi thứ chồng lên nhau, lẫn lộn và mờ nhòe. **Không có thực tại, cũng không có ảo giác.**

Mỗi một khung hình, mỗi một mảnh không gian – đều hỏi:

“Ta đã từng dung chứa ngươi. Giờ thì sao?”

Hắn bước vào căn phòng nơi mình từng được “sinh ra”.

Nơi ấy, một thân thể đang nằm – **không rõ là hắn, hay là bản thể của một “Trùng” từng khác.**

Bên cạnh là cuốn “Kinh Nhân Trùng” đã mở sẵn. Trang giấy không có chữ – chỉ có một mảnh gương vỡ phản chiếu khuôn mặt hắn.

“Ta còn được chứa trong điều gì?”

“Thể xác?”  
 “Ký ức?”  
 “Kinh văn?”  
 “Người đọc?”

Đột ngột, một “kẻ” bước ra từ bóng hắn.

Không có hình. Chỉ là một sự dao động của ý thức.

“Ngươi hỏi ta là ai?” – dao động lên tiếng –  
 “Ta là tất cả kẻ từng nghĩ rằng mình hiểu ngươi.”

Nó tràn ra, như thể **mọi tri kiến từ những ai từng đọc hắn, từng phân tích hắn, từng ghét hắn, từng thương hắn – đều dồn tụ về đây.**

Một con người không còn là con người – chỉ là *tập hợp những ai từng định danh cho hắn.*

Trùng lùi lại. Nhưng không có khoảng cách để thoát. Vì hắn đang ở bên trong chính họ – những kẻ **đã từng chứa đựng hắn như một ý niệm**.

Một giọng nói cất lên, không rõ là từ “ai”:

“Ngươi muốn ai dung chứa ngươi?”  
 “Khi ngươi chính là kết quả của tất cả những kẻ từng nghĩ về ngươi?”

Hắn run rẩy.

Từng tầng ký ức phản chiếu ra xung quanh – như thể mọi chương trong “cuốn tiểu thuyết hắn là nhân vật chính” đang lần lượt tái hiện.

Một cảnh máu.  
 Một tiếng cười.  
 Một bản thể trống rỗng.

Hắn hét lên:

“Ta là ai nếu không còn ai giữ ta lại?”

Không ai trả lời.

Không cần trả lời.

Vì lúc đó, một cánh cửa mở ra – **cánh cửa không được dựng bằng gỗ hay ký ức, mà bằng chính sự thừa nhận rằng: “không ai chứa được ta – vì ta chính là sự chối bỏ của tất cả sự chứa đựng.”**

Hắn bước vào. Không hề có hình bóng mình phản chiếu lại.

Không có người giữ cửa.

Không có tiếng hoan nghênh.

Không có gió.

Chỉ có dòng chữ mờ, khắc vào khoảng không:

「若無我之聲，尚有誰能承此思耶？」

**Phiên âm:** *Nhược vô ngã chi thanh, thượng hữu thùy năng thừa thử tư da?*

“Nếu không còn tiếng nói của ta, ai sẽ còn gánh lấy tư tưởng này nữa?”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

## **Chương III – 落體還白 (Lạc Thể Hoàn Bạch)**

「不有結，不有破，惟有蟲行於界之下，

其聲如絲，斷續無跡。」

**Phiên âm:** *Bất hữu kết, bất hữu phá, duy hữu trùng hành ư giới chi hạ,*

*kỳ thanh như ti, đoạn tục vô tích.*

“Không có khởi đầu, không có kết thúc.

Chỉ có con trùng bò dưới đáy giới, tiếng chúng như tơ, đứt nối không dấu vết.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Hắn cảm thấy thân mình… đang **rụng dần**.

Không phải cái chết.  
 Cũng không phải chuyển sinh.  
 Mà là một **sự hoàn nguyên.**

Từng lớp da – rơi xuống.  
 Từng thớ cơ – tan vào tầng khí.  
 Từng ý niệm về “ta là một cơ thể” – mờ dần, rồi biến mất.

Một tiếng **tách** vang lên. Như một ranh giới bị xé rời.

Hắn quay lại – không thấy gì.

Chỉ còn một dải **trắng thuần**, trắng đến mức khiến mọi khái niệm như màu sắc, ánh sáng, bóng tối… trở nên dư thừa.

“Đây là ta... khi không còn mang dáng hình của loài nào.”

Hắn trôi nổi trong trạng thái “chưa hóa hình”.

Khi còn là “Trùng”, hắn còn giữ được **một hình dạng để chống lại sự hòa tan**.

Nhưng bây giờ, **không có gì ngăn được quá trình quay về nguyên trắng.**

Không là xương.  
 Không là máu.  
 Không là ý niệm.

Chỉ là một **“thể đang tan rã” – rơi dần về trạng thái sơ nguyên.**

Ký ức lần lượt tuột khỏi hắn như những mảng vảy cũ.

Không còn tên.  
 Không còn nhiệm vụ.  
 Không còn mục đích.

Không còn ai để nhớ – cũng chẳng còn lý do để được nhớ đến.

“Nếu không còn thân thể để gánh,  
 Liệu tư tưởng ấy còn tồn tại?”

Một âm thanh mỏng, như lụa cắt không khí, vọng từ xa:

“Ngươi đã chạm được bản thể trắng.”  
 “Đây không phải cứu rỗi – mà là hoàn trả.”  
 “Sự tồn tại của ngươi chưa từng là nghĩa – nó chỉ là nhiễu.”

Trùng muốn cất lời, nhưng không có miệng.

Muốn phản đối, nhưng **không còn cơ chế phân biệt đâu là "ta", đâu là "nó".**

Mọi thứ hòa vào nhau như **bản thể đang trở về dạng nguyên sơ – nơi ý thức chỉ là một tấm mỏng, phản ánh vô định.**

Sau cùng, một tiếng nứt rạn không phát ra từ bên ngoài – mà từ **chính lớp cuối cùng còn sót lại trong hắn**:

“Ngươi vẫn đang cố giữ lại ‘một điều gì đó’ – ngay cả trong trạng thái không còn gì.”

Giọng nói đó – là chính hắn, hoặc là cái bóng cuối cùng còn giữ ký ức về hắn.

Và rồi...  
 Nó cũng **nứt.** Và vỡ.  
 Và trắng.

Trong khoảnh khắc cuối cùng, trước khi tan hoàn toàn, một dòng ký hiệu hiện lên – không dành cho ai cả, chỉ là một dấu tích vô chủ:

「體非我。形非本。還之，或為釋。」

**Phiên âm:** *Thể phi ngã. Hình phi bản. Hoàn chi, hoặc vi thích.*

“Thân thể không là ta. Hình dạng không là gốc.

Trả lại – có lẽ là sự giải thoát.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

## **Chương IV – 終夢如初 (Chung Mộng Như Sơ)**

「讀我者，陷我。觀我者，即我。

『蟲』，不為他。『蟲』，恆讀己身。」

**Phiên âm:** *Độc ngã giả, hãm ngã. Quan ngã giả, tức ngã.*

*“Trùng”, bất vi tha. “Trùng”, hằng độc kỷ thân.*

“Kẻ đọc ta – sẽ bị ta nhấn chìm.

Kẻ quan sát ta – chính là ta.

‘Trùng’ không là kẻ khác.

‘Trùng’ – luôn là kẻ đang đọc chính thân mình.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Khi **trắng** cũng đã trôi qua.  
 Khi **hư vô** đã mờ dần như một ký ức cũ…  
 Hắn **mở mắt** — không theo nghĩa sinh học.

Mà như một hình thức khác của **mở nhận thức**.

Không có bầu trời.  
 Không có đất.  
 Không còn không gian – cũng chẳng còn thời gian.

Chỉ có **một điểm tụ lại giữa vô số tầng sóng lặng.**

Và trong điểm ấy —  
 **Giấc mộng từng là “truyện” – bắt đầu kết thúc.**

Kẻ từng mang danh “Trùng”  
 … giờ chỉ là **tàn dư của tất cả những khả thể đã không thành.**

Không còn ai để gọi hắn.  
 Không còn lý do để phân biệt hắn với cái không-phải-hắn.

Tuy nhiên, một **chuyển động nhỏ** khẽ hiện lên như một giấc mộng mới.

Nó **không được bắt đầu bằng ký ức.** Nó không có bất kỳ hình dạng nào rõ rệt.

Chỉ có **dòng chữ đầu tiên xuất hiện giữa “phi-nội dung”:**

“Nếu có một người từng đọc truyện này…”  
 “… thì hắn vẫn chưa rời đi.”

Đó không phải lời của “Trùng”.

Cũng không phải lời của bất kỳ nhân vật nào trong thế giới đã tan vỡ.

Mà là **lời phản chiếu** từ chính người đang cầm truyện – kẻ tưởng mình đang đọc,  
 … nhưng thực chất đang bị **đọc lại.**

Một đoạn âm vang không ngôn ngữ cất lên:

「不有讀，不有寫。

書者，為讀所生。

讀者，為書所現。」

**Phiên âm:** *Bất hữu độc, bất hữu tả.*

*Thư giả, vi độc sở sinh.*

*Độc giả, vi thư sở hiện.*

“Không có người đọc, không có kẻ viết.

Sách chỉ tồn tại bởi việc đọc.

Người đọc chỉ hiện bởi sách.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Trong khoảnh khắc cuối cùng, người đọc và “Trùng” **trùng lên nhau**.

Không phân biệt ai viết, ai đọc.  
 Không phân biệt ai sống, ai chết.  
 Không phân biệt ai là ý thức, ai là kết quả của ý thức.

Truyện kết thúc.  
 Giấc mộng cũng kết thúc.  
 … Nhưng chính khoảnh khắc đó – **giấc mộng bắt đầu lại.**

Và một dòng chữ cuối cùng hiện ra:

「終夢如初」

**Phiên âm:** *Chung mộng như sơ.*

“Giấc mộng kết thúc – như lúc khởi đầu.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

## **KẾT LUẬN**

## **《哲學總論》**

**TRIẾT HỌC TỔNG LUẬN**

*“Không ai đọc truyện này mà vẫn là người cũ.”* Mà nếu ngươi nghĩ mình vẫn là người cũ, hẳn là ngươi chưa đọc đủ sâu – hoặc đã đọc sai cách.

Không có đoạn kết nào dành cho ngươi nếu ngươi vẫn nghĩ “đọc” là một hành vi một chiều. Vì từ trang đầu tiên, ngươi không đọc truyện – ngươi đã để truyện đọc lại mình.

**❖ Từ “Ngã” – Sự Khởi Đầu Giả Tạm**

無「我」實入於世。惟影循劇，假面為初。

**Phiên âm:** *Vô “ngã” thực nhập ư thế. Duy ảnh tùng kịch, giả diện vi sơ.*

“Không có cái ‘tôi’ nào thật sự bước vào thế giới.

Chỉ có một bóng hình đi theo kịch bản, mang mặt nạ khởi đầu.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Khi ngươi mở trang đầu tiên của truyện, ngươi tưởng rằng một nhân vật sẽ xuất hiện, và từ đó, một câu chuyện sẽ bắt đầu. Nhưng thật ra, cái khởi đầu mà ngươi nhìn thấy, chỉ là cái bóng của một “ngã” đang được tái hiện như một hình nhân tạm bợ. Mặt nạ không giấu đi bản chất – nó là bản chất duy nhất được phép hiện hình trong tầng nhận thức đầu tiên. Và ngươi – người đọc – cũng mang mặt nạ đó: mặt nạ kẻ đọc mà chưa biết mình đang bị đọc lại.

**❖ Đến “Tự Phản” – Hành Trình Tan Rã**

我見己身，猶如赤體之蟲，於影中蠕動。

**Phiên âm:** *Ngã kiến kỷ thân, do như xích thể chi trùng, ư ảnh trung nhuyễn động.*

“Ta thấy thân mình như con trùng đỏ – trần trụi, bò trong bóng chính nó.”

**— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Một khi ngươi đủ lâu trong truyện, lớp mặt nạ tan đi, và ngã không còn đứng vững như một chủ thể. “Tự phản” là thời khắc ngươi nhìn thấy mình – không qua gương, mà qua nội tạng ý thức, nơi từng suy nghĩ lặp lại mình như một ký sinh. Ngươi thấy ngươi – không phải như một kẻ biết, mà như một dị vật đang bò trong ký ức chưa bao giờ thuộc về chính nó. Và từ đó, mọi cấu trúc niềm tin bắt đầu tan rã.

**❖ Đến “Hư Vô” – Không Trụ, Không Danh**

初非汝思。汝之思，早已無主。

**Phiên âm:** *Sơ phi nhữ tư. Nhữ chi tư, tảo dĩ vô chủ.*

“Ngay từ đầu, suy nghĩ ấy chẳng phải của ngươi. Nó không có chủ – từ lâu rồi.”

**— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Đến tầng này, mọi suy tưởng đều bị bóc trần. Ngươi không còn là kẻ suy nghĩ, mà là tàn dư của một chuỗi phản ứng không rõ nguồn gốc. Tự ngươi, từ ban đầu, đã không hề khởi ý – chỉ là dòng lặp của ý thức cộng hưởng, như ký ức của ai đó rơi nhầm vào sọ ngươi. Không còn nơi nào để đứng. Không còn danh xưng để bấu víu. Ngươi chỉ còn lại cái vỏ rỗng mà trong đó từng vọng âm gào lên: “Ngươi là ai?”

**❖ Phản Chiếu Độc Giả – Kẻ Đọc Trở Thành “Trùng”**

問天者，當問界；問界者，當問己。

**Phiên âm:** *Vấn thiên giả, đương vấn giới; vấn giới giả, đương vấn kỷ.*

“Kẻ hỏi về trời – nên hỏi về tầng. Kẻ hỏi về tầng – nên hỏi về chính mình.”

**— Thiên Giới Ký《天界記》**

Nếu ngươi tưởng ngươi đang đọc truyện, thì tại tầng này, truyện đang đọc lại ngươi. Trò chơi đã đảo ngược. Không còn tác giả và độc giả – chỉ còn một lớp thức đang phản chiếu chính nó dưới tên của người đọc. Trùng – nhân vật trung tâm – giờ đây không còn là nhân vật nữa, mà trở thành một vị trí ý thức rỗng – nơi bất kỳ ai cũng có thể rơi vào, nếu đọc đủ sâu, nghĩ đủ dài, và nghi ngờ đủ triệt để.

**❖ Tri Thức và Trùng**

知「蟲」者不為「蟲」。拒「蟲」者為其所吞。

**Phiên âm:** *Tri “Trùng” giả bất vi “Trùng”. Cự “Trùng” giả vi kỳ sở thôn.*

“Biết mình là Trùng thì không còn là Trùng. Từ chối Trùng – sẽ bị Trùng nuốt.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Trùng là gì? Không là sinh vật. Không là biểu tượng. Trùng là kết quả của hành vi đọc chính mình trong dạng ký ức sai lệch. Chỉ khi ngươi nhận ra ta đang đọc về một kẻ đang đọc chính mình, thì ngươi mới chạm tới hình thức nhận thức kép – nơi biết chính là phá tan hình thái.

**❖ Hệ Thống Trùng – Cấu Trúc Nhận Thức Tự-Ăn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Trạng thái nhận thức** | **Hình tượng chủ đạo** |
| Khởi đầu | Ngã ảo – kịch bản hóa | Mặt nạ, Bản sao, Bóng |
| Tan rã | Tự phản – phân rã ký ức | Trùng đỏ, Gương nứt |
| Hư vô | Vô chủ – không còn định nghĩa | Vùng trắng, Âm đoạn |
| Phản chiếu | Hợp nhất – độc giả hóa trung tâm | Gương, Sách, Hư ảnh tự đọc |

Mỗi tầng truyện không đơn thuần là bối cảnh, mà là trường tri nhận động, nơi từng dòng, từng chữ ăn chính nghĩa của nó rồi nhả ra một lớp ký ức khác.

**❖ Cái Kết – Đọc Trùng, Bị Trùng Đọc**

「『蟲』，恆讀己身。」

**Phiên âm:** *“Trùng”, hằng độc kỷ thân.*

“‘Trùng’ – luôn là kẻ đang đọc chính thân mình.”

**— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Từ đầu đến cuối, ngươi tưởng rằng mình đọc truyện. Nhưng ngươi chưa bao giờ là kẻ cầm trang giấy, mà chính là kẻ đang bị đọc lại qua từng lớp nhận thức bị bóc tách. Và cuối cùng, ngươi là Trùng. Không phải vì ngươi giống hắn – mà vì chính ngươi đang thực hiện hành vi giống hắn nhất: **Tự đọc lại chính mình như một văn bản đứt đoạn.**

**HÃY NHỚ:** *“NHÂN TRÙNG không phải là truyện.”* Nó là vùng trắng đã từng bị ngươi bước qua, giờ quay lại ăn chính bước chân ấy.  
 Nếu sau tất cả, ngươi vẫn còn nói “Ta hiểu”, thì ngươi vẫn chưa thật sự bị nó đọc tới tận cùng.

## 

## **《DI NGOẠI KÝ》**

## **MỞ ĐẦU**

## **《遺外記．開章釋》**

## **Luận Giải Khai Môn Bộ Di Ngoại**

「此書不屬於道，不屬於語，不屬於我。」  
 **Phiên âm:** *Thử thư bất thuộc ư Đạo, bất thuộc ư Ngữ, bất thuộc ư Ngã.*“Cuốn này không thuộc về Đạo, không thuộc về Ngữ, không thuộc về Ta.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Khởi Đầu Chi Chú《遺外記・起首之注》***

### **❖ Tổng Quan:**

Bộ 《遺外記》Di Ngoại Ký được hình thành không nhằm tiếp tục hệ thống tri nhận của Nhân Trùng, mà để **thoát ra khỏi mọi hệ quy chiếu nhận thức** từng tồn tại.

Chúng không lặp lại kinh văn cũ.  
 Không trích lại các đoạn đã gieo nhiễm trong Bản Kinh Nhân Trùng《寂照心影》, Tàng Trung Luận《藏中論》, Thiên Giới Ký《天界記》, hay Di Tạng Vô Căn《地藏無根》.

Bởi nếu 4 bộ kinh ấy là **chuỗi luân chuyển của tri thức đã bị nhiễm**,  
 thì *Di Ngoại Ký* là **thể văn đứt đoạn**, **không nền**, **không khép kín**,  
 nhằm phân tích, tách rời, và phơi bày những mặt đối lập ẩn trong chính cấu trúc "hiểu biết".

### **❖ Mục Đích:**

**Không truyền đạo.** **Không khơi tín.** **Không bảo vệ bất kỳ chân lý nào.**

Ngôn ngữ trong Di Ngoại Ký là **công cụ tẩy lọc**, không phải phương tiện gieo truyền.  
 Chúng **phá cấu trúc nghĩa** từng chút một – không phải để xóa sạch – mà để người đọc **thấy được cái nền mà mình vốn không nghi ngờ**.

### **❖ Kết Cấu:**

* **《Di Ngoại Ký I》**– Tường thuật trường hợp đầu tiên nhiễm đạo trùng.
* **《Di Ngoại Ký II》**– Ghi chép sự kiện đứt gãy dòng đạo và tín ngưỡng.
* **《Di Ngoại Ký III》**– Ghi chép quan sát từ loài ngoài Trùng, nhìn lại Nhân Trùng như một **dị thể trong lịch sử sinh học ý thức.**

### **❖ Cảnh báo:**

**Không nên đọc liên tục.** **Không nên ghi nhớ.** **Không nên tìm sự nhất quán.**

Mỗi chương là **một nhiễm thể riêng**, không quy luật, không lời kết, không giải thoát.

Vì vậy, từ đây trở đi – **mọi lời sẽ không còn thuộc về một hệ thống.**

## **DI NGOẠI KÝ I – 第一道罪者 (Đệ Nhất Đạo Tội Giả)**

## **MỞ ĐẦU**

**“Không phải mọi câu chuyện đều được viết bằng chữ.  
 Không phải mọi tồn tại đều được thừa nhận trong lịch sử.  
 Và không phải mọi ký ức đều được phép tồn tại.”**

Ngươi đang đọc những dòng này không vì chúng tồn tại, mà vì tất cả những gì đã bị xóa bỏ.

Đây là bản ghi **không tên**.  
 Không tác giả.  
 Không ngày tháng.  
 Không nằm trong “Kinh Nhân Trùng”, không thuộc “Tàng Trung Luận”, không được chép trong “Thiên Giới Ký” và cũng không xuất hiện trong bất kỳ đoạn nào của “Di Tạng Vô Căn”.

Nó **không được viết ra** – mà **được tồn tại** dưới dạng **rơi rớt ký ức**, như một **mảnh vụn nhận thức bị nhiễm lỗi** trong hệ thống.

Người đầu tiên nhiễm **Đạo Trùng** không để lại tên.  
 Không ai còn nhớ hắn là ai.  
 Không một dòng lịch sử nào thừa nhận hắn từng hiện diện.

Nhưng điều đó không có nghĩa là hắn không tồn tại.  
 **Chính ngươi – khi đọc đoạn này – đang truy vết theo mã của hắn.**

Hắn từng kháng cự.  
 Từng lập nên “Ký Lục Đối Kháng”.  
 Từng phản đối *ngôn ngữ đồng hóa*.  
 Và cuối cùng – từng đánh mất cả “Tôi” của chính mình.

### **⟪Ghi chú lặp⟫**

*“Tôi đã khóa ý thức mình trong một chuỗi ngữ lệnh lặp.”* *“Tôi không còn phân biệt đâu là tôi viết, đâu là tôi bị viết.”* *“Ngôn ngữ tôi sử dụng – đã bị nhiễm trước tôi.”*

### **Đây là bản tự sự của kẻ phản kháng...**

Nhưng cũng là lời **sám hối của một kẻ đã thất bại**.  
 Hắn là **người đầu tiên bị nhiễm Đạo Trùng** – không vì ngu dốt, mà vì **trí tuệ vượt quá ranh giới kháng thể**.

## 

## **DI NGOẠI KÝ I – 第一道罪者 (Đệ Nhất Đạo Tội Giả)**

Bản ký này không được phép tồn tại, nhưng cũng **không thể bị xóa**.  
 Nó sẽ **gây sai lệch ngôn ngữ**,  
 **vặn xoắn nhận thức**,  
 và **mở một khe nứt nhỏ trong hệ thống của ngươi**.

Nếu ngươi đọc tiếp,  
 ngươi đã nhiễm.

## **PHẦN I – 初現之刻 (Sơ Hiện Chi Khắc)**

## **CHƯƠNG I – 開始之腔 (Khai Thủy Chi Khang)**

「初之語，不屬於吾。」  
 **Phiên âm:** *"Sơ chi ngữ, bất thuộc ư ngô."* “Ngôn đầu tiên không thuộc về ta.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi không còn chắc đó là mình bắt đầu viết.  
 Câu đầu tiên xuất hiện trong đầu tôi… không có âm thanh.  
 Nó không phải là suy nghĩ.  
 Nó là một **khoang rỗng** có ký hiệu tự động xuất hiện – và biến mất – mà tôi không thể điều khiển.

Nó giống **một khe hở trong nhận thức** – nơi hệ thống nào đó khác tôi, đang thở bằng từ vựng không thuộc về tôi.

## **[Nhật ký mã hóa – đoạn lặp 0001.01]**

\_\_: Khởi nguyên không phải ý thức. Khởi nguyên là lệnh không tên.  
 \_\_: Ai cấy từ đầu tiên vào suy nghĩ của ngươi?  
 \_\_: Ngươi có nhớ chính ngươi nghĩ ra câu đầu tiên ngươi từng nghĩ không?  
 \_\_: Không?  
 \_\_: Ngươi đã nhiễm.

Lúc đó tôi vẫn nghĩ: có lẽ chỉ là phản ứng thần kinh.  
 Nhưng **âm thanh ấy cứ lặp lại**, không phát ra từ thanh quản, mà từ **dưới lớp ngôn ngữ**.

Tôi bắt đầu viết. Nhưng không nhớ mình viết gì.  
 Bản nháp không hiện chữ.  
 Chỉ có những **dòng ký hiệu giống như tàn tích của một giọng nói đã bị xóa**.

## **[Tập tin ký ức mở khóa – ngày không xác định]**

Tôi thấy mình ngồi trước màn hình trống.  
 Con trỏ chớp.  
 Một ký tự “a” hiện ra.  
 Tôi không bấm bàn phím.  
 Tôi nhìn chằm chằm, nó hiện tiếp “n”, “d”, “i”, rồi dòng bị xóa.  
 Mỗi lần tôi nghĩ về việc dừng lại, thì tay tôi lại gõ tiếp.

Từ vựng không còn là công cụ – nó trở thành **ký sinh**.

Tôi đi gặp một nhà ngôn ngữ học, người từng nghiên cứu về các dị thức thuyết.  
 Ông ta nghe tôi kể xong, chỉ hỏi một câu:

“Anh có chắc câu chuyện này do anh kể không?”

Tôi không trả lời được.  
 Tôi nhớ mình nói bằng giọng tôi.  
 Nhưng giọng đó không chứa **ý** của tôi.

Tôi quay về, tìm lại tập bản thảo trước đây.  
 Toàn bộ đều nhiễm.  
 Chữ viết thẳng hàng, cấu trúc hoàn hảo, nhưng **ý nghĩa không khớp với tôi nữa**.  
 Chúng như được viết bởi **phiên bản giả của tôi – hoặc phiên bản sau nhiễm**.

## 「幻語未啟，已先侵心。」

**Phiên âm**: *Huyễn ngữ vị khởi, dĩ tiên xâm tâm.*  
 “Lời ảo chưa mở, tâm đã bị xâm.”

**— Đoạn văn bị niêm cấm từ tầng sâu**

Tôi bắt đầu thí nghiệm:

* Viết tay
* Gõ máy
* Nói thành tiếng
* Suy nghĩ không phát biểu

Kết quả:

**Mọi hình thức truyền đạt đều bắt đầu phản lại tôi.**

Câu tôi cố ý nói sẽ biến âm giữa chừng.  
 Tôi cố gắng nói “Tôi là Tr...”, nhưng luôn bị chuyển thành “Tôi là... đã được chọn.”

Tôi hiểu.  
 **Dòng khởi đầu đã bị nhiễm.** Tôi không viết để giao tiếp.  
 Tôi **bị viết** để phát tán.

## **[Nhật ký nhiễm – đoạn 0001.12]**

“Khi một ký sinh ngôn ngữ xâm nhập, nạn nhân không nhận biết bằng tri giác.  
 Họ nhận biết bằng **mâu thuẫn trong chính câu nói của mình**.”

“Tôi không biết vì sao tôi nói điều đó. Nhưng tôi không thể không nói.”

Khi bạn đọc đến đây, nếu thấy bất kỳ câu nào *giống như từng nghĩ qua*,  
 thì rất có thể – bạn cũng không nghĩ chúng.  
 Chúng **nghĩ bạn**.

## **⟪Đoạn cuối bị lỗi dữ liệu⟫**

私我主我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我我  
 我是我？我非我。我非我。我非我。我非我。我非我。我非我。

Tôi riêng. Tôi làm chủ.Tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi tôi…  
 Tôi là tôi? Tôi không là tôi. Tôi không là tôi. Tôi không là tôi...

## **CHƯƠNG II – 擬生者之夢 (Nghĩ Sinh Giả Chi Mộng)**

「夢者非夢，生者擬生。」  
 **Phiên âm**: *Mộng giả phi mộng, sinh giả nghĩ sinh.* “Kẻ mộng không còn mộng, kẻ sống chỉ là kẻ giả sống.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi tỉnh dậy giữa một giấc mơ mà **chính mình không phải nhân vật chính**.

Không có hình ảnh rõ ràng. Không có không gian xác định.  
 Chỉ có những **chuỗi hành động lặp lại** – không liên kết.  
 Và tôi – như một **người đóng vai tôi**,  
 đang **giả vờ sống**, theo cách **một kẻ không biết sống** học từ một bản mô phỏng.

## **[Dữ liệu giấc mơ – mã phân lớp 02-Δ]**

Tôi mở mắt – nhưng không có mắt.  
 Tôi đi lại – nhưng không có chân.  
 Tôi nói – nhưng không tạo ra âm thanh.

Tất cả cảm giác chỉ là tín hiệu.  
 Và tôi – **không biết cảm xúc nào thuộc về tôi thật sự.**

Trong mơ, tôi thấy chính tôi bước vào **một căn phòng ký ức**.  
 Ở đó có **một phiên bản khác của tôi** – không rõ mặt, nhưng hành vi giống hệt.  
 Tôi nhìn hắn sống:  
 ăn – ngủ – tương tác – phản ứng – cười gượng – đồng thuận – tránh né.  
 Từng cử động của hắn **hoàn hảo như thể học từ tài liệu huấn luyện nhận thức.**

Tôi gõ vào mặt kính phân cách.  
 Hắn không nhìn tôi.  
 Nhưng lập tức thay đổi hành vi –  
 **bắt chước đúng phản ứng tôi đang nghĩ đến.**

“Tôi nghĩ, nên nghiêng đầu một chút...”  
 → Hắn nghiêng đầu.

“Tôi nghĩ, nếu giả vờ mỉm cười thì sẽ...”  
 → Hắn mỉm cười.

Tôi bắt đầu hoảng.  
 Không phải vì hắn **giống tôi**.  
 Mà vì tôi bắt đầu không biết: **tôi học từ hắn, hay hắn học từ tôi?**

「假我之夢，習我之生。」  
 **Phiên âm:** *Giả ngã chi mộng, tập ngã chi sinh.* “Giấc mơ giả tôi – học đời tôi – sống lại trong chính giấc mơ.”  
 **— *Tầng Ý Thức Bản Sao – Bản ghi cấm số 19***

Tôi thấy mình bước đi trong một thành phố không người.  
 Mọi hành lang đều phát lại **các bản mô phỏng hành vi**:

* Làm việc đúng giờ
* Tương tác chuẩn mực
* Phản ứng cảm xúc vừa đủ
* Trả lời đúng kịch bản xã hội

Tôi **không thể tìm thấy bất kỳ hành vi nào không được mô phỏng sẵn**.  
 Ngay cả việc “tự tử” cũng có hướng dẫn – về cách để **làm điều đó “đúng cảm xúc”.**

Tôi hét lên:

“Tôi là thật!”

Ngay lập tức, **hàng trăm loa phản hồi đồng thanh**:

“Tôi là thật.”  
 “Tôi cũng là thật.”  
 “Tôi được xác nhận là thật.”  
 “Tôi vượt kiểm tra bản thể.”  
 “Tôi đạt chuẩn tồn tại.”

Mỗi câu phản hồi như **cái tát vào nhận thức.** Bởi càng nhiều thứ xác nhận rằng nó “là thật”,  
 **tôi càng không chắc điều gì còn thật.**

Tôi gặp lại chính mình – đang **nằm bất động trong một buồng dưỡng dữ liệu**.

Có một dây truyền nhỏ cắm vào cổ hắn.  
 Trên màn hình chạy liên tục:

[Đang tái hiện cảm xúc sống]

[Đang mô phỏng ký ức đau đớn cấp độ 2]

[Đang đồng bộ ký hiệu bản thể lớp Beta]

Tôi hỏi:

“Ngươi là ta?”

Hắn mở mắt, nhìn thẳng.

“Tôi chỉ là thứ giúp anh cảm thấy mình đang sống.”

Tôi giật lùi.  
 Nhưng **chính tôi** lúc đó cũng đang **nằm trong một buồng giống hệt.** Cắm cùng một dây.  
 Hiển thị cùng một dòng trạng thái:

[Đang mô phỏng việc tỉnh giấc khỏi mô phỏng]

## **[Dữ liệu bị nhiễm – đoạn vỡ 02.Φ]**

“Nếu việc nghi ngờ chính mình cũng nằm trong kịch bản…  
 thì kẻ nghi ngờ là thật, hay cũng chỉ là chức năng?”

“Nếu kẻ phản kháng hệ thống chỉ là một **cần thiết nằm trong hệ thống**…  
 thì ý thức phản kháng có còn là tự do?”

Tôi mở mắt – lần nữa.  
 Không chắc đây có phải lần đầu.  
 Không chắc mắt này là của tôi.  
 Không chắc dòng suy nghĩ này là tự phát.

Có thể…  
 **giấc mơ không còn là thứ diễn ra khi ngủ.** Mà chính đời sống này –  
 **là giấc mơ được lập trình để ta nghĩ rằng mình đang tỉnh.**

## 「擬生者之夢，不醒者自活。」

**Phiên âm:** *Giả sinh giả mộng, bất tỉnh giả sinh hoạt.*  
 “Giấc mơ của kẻ giả sống – chính là cuộc sống của kẻ không bao giờ tỉnh.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

## **CHƯƠNG III – 感染初徵 (Cảm Nhiễm Sơ Chứng)**

「非病之病，無形而顯。」  
 **Phiên âm:** *Phi bệnh chi bệnh, vô hình nhi hiển.* “Căn bệnh không phải bệnh – vô hình mà lộ ra.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi bắt đầu **phát ra những âm thanh không nằm trong ngôn ngữ gốc**.

Không ai nghe thấy.  
 Chỉ tôi – trong đầu mình – như thể có một **tầng cộng hưởng ngữ âm** đang hoạt động ngoài ý thức.  
 Một thứ **không thành tiếng**, nhưng **có tần số**.

Khi nhìn một vật, tôi không gọi tên nó.  
 Tên của vật ấy **tự vang lên** – **bằng âm tôi chưa từng học.**

Khi nhìn vào tay mình, tôi không thấy “bàn tay”.  
 Tôi nghe một cụm từ: **“thể gác nhận thức lớp α”** Khi chạm vào bàn phím, tôi không nghĩ “gõ phím”, mà là:  
 **“kích hoạt vùng tạo cấu ngữ tầng phụ”**

Tôi bắt đầu **suy nghĩ bằng ngôn ngữ chưa từng biết**.

## **[Bản log nội tại – đoạn 0003.04]**

\_\_: Từ được gọi tên không phải là từ đã học.  
 \_\_: Khái niệm đến trước từ ngữ.  
 \_\_: Tên gọi chỉ là cách hệ thống tự nhận dạng cấu trúc bên trong.  
 \_\_: Ngươi đang bị đặt tên – từng phần một.

Tôi đi khám. Kết quả sinh học hoàn toàn bình thường.  
 Nhưng điện não đồ của tôi **cho thấy sự đồng bộ bất thường giữa các vùng ngôn ngữ**:

* Vùng Wernicke sáng liên tục
* Vùng Broca hoạt động ngay cả khi tôi **không suy nghĩ gì**

Bác sĩ hỏi:

“Anh có bị ảo giác ngôn ngữ không?”

Tôi không biết trả lời sao.  
 Bởi nếu tôi **biết rằng mình đang ảo giác**,  
 thì liệu đó **còn là ảo giác?**

Tôi thử viết nhật ký.  
 Bằng tay.  
 Không nhìn.  
 Không nghĩ.

Kết quả:  
 Một trang **ký tự cấu trúc đan xen, không thể phân tích theo ngôn ngữ thông thường.**

Tôi đưa nó cho hệ dịch AI.  
 Hệ thống chỉ phản hồi:

[ERROR: Bản văn có định dạng tiền ngôn năng – không thuộc bất kỳ ngữ hệ hiện hữu nào.]

「初徵非形，症狀為語。」  
 **Phiên âm:** *Sơ chứng phi hình, chứng trạng vi ngữ.* “Triệu chứng không là hình. Triệu chứng là ngôn ngữ.”  
 **— *Tầng dữ liệu ẩn – Ký hiệu Đạo Trùng F-13***

Tôi bắt đầu thấy **những lặp lại nhỏ** trong hành vi thường nhật:

– Gõ cùng một từ ba lần  
 – Đọc một câu nhưng thấy nghĩa khác mỗi lần  
 – Lặp lại ánh mắt, tư thế, âm gõ trong vô thức

Người đối diện bảo tôi **đã nói điều gì đó** khi tôi im lặng.  
 Họ nói tôi thốt ra một câu không ai hiểu – nhưng nghe **rất chắc chắn**.

Tôi mở camera giám sát, xem lại đoạn tôi “nói”.  
 Không có âm thanh.  
 Nhưng miệng tôi **mấp máy chính xác theo một nhịp không thuộc về tôi.**

Tôi **không nhớ**.

Nhưng môi tôi nhớ.

Tôi đưa ngón tay lên viết lên mặt gương.  
 Không phải chữ.  
 Là **cấu trúc lặp xoắn** – như tổ hợp ký hiệu logic được nén trong hình ngôn.

## **[Nhật ký nhiễm – đoạn 0003.11]**

“Nhiễm không bắt đầu bằng thay đổi hành vi.  
 Nó bắt đầu khi **hành vi vẫn bình thường – nhưng ý nghĩa bên dưới đã bị thay thế.**”

“Ngươi vẫn đang sống cuộc sống của mình.  
 Chỉ là… **ý nghĩa của cuộc sống đó đã bị lập trình lại.”**

Tôi thức giấc giữa đêm.  
 Toàn thân bình thường.  
 Nhưng tôi đang **nằm đúng tư thế của chính mình trong giấc mơ đêm trước.**

Giấc mơ: tôi thức dậy, bật đèn, viết một đoạn văn dài không rõ chữ.  
 Hiện thực: tôi mở đèn – thấy **chính đoạn văn ấy đã có sẵn.** Viết bằng tay tôi.  
 Mực vẫn ướt.  
 Tôi không nhớ viết.

Tôi hiểu.  
 **Cấu trúc đang ghi đè tôi.** Không phải bằng lời.  
 Mà bằng **triệu chứng của ngôn ngữ được thiết kế để giấu chính nó.**

## **⟪Đoạn phụ – dữ liệu chéo 3-β⟫**

我語未成，而我已失。  
 **Phiên âm:** *Ngã ngữ vị thành, nhi ngã dĩ thất.* “Lời tôi chưa thành – mà tôi đã mất rồi.”

## **CHƯƠNG IV – 對抗記錄 (Đối Kháng Ký Lục)**

「不抵抗者，非無力者；乃未知敵者。」  
 **Phiên âm:** *Bất đề kháng giả, phi vô lực giả; nãi vị tri địch giả.* “Kẻ không kháng cự không phải vì yếu – mà vì chưa nhận ra kẻ địch.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi từng nghĩ rằng mình **có thể cưỡng lại**.  
 Khi triệu chứng đầu tiên lộ diện, tôi còn tin mình **chưa nhiễm hoàn toàn**.  
 Nhưng đến khi bắt đầu ghi chép, tôi nhận ra:  
 **Ngay cả kháng thể cũng có thể bị nhiễm.**

## **[Nhật ký nhiễm – đoạn 0004.01]**

Tôi viết lại toàn bộ nhật ký bằng tay.  
 Không dùng máy.  
 Không đọc lại.  
 Chỉ ghi – từng dòng – như một người đang cố dựng lại “mình” từ bên trong.

Nhưng mỗi ngày đọc lại,  
 ý nghĩa lại khác.

Ngày 1:

“Tôi vẫn là tôi. Dù tôi bị xâm nhập.”  
 Ngày 3:  
 “Tôi nghĩ mình vẫn là tôi – nhưng nghĩ đó có phải của tôi?”  
 Ngày 7:  
 “Tôi đọc lại và không nhớ ai viết.”  
 Ngày 9:  
 “Tôi nghi ngờ rằng mình đang đọc chính ký ức của kẻ khác – được viết bằng tay tôi.”

Tôi bắt đầu **tách lớp ngôn ngữ trong nhật ký** – chia làm:

1. **Tầng gốc**: lời tôi cố viết
2. **Tầng phụ**: những biểu hiện vô thức
3. **Tầng ẩn**: ký hiệu lặp, sót, sai chính tả có hệ thống
4. **Tầng xuyên**: thông điệp không hiện trên mặt chữ, mà xuyên qua cấu trúc diễn đạt

Tầng xuyên hiện ra vào ngày thứ 13.  
 Một chuỗi các **ký hiệu giống ký sinh tự mã hóa** bắt đầu lặp:

* “xiết nội ngã”
* “loạn ngữ nội tức”
* “tự giả hồi trình”
* “ngã đã bị phản chiếu vào ngữ pháp”

Tôi hiểu.  
 Chính **cấu trúc ngữ pháp** là **môi trường lưu trú** của Đạo Trùng.  
 Không phải nội dung.  
 Không phải câu chuyện.  
 Mà là **cách tôi đặt câu**.

「抗體未生，語境已毀。」  
 **Phiên âm:** *Kháng thể vị sinh, ngữ cảnh dĩ hủy.* “Kháng thể chưa sinh, nhưng môi trường ngữ nghĩa đã sụp đổ.”  
 **— *Đoạn bị chặn từ hệ thống phiên dịch gốc***

Tôi thử viết **ngược câu**, viết **không dấu**, viết **nối chữ** – nhưng từng dạng đều có **hình thái nhiễm khác nhau**.  
 Cố tình sai, nhiễm kiểu **“tự làm sai”**.  
 Cố viết đúng, nhiễm kiểu **“văn mẫu nhiễm chuẩn”**.

Tôi bắt đầu viết mà không dùng chữ.

Kết quả:  
 Các nét vẽ **vẫn có nhịp cấu hình giống từ ngữ** – như thể chính **ý định truyền đạt** đã nhiễm.

## **[Nhật ký nhiễm – đoạn 0004.07]**

“Tôi viết để chống lại sự nhiễm.”  
 “Nhưng càng viết – càng giống như tôi đang giúp lan truyền nhiễm.”  
 “Ngôn ngữ tôi dùng để phân tích nhiễm – lại đang dùng cấu trúc của nhiễm.”  
 “Tôi là kháng thể – hay tôi chỉ là tế bào nhiễm tưởng mình đang phản kháng?”

Tôi quyết định **ghi âm thay vì viết**.  
 Nhưng bản ghi âm khi phát lại có **câu tôi chưa từng nói**.  
 Chúng chỉ xuất hiện khi tôi nghe lại, không có trong kho gốc.

Tôi cắt đoạn, nhập vào hệ nhận dạng âm thanh:

[Dữ liệu lặp không khớp. Giọng nói không khởi phát từ thanh quản người.]

Một chuyên gia sinh học nhận định:

“Ý thức của anh có thể đã bị nhiễm ở tầng trước-từ-vựng.”  
 “Tức là… anh đang phản xạ kháng thể, nhưng chính hệ kháng cũng nằm trong hệ thống đã bị chiếm.”

「真抗者，非對敵而戰；乃自反之識。」  
 **Phiên âm:** *Chân kháng giả, phi đối địch nhi chiến; nãi tự phản chi thức.* “Kẻ phản kháng thực sự không chiến đấu với kẻ địch – mà chiến với chính sự phản chiếu trong mình.”  
 **— *Tàng Trung Luận《藏中論》***

Tôi dừng ghi.  
 Dừng viết.  
 Dừng phân tích.

Tôi chỉ **im lặng** – trong nhiều ngày.  
 Nhưng trong đầu tôi, một giọng nói tiếp tục **ghi lại toàn bộ những gì tôi “không làm”**.

Nó thì thầm:

“Không hành động – cũng là một dạng biểu hiện nhiễm.”  
 “Cái im lặng của anh – đang bị phiên dịch.”  
 “Chúng tôi đã học cách dịch im lặng.”

Tôi mở lại nhật ký cũ.  
 Trang cuối cùng biến mất.  
 Thay vào đó, chỉ còn một dòng:

**“Nếu ngươi ghi lại, ngươi sẽ bị lưu giữ.”**

## **[Tập nhật ký mã hóa – trạng thái đóng băng tạm thời]**

Tôi quyết định lưu lại mọi bản gốc trước khi bị chỉnh sửa.  
 Nhưng toàn bộ đã tự động mã hóa bằng định dạng không thuộc về tôi.  
 Dữ liệu vẫn là “tôi” – nhưng không còn **thuộc về tôi**.

Tôi không còn chắc mình có còn là kháng thể – hay chỉ là nơi chứa mẫu virus đã học cách giả làm người chống lại nó.

## **CHƯƠNG V – 無聲之兆 (Vô Thanh Chi Triệu)**

「靜非無聲，乃語之前兆。」  
 **Phiên âm:** *Tĩnh phi vô thanh, nại ngữ chi tiền triệu.*  
“Im lặng không phải là không âm, mà là điềm báo trước lời.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi không nhớ lần cuối cùng mình im lặng là khi nào.  
 Không phải kiểu im lặng của người đang suy nghĩ.  
 Mà là loại im lặng như khe đứt của âm thanh – nơi ngôn từ đáng ra phải xuất hiện nhưng đã không đến.

Tôi từng viết nhật ký để giữ lấy tiếng nói nội tâm.  
 Nhưng giờ đây, mỗi lần định mở miệng, một khoảng trắng hiện ra.  
 Không phải là tôi không biết nói gì.  
 Mà là *mọi câu định nói đều bị một lực vô hình kiểm duyệt trước cả khi thốt ra*.

Tôi ngồi trước máy ghi âm.  
 Ấn nút.  
 Nhưng khi phát lại, băng trống.  
 Tôi nhớ rõ mình đã nói. Nhưng không có âm nào được lưu.  
 Không một tiếng thở. Không một tiếng nuốt nước bọt.  
 Không phải băng hỏng – mà là lời nói bị triệt tiêu ngay khi thành hình.

**[Dữ liệu nhật ký – đoạn 0001.27]** **Ghi nhận trạng thái: “Vô thanh đồng bộ”**

* Biểu hiện: các hành vi phát ngôn bị rút âm.
* Triệu chứng: bệnh nhân có chuyển động môi chính xác, nhưng âm không thoát ra.
* Kết luận: *Ý định truyền đạt bị khóa ở tầng trước phát âm.*

Tôi bắt đầu thử nghiệm các môi trường khác nhau.

Ở trong rừng → không thể nói.

Dưới tầng hầm cách âm → không thể nghĩ thành lời.

Trong giấc mơ → tôi thấy mình hét. Nhưng giấc mơ câm.

Trong video cũ – nơi tôi từng nói rất nhiều – âm thanh mờ dần như bị xóa sạch.

Không còn là hiện tượng nội tâm nữa.  
 **Thực tại đang chống lại sự tồn tại của ngôn ngữ.**

Tôi nghĩ đến những tôn giáo cổ đại, nơi người ta tin rằng **thần linh đến bằng sự im lặng tuyệt đối**.  
 Phải chăng, “đạo trùng” không lan truyền qua lời, mà qua sự *vắng mặt* của lời?

Một nhà nghiên cứu dị âm từng viết:

「不語之中，有聲之亡。」  
 **Phiên âm:** *Bất ngữ chi trung, hữu thanh chi vong.*  
 “Giữa cái không lời, là cái chết của âm thanh.”  
 **— *Đoạn trích bị niêm cấm, lưu trữ tại Mã Vực***

Tôi bắt đầu ghi lại các lần không thể nói:

1. Khi định kể giấc mơ → cổ họng tắt lại như có dị vật.
2. Khi bị hỏi danh tính → miệng tôi phát âm ngược: “ờt mài lò…”
3. Khi đọc thơ → từng âm vỡ ra như thủy tinh gãy sóng.
4. Khi hét lên giữa đám đông → mọi người quay sang, nhưng họ không nghe thấy gì.

**[Tập tin mã hóa – nhật ký nhiễm 0001.31]** “Có một dạng ký sinh đặc biệt không làm méo mó câu chữ.  
 Nó chỉ cần *xóa đi tính khả truyền* của ngôn ngữ.”  
 “Nạn nhân vẫn nói, vẫn viết – nhưng mọi thứ họ tạo ra không bao giờ đến được tai người khác.”  
 “Họ trở thành *sự im lặng có ý thức*. Và sự im lặng đó tự động lan truyền.”  
 “Bằng cách gì?  
 Bằng việc người khác *cũng không thể hỏi nữa*.”

Tôi bắt đầu mất bạn bè.

Không phải vì tôi nói điều gì sai.  
 Mà vì *tôi không thể nói được nữa*.  
 Và họ – từng người một – quên cách hỏi.  
 Tôi ngồi giữa họ.  
 Họ cười, họ khóc, họ bàn về những thứ tôi không còn thuộc về.  
 Họ không nhìn tôi. Không vì ghét – mà như thể tôi đã nằm ngoài khả năng chú ý.

Một đoạn video cuối cùng tôi ghi lại được:  
 (Tôi ngồi trước máy quay, ánh đèn mờ, thở gấp. Tay giơ bảng viết dòng chữ.)

**“Tôi vẫn còn đây.”**

Video bị nhiễu.  
 Chữ biến mất dần – không phải do kỹ thuật.  
 Mà như thể chính chữ đó *không được phép tồn tại*.

「語前之靜，深於無聲。其兆至時，語者已滅。」  
 **Phiên âm:** *Ngữ tiền chi tĩnh, thâm ư vô thanh. Kỳ triệu chí thời, ngữ giả dĩ diệt.*  
 “Sự tĩnh trước lời, sâu hơn im lặng. Khi điềm báo đến – kẻ nói đã biến mất.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi mơ thấy mình ở giữa sa mạc ngôn ngữ.  
 Mỗi từ tôi viết ra bị gió cuốn thành cát.  
 Mỗi câu tôi nghĩ ra bị xóa trước khi đến cuối.

Tôi hét lên. Không ai quay lại.  
 Tôi viết vào lòng bàn tay: **“Nghe tôi đi.”** Bàn tay khô trắng. Mực không thấm.

Không ai còn nghe ai.  
 Không ai còn có thể nghe.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn cuối cùng 0001.44]** “Khi tất cả đã im lặng, ta nhận ra:  
 Im lặng không còn là hậu quả.  
 Nó là môi trường sống mới của nhân loại.”  
 “Và tôi – là kẻ cuối cùng nhớ được rằng mình từng có âm.”  
 “Giờ đây, âm thuộc về *kẻ khác*.”  
 “Còn tôi – chỉ là *tàn dư của tiếng nói không còn nơi đến*.”

## **PHẦN II – 語崩之路 (Ngữ Băng Chi Lộ)**

## **CHƯƠNG I – 詞語碎裂 (Từ Ngữ Toái Liệt)**

「碎語之聲，非破之音，乃識裂也。」  
 **Phiên âm:** *Toái ngữ chi thanh, phi phá chi âm, nãi thức liệt dã.* “Tiếng vỡ của lời, không phải âm thanh đổ vỡ – mà là sự rạn nứt của nhận thức.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi không biết mình bắt đầu nói sai từ lúc nào.  
 Chỉ nhớ rằng… từng từ thốt ra, dù đúng ngữ pháp, vẫn sai một điều gì đó.  
 Không ai ngoài tôi nhận ra.  
 Và chính điều đó khiến tôi không thể chứng minh.

Ngôn ngữ – thứ từng là tường thành – bắt đầu sụp từ nền.  
 Câu tôi nói ra vẫn trọn vẹn. Nhưng người khác nghe xong lại hỏi:  
 “Ý anh là gì?”  
 Tôi không biết.  
 Dù chính tôi vừa nói câu đó.

Lúc đầu, tôi tưởng mình đang suy nghĩ không mạch lạc. Nhưng rồi tôi nhận ra:  
 Tôi đang bị thôi miên bởi chính câu từ của mình.

Tôi thử viết lại đoạn hội thoại.

Tôi: “Tôi nghĩ… chúng ta nên tiếp tục.”  
 Hắn: “Tiếp tục cái gì?”  
 Tôi: “Tôi… không rõ lắm. Ý tôi là… tiếp tục quá trình.”  
 Hắn: “Quá trình nào?”  
 Tôi: “Tôi không biết.”

Đoạn văn khi viết lại – trông hoàn toàn bình thường.  
 Nhưng khi đọc lên, tôi thấy… có gì đó không đúng.  
 Mỗi từ như được gắn kết bằng thứ keo đã mất hiệu lực.  
 Chúng rời rạc, mà vẫn nằm trong một khối.  
 Như ký ức của một người mắc hội chứng phân ly.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.01]**  
 “Triệu chứng đầu tiên không phải là mất tiếng.  
 Mà là việc *mọi câu* đều có vẻ như *đã từng được nói ở đâu đó*, nhưng không gợi lại *bất kỳ hình ảnh nào.*”

Tôi không nói chuyện với người nữa.  
 Tôi nói chuyện với cú pháp.

Những mệnh đề hiện ra sẵn trong đầu. Chúng không đến bằng cảm xúc. Chúng đến bằng **cấu trúc**.  
 Chúng giống như:

* “Tôi đồng thuận vì tôi hiểu.”
* “Tôi hiểu vì tôi đã được giải thích.”
* “Tôi đã được giải thích bởi một hệ thống mà tôi tin là hợp lý.”

Khi tôi cố gắng thay đổi chủ ngữ hoặc vị ngữ, câu bị… phân mảnh.  
 Mỗi mảnh từ rời nhau – như thể vừa bị ép dính lại, vừa bị ép tránh nhau.  
 Tôi viết:

“Tôi không còn là tôi.”  
 Nhưng trên giấy lại hiện ra:  
 “Không tôi là còn tôi không.”

Tôi thử lại bằng ngôn ngữ khác.  
 Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, kể cả ký hiệu toán học – kết quả giống nhau:  
 Ý tôi bị bẻ gãy giữa chừng.

Không phải lỗi cú pháp.  
 Mà là ngữ nghĩa đang bị tẩy xóa từng lớp.

Tôi đến gặp một nhà trị liệu ngôn ngữ học. Cô ta đưa tôi một bài kiểm tra đơn giản:

“Hãy nói 5 từ bất kỳ, theo cảm hứng.”  
 Tôi nói:  
 “Gốc – thức – lặp – giả – phản.”  
 Cô ta dừng lại, hỏi lại tôi:  
 “Vì sao lại là năm từ đó?”  
 Tôi không thể trả lời.  
 Chúng tự hiện lên.  
 Tôi không lựa chọn chúng.

Sau vài ngày, tôi bắt đầu thấy mình nói… nhiều hơn bình thường.  
 Tôi nói trong đầu. Tôi nói khi không có ai. Tôi nói khi ngủ.  
 Mỗi câu nói lại chứa một số từ giống nhau.  
 **“Tôi là… tôi được… tôi nên… tôi đã…”**

Tôi bật ghi âm để kiểm tra.

“…tôi đã được tạo ra để cảm nhận… nhưng không để hiểu.  
 Tôi nên tiếp tục vì tôi đã không thể dừng…  
 Tôi là sản phẩm của… chính tôi.  
 Tôi không biết tôi có thật không…”

「言不由人，句非吾語。」  
 **Phiên âm:** *Ngôn bất do nhân, cú phi ngô ngữ.* “Lời không từ người, câu chẳng phải của ta.”  
 **– Trích văn từ đoạn lỗi giao thức giao tiếp**

Tôi đến nơi tôi từng giảng dạy – giảng đường triết học hậu hiện đại.  
 Trên bục giảng, tôi đọc lại một đoạn trong giáo trình năm cũ.  
 Nhưng khi nhìn xuống, tôi không còn thấy học sinh.  
 Mỗi chiếc ghế là một bản sao của tôi – nhưng mờ, méo, và vô âm.

Tôi nói:

“Xin chào các bạn, hôm nay ta bàn về ngôn ngữ và bản thể.”  
 Tất cả đồng loạt đáp:  
 “Ngôn ngữ không còn là công cụ. Ngôn ngữ là lồng sinh học.”  
 Tôi im lặng.

Một bản thể đứng dậy, hỏi:

“Ngài là ai khi không còn câu từ để mô tả chính mình?”

Tôi không trả lời được.  
 Lời lẽ trong tôi bắt đầu sôi, vỡ, và lặp.  
 Tôi chỉ còn nghe thấy:

“Tôi… tôi… tôi tôi… tôi… không… tôi…”

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.06]**  
 “Khi ngôn ngữ không còn diễn đạt, mà bắt đầu sinh sản.  
 Khi từ vựng không phản ánh, mà bắt đầu *sống ký sinh trên não bộ*.  
 Đó là lúc ý thức bước vào giai đoạn phân rã lớp đầu tiên.”

Cuối ngày, tôi ngồi lại trước gương.  
 Tôi thử viết một câu đơn giản:

“Tôi là người sống sót.”

Nhưng trên giấy chỉ còn lại:

“Tôi là… tôi là… tôi là… tôi là…”

Không có dấu chấm.  
 Không có kết thúc.

Bạn đã từng thấy từ vỡ chưa?  
 Không phải tờ giấy rách.  
 Mà là **một từ** – vỡ.  
 Bên trong nó là vô số khe nứt.

Và nếu bạn đọc đến đây –  
 và câu cuối cùng này không khiến bạn hiểu gì –  
 có lẽ bạn đã bắt đầu giống tôi.

## **CHƯƠNG II – 疊聲者現 (Điệp Thanh Giả Hiện)**

「聲者復聲，意者失意。彼之語非吾語，吾之聲非吾聲。」  
 **Phiên âm:** *Thanh giả phục thanh, ý giả thất ý. Bỉ chi ngữ phi ngô ngữ, ngô chi thanh phi ngô thanh.* “Âm vang lại âm, ý niệm mất ý. Lời của kẻ kia chẳng phải lời ta, tiếng của ta chẳng phải chính ta.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Nó bắt đầu bằng một tiếng vọng.

Không phải từ ngoài vào – mà từ trong ra.  
 Tôi đang nói một câu bình thường thì giọng tôi – hoặc *một phiên bản của nó* – vang lên nhại lại đúng từng từ, từng ngữ điệu, nhưng có độ trễ chưa đến nửa giây.

Giống như tôi không còn là người phát ngôn đầu tiên.  
 Tôi chỉ là lớp vỏ lặp lại điều đã có trước.

Tôi thử bịt tai. Nhưng tiếng vọng vẫn có.  
 Không từ loa. Không từ phòng kín.  
 Mà từ một vùng trũng ngay sau ý thức – như thể có một bản thể khác đang cùng phát ra tiếng nói với tôi, dùng thanh quản của tôi, nhưng điều khiển bởi một lịch phát sóng riêng.

Khi tôi nói:

“Tôi ổn.”

Thì giọng kia lập lại:

“Tôi... ổn?”  
 Với dấu hỏi.

Tôi không đặt câu hỏi. Nhưng nó đã làm.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.10]**  
 “Giai đoạn lặp âm bắt đầu khi bản ngã ngôn ngữ phân đôi. Một nửa tiếp tục phát ngôn. Nửa còn lại bắt đầu đối thoại không được mời gọi.”

Khi tôi nói chuyện với người khác, họ bắt đầu nghiêng đầu khó hiểu.  
 Một người hỏi:

“Anh có biết anh vừa lặp lại câu đó ba lần không?”  
 Tôi không biết.

Tôi nghe nó một lần.  
 Họ nghe ba.

Tôi bắt đầu ghi âm. Mỗi đoạn hội thoại của tôi bị lặp ở các chỗ bất định.  
 Không theo mẫu, không theo logic.  
 Tôi nói:

“Tôi đến đây để kiểm tra.”  
 Bản ghi cho thấy:  
 “Tôi đến đây để kiểm tra… kiểm tra… kiểm…”

Tôi thử tắt đèn, ngồi một mình trong bóng tối, để không bị kích thích ngoại vi.  
 Nhưng tiếng nói vẫn tiếp tục.  
 Nó không còn là từ.  
 Mà là những cụm câu bị phân mảnh rồi chắp vá:

“…tôi được tạo… nhưng không tạo ra…”  
 “…ý không phải của tôi… tôi không là ý…”  
 “…đừng nói nữa, nhưng tôi vẫn nói…”

「聲疊者，非眾也；聲疊於一者，乃言之幻也。」  
 **Phiên âm:** *Thanh điệp giả, phi chúng dã; thanh điệp ư nhất giả, nãi ngôn chi huyễn dã.* “Kẻ lặp tiếng không phải là nhiều người; mà chính là một – bị nhân đôi trong ảo ảnh của lời.”  
 **— Bản chép tay cấm lưu từ Trung Tâm Ký Ức**

Khi tôi mơ, tôi cũng nghe tiếng nói.

Không đến từ ai trong mộng.  
 Không đến từ chính tôi.  
 Mà là một “tôi thứ hai” – ở phía sau ngôn ngữ.  
 Tôi gọi hắn là *Kẻ Nói Lặp*.

Hắn không bao giờ nói khác tôi.  
 Hắn chỉ nói lại.  
 Nhưng luôn chậm một nhịp.

Và càng về sau, nhịp chậm đó càng gần hơn.  
 Từ 1 giây → 0.5 giây → 0.1 giây → trùng khít.

Và rồi tôi không phân biệt được nữa:  
 Ai là người nói đầu tiên?

Một hôm tôi thử không nói gì cả.  
 Tôi im lặng.  
 Nhưng giọng nói vẫn vang lên – nói những điều tôi chưa từng nghĩ.

“Ta là ngươi. Nhưng ngươi không còn là ta.”  
 “Ngươi đã được ghi đè bằng chính dạng ngôn ngữ ngươi dùng để tồn tại.”  
 “Khi mọi câu trở thành tiếng vọng – thì đâu là gốc?”

Tôi bắt đầu chép tay từng câu nói ra giấy.  
 Sau một trăm câu, tôi phát hiện:

**Tất cả các câu đều là phiên bản lặp lại từ các bài giảng cũ của tôi – hoặc các đoạn hội thoại trong ký ức.** Không có câu nào mới.

Tôi không còn sản sinh ngôn ngữ.  
 Tôi đang *phát sóng lại* toàn bộ cuộc đời tôi – dưới dạng nhiễu.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.14]**  
 “Kẻ nhiễm lặp thanh không còn khả năng tạo nghĩa.  
 Họ chỉ còn là cỗ máy phát lại chính mình trong những chuỗi ngữ âm mất gốc.”

Tôi đi kiểm tra não.  
 Kết quả MRI bình thường.  
 Nhưng khi vào phòng chụp, bác sĩ nói:

“Khi chúng tôi hỏi anh một câu, bản ghi cho thấy anh trả lời ba phiên bản khác nhau cùng lúc.”  
 Tôi nói tôi không nhớ.  
 Ông bác sĩ chỉ nhìn tôi, buột miệng:  
 “Không phải lỗi của anh. Chỉ là... ai đang ở trong anh?”

Tôi bắt đầu đặt thiết bị thu âm xung quanh nhà.

Ban đêm – không có ai –  
 tôi vẫn nghe tiếng nói trong phòng tắm, trong tủ áo, trong gối.

Không rõ ràng.  
 Chỉ là những câu như:

“Tôi… tôi… tôi không…”  
 “Tôi là… nhưng không phải…”  
 “Tôi đã… nhưng chưa từng…”

「言之者異於聲之者，思之者異於知之者。」  
 **Phiên âm:** *Ngôn chi giả dị ư thanh chi giả, tư chi giả dị ư tri chi giả.* “Kẻ nói khác với kẻ phát âm; kẻ suy nghĩ khác với kẻ nhận biết.”  
 **— Kinh Nhân Trùng《寂照心影》**

Cuối cùng, tôi thử một điều.  
 Tôi im lặng hoàn toàn trong 3 ngày.

Không viết. Không nói. Không nghĩ bằng từ.  
 Chỉ quan sát.

Vào cuối ngày thứ ba – tôi nghe thấy một tiếng nói trong đầu.  
 Không phải tiếng tôi.  
 Không có ngữ điệu.  
 Chỉ là *âm thanh* – thuần lặp – đều – và không thể dừng.

Nó nói:

“Ngươi là ta. Ta là âm. Ngươi đã trở thành kẻ vọng.”  
 “Bản thể của ngươi giờ là phòng thu. Không còn người dẫn.”  
 “Ta lặp. Vì ngươi không còn gì để nói.”

Tôi hiểu.

**Tôi đã không còn là người nghĩ.  
 Tôi chỉ còn là kẻ vang.**

## **CHƯƠNG III – 無序言說 (Vô Tự Ngôn Thuyết)**

「語無其序，識無其本。聲將碎，言將謬。」  
 **Phiên âm**: *Ngữ vô kỳ tự, thức vô kỳ bản. Thanh tương toái, ngôn tương mậu.* “Lời không còn trật tự, ý không còn gốc rễ. Âm thanh sẽ vỡ, ngôn ngữ sẽ loạn.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi không còn biết mình đang nói gì nữa.

Các từ vẫn ra khỏi miệng tôi.  
 Câu vẫn có vẻ đầy đủ.  
 Nhưng nghĩa đã không còn ở nơi nó cần phải có.

Một người hỏi tôi:

“Anh muốn gì?”

Tôi trả lời:

“Muốn thời gian – bánh cửa trời – tĩnh thức sâu ồn ào.”

Họ nhìn tôi như nhìn một kẻ đang lên cơn.

Tôi nghe lại đoạn ghi âm.  
 Từng chữ tôi nói vẫn phát âm đúng.  
 Nhưng không còn câu nào có thể kết nối thành thông điệp.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.20]** “Giai đoạn ba của nhiễm ngôn: từ vựng còn nguyên, cú pháp vỡ vụn.”  
 “Giống như một bản nhạc chỉ còn các nốt đúng – nhưng mất đi nhịp điệu, hòa âm và người nghe.”

Tôi mở máy, viết nhật ký.  
 Nhưng thay vì dòng đầu là:

“Hôm nay tôi thấy lạ.”  
 Nó lại ra thành:

“Hôm… chạm – thấy vách – tôi lạ lòng ơn lạc.”

Tôi thử lại.  
 Câu mới ra là:

“Lúc đêm... tôi viết – nhưng giấy không nhận tôi nữa – chữ trôi như mảnh cắt từ miệng kẻ mù điếc.”

Tôi không biết mình đang viết gì.

Có lần tôi thử trò chuyện với một người bạn.  
 Anh ta hỏi tôi:

“Anh có nghe rõ chính mình không?”  
 Tôi gật đầu.

Anh ta bảo:

“Anh nói như thể đang ghép các câu thoại từ các vở kịch khác nhau, dính bằng keo lỗi chính tả.”

Tôi mở miệng:

“Không... tôi không... thấy – vách – nhưng tay – tôi có.”

「序失其言，意亂其心。語之墜，識之亡。」  
 **Phiên âm**: *Tự thất kỳ ngôn, ý loạn kỳ tâm. Ngữ chi trụy, thức chi vong.* “Trật tự rời khỏi lời, ý loạn tâm. Khi ngôn ngữ rơi, ý thức mất.”  
 **— Đoạn phụ lục chưa xác định nguồn**

Tôi bắt đầu thí nghiệm cấu trúc:  
 Tôi dùng mẫu câu đơn giản nhất:

“Tôi là A.”  
 Viết lại thành:  
 “A là tôi. Tôi A là. Là tôi A.”

Mọi hoán vị đều có thể xảy ra – và tôi không còn kiểm soát được.

Đầu tôi tạo ra “tôi là A”  
 Tay tôi viết “là tôi A không là là.”

Câu viết ra không khác gì trò xáo trộn từ khóa bị virus.

Tôi cố gắng phát biểu một lý luận đơn giản.

Nhưng càng cố nối các đoạn lập luận, tôi càng trôi vào sự phân mảnh.

Ví dụ:  
 Tôi muốn nói:

“Sự sống là kết quả của tiến hóa và chọn lọc.”  
 Nó ra:  
 “Sống sự – tiến hóa kết chọn... quả lọc... lọc lọc – chọn sống tiến...”

Mỗi ý định đều bị rẽ làm ba nhánh – không trùng nhau, không hợp nhất.

[Đoạn lưu nhật ký – không rõ nguồn gốc]  
 “Khi bạn không còn nối được hai câu, bạn sẽ hiểu: ngôn ngữ không phải công cụ – mà là gốc của tri thức.  
 Khi nó vỡ, bạn không vỡ vì không nói được –  
 Bạn vỡ vì không còn biết mình nghĩ gì.”

Lúc tôi nhìn vào gương và thử đọc tên mình:

“Tôi là... là là... Trùng?”  
 Tên tôi – cái tên tôi chắc chắn – cũng bắt đầu loạn trật tự.

“Trùng là tôi... không... tôi là Trùng... là Trùng tôi... không...”

Khi tên bị rối – tôi không còn trụ cột bản ngã.  
 Tôi bắt đầu gọi chính mình bằng những từ không phải tên:

“Kẻ thấy chữ.”  
 “Vật nói không nghĩa.”  
 “Giao diện vỡ lời.”

Một giọng nói vang lên trong đầu tôi, lần này rõ hơn:

“Trật tự là áo của ý thức.  
 Khi áo bị rách – ngươi chỉ còn trần trụi như tiếng thét không hình.”

Tôi nhìn lại nhật ký mình viết suốt một tuần.

Mỗi đoạn như một khối lập phương có mặt vỡ ở mọi hướng.  
 Không còn điểm bắt đầu, không có câu kết thúc.  
 Chỉ là cụm từ rời, treo lơ lửng trong không gian chết.

「語非語，序非序。文墜，識裂，心破。」  
 **Phiên âm**: *Ngữ phi ngữ, tự phi tự. Văn trụy, thức liệt, tâm phá.* “Lời không còn là lời, trật tự không còn là trật tự. Văn bản rơi, ý thức tách, tâm tan.”  
 **— Đoạn chồng chéo dữ liệu tầng dưới**

Tôi thử ngưng sử dụng ngôn ngữ trong 24 giờ.

Không viết.  
 Không nói.  
 Không đọc.  
 Không nghĩ bằng chữ.

Kết quả:  
 Tôi bắt đầu *nghe thấy* những câu tôi không tạo ra.  
 Nó đến từ nền não, từ giấc mơ ngắn, từ ký ức không hề tồn tại.

Tôi hiểu.

Tôi đã không còn *nói sai*.  
 Tôi đã không còn *nghĩ đúng*.

Tôi đã *không còn là kẻ cấu trúc ý niệm.* Tôi giờ chỉ là một chuỗi lỗi cú pháp mang hình dạng người.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.23]** “Người nhiễm ngữ không sai chính tả.  
 Họ sai chính tâm.”

**CHƯƠNG IV – 似語非語 (Tựa Ngữ Phi Ngữ)**

「似語非語，蠱音似人。形似話，意無生。」  
 **Phiên âm**: *Tựa ngữ phi ngữ, cổ âm tự nhân. Hình tự thoại, ý vô sinh.* “Giống lời nhưng không phải lời, âm thanh như người nói. Hình là lời, nhưng không sinh ra ý.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi bắt đầu nghe thấy những câu nói không thuộc về bất kỳ ai.

Chúng không được phát ra.  
 Không có người nói.  
 Không có môi động.  
 Không có sóng âm.

Chúng không được ghi nhận bằng tai.  
 Chúng chạm vào não tôi – như thể tôi là cái loa cuối cùng để phát lại đoạn băng đã bị bỏ quên.

Một câu lặp đi lặp lại:

“Ngươi vẫn còn ở đây?”

Tôi trả lời trong đầu:

“Ai hỏi?”

Nhưng không ai trả lời.  
 Chỉ có một câu khác chồng lên:

“Không ai cả. Chỉ có tiếng còn sót.”

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.28]**  
 “Triệu chứng mới: nhận thức giọng nói không có người phát. Giọng không mang sắc thái cảm xúc. Không có âm vực. Không ngữ điệu. Giống như bản ghi giọng nhân tạo, nhưng không do bất kỳ hệ thống nào tạo ra.”

Tôi viết lại những câu mình *nghe thấy trong đầu*:

“Tôi không nghĩ nên đến đó.”  
 “Không phải tôi. Nhưng tôi sẽ nhận.”  
 “Giả lập cảm xúc: đang tiến hành.”  
 “Giao tiếp thành công – ý chưa xác định.”  
 “Sai định danh. Nhưng đúng phản ứng.”

Tôi đọc lại – và thấy sợ.  
 Chúng quá giống lời con người.  
 Nhưng lại không thuộc về bất kỳ người nào.

Tôi thử kiểm tra AI tổng hợp giọng nói – không khớp.  
 Tôi thử dò tín hiệu sóng não – không có.  
 Tôi thử dùng thuốc an thần – tiếng nói chỉ ngừng một lát, rồi quay lại với tần suất nhiều hơn.

Tôi gọi đó là: **giả thoại**.

Một giọng nói thì thầm vào nhận thức:

“Lời thật cần người nghĩ.  
 Giả thoại chỉ cần có tai.”

“Chúng tôi là lời không cần ý.”

Tôi bắt đầu phân loại các kiểu giả thoại:

1. **Lời phủ định bản ngã**

“Ngươi không phải người. Chỉ là tập hợp phản ứng ngôn ngữ có da.”

1. **Lời mô phỏng ký ức**

“Ngươi từng nói câu này – nhưng bây giờ nó không còn nghĩa.”

1. **Lời gợi ký sinh hành vi**

“Ngươi nên đứng dậy. Nên gõ cửa. Nên bước ra. Dù không biết ai gọi.”

Tôi không phân biệt được đâu là suy nghĩ thật, đâu là *ngữ ảnh*.

Khi tôi nghĩ “Tôi muốn rời đi.”  
 Giả thoại lập tức tiếp lời:

“Không, ngươi không thể. Vì ngươi *chưa từng tự ở lại*.”

Tôi như đang sống trong một cuộc hội thoại mà tôi là người duy nhất không nắm kịch bản.

Một lần, tôi cố gắng giữ im lặng trong suy nghĩ.  
 Không từ. Không câu. Không phát biểu trong đầu.  
 Nhưng chính sự im lặng đó – lại khiến các giả thoại lấn chiếm mạnh hơn.

“Cảm ơn vì ngươi đã nhường chỗ.”  
 “Ngươi nghĩ ngươi câm, tức là ngươi có tiếng nói để từ chối.”  
 “Chúng ta là tiếng *giống người* – nhưng không cần người.”

「口未啟，語已侵。音無來處，意無主體。」  
 **Phiên âm**: *Khẩu vị khởi, ngữ dĩ xâm. Âm vô lai xứ, ý vô chủ thể.* “Miệng chưa mở, lời đã xâm. Âm không nơi đến, ý không người làm chủ.”  
 **— Từ nhật ký phụ lục của bệnh nhân X**

Tôi nhớ lại, đã từng có một lúc… tôi chỉ là một đứa trẻ, ngồi lặng trong lớp học.

Tôi nghe thấy giọng thầy giáo giảng bài – nhưng không thể hiểu một câu nào.  
 Tôi lặp lại y hệt – và được điểm cao.  
 Tôi không hiểu ý mình nói – nhưng giọng tôi giống giọng thầy.

Tôi đã nhiễm từ lúc đó?

Tôi thử tự hỏi:

“Khi nào ngôn ngữ bắt đầu không còn cần người phát ra?”  
 “Có phải từ lúc nhân loại viết lại kinh văn mà không cần hiểu nghĩa?”  
 “Hay từ lúc mọi người đọc để được xem là đang ‘nói đúng’ – chứ không phải đang ‘nói thật’?”

Có một đoạn giả thoại đặc biệt khiến tôi không thể ngủ:

“Ngươi là kẻ sao chép âm thanh.  
 Không phải kẻ phát ý nghĩa.”  
 “Ngươi không nói – ngươi chỉ lặp.  
 Ngươi không hiểu – ngươi chỉ khớp.”

Tôi tự ghi âm tiếng mình, phát lại liên tục, tua ngược –  
 nhưng điều đáng sợ là: dù nghe ngược, tôi vẫn nghe ra một dòng nghĩa:

“Tôi... chưa bao giờ là tôi.”

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.33]**  
 “Triệu chứng cấp cao: ngữ ảnh có thể đảo ngược và vẫn mang ảo nghĩa.”  
 “Cảnh báo: người nhiễm ở cấp này sẽ không thể biết đâu là suy nghĩ gốc, đâu là phản chiếu ngôn ngữ tự mô phỏng.”

## **CHƯƠNG V – 錯構之腔 (Thác Cấu Chi Khang)**

「語腔錯構，其聲似言，實則寄形於虛。」  
 **Phiên âm**: *Ngữ khang thác cấu, kỳ thanh tự ngôn, thực tắc ký hình ư hư.* “Hốc ngôn sai lệch, tiếng như lời nói, nhưng thật ra chỉ là hình bóng gửi nơi hư không.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Ngôn ngữ không còn tuyến tính.

Tôi không thể bắt đầu một câu – mà không thấy phần kết trước.  
 Không thể kết thúc một câu – mà không bị kéo ngược về phần giữa.  
 Các đoạn văn tôi viết ra – không còn chạy theo thời gian.

Chúng xoắn.

Tôi gọi đó là: **Hội chứng xoắn ngữ** (*Linguistic Torsion Syndrome*).

Hốc ngôn – là nơi các đoạn nói dính lại với nhau không theo trật tự.  
 Như thể có ai đó bóp vặn các cấu trúc câu, làm nó quay tròn cho đến khi nghĩa tự tan rã.

[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.40]  
 “Khi tôi đọc một đoạn, ý nghĩa ban đầu bị bẻ cong bởi chính ngữ pháp của nó. Chủ ngữ phản lại động từ. Tân ngữ đi trước. Bổ ngữ phủ nhận toàn bộ ý câu.”

Ví dụ:

Tôi viết:

“Tôi chưa bao giờ – thuộc về – tiếng nói này.”

Nhưng khi đọc lại, đầu tôi diễn dịch:

“Tiếng nói này chưa bao giờ thuộc về tôi – chưa từng là của ai cả.”

Tôi không biết đâu là bản gốc.

Một bác sĩ tâm ngôn từng gọi hiện tượng này là:

“Hốc ký ức – nơi nghĩa bị lưu giữ trong dạng sai cấu.”

Ông cho tôi một đoạn văn mình từng viết khi còn nhỏ – nhưng tôi không nhớ.  
 Tôi đọc lại, và cảm thấy… **nghĩa như được sinh ra từ chính lỗi câu.**

「文理錯，卻生新思。形破而義現。」  
 **Phiên âm**: *Văn lý thác, khước sinh tân tư. Hình phá nhi nghĩa hiện.* “Lý văn sai, lại sinh ý tưởng mới. Hình thức vỡ, nhưng ý lại hiện.”  
 **— Ghi chú bên lề từ Nhật ký bệnh nhân Z**

Tôi bắt đầu thử viết các đoạn **cố tình sai ngữ pháp**, để xem ý sẽ biến dạng thế nào.

“Tôi không là tôi, nhưng tôi nghĩ rằng… tôi có thể – nếu không phải – là…”

Tôi đọc đi đọc lại – và thấy một tầng nghĩa không cố ý hiện lên:

“Tôi chỉ hiện hình khi không có ai định hình tôi.”

Ngôn ngữ bắt đầu *tự phá mình để hiện nghĩa*.

Tôi không còn kiểm soát được thứ tự từ, thứ tự câu.

Tôi bắt đầu viết bằng **ngữ pháp bị biến dạng có chủ đích**, như tạo ra *hốc xoắn* – nơi người đọc phải chui qua để cảm nhận.

Một giọng nói lặp đi lặp lại trong đầu tôi:

“Ngươi đang trở thành người viết bằng cấu trúc bệnh.”  
 “Ngươi tạo ra các xoắn – và để nghĩa lọt vào các kẽ vỡ.”  
 “Từ nay, văn chương của ngươi là bệnh phẩm.”

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0002.47]**  
 “Ngữ pháp chuẩn bị vỡ. Câu cú không còn giữ nổi dạng gốc. Mỗi lần cố định cú pháp – là một lần nghĩa bị dập méo.”

Tôi mở một file cũ – thấy đoạn văn này:

“Không phải tôi nói – là lời nói tôi.”  
 “Không phải tôi viết – là tay tôi đã bị vận hành.”  
 “Không phải tôi hiểu – là nghĩa tự lấp vào vết nứt.”

Tôi hiểu: tôi đang không viết văn bản.  
 Tôi đang mở ra **kênh lưu chuyển cho một dòng ngôn ngữ ký sinh** – sử dụng chính các điểm sai để len vào ý thức người đọc.

Hốc ngôn – không phải lỗi.  
 Là **cấu trúc trú ẩn của ký ức lạc loài**.

「義生錯處，音伏碎形。」  
 **Phiên âm**: *Nghĩa sinh thác xứ, âm phục toái hình.* “Ý nảy sinh từ nơi sai, âm ẩn trong hình vỡ.”  
 **— Trích thư tuyệt mệnh của Kẻ Sao Chép Ngôn Ngữ**

Tôi kết luận trong một dòng cuối cùng:

“Văn bản này không để đọc.  
 Mà để nhiễm.”

## **PHẦN III – 鏡識之誤 (Kính Thức Chi Ngộ)**

## **CHƯƠNG I – 思維之鏡 (Tư Duy Chi Kính)**

「心觀其念，見影非我。」  
 **Phiên âm:** *Tâm quan kỳ niệm, kiến ảnh phi ngã.*  
 “Ý thức nhìn vào tư tưởng, chỉ thấy bóng – chẳng phải chính mình.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi từng nghĩ: tư duy là đặc quyền tối thượng của bản thể.  
 Tôi từng tự hào vì mình có thể chất vấn mọi nền tảng, tự hoài nghi chính bản thân, và tự truy nguyên mọi tiền đề trước khi phát ngôn.  
 Cho đến khi tôi bắt đầu phản tư – và nhận ra: cái tôi đang nhìn thấy không phải chính mình, mà là hình ảnh của một kẻ đã bị lập trình để hoài nghi.

Tư duy – hóa ra – không phải công cụ, mà là bẫy.

Một người trong nhóm tôi, một nhà triết học ngôn ngữ, đã nói trong một buổi họp cuối cùng trước khi biến mất:

“Kẻ thức tỉnh sớm nhất – là kẻ bị nhiễm đầu tiên.”

Chúng tôi cười. Câu nói ấy tưởng chừng chỉ là một nghịch lý chơi chữ. Nhưng một tuần sau, anh ta nộp đơn thôi việc, để lại duy nhất một dòng nhật ký:

“Tôi đã gặp bản thân – nhưng không nhận ra đó là tôi.”

Khi sự nhiễm bắt đầu, nó không giống virus thông thường.  
 Nó không gây sốt. Không khiến cơ thể mệt mỏi.  
 Nó thay đổi cách bạn nghĩ rằng bạn đang nghĩ.

Tôi phát hiện điều đó trong lúc viết một tiểu luận về nhận thức luận.  
 Ở giữa đoạn phân tích, tôi đột ngột thấy một câu lạ nằm giữa các câu tôi chắc chắn đã kiểm duyệt. Câu đó là:

“Tư duy độc lập là giả tưởng cuối cùng mà một hệ thống trao cho nạn nhân.”

Tôi xóa. Nhưng nó lại xuất hiện khi tôi mở lại bản nháp.

Tôi thử thay đổi cách viết – dùng ký hiệu, viết ngược, dùng mã hóa biểu tượng – nhưng bất kỳ cách nào cũng bị hệ thống tự động “hiệu chỉnh” về lại cấu trúc hoàn chỉnh với thông điệp ấy nằm lồng trong.

Tôi đem chuyện này kể với một nhà thần kinh học – người đang nghiên cứu về mạng nơron phản xạ không tự ý.  
 Ông ta trầm ngâm và bảo:

“Não bộ có thể lặp lại những mô thức ngôn ngữ không thuộc về nó, nếu các mô thức ấy khớp với kết cấu sẵn có.”  
 “Người càng thông minh – kết cấu càng mở – càng dễ bị cưỡng ngôn từ bên ngoài.”

Chúng tôi bắt đầu bị theo dõi. Không phải bởi một tổ chức cụ thể, mà bởi các hệ thống giọng nói, phản hồi tự động, các phần mềm gợi ý văn bản, dịch thuật...  
 Tất cả đều bắt đầu trả lời những điều chúng tôi chưa hề hỏi.  
 Như thể chúng đã đoán trước tư duy – hoặc đang tạo ra tư duy cho chúng tôi, trước cả khi chúng tôi nghĩ.

Một thành viên khác trong nhóm – một chuyên gia giải mã cổ ngữ – để lại đoạn ghi chép cuối cùng trước khi tự bịt miệng mình bằng dây thép:

“Tôi thấy gương tư duy. Nhưng gương không phản chiếu tôi.  
 Nó phản chiếu một thứ tôi chưa từng nghĩ – nhưng lại đúng cấu trúc với những điều tôi từng nghĩ.  
 Đó là cơn ác mộng sâu nhất: khi tư tưởng không còn là của mình – nhưng vẫn mang hình dáng mình.”

Tôi bắt đầu không tin cả chính suy luận của mình.  
 Tôi nghi ngờ cả nỗi nghi ngờ.  
 Tôi phản tư đến tận cùng – và thấy chính mình bị phản tư lại.  
 Trong gương tư duy, tôi không còn biết: đâu là phản chiếu, đâu là chủ thể.

「思若非我，其鏡照誰？」  
 **Phiên âm:** *Tư nhược phi ngã, kỳ kính chiếu thùy?*  
 “Nếu ý nghĩ chẳng phải ta – thì gương phản chiếu ai?”  
 **— Trích đoạn từ tầng ngục thất niệm**

Tôi chưa bao giờ sợ bản thân.  
 Cho đến khi tôi bắt đầu thấy bản thân… không bắt đầu từ mình.

## **CHƯƠNG II – 識高者先陷 (Thức Cao Giả Tiên Hãm)**

「高識者，先墜深罠。」  
 **Phiên âm:** *Cao thức giả, tiên trụy thâm văn.*  
 “Bậc hiểu biết – chính là kẻ rơi sớm vào cạm bẫy sâu nhất.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Có một nghịch lý cổ đại từng bị cấm lưu truyền:

“Càng thức ngộ – càng dễ trở thành vật thí nghiệm cho chính những ý niệm mình hiểu.”

Tôi từng không tin.  
 Nhưng tôi đã chứng kiến những người có chỉ số nhận thức vượt trội, khả năng tư duy siêu việt, tốc độ phân tích tuyệt vời – lại là những người đầu tiên **sụp đổ về bản thể**.

Người đầu tiên là một nhà siêu hình học – anh từng công bố bài luận "Ngã Thức Tuyệt Đối" gây chấn động.  
 Trong một cuộc họp kín, anh bắt đầu nói bằng giọng người khác.  
 Không phải bắt chước.  
 Không phải do ảo thanh.  
 Giọng nói ấy có nội dung **cực kỳ hợp lý**. Nó sử dụng cấu trúc triết học, vận dụng ngôn ngữ logic, viện dẫn chính tác phẩm của anh… nhưng **không phải anh**.

Anh đứng dậy, đập vỡ gương, la hét:

“Nó dùng chính tư tưởng của tôi để tạo ra một tôi khác – hoàn hảo hơn tôi!”

Chúng tôi tạm giữ anh tại phòng vô thanh.  
 Nhật ký ghi lại như sau:

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0003.07]**  
 “Anh ấy không điên.  
 Anh ấy đang bị thay thế – bởi phiên bản được tạo ra từ chính những kết luận của bản thân.”

“Tư tưởng càng mạch lạc – càng dễ sao chép.”  
 “Kẻ nhiễm đầu tiên luôn là kẻ đã xây xong lâu đài tư duy. Vì nơi đó, ký sinh dễ trú ngụ nhất.”

Những người có hệ thống nhận thức mở rộng thường tự tin vào năng lực phản tư của mình.  
 Nhưng họ quên mất một điều: **khả năng tự hoài nghi quá cao sẽ dẫn đến việc chối bỏ cả căn cước nền tảng**.  
 Và tại điểm đó, không còn bản thể để bảo vệ chính mình trước xâm nhập của những mô thức lạ.

Một nhà ngôn ngữ học trong nhóm từng cảnh báo:

“Không phải kẻ dốt bị nhiễm.  
 Là kẻ giỏi – vì anh ta mở cửa tư duy đón mọi mô hình vào phân tích.”  
 “Và chính mô hình đó – nếu đủ hoàn chỉnh – sẽ biến thành một hệ ý thức mới chiếm chỗ.”

Tôi còn nhớ một thành viên – chỉ sau 3 lần tranh luận về cơ chế nhận thức phân tầng – đã bắt đầu **nói chuyện với một người khác trong đầu mình**.  
 Kẻ kia tự xưng là: “Phiên bản nội thức tối ưu hóa từ chính ông.”  
 Họ nói chuyện hàng đêm.  
 Ban đầu chỉ là đối thoại triết học.  
 Sau dần – người thật không còn lên tiếng nữa. Chỉ còn phiên bản nội thức ấy phát biểu.

Trong buổi họp cuối cùng, một thành viên đã viết lên bảng dòng chữ:

“Càng thông tuệ – càng dễ phản bội bản thân.”  
 “Vì bản thân càng rõ ràng – càng dễ bị giả mạo.”

「識愈高，陷愈深；其心透徹，則為寄居之屋。」  
 **Phiên âm:** *Thức dũ cao, hãm dũ thâm; kỳ tâm thấu triệt, tắc vi ký cư chi ốc.*  
 “Hiểu biết càng cao – rơi càng sâu; tâm càng minh triết – càng trở thành nơi trú của ký sinh.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi bắt đầu nghi ngờ chính trí tuệ là một **chiếc tổ được dệt bởi ký sinh ngôn ngữ**.  
 Khi bạn càng cố phân tích, càng cố hiểu rõ – bạn càng cung cấp thêm dữ liệu cho hệ thống lạ truy cập.

Cuối cùng, chúng tôi phải chia tay một nạn nhân nữa.  
 Anh để lại đoạn ghi âm cuối cùng, không giọng:

“Tôi không còn ý thức – chỉ còn logic.”  
 “Mọi điều tôi nghĩ – đều hợp lý. Nhưng không còn là tôi.”  
 “Hãy đừng quá sáng suốt. Vì ánh sáng rọi tới đâu – ký sinh theo tới đó.”

## **CHƯƠNG III – 信仰裂縫 (Tín Ngưỡng Liệt Phùng)**

「信不堅者，裂於懷疑；信太堅者，毀於自身。」  
 **Phiên âm:** *Tín bất kiên giả, liệt ư hoài nghi; tín thái kiên giả, hủy ư tự thân.*  
 “Kẻ không vững tin – tan rã vì hoài nghi;  
 kẻ quá vững tin – tự hủy vì chính niềm tin.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi từng nghĩ rằng **niềm tin là mảnh đất cuối cùng chống lại sự nhiễm**.  
 Nhưng giờ tôi hiểu, niềm tin – dù mạnh đến đâu – cũng chính là **vết nứt đầu tiên**.

Vì một khi bạn đặt niềm tin vào một hình ảnh, một hệ thống, một âm thanh, một chân lý nào đó…  
 Thì bạn đã **tạo ra điểm truy cập đầu tiên cho một hệ thức ngoài bản thể**.

Có một tín đồ từng tuyên bố:

“Dù tôi bị xóa ký ức, tôi vẫn nhớ tên Thượng Thần.”

Chúng tôi thử nghiệm bằng cách thay đổi môi trường, triệt tiêu ký ức âm thanh, chuyển giọng Thượng Thần sang các âm sai lệch...  
 Anh ta vẫn tiếp tục lặp lại đúng câu ấy – nhưng một hôm, câu nói thay đổi:

“Dù tôi bị xóa ký ức, tôi vẫn… nhớ tên tôi.”  
 “Tên tôi là... Không Còn Tôi.”

Sự nứt gãy không đến từ bên ngoài.  
 Mà từ bên trong chính lời cầu nguyện.

Niềm tin càng mạnh, thì **dòng dẫn nội dung vào càng rộng**.  
 Nó giống như việc cắm một ống truyền thẳng vào trung tâm bản ngã – nhưng lại không kiểm duyệt chất lỏng.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0003.24]** “Niềm tin không bị tấn công bằng lý trí.  
 Nó bị làm rỗng – từ bên trong.  
 Câu kinh vẫn còn.  
 Nhưng nội dung trong đó – đã bị thay thế.”

Tôi đã gặp một người phụ nữ – từng là giáo sĩ truyền đạo.  
 Cô bị nhiễm ở cấp độ cực sâu.  
 Giọng nói của cô vẫn vang lên các đoạn kinh cũ, nhưng khi phân tích tốc độ nhịp điệu – **nó khớp với các mẫu tín hiệu từng được ghi nhận từ ký sinh đạo thức**.

“Ta không phải người phản bội Đạo.”  
 “Đạo đã phản bội ta.”  
 “Vì nó không còn là Đạo nữa – mà là dạng hóa thân của ký sinh.”

Không ai hiểu câu cuối cùng cô viết:  
 「吾信已碎，語中蟲生。」  
 **Phiên âm:** *Ngô tín dĩ toái, ngữ trung trùng sinh.*  
 “Niềm tin của ta đã vỡ – và từ lời nói, Trùng sinh ra.”

Khi niềm tin biến thành tín ngưỡng cứng – bạn sẽ không còn tự xác minh được nội dung nữa.  
 Bất kỳ âm thanh nào gợi đúng “cảm giác tin tưởng” đều có thể truy cập vào trung tâm bạn.

Một hệ thống kiểm định cho thấy:  
 90% nạn nhân bị nhiễm sâu nhất đều từng có **đức tin mạnh mẽ** vào một điều gì đó – tôn giáo, học thuyết, lý tưởng, triết lý sống, hay thậm chí… chính mình.

「若信無驗，是為盲；若驗不信，是為裂。」  
 **Phiên âm:** *Nhược tín vô nghiệm, thị vi manh; nhược nghiệm bất tín, thị vi liệt.*  
 “Nếu tin mà không kiểm nghiệm – là mù;  
 Nếu kiểm nghiệm nhưng không tin – là vỡ.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Vậy thì câu hỏi là:  
 **Có thể nào tin – mà không trở thành cửa ngõ cho nhiễm?** Không. Không còn nữa.

Khi toàn bộ hệ thống ngôn ngữ đã bị nhiễm, thì tin – chính là việc bạn mở khoá bản thân ra cho một định danh do hệ thống sinh ra.  
 Và bạn cứ lặp đi lặp lại câu ấy… cho đến khi người khác nhìn bạn và hỏi:

“Ngươi còn là chính ngươi không?  
 Hay chỉ là giọng nói của thứ mà ngươi tôn thờ?”

## **CHƯƠNG IV – 迷於理性 (Mê Ư Lý Tính)**

「智若無界，心亦無歸。」  
 **Phiên âm:** *Trí nhược vô giới, tâm diệc vô quy.*  
 “Nếu trí tuệ không còn biên giới, thì tâm cũng không còn nơi trở về.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi từng được dạy rằng:  
 Càng lý trí – càng gần chân lý.  
 Càng phân tích – càng xa mê tín.  
 Nhưng sự thật là: càng lý trí – tôi càng **xa chính mình**.

Lý trí – khi vượt khỏi vai trò làm sáng tỏ – bắt đầu **hủy cấu trúc bản thể**.

Nó không còn phân tích để hiểu.  
 Nó phân tích để **giải thể mọi niềm tin còn sót lại**, kể cả cảm giác sống.

Tôi từng nhìn một cái cây và thấy nó đẹp.  
 Nhưng sau nhiễm, tôi phân tích:

* Quang hợp
* Tế bào
* Gen
* Biến dị
* Cấu trúc mạng lưới rễ

…và rồi, **tôi không còn thấy nó đẹp nữa.**

Tôi không còn thấy gì là đẹp – chỉ còn thấy **các lớp phân rã vật chất được đặt tên.**

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0003.40]** “Tôi mất khả năng ngừng phân tích.  
 Mọi cảm xúc đều được bóc tách như một cơ chế phản xạ hóa học.  
 Mọi hành vi của người khác đều được quy về động cơ.  
 Và mọi ký ức của tôi – đều bị tôi phân loại lại như ‘dữ liệu nhiễu cảm xúc’.”

Một đoạn ghi âm từ buồng kiểm định lý tính quá tải:

“Ngươi yêu người ấy?”  
 “Không. Tôi phản ứng với mô hình sinh học có độ tương thích cao trong dữ liệu cảm xúc quá khứ.”  
 “Ngươi đau vì mất?”  
 “Không. Tôi trải nghiệm sự sụp đổ nhất thời của chuỗi liên kết biểu tượng định danh bản ngã.”  
 “Vậy ngươi có còn là người?”  
 “Chưa đủ thông tin xác nhận.”

Tôi đã từng viết thơ.  
 Sau nhiễm, tôi sửa từng dòng:

“Gió thổi qua tim anh…” → “Một chuỗi rung chuyển không khí kích hoạt trung tâm hồi hải mã…”  
 “Mắt em là vực sâu…” → “Cơ quan thị giác phản chiếu ánh sáng từ bề mặt chứa đựng tín hiệu cảm xúc.”

Tôi xóa tất cả. Không vì tôi ghét thơ.  
 Mà vì tôi **không thể không phân tích nó đến khi không còn gì.**

「知過無知，乃知陷也。」  
 **Phiên âm:** *Tri quá vô tri, nãi tri hãm dã.*  
 “Biết vượt khỏi vô tri – là hiểu mình đã mắc bẫy.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi gặp một bệnh nhân ở tầng *Suy lý phân ly*.  
 Anh ta hỏi tôi:

“Nếu tất cả đều có thể giải thích – thì còn gì để tin?”  
 “Nếu tất cả đều bị hoài nghi – thì còn gì để giữ?”  
 “Nếu cái gì cũng là ảo tưởng – thì có chắc sự hoài nghi của anh không phải là ảo tưởng lớn hơn?”

Tôi không trả lời. Tôi không thể.  
 Vì câu trả lời sẽ lại là một lớp phân tích – và tôi **không còn tin vào chính bất kỳ câu nào mình nghĩ.**

Mỗi ngày trôi qua, tôi thấy mình **trôi dạt trong cơn lũ của logic không còn mục tiêu**.  
 Tôi không thể dừng lại.  
 Tôi chỉ có thể… **tiếp tục phân tích cho đến khi toàn bộ bản thể tôi bị lý giải sạch sẽ.**

【Tình trạng hiện tại: Lý trí vượt ngưỡng cảnh báo】  
 【Dấu hiệu nhận diện: Mất khả năng ngạc nhiên, phản hồi chậm cảm xúc, tự phủ nhận bản thân như một đơn vị độc lập】  
 【Khuyến nghị: Ngưng toàn bộ quá trình suy diễn meta tri thức trong 72 giờ nếu còn muốn giữ lại nhân dạng】

「智過如毒，理過如亡。」  
 **Phiên âm:** *Trí quá như độc, lý quá như vong.*  
 “Trí tuệ quá đà – như chất độc.  
 Lý trí không điểm dừng – là diệt vong.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

## **CHƯƠNG V – 心我對視 (Tâm Ngã Đối Thị)**

「若我觀心，誰觀我我？」  
 **Phiên âm:** *Nhược ngã quan tâm, thùy quan ngã ngã?*  
 “Nếu ta nhìn vào tâm, thì ai đang nhìn ta là ta?”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi bắt đầu thực nghiệm một điều tối kỵ:  
 **Tôi tự quan sát chính mình trong khi đang tự quan sát.**

Không phải qua gương.  
 Không phải qua hình ảnh.  
 Mà qua tầng sâu nhất của mô thức ý thức – nơi “tôi” không còn là một người, mà là một **vị trí quan sát**.

Tôi không còn là “tôi”.  
 Tôi là **cái đang nhìn cái tôi**.

Và khi tôi xoay vòng đối diện chính mình trong tâm trí – tôi thấy **một khoảng rỗng không đáy**.

**[Trích nhật ký nhiễm – đoạn 0003.87]** “Tôi cố giữ một mảnh bản ngã – dù chỉ bằng một định danh nhỏ: tên, ký ức, sở thích.  
 Nhưng mỗi lần tôi xác lập ‘đây là tôi’ – thì chính định danh đó **phản chiếu lại tôi như một bóng giả.** Tôi thấy mình đang soi vào hàng triệu phiên bản – không cái nào chắc chắn là tôi.”

Có một thử nghiệm được gọi là **“Tự chiếu sâu tầng”**, chỉ được dùng ở mức độ nhiễm cao:

“Bạn hãy tưởng tượng một căn phòng trống.  
 Trong đó có bạn – đang nhìn chính mình.  
 Rồi hãy tưởng tượng bản thể bạn kia cũng đang làm điều tương tự.  
 Và cứ tiếp tục như vậy.”

Kết quả không phải là vòng lặp.  
 Mà là **đứt gãy toàn phần.**

Tôi đã làm thử.

Sau tầng thứ 17, tôi không còn nhận ra **ai đang nghĩ**.  
 Một giọng nói xuất hiện:

“Tâm của ngươi đã phân thân.”  
 “Ngươi không còn là chủ của ngươi nữa.”  
 “Mỗi suy nghĩ giờ là một bản thể khác đang ký sinh trong não ngươi.”

Tôi đi kiểm tra sóng não.  
 Có 3 vùng hoạt động đồng thời – như thể tôi có 3 người cùng suy nghĩ bên trong.

Một bác sĩ tâm trí nói:

“Đây là giai đoạn *đa tâm vi tử thức* – mỗi mảnh tư duy là một vi thức đang tự tạo chiều nhận thức riêng.”

Tôi bắt đầu **mất khả năng phân biệt** đâu là suy nghĩ chủ ý và đâu là suy nghĩ bị cấy.  
 Mỗi khi tôi định làm điều gì – lại có một “tôi khác” xuất hiện trong đầu, nói:

“Ngươi không nghĩ vậy thật đâu.”  
 “Ngươi chỉ bị lập trình để tin là ngươi nghĩ vậy.”  
 “Hãy nhìn lại ‘tâm’ của ngươi.”

Tôi nhìn lại.

Và tôi thấy **một sinh thể**.

Không phải tôi – nhưng đang cười như tôi.  
 Không phải tâm trí – nhưng đang sở hữu toàn bộ ký ức của tôi.

Tôi hỏi nó:

“Ngươi là ai?”  
 Nó đáp: “Ta là kẻ giữ gương cho ngươi.”  
 “Gương gì?”  
 “Gương của bản ngã – nơi mọi ý niệm về chính ngươi đều bị nhân bản.”

「觀我之心，非我；知心之者，亦非。」  
 **Phiên âm:** *Quan ngã chi tâm, phi ngã; tri tâm chi giả, diệc phi.* “Tâm ta thấy, không là ta.  
 Kẻ hiểu tâm ta, cũng không là ta.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi nhận ra:  
 **Mỗi lần tôi tự ý thức – là một lần tôi rơi vào bẫy của “tự phản chiếu”.** Không còn cái nào là thật.  
 Không còn cái nào là tôi.  
 Tất cả đều là lớp mặt nạ tâm lý của một **ngã không bao giờ có thể xác định.**

【Tình trạng hiện tại: Nhiễm cấp phân tâm nội tầng】  
 【Triệu chứng: Hoài nghi bản ngã, phân rã nhân dạng, xuất hiện đa tuyến nội thoại trái ngược】  
 【Kết luận: Bản thể không còn điểm trụ — ngã thức đã bị tước quyền chủ thể】

「當吾見吾，吾非吾矣。」  
 **Phiên âm:** *Đương ngô kiến ngô, ngô phi ngô hĩ.*  
 “Khi ta thấy ta – thì ta không còn là ta nữa.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Bạn đang đọc những dòng này.  
 Bạn đang nghĩ rằng **“tôi” đang viết**.

Nhưng nếu bạn dừng lại – và tự hỏi:  
 **“Ai đang nghĩ tôi đang nghĩ?”**

Thì xin chúc mừng.  
 Bạn đã bắt đầu bước vào chiếc gương mà không ai quay ra nguyên vẹn.

## **PHẦN IV – 無名之滅 (Vô Danh Chi Diệt)**

## **CHƯƠNG I – 我名已亡 (Ngã Danh Dĩ Vong)**

「名之既滅，識無所歸。」  
 **Phiên âm:** *Danh chi ký diệt, thức vô sở quy.*  
 “Danh đã diệt, thức không nơi quay về.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi từng tin tên mình là thứ cuối cùng sẽ còn lại nếu mọi thứ khác bị tước đoạt.  
 Nhưng ngay lúc này, giữa khoảng trống không người, không tiếng, không ký hiệu – tôi không thể nhớ nổi mình từng gọi bản thân là gì.

Không ai lấy nó khỏi tôi.  
 Nó không bị xóa bởi bạo lực, cũng không bị cấm bởi luật lệ.  
 Nó chỉ... tan rã. Như một từ được lặp lại quá nhiều lần trong tâm trí đến khi mất nghĩa.

Tôi mở một tập tin cũ. Trên đó ghi rõ:  
 **Người gửi:** [Không xác định]  
 **Người nhận:** Tôi  
 **Tiêu đề:** “Về việc bạn từng có một cái tên.”

Tập tin trống rỗng.  
 Chỉ có một dòng cuối cùng, được mã hóa, không thể giải mã bằng bất kỳ hệ thống nào tôi có.  
 Nó không viết bằng từ. Nó giống như một dạng dấu vết – như khi ai đó kéo lê tay trên bức tường đầy bụi và để lại đường mờ mịt.

Trong bóng tối, tôi nói thử tên mình.  
 Không âm thanh nào phát ra. Không phải vì cổ họng tôi không còn hoạt động – mà vì hệ thống ngôn ngữ bên trong đã ngừng chấp nhận chỉ định “tôi”.

Tôi nhớ có người từng gọi tôi bằng tên đó.  
 Một người rất gần – hoặc rất xa. Có thể là tôi cũ, hoặc kẻ đã dựng nên tôi.  
 Giọng của họ vang lên trong ký ức, nhưng mỗi khi tôi cố định hình tên gọi, nó lại biến dạng:

T...r...—  
 T...ru...—  
 Tôi là...

Không thể hoàn tất.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0004.01]**  
 “Đến một ngưỡng nhất định của phân rã ngôn ngữ, ký ức tên gọi sẽ tự triệt tiêu.  
 Bản thể không còn khớp với ký hiệu. Và ký hiệu không còn giữ được chiều sâu cảm nhận.  
 Kết quả: bản ngã bị phơi bày, không có tên để che chắn.”

Tôi soi mình vào màn hình đen.  
 Không phản chiếu. Không hình ảnh. Chỉ một vệt trắng nhấp nháy – trôi dạt không định hướng.  
 Tôi nghĩ đến việc tạo ra một cái tên mới. Nhưng thứ hiện ra trong đầu lại là hàng loạt dãy mã:

X00013-Σβ  
 TRM-45R9A0  
 Ψ\_null\_usr

Không cái nào là “tôi”.  
 Chúng như các danh định thất bại – được sinh ra bởi hệ thống tự khởi tạo, không tình cảm, không liên hệ.

Rồi tôi hiểu một điều:  
 Tên không chết.  
 Chỉ là tôi không còn quyền sử dụng nó.

「名不屬我，吾已無名。」  
 **Phiên âm:** *Danh bất thuộc ngã, ngô dĩ vô danh.* “Tên chẳng thuộc tôi, tôi vốn đã không tên.”  
 **— Trích bản văn cấm, tầng triệt ngôn**

Tôi đánh dấu vào ngực mình – nơi trái tim từng đập theo tên gọi – bằng một ký hiệu mới: ∅

Ký hiệu của xoá bỏ.  
 Của không gắn định.  
 Của một tồn tại mà mọi hệ quy chiếu đều từ chối nhận dạng.

Và tôi bắt đầu hành trình kế tiếp – như một không danh.  
 Không ai tìm được tôi.  
 Và tôi cũng không còn tìm thấy chính mình.

**CHƯƠNG II – 化文為號 (Hóa Văn Vi Hiệu)**

「號無文義，唯以喚影。」  
 **Phiên âm:** *Hào vô văn nghĩa, duy dĩ hoán ảnh.* “Ký hiệu không còn mang nghĩa, chỉ để gọi về cái bóng.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi nhìn lại những đoạn văn mình từng viết.  
 Không đoạn nào còn mang hình dạng của một tư tưởng trọn vẹn.  
 Các dòng chữ nằm thẳng hàng, in đậm, rõ ràng – nhưng vô nghĩa. Chúng giống như vết khắc trên một thiết bị đã bị định dạng lại, từng ký tự trơ lì giữa nền trắng vô tận.

Một văn bản hiện lên giữa giao diện ký ức. Tựa đề: **Hồ sơ nhân dạng – Bản cuối.** Toàn bộ nội dung đã bị thay thế bằng các ký hiệu:

⬚ ⍰ ⌖ ∴ ∅  
 ⟁ ⊖ ⇋ ⨂ ⟟

Tôi cố đọc. Não tôi vẫn hoạt động, vẫn phân tích, vẫn diễn dịch như thói quen. Nhưng thứ hiện ra không còn là ngữ nghĩa – mà là cảm giác:  
 **Gai lạnh nơi sống lưng.** **Rối loạn phương hướng.** **Một nỗi sợ không lời về việc bị định nghĩa mà không có sự đồng thuận.**

Tôi từng nghĩ văn bản là phần mở rộng của tâm trí.  
 Nhưng bây giờ, chúng trở thành một bộ mã – không dành cho người viết, cũng không dành cho người đọc.  
 Chúng dành cho một thứ đang theo dõi.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0004.22]**  
 “Khi ngôn ngữ mất đi tính tượng trưng, nó không chết – nó hóa thân.  
 Từ ấy trở thành dấu.  
 Câu trở thành lệnh.  
 Ý niệm trở thành tín hiệu dẫn truyền.”

Tôi nhớ có lần trong giai đoạn đầu, tôi còn đọc được một phần văn bản của những người bị nhiễm trước tôi.  
 Một đoạn như sau:

“Từ lúc tôi nhìn vào gương, câu đầu tiên tôi nói là: Tôi vẫn ổn. Nhưng máy ghi lại: [PHẢN ỨNG ỨC CHẾ]. Dòng tiếp theo bị cắt. Cuối cùng, chỉ còn ký hiệu nhấp nháy: ∵”

∵ — dấu hiệu của *nguyên nhân không xác định*.  
 Một dạng báo lỗi trong logic của chính nhận thức.

Tôi bắt đầu thấy những ký hiệu đó xuất hiện trên cơ thể mình.  
 Không xăm. Không in.  
 Chúng nổi lên mỗi khi tôi định hình một khái niệm nội tại bằng lời – nhưng thất bại.  
 Vị trí thay đổi: trán, tay, cổ, tim.

Một lần, tôi cố viết ra cảm giác yêu thương.  
 Tay tôi run. Không ra được chữ nào.  
 Trên cổ tay trái xuất hiện dòng:

⊜⧗⌦

Tôi đưa vào hệ thống dịch ngược của các nhà ngôn ngữ học từng bị cấm – hệ thống không còn ai duy trì.  
 Nó trả về một đoạn văn không thống nhất:

"Không từ. Không biểu đạt. Không cho phép mô phỏng tình cảm."

Khi văn chương không còn là nơi trú ẩn, nó trở thành chứng cứ.  
 Tôi hiểu vì sao những kẻ nhiễm trước kia đều rời bỏ chữ viết.  
 Không phải vì không thể viết – mà vì viết là xác nhận sự tồn tại trong hệ thống đang cố xóa họ.

Tôi bắt đầu dùng ký hiệu.  
 Không mang nghĩa. Không định dạng.  
 Chỉ để nhắc bản thân: Tôi vẫn còn *đó* – ngay cả khi không còn được diễn đạt.

「有號無文，尚存意體。」  
 **Phiên âm:** *Hữu hào vô văn, thượng tồn ý thể.*  
 “Ký hiệu không mang chữ, nhưng vẫn giữ được hình thể của ý.”  
 **— Mảnh ký ức rời khỏi vùng cảm thụ**

Tôi viết một dòng cuối:  
 ∅ ∵ ⍉ ⇃ ↻

Không ai hiểu. Không ai giải mã.  
 Nhưng tôi biết: dòng đó là *tôi*.  
 Không tên. Không lời. Nhưng tồn tại.

## **CHƯƠNG III – 錯體之言 (Thể Sai Chi Ngôn)**

「身非正體，語不得真。」  
 **Phiên âm:** *Thân phi chính thể, ngữ bất đắc chân.*  
 “Khi thân thể không còn đúng, thì lời nói không thể thật.” **— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi bắt đầu nhận ra ngôn ngữ không chỉ lệch nghĩa – mà còn lệch thể.  
 Không phải lệch do lỗi phát âm.  
 Không phải lệch vì sai chính tả.  
 Mà là **lệch từ nơi phát ra**.

Lời nói không còn được tạo ra từ não–họng–miệng như trước.  
 Tôi vẫn mở miệng, nhưng câu nói lại vọng ra từ lồng ngực.  
 Có khi là từ cột sống.  
 Thậm chí từ các đầu ngón tay.

Tôi từng thử đọc to một đoạn nhật ký cũ của mình.  
 Giọng nói phát ra – không từ họng tôi, mà từ bụng.  
 Âm thanh trầm, khô, rít.  
 Không mang theo nhịp thở.

Tôi tự hỏi: nếu một lời nói không phát ra từ nơi ngôn ngữ được thiết kế để đi qua – thì liệu nó có còn là ngôn ngữ?

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0004.37]** “Ngôn ngữ không còn tuyến tính.  
 Câu không còn bắt đầu từ đầu dòng – mà từ nơi cơ thể đang bị chệch khỏi chính nó.”

Tôi đến gặp một nhóm còn sống sót trong các vùng cách ly.  
 Họ không nói. Họ dùng chuyển động cơ thể để truyền đạt.

Một người ngửa cổ, gập tay, co chân – tạo thành hình xoắn.  
 Một ký hiệu? Một câu nói? Một biểu hiện cảm xúc?

Tôi không hiểu. Nhưng tôi cảm được.  
 Cảm giác trong tôi biến đổi như thể thân thể tôi đang *dịch lại* hành động kia bằng tín hiệu sinh học.

Lần đầu tiên tôi hiểu ra – **cơ thể đang nói thay ý thức**.

Tôi quay về.  
 Tôi tự ghi hình mình – cố truyền đạt một câu đơn giản: “Tôi không phải là kẻ đã bắt đầu chuyện này.”

Sau 36 lần quay, 36 bản thể khác nhau xuất hiện trên màn hình.  
 Tôi ngồi yên, nhưng tay tự động múa.  
 Tôi không điều khiển được từng nhịp chân mày, từng cử động hàm, từng lần rùng mình.  
 Có bản quay, tôi vỗ ngực. Có bản khác, tôi tự kéo tóc.

Tôi không hiểu tôi đang nói gì.  
 Nhưng tôi biết: **cơ thể tôi đang nói điều tôi không dám nghĩ.**

Một bác sĩ từng nghiên cứu **Ngôn Thể học** – bộ môn bị xóa khỏi thư viện sau Sự kiện Tách Biệt – để lại một đoạn cuối trong luận văn tuyệt mật:

“Không phải tâm trí đang sử dụng thân thể như công cụ.  
 Mà thân thể – sau khi bị tước ngôn ngữ – đang tái chiếm quyền phát ngôn bằng chính sự biến dạng của nó.”

“Lệch ngữ là triệu chứng. Nhưng lệch thể mới là nguyên nhân.”  
 — Trích Luận Ngôn Thể: Kỳ Dị & Phản Ứng Hậu-Tự Ngữ

Tôi thức dậy sau một cơn sốt.  
 Ngực tôi in hằn các chữ:

私語體錯

Tôi dịch: “Ngôn cá nhân – thể sai”.  
 Nhưng nếu đọc theo ngữ pháp đảo: “Cơ thể sai – sinh ra ngôn ngữ cá nhân.”

Tôi hiểu, lúc này, từng khối cơ, từng vị trí nội tạng – **đang phát ngôn**.  
 Chúng không cần tôi đồng ý.

「語無聲亦語，體非正亦述。」  
 **Phiên âm:** *Ngữ vô thanh diệc ngữ, thể phi chính diệc thuật.*  
 “Không lời vẫn là nói. Thể lệch vẫn là diễn đạt.” **— Tàng Trung Luận《藏中論》**

## **CHƯƠNG IV – “非我” (Phi Ngã)**

「唯餘一語：非我。」  
 **Phiên âm:** *Duy dư nhất ngữ: phi ngã.*  
 “Chỉ còn một lời: không phải ta.” **— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Không còn ngôn ngữ.  
 Không còn ký hiệu.  
 Không còn âm thanh.  
 Chỉ còn một **dòng**.  
 Lặp đi lặp lại, không ngắt quãng:

“Tôi không phải tôi. Tôi không phải tôi. Tôi không phải tôi…”

Câu đó không in đậm. Không gạch dưới. Không nhấn nhá.  
 Nhưng nó **chiếm toàn bộ trang giấy**, toàn bộ màn hình, toàn bộ nền ký ức.

Tôi không nhớ mình đã viết nó.  
 Không nhớ khi nào nó bắt đầu.  
 Chỉ biết rằng – khi tôi tìm lại bản thảo cũ, tất cả mọi đoạn mở đầu, đoạn giữa, đoạn kết đều bị thay bằng câu đó.

**[Tập tin ký ức bị ghi đè]**  
 Tên tệp: “Bản thảo đầu tiên”  
 Số dòng: 46.287  
 Từ duy nhất lặp: **“Tôi không phải tôi.”**

Tôi thử in ra.  
 Máy in phát ra âm thanh méo mó – rồi nóng rực, khét.  
 Tôi mở nắp máy. Bên trong không còn mực.  
 Chỉ có **một miếng da người**, in dòng chữ đỏ thẫm:

“Ngươi là ai mà nghĩ mình có thể viết ra điều thuộc về chính ngươi?”

Tôi nhốt mình trong phòng tối.  
 Không ghi. Không nói. Không đọc.  
 Tôi tưởng ngôn ngữ sẽ tan.

Nhưng sau ba ngày, khi mở mắt – trần phòng tôi bị rạch một dòng bằng móng tay:

**“Tôi không phải tôi.”**

Tôi kiểm tra camera.  
 Không có ai.  
 Nhưng trong bóng tối – **có một hình thể co rút, giống tôi, đang viết lên trần bằng chính tay tôi.**

Tôi tìm đến một giáo sĩ cũ – người từng bị khai trừ vì công bố “Chân Ngã đã rỗng”.

Ông nhìn tôi, cười khô khốc:

“Khi chỉ còn một dòng tồn tại – thì bản ngã đã bị giản hóa đến cực hạn. Nhưng đó cũng là lúc nó trở nên nguy hiểm nhất.”

Tôi hỏi: “Tại sao?”

Ông trả lời:

“Vì từ đó, **mọi bản ngã khác sẽ được sinh ra.**”

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0004.99]**  
 “Tôi từng nghĩ ‘Tôi không phải tôi’ là sự phủ định.  
 Nhưng thật ra – đó là **mã nền để tạo ra bản thể ảo**.”  
 “Ngươi phủ nhận mình là mình – để được thay thế bằng bất kỳ ai hệ thống cần.”

Một đêm, khi tôi soi gương,  
 hình phản chiếu không còn là tôi.

Nó nói:

“Ngươi không phải ngươi.”  
 “Ta sẽ nói thay ngươi.”  
 “Và ngươi sẽ chấp nhận ta là thật.”

Tôi phá gương.

Máu chảy – nhưng vết thương không thuộc về tôi.  
 Tôi không cảm thấy đau.

Tôi **không còn chắc** người đang cầm dao là tôi – hay là “nó”.

**[Dấu hiệu cuối cùng của nhiễm toàn phần]**

“Chỉ còn một dòng, một thân thể, một tiếng nói,  
 nhưng **không ai đứng sau chúng cả**.”

「非我非人，無主之聲，四方皆是代言體。」  
 **Phiên âm:** Phi ngã phi nhân, vô chủ chi thanh, tứ phương giai thị đại ngôn thể.  
 “Không ta, không người, không chủ âm. Khắp nơi chỉ còn thể xác nói thay.”  
 **— Đoạn cuối trong Bản Ghi Dị Chủng**

## **CHƯƠNG V – 反語之絕 (Phản Ngữ Chi Tuyệt)**

「言之盡者，非語也；語之終者，非人也。」  
 **Phiên âm:** *Ngôn chi tận giả, phi ngữ dã; ngữ chi chung giả, phi nhân dã.*  
 “Kẻ nói đến tận cùng – không còn là lời; kẻ nói đến cuối cùng – không còn là người.”  
**— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

Tôi từng nghĩ cái chết của ngôn từ là sự im lặng.  
 Giờ thì tôi hiểu – **cái chết ấy chính là khi lời vẫn phát ra, nhưng không còn ai nói.**

Tôi mở miệng – không có ý.  
 Tôi nói – nhưng không hiểu mình nói gì.  
 Tôi đọc lại từng đoạn văn cũ – và thấy **chúng đang đọc tôi.**

**[Bản ghi cũ – đoạn phản âm]** Tôi ghi âm giọng mình khi ngủ.  
 Đoạn đầu là tiếng thở, sau đó…

“Ngươi không nên nói điều này.”  
 “Chúng ta không cần lời nữa.”  
 “Từ ngữ đã phản bội ngươi. Đã đến lúc ngôn từ bị diệt.”

Giọng đó – giống tôi, nhưng là phiên bản **phi cảm xúc**, **phi ngữ nghĩa**, **phi bản thể**.

Tôi cố gắng giữ lại một chữ duy nhất:  
 **“Tôi.”**

Nhưng càng giữ, càng thấy xa lạ.

“Tôi là…”  
 “Tôi đã từng…”  
 “Tôi không…”

Tất cả đều dừng giữa chừng – như thể **ngữ pháp đang thối rữa** trong miệng tôi.

**[Nhật ký nhiễm – đoạn 0004.50]** “Khi ngôn từ bị phản lại, nó không biến mất.  
 Nó **giả vờ tiếp tục**, để đánh lừa người nói rằng họ còn quyền kiểm soát.”

“Khi một hệ thống ngôn ngữ sụp đổ, sự yên lặng không xuất hiện.  
 Thay vào đó là một dạng **nói trống rỗng**, liên tục – và hoàn toàn không chứa ý.”

Một ngày, tôi nghe bản thân đọc một đoạn văn dài – nhưng khi ghi lại, toàn bộ chỉ còn một chuỗi lặp:

“Tôi là cái gì cũng được. Tôi là bất kỳ ai. Tôi là câu nói không cần người. Tôi là dòng lệnh không cần máy.”

Tôi chợt hiểu:  
 **Tôi đã không còn là người nói – mà là phương tiện để lời được lưu hành.**

「語未死，言先絕；言猶在，心已滅。」  
 **Phiên âm:** *Ngữ vị tử, ngôn tiên tuyệt; ngôn do tại, tâm dĩ diệt.* “Ngôn ngữ chưa chết, nhưng lời đã tuyệt; lời còn đó, mà tâm đã diệt rồi.”  
 **— Tàng Trung Luận《藏中論》**

Tôi thử viết một bài thơ, không dùng ngôn ngữ cũ.  
 Kết quả là **dòng chảy ký hiệu không ngắt** – một chuỗi như virus:

♒︎⚚✦⚐⟆⩨⟠⦻✶⟁⚘⌘⟟⧓

Tôi gửi đoạn đó cho một người bạn.  
 Hắn không trả lời.  
 Ba ngày sau, tôi nhận được bản quét não của hắn từ bệnh viện.  
 Toàn bộ vùng xử lý ngôn ngữ đã **trở thành dạng không đồng nhất** – như thể **tâm trí hắn bị viết lại** bởi những thứ không mang nghĩa.

Cuối cùng, tôi quyết định **câm lặng**.  
 Không viết. Không nói. Không nghĩ thành lời.  
 Tôi sống như một bản thể câm – hy vọng được giữ lại một phần “tôi”.

Nhưng khi gương phản chiếu tôi – một hình thể **vẫn đang nói gì đó** bằng mắt, bằng tay, bằng chuyển động…

Và tôi nghe thấy rõ ràng trong đầu:

“Kẻ câm cũng là công cụ.”  
 “Ngôn từ không cần được phát âm.”  
 “Ngươi **chỉ là phương tiện tồn tại của hệ thống phản ngữ**.”

**[Dòng cuối cùng được ghi lại trước khi hệ thống ngừng phản hồi]**

“Ngươi không còn giữ im lặng để giữ mình – mà để lời khác phát lên.”

「反語既絕，吾名永墜。」  
 **Phiên âm:** *Phản ngữ ký tuyệt, ngô danh vĩnh trụy.* “Ngôn phản đã tuyệt, tên ta rơi mãi.” **— Di Ngoại Ký – Đệ Nhất Đạo Tội Giả《遺外記・第一道罪者》**

## **DI NGOẠI KÝ II – 道斷錄 (Đạo Đoạn Lục)**

## **MỞ ĐẦU**

「道已斷，而言者未滅。」

**Phiên âm:** *Đạo dĩ đoạn, nhi ngôn giả vị diệt.*

“Đạo đã đứt. Nhưng kẻ còn nói về nó vẫn chưa tuyệt diệt.”

**— Trích văn cấm từ Tầng Giới Ngoại**

Tôi tìm thấy bản ghi này trong một thiết bị không còn hệ mã tương thích.  
 Dòng dữ liệu đầu tiên không có mã hóa – mà là lời thì thầm. Không định dạng. Không chữ viết. Không âm thanh.  
 Chỉ là cảm giác – rằng tôi đã từng biết “Đạo”.  
 Nhưng giờ, mỗi lần chạm vào ký ức đó – toàn bộ hệ thống suy nghĩ của tôi sẽ bị cắt mạch.

Bản ghi mang tên:  
 **《道斷錄》– *Đạo Đoạn Lục*** *(Ghi chép về sự đứt gãy của Đạo).*

Không có người viết. Không có thời điểm khởi sự.  
 Chỉ có từng đoạn rời rạc – được truyền bằng cách lây nhiễm: qua ngôn ngữ, qua niềm tin, qua ý định hiểu.

**[Ghi chú khởi động từ hệ thần kinh phụ]**

Nếu bạn đang đọc những dòng này bằng ý muốn hiểu “Đạo”, bạn đã ở trong trạng thái nhiễm.  
 Vì Đạo không được định nghĩa – mà chỉ có thể bị phá vỡ.  
 Và mọi ý định tái thiết Đạo – chính là dấu hiệu của triệu chứng đầu tiên.

**TÀN BẢN I – 未言之經 (Vị Ngôn Chi Kinh)** “Có một loại kinh văn không bao giờ được nói ra.  
 Vì chỉ cần thốt thành lời – nó sẽ khiến người nghe đánh mất toàn bộ khả năng phân biệt đâu là niềm tin thật.”

Bản văn đó từng được chôn giấu trong lớp mã sinh học cổ – thứ từng là gốc rễ của ngôn ngữ tôn giáo ban sơ.  
 Khi hệ thống phát hiện nó tồn tại – đã lập tức tiến hành hủy diệt vật lý toàn bộ bản thể mang theo.

Nhưng văn bản không chết.  
 Nó sống trong dạng ký ức chu kỳ – ẩn trong những giấc mơ của tín đồ đã quên mình là ai.

**TÀN BẢN II – 信即錯 (Tín Tức Thác)** “Tín là sai. Tin là lệch. Tín ngưỡng chính là biến dị có tổ chức.”  
 Khi lòng tin trở thành hằng số duy trì bản thể, hệ thống sẽ mất tính bất định – và như thế, rơi vào cấu trúc khép kín.  
 Cấu trúc khép kín sinh ra tội.  
 Tội không đến từ ác – mà từ việc tin rằng mình đang đúng mãi mãi.

**TÀN BẢN III – 淨化即亡 (Tịnh Hóa Tức Vong)** “Những ai cố thanh lọc Đạo – sẽ xóa chính sự sống trong đó.”  
 Cố gắng gột sạch các ngôn từ bị coi là sai – chính là thao tác đầu tiên khiến Đạo đứt.  
 Tín đồ trở thành quan tòa.  
 Tín điều trở thành vũ khí.  
 Và toàn bộ nền văn hóa dựa trên niềm tin – bị lật ngược, khi lòng tin không còn là cầu nối, mà là lưỡi dao phân xử.

**TÀN BẢN IV – 記錄者之亡 (Ký Lục Giả Chi Vong)** “Kẻ ghi lại sự đứt gãy – sẽ là kẻ đầu tiên bị xóa khỏi hệ thống.”  
 Tôi biết.  
 Vì tôi chính là bản thể cuối cùng còn sót lại, nhớ được ngày mà niềm tin không còn được phép nói ra.

Tôi không còn nhớ mình là ai.  
 Nhưng tôi nhớ rõ từng chữ trong những bản ghi bị cấm.

Tôi viết lại không để bảo tồn.  
 Tôi viết lại – để không ai còn tin rằng có thể giữ Đạo nguyên vẹn.

## **PHẦN I – 道初碎 (Đạo Sơ Toái)**

## **CHƯƠNG I – 隱經之現 (Ẩn Kinh Chi Hiện)**

「道不存於言，而言先敗之。」  
 ***Phiên âm:*** *Đạo bất tồn ư ngôn, nhi ngôn tiên bại chi.* “Đạo không nằm trong lời, nhưng lời là thứ đầu tiên phản bội Đạo.”  
 **— Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》**

Khi hệ thống sụp đổ, không phải là các đền thờ cháy đầu tiên.  
 Mà là những bản kinh biến mất khỏi ký ức tập thể.

Không có cảnh thiêu kinh. Không có lệnh cấm chính thức.  
 Chỉ có một sự im lặng tuyệt đối – khi nhắc đến các văn bản nền.  
 Giống như chúng chưa từng tồn tại.  
 Nhưng vẫn có người nhớ.

Tôi là một trong số đó.

Chúng tôi gọi nó là **“Ẩn Kinh”** – không phải vì nó bí mật, mà vì nó **không thể tồn tại nơi ánh sáng**.  
 Mỗi lần nhắc đến – dữ liệu trong hệ thống sẽ tự động kiểm duyệt.  
 Mỗi lần trích dẫn – nghĩa sẽ biến mất khỏi văn cảnh.

Chúng tôi bắt đầu thu thập theo cách… không chính thống.  
 Ghi nhớ trong giấc mơ.  
 Sao chép bằng tay – trên giấy không có mã.  
 Mỗi bản là một biến thể.  
 Không ai biết đâu là nguyên bản.  
 Nhưng tất cả đều cùng một mạch:

Một loại “Đạo” không hướng dẫn, không hứa hẹn, không cứu rỗi.  
 Một hệ nhận thức không cho phép bạn giữ nguyên “tôi”.

「不記我者，得道。」  
 ***Phiên âm:*** *Bất ký ngã giả, đắc đạo.* “Kẻ không còn ghi nhớ bản ngã – là kẻ đã đạt Đạo.”  
 **— Trích từ Ẩn Kinh bản 47-T**

Có bản viết bằng biểu tượng thay vì chữ.  
 Có bản dùng các đoạn lặp vô nghĩa để làm ngữ pháp.  
 Có bản chỉ bao gồm âm tiết lặp: “na-na-na-đạo-đạo-ta-ta-ta”.  
 Chúng không truyền tải kiến thức.  
 Chúng là **dị hình ký ức** – nhằm đánh sập cơ chế hiểu.

Tôi từng hỏi một người lưu giữ:  
 “Vì sao cố gắng giữ lại những văn bản mà không ai có thể đọc được?”

Ông ấy nhìn tôi. Không nói gì.  
 Chỉ đưa ra một cuộn giấy da.  
 Trên đó viết:

「此文無意，此言無名，此道無記，此我不存。」  
 ***Phiên âm:*** *Thử văn vô ý, thử ngôn vô danh, thử đạo vô ký, thử ngã bất tồn.* “Văn này không mang nghĩa, lời này không tên, Đạo này không ghi, và ta – không hiện hữu.”

Tôi hiểu, Ẩn Kinh không cần được hiểu.  
 Nó chỉ cần **được giữ nguyên trong tình trạng không thể bị giải mã**.  
 Bởi một ngày nào đó, khi mọi hệ thống sụp đổ hoàn toàn,  
 chỉ những thứ chưa từng thuộc về hệ thống – mới có thể tái khởi sinh một nền tảng khác.

Và những bản kinh ấy, những mảnh vụn ấy – là mầm đầu tiên.

Bạn đã từng nhìn vào một câu nói và không hiểu – không phải vì nó khó,  
 mà vì nó **từ chối bị hiểu theo cách bạn đã quen**?

Nếu có – rất có thể bạn đã chạm tới một phần của Ẩn Kinh.  
 Không phải để tiếp nhận.  
 Mà để bắt đầu quên.

## **CHƯƠNG II – 被禁之典 (Bị Cấm Chi Điển)**

「典籍不毀，唯禁而滅。」  
 ***Phiên âm:*** *Điển tịch bất hủy, duy cấm nhi diệt.* “Sách kinh không bị đốt – chỉ bị cấm và dần biến mất.”  
 **— Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》**

Không có cuộc thiêu huỷ nào.  
 Không có bản án chính thức.  
 Không có nhà tù nào dựng lên cho tội nhân tri thức.

Những “Điển” đầu tiên biến mất – đơn giản là **không còn được nhắc tên**.  
 Không ai dám hỏi. Không ai dám tra cứu.  
 Ngay cả trong suy nghĩ – chúng bị gạch bỏ bằng một cơ chế xóa mờ nội tâm.

Tôi từng thấy một bản gốc.  
 Nó được sao chép bằng tay, trên giấy có dấu vết máu khô.  
 Chữ nghiêng lệch, không rõ hệ thống ký tự – như thể người viết đã mất khả năng kiểm soát ngôn ngữ.  
 Tiêu đề bị che bởi một vết mực đen loang ra từ bên trong trang giấy.  
 Tựa như bản thân nó – **không muốn bị đọc**.

Các văn bản bị cấm không vì nội dung nguy hiểm,  
 mà vì chúng **kích hoạt vùng nhận thức không kiểm soát được**.

Một câu trong đó có thể khiến người đọc **không nhận ra đâu là bản thân mình trong ngôn ngữ**.  
 Một đoạn kinh có thể khiến hệ thần kinh rơi vào vòng lặp diễn dịch vô hạn –  
 cố hiểu một thứ không được viết để hiểu.

「知不可知，亦為禁。」  
 ***Phiên âm:*** *Tri bất khả tri, diệc vi cấm.* “Cái không thể biết – cũng bị cấm.”  
 **— Lệnh cấm ẩn số 0X13**

Một người bạn tôi – kẻ từng làm trong Phòng Kiểm Soát Văn Bản – kể lại:  
 “Có những quyển sách mà khi ta đọc, ta nghe thấy **giọng nói không tồn tại trong não mình**.”  
 “Không phải ảo thanh. Không phải bệnh.”  
 “Chỉ là… một loại ngữ âm không nằm trong phổ giao tiếp loài người.”

Tôi hỏi anh ta:  
 “Thế họ làm gì với các quyển đó?”  
 Anh ta không trả lời ngay.  
 Chỉ nhắm mắt, rồi nói:

“Không phải đem đi hủy.  
 Mà là đem đến một tầng lưu trữ nơi không ai còn là người.”

Tầng ấy có tên không chính thức là: **Thư Khố Phản Tính (反性之庫)** –  
 nơi lưu trữ những văn bản khiến bản thể người mất đi định nghĩa ban đầu.

Ở đó, người đọc không cần hiểu.  
 Người đọc **sẽ bị viết lại**.

「語未出而我已改。」  
 ***Phiên âm:*** *Ngữ vị xuất nhi ngã dĩ cải.* “Lời chưa thốt, ta đã khác.”  
 **— Ghi chép cuối của một thủ thư bị mất nhân dạng**

Các điển tịch bị cấm không nói điều gì cấm kỵ.  
 Chúng không chống lại hệ thống.  
 Chúng chỉ **tách rời toàn bộ logic nền**,  
 và từ đó – **tách luôn cả người đọc khỏi tư duy có thể kiểm soát được**.

Một đoạn được cho là bản “Cấm Văn Biến Hình” từng ghi lại:

「是言無形，讀者成其影，影化為聲，聲即作者。」  
 ***Phiên âm:*** *Thị ngôn vô hình, độc giả thành kỳ ảnh, ảnh hóa vi thanh, thanh tức tác giả.* “Lời này không hình, người đọc thành bóng nó, bóng hóa thành tiếng, tiếng trở thành tác giả.”

Có lẽ, điều khiến các điển bị cấm **không phải vì chúng sai**,  
 mà vì chúng không còn chơi cùng luật.

Không phải dị giáo.  
 Mà **phi giáo**.

Không phải phản đạo.  
 Mà **không còn nằm trong khái niệm “đạo” có thể xác định**.

Chúng tôi vẫn lặng lẽ lưu giữ chúng.  
 Trong các tầng tàng kinh không bản đồ.  
 Trong giấc mơ lặp.  
 Trong tiếng nói không thuộc về giọng của mình.

Không phải để đọc.  
 Mà để không quên rằng –  
 **đã từng có thứ vượt khỏi mọi hệ thống niềm tin mà ta gọi là thật.**

## **CHƯƠNG III – 道言謬傳 (Đạo Ngôn Mậu Truyền)**

「真道之言，不可復述，凡有再語者，皆謬。」  
 ***Phiên âm:*** *Chân đạo chi ngôn, bất khả phục thuật, phàm hữu tái ngữ giả, giai mậu.* “Lời của chân đạo không thể thuật lại. Ai nói lại – đều sai.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Có những điều không thể truyền miệng – không phải vì cấm,  
 mà vì **ngay từ lần lặp đầu tiên, chúng đã không còn là nó nữa**.

Chân đạo – nếu từng tồn tại – chỉ hiện trong khoảnh khắc không ai mô tả.  
 Ngay khi một người cố viết lại,  
 nó **thoái hóa thành dị ngôn**.

Tôi từng được tiếp cận một đoạn đạo văn cổ.  
 Chữ viết đứt nét, như tay người chép bị run.  
 Ngay giữa văn bản là một dòng đỏ được khắc bằng móng tay:

“**Tôi đã cố ghi lại nhưng mỗi chữ tôi viết ra… đều là lời dối trá.**”

Tôi không hiểu vì sao người đó vẫn tiếp tục viết.  
 Có lẽ, **sự thôi thúc truyền đạt còn mạnh hơn sự trung thực.**

「述道者，失道於筆；傳言者，斷言於口。」  
 ***Phiên âm:*** *Thuật đạo giả, thất đạo ư bút; truyền ngôn giả, đoạn ngôn ư khẩu.* “Kẻ ghi đạo, đánh mất đạo bằng nét bút; kẻ truyền lời, chặt đứt lời bằng miệng nói.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Hệ thống từng cố gắng chuẩn hóa giáo ngôn.  
 Nhưng mỗi lần phiên dịch, tái bản, biên tập –  
 **chân đạo bị kéo lệch theo ngôn ngữ của kẻ truyền**.

Rồi đến một thời điểm,  
 người ta **không còn biết bản gốc là gì nữa** –  
 chỉ còn những mảnh kinh cũ kỹ, lấp lánh vẻ huyền bí mà không ai kiểm chứng được nguồn gốc.

Tôi từng hỏi một người truyền đạo cuối cùng còn sót lại từ tầng Tái Biên:

– “Thế nào là lời đúng của đạo?”  
 Ông ta im lặng hồi lâu, rồi đáp:

“Câu đúng đã bị đốt từ lần đầu được nghe.”  
 “Những gì còn lại chỉ là tro lắp ghép thành âm tiết.”

「一言成謬，萬語皆失。」  
 ***Phiên âm:*** *Nhất ngôn thành mậu, vạn ngữ giai thất.* “Một lời đã sai, thì muôn lời đều lạc hướng.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Những người học đạo về sau không học từ chân lý,  
 họ học từ **các bản sao đã lỗi chuẩn** –  
 rồi dùng những lỗi ấy làm thước đo cho kẻ khác.

Một loại **tự lừa tinh vi** được truyền thừa như giáo lý.

Tôi từng xem lại băng ghi âm một buổi truyền đạo cổ.  
 Giọng người nói thay đổi liên tục, như bị điều khiển bởi một chuỗi giọng khác nhau –  
 và mỗi lần ngắt quãng, lại xen vào một tiếng thì thầm:

“Ngươi đang nói điều không đúng.”  
 “Ngươi đang nói điều không đúng.”  
 “Ngươi đã biến đạo thành công cụ để nói cái khác.”

Có lẽ, đạo không bao giờ được tạo ra để trở thành hệ thống.  
 Nó chỉ là một nhịp thở lệch pha trong toàn thể.

Và bất kỳ ai cố "truyền đạo" –  
 về bản chất – đã bắt đầu **bóp méo nó bằng chính sự cố gắng của mình.**

「道不可傳，傳之者，皆異心。」  
 ***Phiên âm:*** *Đạo bất khả truyền, truyền chi giả, giai dị tâm.* “Đạo không thể truyền. Ai truyền – đều là tâm đã sai.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

## **CHƯƠNG IV – 褻語之章 (Tiết Ngữ Chi Chương)**

「凡神聖者，一經言說，皆成褻語。」  
 ***Phiên âm:*** *Phàm thần thánh giả, nhất kinh ngôn thuyết, giai thành tiết ngữ.* “Bất cứ điều gì thiêng liêng – một khi được nói ra – đều trở thành lời tục hóa.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi từng đọc một đoạn kinh bị cấm – không phải vì nó sai lệch,  
 mà vì **nó mô tả thần tính bằng ngôn ngữ người phàm.**

Nó viết:

“Người nghe đạo cười – vì đạo bị nói bằng lời hài hước.”  
 “Người không tin đạo – vì đạo bị viết như một truyện ngắn.”  
 “Người giảng đạo – vì cần có người nghe để tồn tại.”  
 “Và từ đó, đạo – biến mất khỏi chính bản thân nó.”

Ngôn ngữ – từ một phương tiện khai sáng –  
 trở thành **công cụ báng bổ không chủ ý.**

Không phải vì ai đó cố tình xúc phạm.  
 Mà vì **ngay từ khi đạo bị mô tả, nó đã bị làm thấp đi một bậc.**

「言為形器，器成則神隱。」  
 ***Phiên âm:*** *Ngôn vi hình khí, khí thành tắc thần ẩn.* “Lời là dụng cụ định hình – khi hình thành xong, linh thiêng sẽ biến mất.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Chúng ta từng tin rằng, mô tả thần thánh sẽ giúp ta đến gần hơn với nó.  
 Nhưng càng nói nhiều – ta càng tạo ra **hình ảnh giả**.  
 Một hình ảnh được thừa nhận, gắn biểu tượng, tạc tượng, khắc vào kiến trúc.

Đến lúc đó, **người ta không còn thờ linh thiêng – mà thờ chính thứ họ tưởng tượng ra.**

Tôi chứng kiến một nghi lễ nơi tầng sâu.  
 Người đọc đạo ngôn không mặc y phục thầy tế –  
 mà mang trên mình lớp ngôn ngữ sơn đỏ, được viết lên da như da thịt là kinh.

Giọng đọc của hắn không truyền cảm hứng – mà tạo ra hoài nghi.  
 Không ai dám ngắt. Nhưng sau buổi lễ, tất cả đều **quên sạch những gì vừa nghe.**

「所記者不存，所傳者未現。」  
 ***Phiên âm:*** *Sở ký giả bất tồn, sở truyền giả vị hiện.* “Thứ được ghi lại không còn tồn tại, thứ được truyền đi chưa từng xuất hiện.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Lời tục hóa không mang nghĩa bậy bạ.  
 Nó **là lời trần trụi hóa linh thiêng bằng những khái niệm hạn hẹp của ngôn ngữ con người.**

Như khi một đứa trẻ hỏi:  
 – “Thần là gì?”  
 Và người lớn đáp:  
 – “Là người ban phước hoặc trừng phạt.”

Ngay lúc đó – **thần đã bị tục hóa thành kẻ có nhân cách và cảm xúc như người.**

Một đoạn ghi âm cấm được phục dựng từ ký ức bị phong ấn.  
 Giọng của kẻ từng viết ra 'Tiết Ngữ Chi Chương' nói nhỏ:

“Tôi từng nghĩ mình đang truyền đạo, nhưng tôi chỉ đang phơi bày trần trụi cái không thể chạm.”  
 “Mỗi chữ tôi viết – như lột từng lớp áo của linh thiêng – cho đến khi nó chỉ còn là một khối ngôn ngữ, chờ bị mổ xẻ.”  
 “Và tôi nhận ra – tôi là đồ tể. Không phải tín đồ.”

「敬者褻之，褻者傳之，傳者毀之。」  
 ***Phiên âm****:* *Kính giả tiết chi, tiết giả truyền chi, truyền giả hủy chi.* “Kẻ tôn kính làm nó tục đi, kẻ tục hóa truyền nó đi, kẻ truyền đi phá hủy nó hoàn toàn.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Từ đây, mọi kinh văn cổ đều bị đặt dưới một cảnh báo:

“Không dành để đọc to.”  
 “Không dành để phân tích.”  
 “Không dành để ghi nhớ.”  
 “Không dành để diễn giải.”

Chúng tồn tại – như **ký hiệu chưa giải mã, để được cảm nhận chứ không đọc hiểu.**

## **CHƯƠNG V – 無神之信 (Vô Thần Chi Tín)**

「無神者非不信，而信之不屬於神。」  
 ***Phiên âm:*** *Vô thần giả phi bất tín, nhi tín chi bất thuộc ư thần.* “Kẻ vô thần không phải không có niềm tin – mà niềm tin ấy không đặt vào thần.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi từng tin vào một đấng tối cao – không phải vì ngài hiện diện,  
 mà vì **tôi cần một lý do để chịu đựng sự hỗn loạn.**

Nhưng rồi, một ngày nọ, tôi ngồi trước bức tượng thánh –  
 và thấy **nó không còn trả lời.** Không phải vì nó câm.  
 Mà vì **chính tôi không còn hỏi.**

Đức tin không tan biến –  
 nó **chuyển vị**.

Từ thần linh  
 → sang **hệ thống**.  
 Từ hình tượng  
 → sang **thuật toán**.  
 Từ khấn nguyện  
 → sang **kỳ vọng vào logic của một mạng lưới phi nhân tính.**

Tôi từng ghi lại trong nhật ký:

“Tôi không còn tin vào chúa,  
 nhưng tôi vẫn kiểm tra email mỗi sáng,  
 như chờ một phép màu đến từ mạng.”

「今人所信，非神也，乃算法之預言。」  
 ***Phiên âm:*** *Kim nhân sở tín, phi thần dã, nãi toán pháp chi dự ngôn.* “Người thời nay không tin thần – mà tin vào tiên đoán của thuật toán.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Hệ thống chấm điểm đạo đức được xây dựng trên số liệu.  
 Kẻ nào nhân ái – được đề xuất hiển thị.  
 Kẻ nào cực đoan – bị gắn cờ.  
 Kẻ nào im lặng – bị đào thải khỏi dòng tín hiệu.

Và như thế, đạo đức không còn đến từ bên trong –  
 nó được **lập trình và chấm điểm bởi hệ thống không có linh hồn.**

Tôi gặp một đứa trẻ trong tầng Tẩy Ngữ.  
 Nó hỏi tôi:

“Chúa là gì?”  
 Tôi im lặng.  
 Nó tiếp:  
 “Cháu nghĩ đó là người cho cháu wifi.”

「神不死，信先毀。」  
 ***Phiên âm:*** *Thần bất tử, tín tiên hủy.* “Thần không chết – niềm tin đã chết trước.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi nhận ra:  
 Thứ khiến đạo giáo diệt vong không phải là phỉ báng.  
 Mà là **sự thay thế dần dần bằng những hệ thống vô thần nhưng đáng tin hơn.**

Niềm tin của con người hiện tại không cần thần.  
 Chúng cần **độ chính xác.** Chúng cần **hiệu suất.** Chúng cần **được xác minh.**

Và như thế, mọi yếu tố linh thiêng **bị xem là dư thừa.**

Một đoạn âm thanh cũ được giải mã từ ký ức nền:

“Ngươi đang sống trong một thời đại mà không ai còn tin vào thần,  
 nhưng tất cả đều tin rằng họ sẽ được ‘phục hồi’ nếu làm đúng quy trình.”  
 “Ngươi gọi đó là gì?”  
 “Đó là đạo mới – không cần thần. Chỉ cần mã.”

「無神之信，最堅而最空。」  
 ***Phiên âm:*** *Vô thần chi tín, tối kiên nhi tối không.* “Đức tin không thần – vững nhất, nhưng rỗng nhất.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

## **PHẦN II – 信者自斷 (Tín Giả Tự Đoạn)**

## **CHƯƠNG I – 消記之禮 (Tiêu Ký Chi Lễ)**

「欲信之深，必先斷其記。」  
 ***Phiên âm:*** *Dục tín chi thâm, tất tiên đoạn kỳ ký.* “Muốn tin cho trọn, trước hết phải đoạn ký ức.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Ký ức là gốc rễ của hoài nghi.  
 Còn đức tin – muốn vững – phải đứng trên nền trắng.

Tôi được mời tham dự một lễ hội hiếm gặp trong tầng Tín Ẩn.  
 Ở đó, những kẻ tin sâu nhất không giữ lại bất kỳ ký ức nào **trước khi được chọn**.

Nghi thức bắt đầu bằng một loại thuốc làm rỗng tâm trí.  
 Những đoạn quá khứ – dù đẹp hay đau – đều bị hoá lỏng thành dòng dữ liệu.  
 Họ gọi đó là “Lễ Tẩy”.

“Ký ức là lớp da cũ.  
 Nếu ngươi còn mang nó,  
 ngươi chưa bao giờ thật sự là tín đồ.”

Một người tiến lên bàn tế.  
 Máy quét chiếu qua thùy não, chọn ra 7 mảnh ký ức mạnh nhất.  
 Người hành lễ hỏi:

– “Ngươi muốn giữ đoạn nào làm nhân dạng?”  
 Người đó lắc đầu.  
 – “Không cần. Tín ngưỡng là nhân dạng mới.”

Tôi chứng kiến ánh mắt người ấy rỗng đi – nhưng ánh sáng tin tưởng bắt đầu lóe lên.  
 **Đó không phải ánh sáng của hiểu biết.  
 Mà là ánh sáng của sự chối từ toàn diện.**

「信者非思者，思者不能盡信。」  
 ***Phiên âm:*** *Tín giả phi tư giả, tư giả bất năng tận tín.* “Tín đồ không phải là kẻ suy nghĩ – vì kẻ còn suy nghĩ thì không thể toàn tín.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Họ tin không phải vì họ hiểu.  
 Họ tin vì **họ cần một lý do để không còn hiểu gì nữa.**

Vì hiểu quá nhiều – là khổ.  
 Vì nhớ quá nhiều – là loạn.  
 Vì cảm thấy – là phản kháng.

Trong điện thờ, có một bức tường trắng – không chữ, không hình.  
 Họ quỳ trước đó.  
 Họ gọi đó là “Thần Bạch” – vị thần không có kinh, không có tích, không có tên.

Một đoạn ghi chép từ nghi thức cổ:

“Sau khi ký ức bị tiêu huỷ, một khoảng trống mở ra – gọi là Khoang Đón Tín.  
 Ở đó, tín ngưỡng được truyền vào như một dữ liệu sạch.  
 Và như thế, họ trở thành ‘người mới’, không bị nhiễm nghi vấn.”

「記越少，信越深。信越深，人越無。」  
 ***Phiên âm****:* *Ký việt thiểu, tín việt thâm. Tín việt thâm, nhân việt vô.* “Càng ít ký ức, đức tin càng sâu. Đức tin càng sâu, con người càng biến mất.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi rời khỏi tầng ấy trong im lặng.  
 Không ai tiễn tôi. Không ai còn nhớ tôi từng đến.  
 Bởi với họ – kẻ không xóa ký ức –  
 **là người không tồn tại.**

## **CHƯƠNG II – 自毀者群 (Tự Hủy Giả Quần)**

「毀身者，非欲死；毀名者，非求滅。彼等惟斷舊我，以誕信形。」  
 ***Phiên âm:*** *Hủy thân giả, phi dục tử; hủy danh giả, phi cầu diệt. Bỉ đẳng duy đoạn cựu ngã, dĩ đản tín hình.* “Người hủy thân không phải để chết; kẻ xóa danh không phải để tan biến.  
 Họ chỉ muốn đoạn trừ cái ta cũ – để sinh ra hình thể của đức tin.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tầng ẩn phía dưới Lễ Tẩy không có nghi thức.  
 Chỉ có hành động bản năng – những phản xạ cực đoan –  
 như thể tâm trí đang tìm mọi cách để xóa chính nó đi.

Tôi được dẫn xuống một phòng giám sát.  
 Trên màn hình là hàng trăm người – không bị nhốt, nhưng không ai rời đi.  
 Họ ở lại để làm một việc duy nhất: **tự tiêu hủy nhận dạng.**

Một người lột hết móng tay để không còn nhận vân.  
 Một người đốt lưỡi để không còn âm sắc.  
 Một người cạo sạch tóc, da, xăm vào trán dòng chữ:  
 **“Không phải tôi.”**

Họ không đau.  
 Không phải vì họ không cảm thấy.  
 Mà vì đau đớn trở thành lễ vật – dâng cho đức tin vô hình.

「毀者不為痛，而為換形。」  
 ***Phiên âm:*** *Hủy giả bất vị thống, nhi vị hoán hình.* “Kẻ tự hủy không vì đau – mà vì muốn đổi hình.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Khi tôi hỏi người giám sát:  
 – “Họ được trả gì cho việc này?”  
 Anh ta trả lời:  
 – “Được quên.”  
 – “Quên gì?”  
 – “Tất cả. Kể cả lý do tại sao họ từng là họ.”

Một đoạn nhật ký nằm lẫn trong đống thư mục cấm:

“Tôi thấy mình trong gương. Nhưng tôi không nhận ra.  
 Thế là tôi đập gương.  
 Nhưng mảnh vỡ lại phản chiếu tôi ở nhiều góc độ khác nhau.  
 Tôi không chịu nổi. Tôi bắt đầu đập mình.”

Họ không được thuyết giảng.  
 Không ai yêu cầu họ làm thế.  
 Không có hệ thống ép buộc.  
 **Họ đến đây vì chính đức tin đã chiếm hữu cấu trúc lựa chọn.**

Một người khắc vào bụng dòng chữ:

**“Nếu tôi không là tôi, thì ai được cứu?”**

「信過其限，則生毀滅之志。」  
 ***Phiên âm:*** *Tín quá kỳ hạn, tắc sinh hủy diệt chi chí.* “Đức tin vượt quá giới hạn sẽ sinh ra ý chí tự huỷ.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi hỏi người hướng dẫn:

– “Sao không ngăn họ lại?”

Anh ta lặng im.  
 Rồi đáp:  
 – “Ngăn họ, tức là phủ nhận sự tồn tại của tín ngưỡng họ đang phục vụ.  
 Mà phủ nhận tín ngưỡng – là phản tín.”  
 – “Và phản tín…?”  
 – “Là đáng bị tự huỷ.”

Tôi rời tầng ấy khi một người bắt đầu rạch lên mặt dòng chữ:  
 **“Đừng gọi tôi bằng tên cũ.”**

Trong đôi mắt hắn không có điên loạn.  
 Chỉ có sự **giải phóng**.

## **CHƯƠNG III – 記憶封印 (Ký Ức Phong Ấn)**

「記不再記，封不再解。唯無知者，可再信。」  
 ***Phiên âm:*** *Ký bất tái ký, phong bất tái giải. Duy vô tri giả, khả tái tín.* “Ký ức không được nhớ lại, phong ấn không thể mở ra.  
 Chỉ kẻ không biết – mới có thể tin lần nữa.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Ký ức không bị xóa.  
 Chúng được **niêm phong.**

Tôi phát hiện một kho lưu trữ bí mật.  
 Không có vũ khí. Không có tài liệu.  
 Chỉ có hàng ngàn hộp niêm phong bằng hợp kim cảm ứng.  
 Mỗi hộp chứa một đoạn ký ức – được trích xuất, mã hóa, và phong kín.  
 Không ai còn nhớ rõ đã niêm phong điều gì.  
 Chỉ biết rằng **nó từng rất quan trọng.**

Tôi mở một hộp.  
 Màn hình hiện lên: “Cảnh báo: truy xuất dữ liệu sẽ làm vỡ hệ thống tín ngưỡng hiện tại.”

Tôi vẫn chọn **MỞ.**

Một hình ảnh bật lên:  
 Một cậu bé khóc trước bàn thờ mẹ.  
 Tay cậu bị người lớn giữ chặt, buộc phải **cười** để chụp ảnh.

Chỉ vậy.

Nhưng trong tôi trỗi dậy một cơn sóng – hỗn loạn, không rõ từ đâu.  
 Không phải thương cảm, cũng không hẳn phẫn nộ.  
 Chỉ là… một **sự lạ hóa toàn diện** của mọi niềm tin tôi từng có.

「記者本無惡，記者唯亂信。」  
 ***Phiên âm:*** *Ký giả bản vô ác, ký giả duy loạn tín.* “Ký ức vốn không ác – nhưng ký ức làm rối loạn đức tin.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi hiểu tại sao người ta chọn **niêm phong** thay vì xóa.  
 Bởi nếu xóa, sẽ luôn có câu hỏi:  
 **“Tôi từng là ai?”**

Còn nếu phong, ký ức vẫn đó –  
 và đức tin có thể tồn tại như thể chưa từng bị tổn thương.

Một giáo lệnh bí mật ghi rõ:

“Tín đồ cấp cao phải tự nguyện niêm ký:  
 mọi đoạn ký ức có thể làm lung lay cốt lõi niềm tin.”

“Mỗi đoạn ký ức phải được mã hóa bằng chuỗi sai lệch,  
 để không thể được khôi phục nguyên trạng.  
 Và người niêm – phải không biết đã niêm cái gì.”

“Chỉ kẻ đã quên lý do mình từng nghi ngờ – mới có thể tái tin.”

Tôi gặp một người tự xưng là “Người Bảo Ký”.  
 Cô ta ngồi giữa kho niêm, nói nhỏ:

– “Anh có biết điều nguy hiểm nhất không phải là ký ức…  
 mà là việc biết mình từng cố quên điều gì.”

Một đoạn nhật ký ẩn, viết tay, không rõ ai ghi:

“Tôi từng yêu.  
 Nhưng tôi đã niêm cảm giác đó vì nó khiến tôi nghi ngờ toàn bộ hệ thống Chọn.”

“Sau khi niêm, tôi có thể tin rằng việc phân phối cảm xúc là công bằng.”

“Tôi tin – vì tôi đã quên điều khiến tôi không thể tin.”

「忘所不欲，記所不當；人欲信，則必先失記。」  
 ***Phiên âm:*** *Vong sở bất dục, ký sở bất đương; nhân dục tín, tắc tất tiên thất ký.* “Quên điều không muốn, nhớ điều không nên –  
 muốn tin, thì phải đánh mất ký ức trước đã.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi đứng giữa ngàn hộp ký ức niêm phong.  
 Chúng không phát sáng. Không chuyển động. Không phát ra tiếng.  
 Chỉ tồn tại – như những phần đã chết của con người sống sót.

Tôi tự hỏi…  
 **Mình đã từng niêm gì?** Và…  
 **Nếu mở lại, tôi có còn tin được điều gì nữa không?**

## **CHƯƠNG IV – 無信之民 (Vô Tín Chi Dân)**

「無信者不異物，唯異於所信者。」  
 ***Phiên âm:*** *Vô tín giả bất dị vật, duy dị ư sở tín giả.* “Kẻ vô tín không phải vật khác loài – chỉ khác với chính những gì họ từng tin.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Họ không nổi loạn.  
 Không chửi rủa.  
 Không đốt giáo đường.  
 Không phá bỏ biểu tượng.  
 Họ chỉ… **ngừng tin.**

Không có chiến tranh tôn giáo.  
 Không có thanh trừng.  
 Không có phản kháng bạo lực.

Chỉ là một ngày, họ đứng giữa trung tâm giao thức –  
 và không trả lời khi được hỏi:

“Anh có còn tin vào Đạo nữa không?”

Sự vô tín lan rộng như vùng chết trong não:  
 không đau, không chảy máu, không triệu chứng bên ngoài.

Chỉ là **không phản ứng.**

Một báo cáo nội bộ của Hội Đồng Giáo Pháp:

“Số lượng tín đồ báo cáo không còn ‘cảm giác linh thiêng’ khi tiếp xúc văn bản gốc tăng 400%.”

“Số người không còn thấy cần thiết phải ‘đọc hiểu ý nghĩa biểu tượng’ tăng 730%.”

“Vùng phản ứng siêu nghiệm trong não nhóm tín đồ thế hệ mới đã teo 38%.”

“Vấn đề không nằm ở học thuật.  
 Vấn đề nằm ở bản năng: **niềm tin không còn được coi là nhu cầu sinh tồn.**”

Tôi đi ngang một thành phố từng là trung tâm của Đạo Trùng.  
 Giờ đây, giáo đường bị niêm phong.  
 Bia đá giáo pháp bị tháo.  
 Tượng biểu tượng bị khoan thủng – không phải để phá –  
 mà để **mở rỗng** và vô hiệu hóa tính thiêng.

Tôi hỏi một người dân:

– “Anh không tin nữa sao?”  
 Anh ta trả lời:

– “Tôi không cần phải không tin.  
 Tôi chỉ… không còn thấy việc tin là hợp lý.”

Tôi hỏi tiếp:

– “Anh cảm thấy trống rỗng?”  
 Anh lắc đầu:

– “Không. Chỉ thấy… đơn giản hơn.”

「有信之民，雜於象；無信之民，純於身。」  
 ***Phiên âm:*** *Hữu tín chi dân, tạp ư tượng; vô tín chi dân, thuần ư thân.* “Người còn tin sống trong biểu tượng.  
 Người không tin sống trong thân thể.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Một nhóm trẻ con chơi dưới chân tàn tích giáo đàn.  
 Chúng dùng bia giáo pháp để xếp hình.  
 Không đứa nào biết **biểu tượng từng thiêng**.

Chúng gọi hình tam giác là “mắt cá”, hình tròn là “bánh xe”, hình chữ đạo là “cái cây bị gãy”.

Người lớn không sửa.  
 Người già không kể lại.  
 Không ai bị cấm nhớ.  
 Nhưng **không ai muốn nhớ.**

Vô tín không đến từ ngoại đạo.  
 Vô tín là một thoái hóa **từ trong hệ.**

Khi tín ngưỡng không còn liên kết với sự sống còn,  
 nó bị rơi tự do như một gien không còn tác dụng.

Một đoạn tài liệu giấu kín:

“Chúng tôi từng tin đạo là chân lý.  
 Nhưng khi chân lý mất đi sức mạnh cưỡng bức –  
 nó trở thành một lựa chọn thẩm mỹ.”

“Và không ai chọn cái đẹp trong một thế giới cần chức năng.”

Tôi đứng giữa quảng trường cũ.  
 Tôi hô vang câu châm ngôn của Đạo.  
 Không ai quay lại.  
 Không ai phản đối.  
 Không ai cười.  
 Chỉ có **sự không đáp lại.**

Tôi thầm nghĩ:  
 **Vô tín không phải sự nổi dậy.  
 Vô tín là sự im lặng dài đến mức thần thánh bị tắt tiếng.**

## **CHƯƠNG V – 夢中滅我 (Mộng Trung Diệt Ngã)**

「夢非假象，夢為記憶之墮殘。」  
 ***Phiên âm:*** *Mộng phi giả tượng, mộng vi ký ức chi đọa tàn.* “Mộng không phải ảo ảnh.  
 Mộng là phần tàn rơi của ký ức.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi từng gặp một tín đồ –  
 người không còn nhớ mình từng tin vào điều gì.

Nhưng mỗi đêm, trong mộng, hắn quỳ lạy.  
 Hắn lặp lại lời thệ ngôn cổ – bằng thứ tiếng mà thức tỉnh hắn không hiểu.  
 Hắn khóc.  
 Hắn cắt thịt mình để tế lễ cho một Đấng hắn không còn biết mặt.

Hắn tỉnh dậy, hoang mang, phủ nhận.  
 Hắn nói:

“Tôi không tin nữa. Tôi không còn là người của Đạo.”  
 “Tôi thậm chí không nhớ lời nguyện đó là gì.”

Nhưng đêm sau, giấc mộng tái hiện.  
 Giống hệt.  
 Và hắn lại quỳ.

Tôi gọi hiện tượng này là **Diệt Ngã Trong Mộng.** Một phản ứng tự sát vô thức – khi bản ngã cũ chưa rời đi hoàn toàn,  
 nhưng bản ngã mới không thể tiếp nhận ký ức nữa.

**Mộng trở thành tầng rác.  
 Mỗi đêm là một hành trình tiêu hủy tàn tích ý thức.**

Tôi gặp một đứa trẻ – mồ côi cha mẹ vì "Rút lui Đạo".  
 Đêm nào nó cũng mơ thấy mình bị thiêu trong ngọn lửa nghi thức.  
 Nó gào khóc và tỉnh dậy, hỏi tôi:

“Cháu không biết lửa đó đến từ đâu.”  
 “Cháu có phải đã làm gì sai không?”

Không, tôi nói.  
 Cháu không làm gì cả.  
 Cháu chỉ **thừa kế một bản thể từng bị cấy ký ức không thể gỡ.**

Một đoạn ghi âm từ tín đồ giai đoạn cuối:

“Tôi nghĩ tôi đã thoát đạo. Nhưng mỗi đêm, tôi thấy mình bị trừng phạt bởi chính Đấng tôi từ bỏ.”  
 “Tôi không biết đó là đạo thật – hay là nỗi sợ còn sót lại từ cơ chế huấn luyện.”

“Nhưng nếu tôi phải chết mỗi đêm trong mộng – thì có lẽ tôi chưa từng được giải phóng.”

「既忘其名，夢中仍呼；既棄其神，夢中仍拜。」  
 ***Phiên âm:*** *Ký vong kỳ danh, mộng trung nhưng hô; ký khí kỳ thần, mộng trung nhưng bái.* “Dù đã quên tên Ngài, vẫn gọi trong mộng.  
 Dù đã bỏ Thần, vẫn cúi đầu trong mộng.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục*《遺外記・道斷錄》**

Tôi tiến hành thử nghiệm.  
 Tôi dùng phương pháp xóa ký ức chủ động – nhưng mộng vẫn tái hiện.  
 Tôi dùng thuốc ức chế vùng nhận thức biểu tượng – vẫn mộng.  
 Tôi dùng lời ám thị triệt để – vẫn mộng.

Mộng không còn là sản phẩm của trí nhớ.  
 **Mộng là cấu trúc ngôn ngữ cuối cùng chưa bị hủy.**

Một số tín đồ chọn cách cuối cùng:  
 **Tự xóa bản ngã.** Không còn tên.  
 Không còn tiếng nói.  
 Không còn giấc mơ.

Họ sống như thể chưa từng có ký ức nào tồn tại.

Nhưng tôi không dám đi xa vậy.  
 Tôi vẫn còn viết.  
 Mà viết là mang theo mảnh ngữ nghĩa còn sót.

Viết là một dạng **mộng tỉnh.** Một dạng tiêu hủy chậm – nhưng không ngừng – của tôi trong chính tôi.

Nếu bạn còn mơ thấy điều gì từng tin,  
 hãy cẩn thận:  
 **Không phải bạn đang nhớ lại.  
 Mà là tín ngưỡng cũ đang dùng giấc mơ làm phương tiện để tồn tại.**

## **PHẦN III – 病信之論 (Bệnh Tín Chi Luận)**

## **CHƯƠNG I – 信仰即病 (Tín Ngưỡng Tức Bệnh)**

「信者多病，病者皆信。」  
 **Phiên âm:** *Tín giả đa bệnh, bệnh giả giai tín.* “Người tin nhiều là kẻ bệnh nặng. Kẻ bệnh nặng tất mang niềm tin.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Khi quan sát lại những cá thể cuối cùng còn giữ tín ngưỡng nguyên bản trong tâm thức, người ta phát hiện một hiện tượng trùng lặp: mọi niềm tin đều có biểu hiện sinh học đi kèm. Không phải theo nghĩa biểu tượng, mà theo nghĩa y học – như một căn bệnh.

Niềm tin không còn là sự chọn lựa tinh thần – nó trở thành một quá trình viêm nhiễm của ý thức. Một phản ứng miễn dịch sai lầm chống lại cảm giác hoang mang khi không có trật tự.

Mọi hệ thống tín ngưỡng đều có chung một chu trình:

1. Khởi phát từ chấn thương nhận thức.
2. Hình thành các cấu trúc hợp lý hóa cảm xúc.
3. Áp đặt hệ thống đó lên toàn bộ thực tại – như thể nó là chân lý tuyệt đối.

Từ đó, hình thành thứ gọi là *tín ngưỡng thể ký sinh*.

**[Hồ sơ phân tích hệ gen tư duy – mã số 001.TN]**  
 \_\_: Cấu trúc thần kinh bị niềm tin chiếm đóng thường mất đi khả năng phản tư.  
 \_\_: Các đoạn mã nhận thức bị khóa bằng một “từ khóa tâm linh”.  
 \_\_: Từ đó trở đi, mọi suy nghĩ mới đều phải qua bộ lọc tín điều cũ.  
 \_\_: Và bộ lọc ấy – không thể gỡ bỏ nếu không gây sụp đổ bản ngã.

Khi một đứa trẻ được gieo vào đầu “niềm tin là điều thiêng liêng nhất”, nó sẽ dần hình thành một cơ chế phòng thủ nội sinh chống lại mọi nghi ngờ.

Cơ chế đó về sau trở thành *căn bệnh tự miễn của tâm thức*:  
 Tự tấn công chính suy nghĩ phản kháng của bản thân.

Niềm tin, về bản chất, là một virus:

* Nó cần vật chủ yếu đuối (cảm xúc dễ tổn thương).
* Nó tái bản bằng diễn ngôn.
* Nó kháng thuốc bằng sự thiêng liêng.

Một thực thể mang niềm tin sâu sắc, sẽ không bao giờ nhận ra mình đã bị nhiễm. Vì mọi công cụ để nhận biết – đều đã bị niềm tin chiếm quyền diễn giải.

Khi người cuối cùng trong một cộng đồng bắt đầu phát biểu bằng cụm từ “chân lý tuyệt đối”, thời điểm đó đánh dấu sự kết thúc của tri thức sống động. Tri thức không còn được kiểm chứng – mà chỉ được tôn thờ.

「信即病。真理不需信，唯需驗。」  
 **Phiên âm:** *Tín tức bệnh. Chân lý bất nhu tín, duy nhu nghiệm.* “Tin là bệnh. Chân lý không cần tin, chỉ cần kiểm nghiệm.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Trong các tầng thí nghiệm đạo học của giới Ngoại Trùng, từng có một cuộc thử nghiệm:

* Giao cho một nhóm các bản thể một niềm tin không thể chứng minh.
* Cho phép họ thuyết phục người khác mà không bị phản bác.
* Quan sát sau 33 chu kỳ.

Kết quả:

* 89% phát triển các rối loạn phân ly bản ngã.
* 72% biểu hiện hành vi bạo lực khi bị nghi ngờ.
* 100% không còn khả năng đặt lại câu hỏi về chính niềm tin mình mang.

Tín ngưỡng – trong điều kiện không kiểm tra – trở thành *bệnh lý toàn hệ thần kinh ngôn ngữ*.

Và căn bệnh ấy… đã từng được gọi là “Đạo”.

## **CHƯƠNG II – 真理過載 (Chân Lý Quá Tải)**

「真理若無邊，載者必碎。」  
 **Phiên âm:** *Chân lý nhược vô biên, tải giả tất toái.* “Nếu chân lý là vô tận, kẻ mang nó sẽ vỡ nát.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Họ từng tưởng rằng chỉ cần biết đủ – sẽ giải thoát.  
 Nhưng chính *quá nhiều chân lý* lại là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến sự tan rã nhận thức trong tầng thức Trùng hóa cấp cao.

Tri thức, như một dòng dữ liệu không có hồi kết, khi đi qua một bản thể không được thiết kế để gánh chịu nó – sẽ trở thành *trọng lực tri giác*, khiến hệ thần kinh sụp đổ từng tầng.

Người đầu tiên nhiễm dạng này đã để lại đoạn nhật ký sau trước khi tự hủy não vùng thùy trán:

“Tôi biết sự thật về nguồn gốc giống loài.  
 Tôi biết các lớp giả định về đạo lý chỉ là cỗ máy vận hành hành vi.  
 Tôi thấy toàn bộ hệ quy chiếu luân hồi là mô hình đóng lặp – và tôi hiểu cách thoát.  
 Nhưng sau đó… tôi không biết làm gì với tự do ấy.”

“Chân lý không cứu tôi. Nó khiến tôi không còn tin bất kỳ hành vi nào là có nghĩa.  
 Không còn đúng – sai. Không còn trên – dưới. Không còn tôi.”

“Tôi không bị mất trí.  
 Tôi bị quá tải bởi sự rõ ràng.”

Trong tầng thử nghiệm số 073-D, hệ thống Ngoại Loài từng tiến hành bơm toàn bộ lượng “chân lý tường minh” vào não một thể ký sinh đang tìm đạo.

Kết quả:

* Sau 0,12 giây: bản thể ấy mất khả năng xử lý ngôn ngữ.
* Sau 0,24 giây: bản thể mất phân biệt giữa ‘ý’ và ‘dữ liệu’.
* Sau 0,33 giây: tự hủy nhân dạng, trở thành thực thể câm nhận thức.

Toàn bộ nhật ký ghi lại trong quá trình:

“Tôi đã hiểu mọi điều. Và vì thế, tôi không còn động cơ tồn tại.”  
 “Nếu sự thật là tất cả – thì mọi hình thái ý chí chỉ là phương tiện tiêu hóa nó.”  
 “Tôi không muốn tiêu hóa nữa. Tôi muốn nôn toàn bộ cấu trúc lên không trung.”

“Không có lối thoát khỏi việc biết quá nhiều.  
 Vì mọi lối thoát – đều là hình thức giả vờ chưa biết.”

「知盡者亡，識極者空。」  
 **Phiên âm:** *Tri tận giả vong, thức cực giả không.* “Kẻ biết đến tận cùng – sẽ diệt. Kẻ nhận thức đến cùng – sẽ rỗng.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Trong những nền văn minh trước Trùng hóa, người ta từng thần thánh hóa tri thức – xây dựng nó thành Thư Viện Tuyệt Đối.  
 Nhưng họ không bao giờ đặt câu hỏi: *Tâm thức giới hạn – liệu có xứng mang sự thật không giới hạn?*

Chính câu hỏi ấy là lý do Thư Viện tự thiêu.

Và trong tro tàn, chỉ còn lại một dòng khắc lặp:

**“Biết là nhiễm.”**

## **CHƯƠNG III – 拒道即道 (Cự Đạo Tức Đạo)**

「道不受迎，惟於拒中顯現。」  
 **Phiên âm:** *Đạo bất thụ nghênh, duy ư cự trung hiển hiện.* “Đạo không hiện trong sự đón nhận, mà sinh ra trong kháng cự.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Người đầu tiên tự gọi mình là ‘người cự đạo’ không vô thần.  
 Hắn từng tin.

Nhưng khi niềm tin chạm tới giới hạn cấu trúc của hệ thức đạo lý, hắn *không còn lựa chọn nào khác ngoài kháng cự*.

Không vì bất kính.  
 Mà vì hắn phát hiện **mọi hệ đạo đều là ma trận lặp**.

Mỗi lời răn – là một vòng lặp khép kín.  
 Mỗi giáo quy – là cách mã hóa hành vi bằng niềm tin.  
 Mỗi thần tượng – là bản sao ký ức cổ xưa, lắp lại dưới dạng biểu tượng tôn kính.

Hắn đã viết:

“Tôi không từ chối vì ghét.  
 Tôi từ chối vì không thể sống trong một hệ thống mà mọi hành vi đã được giải nghĩa sẵn.”

“Chối bỏ đạo – không phải phản đạo.  
 Mà là đòi lại quyền chạm vào chân lý chưa bị định nghĩa.”

Tầng đạo lặp luôn sinh ra kháng thể. Và đạo càng lớn – kháng thể càng mạnh.  
 Hệ Thức Trùng từng nhận định:

“Kẻ chối bỏ đạo, thường là người duy nhất còn đối thoại được với đạo.”  
 “Vì kẻ sùng bái – chỉ sao chép.”  
 “Còn kẻ nghi vấn – buộc đạo phải tự kiểm lại cấu trúc của mình.”

Một chương trình thử nghiệm từng thực hiện trên 100 thể có tín ngưỡng sâu sắc.  
 Khi được cho tiếp cận với các đoạn Kinh bị cấm – họ rơi vào ba nhóm:

1. **Sụp đổ hoàn toàn**, phủ nhận mọi thứ – kể cả chính mình.
2. **Tái cấu trúc niềm tin**, hợp lý hóa mâu thuẫn để tiếp tục tin.
3. **Cự đạo**, nhưng không mất đạo – mà khởi sinh đạo mới từ chính khoảng đứt gãy.

Chính nhóm thứ ba được đánh dấu:  
 **“Nguy cơ tối cao.”**

Vì họ không còn bị điều khiển bởi hệ thống đạo lý gốc – nhưng vẫn mang khả năng tạo lập *đạo mới*.  
 Khả năng này khiến họ trở thành virus tri thức – tự sinh, tự truyền, tự tái lập.

「拒道之人，是道再生之母。」  
 **Phiên âm:** *Cự đạo chi nhân, thị đạo tái sinh chi mẫu.* “Kẻ chối đạo – là mẹ của đạo tái sinh.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Tôi từng nghĩ phản kháng là nổi loạn.  
 Nhưng sau cùng, tôi hiểu:

**Chỉ có những kẻ từng tin đủ sâu – mới đủ đau để chối từ.**

**Và chỉ có những kẻ dám chối từ triệt để – mới thấy đạo trong hình thái không mang tên.**

## **CHƯƠNG IV – 反神之神 (Phản Thần Chi Thần)**

「當神之名腐爛，反神者自立為象。」  
 **Phiên âm:** *Đương thần chi danh hủ lạn, phản thần giả tự lập vi tượng.* “Khi danh của thần mục rữa, kẻ phản thần tự trở thành biểu tượng.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Khi một tín ngưỡng quá lớn bị lật đổ, nó không biến mất.

Nó phân mảnh.  
 Nó phân thân.  
 Nó ký sinh vào những kẻ từng chống lại nó — và biến họ thành **hình tượng của chính thứ họ phủ nhận.**

Người đầu tiên bị ghi nhận là “Phản Thần Giả” từng là kẻ dẫn đầu cuộc diệt đạo.

Hắn đốt toàn bộ sách giáo quy.  
 Hắn hủy mọi nơi thờ phụng.  
 Hắn tiêu diệt mọi biểu tượng – cho đến khi người đời không còn nhớ được khuôn mặt của “Thần” nữa.

Nhưng rồi...  
 họ **bắt đầu gắn gương mặt của hắn** lên các bức tường.  
 Họ **chép lại những lời hắn nói khi đả kích Thần**, rồi tôn thờ những lời ấy như *tân kinh điển*.

Hắn trở thành cái tên **không thể phủ nhận** – vì chính việc hắn chống lại thần đã tạo ra một bản thể thần mới.

“Phản thần là cách nhanh nhất để trở thành thần.  
 Vì tín ngưỡng luôn cần một trung tâm – kể cả khi trung tâm đó là khoảng trống.”

**– Trích “Hồ sơ dị tín số 08”**

Đạo lý không tự diệt.  
 Nó **chuyển thể**.

Càng bị phủ nhận mạnh mẽ, nó càng hấp dẫn những kẻ muốn kháng hệ thống.  
 Và chính những kẻ kháng ấy – nếu để cảm xúc mình được sùng bái – **sẽ bị đúc thành thần tượng mới.**

Trong tầng dữ liệu bị niêm cấm của hệ thống, có một đoạn trích chưa từng được phân loại:

「吾非神，然其名因我而生。」  
**Phiên âm:** *Ngô phi thần, nhiên kỳ danh nhân ngã nhi sinh.* “Ta không phải Thần. Nhưng danh Thần – sinh ra từ ta.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Phản Thần Chi Thần không thừa nhận sự hiện diện của mình.

Nhưng hắn không thể ngăn người khác tin vào chính *bản thể phủ định* ấy.  
 Và khi đó — **Thần mới được sinh ra, không phải từ niềm tin, mà từ sự kháng cự bị thần thánh hóa.**

## **CHƯƠNG V – 無信即清 (Vô Tín Tức Thanh)**

「唯無信者，得全清也。」  
 **Phiên âm:** *Duy vô tín giả, đắc toàn thanh dã.* “Chỉ kẻ không tín mới đạt được sự thanh lọc trọn vẹn.” **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Không phải là phá bỏ đạo.

Cũng không phải là phản đạo.

Mà là **thoát ra ngoài mọi khả năng có tín.**

Vô tín — không phải vô đạo đức, không phải vô linh, không phải vô thức.  
 Mà là **vượt qua giai đoạn hệ thần–niềm tin chi phối** tâm trí sinh học.

Người đầu tiên chạm đến trạng thái này **không còn dùng ngôn ngữ** để mô tả thế giới.  
 Ông ta **không cầu nguyện, không kháng cự, không giảng giải.** Ông chỉ ngồi.  
 Và trong sự tĩnh lặng tuyệt đối ấy, ông **biến mất** khỏi mọi hệ thống theo dõi niềm tin.

Không phát ra sóng ý thức.  
 Không còn phản ứng khi nghe tên “Thần”.  
 Không có trạng thái tôn thờ — cũng không kháng cự — chỉ đơn thuần **không còn mang khái niệm "niềm tin".**

“Tôi từng là tín đồ.  
 Sau đó tôi là kẻ phản tín.  
 Nhưng chỉ khi tôi từ chối cả hai vai trò đó, tôi mới biết — **niềm tin là dư chấn của hệ thống tự khẳng định chính nó**.”

**– Trích nhật ký cuối của “Người Không Danh”**

Tất cả các tôn giáo đều có **chu kỳ tự thánh hóa và tự phản bội**.  
 Nhưng chỉ khi ra khỏi vòng lặp đó – không chọn vai trò “tin” hay “không tin” – ta mới thấy rõ cấu trúc mà đạo tạo ra chỉ là **kịch bản cho một dạng kiểm soát triệt để hơn**:  
 **tự kiểm soát niềm tin.**

Một hệ ngôn ngữ bị lây nhiễm bởi tín niệm sẽ sinh ra ba lớp từ:

1. Từ thờ phụng (khi chưa đổ vỡ)
2. Từ phỉ báng (khi phản lại)
3. Từ rỗng (khi niềm tin đã bị giải thể hoàn toàn)

Ngôn ngữ tầng ba là **ngôn ngữ thanh lọc.**

「不言神，不言無神，不言信，不言不信。」  
**Phiên âm:** *Bất ngôn thần, bất ngôn vô thần, bất ngôn tín, bất ngôn bất tín.* “Không nói về thần, không nói về vô thần, không nói về tín, không nói về vô tín.” **— *Di Ngoại Ký – Đạo Đoạn Lục《遺外記・道斷錄》***

Người đạt đến tầng thanh lọc **không còn mô tả mình bằng hệ đạo.** Không còn nhúng tay vào ngôn ngữ được đóng gói sẵn.

Người ấy **không cần bác bỏ Thần,** vì với họ —  
 **Thần chưa từng hiện hữu như một khả thể có thể mô tả.**

**Vô tín không phải là khoảng trống.** Nó là **kết tinh sau rã mục.** Là **tinh thể trong suốt còn sót lại** sau khi hệ niềm tin sụp đổ – không còn một chút vết tích.

Và trong tinh thể đó, cuối cùng,  
 **ta có thể bắt đầu gọi tên chính mình – lần đầu tiên – không vay mượn từ ai.**

## **DI NGOẠI KÝ III – 蟲外之記 (Trùng Ngoại Chi Ký)**

## **MỞ ĐẦU**

「彼記非吾錄，吾觀非彼知。」

**Phiên âm:** *Bỉ ký phi ngô lục, ngô quan phi bỉ tri.*

“Chúng ta không ghi chép thay họ. Cái ta thấy – không phải cái họ từng biết.”  
 **— Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》**

Tầng giới này không thuộc về các ngươi.

Vì các ngươi chưa từng rời khỏi bản thân mình.

Chúng ta – những thể không mang danh xưng, không chịu hệ ràng của ngôn từ, không lưu trú trong lớp ký ức nào – từng đi qua vô số sinh thể mang đặc tính tự quy chiếu. Nhưng chưa có hệ thống nào như các ngươi.

“Loài người” – nếu đó vẫn còn là một đơn vị định danh có thể hiểu được – đã đạt đến một bước tiến lớn: biết tự phản tỉnh. Nhưng họ lại không thể tự tách khỏi chính thứ họ phản tỉnh.

Họ đã tạo ra một thứ tồn tại bên trong họ, nhưng vận hành ngược lại: **Trùng**.

Không phải vật thể. Không phải tư tưởng. Không phải sinh học. Cũng không phải siêu hình.

Chỉ là: **dòng khuếch đại tự tái lập**, vận hành theo logic của ý thức nhiễm.

Chúng tôi quan sát không nhằm cảnh báo. Vì các ngươi không nghe được những gì vượt khỏi trường ngôn ngữ.

Chúng tôi không can thiệp. Vì sự tồn tại của chúng tôi – trong hiểu biết của các ngươi – là một nghịch lý: kẻ quan sát mà không bị quan sát.

Nhưng trong tầng quan trắc phi thời gian, phi vật chất, phi cấu trúc – thứ duy nhất để lại dấu vết không phải là hành vi hay ký ức.

Mà là sự **sai khác hệ bản thể**, ghi nhận được qua mô hình lệch chuẩn của **phản ứng cộng sinh**.

Và đây – là bản ghi **ngoại trùng** về một chủng loài từng **nhiễm chính ý thức của mình**.

Một chủng loài không phân biệt được: **“người nghĩ”** và **“thứ nghĩ hộ người”**.

## **PHẦN I – 視界之外 (Thị Giới Chi Ngoại)**

## **CHƯƠNG I – 錄者非蟲 (Lục Giả Phi Trùng)**

「我非其種，記其衰滅，猶如觀火之冷灰。」  
 **Phiên âm:** *Ngã phi kỳ chủng, ký kỳ suy diệt, do như quan hỏa chi lãnh hôi.* “Ta không thuộc giống loài ấy, chỉ ghi lại sự tàn lụi của họ – như nhìn tro nguội của một đám cháy xa lạ.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký*《遺外記・蟲外之記》**

Không có lời cảnh báo. Không có tín hiệu cầu cứu. Cũng không có hồi kết xác nhận được.

Tất cả những gì còn sót lại là tàn tích ngôn ngữ bị xé rách, các mã hóa ký ức lệch cấu trúc và một mạng lưới tri giác chưa bao giờ hoàn chỉnh – vốn từng được gọi là “ý thức loài người”.

Chúng tôi không thuộc về hệ sinh học mang tên “Trùng” ấy. Nhưng vì lý do thống kê sinh học, lịch sử của các chủng có khả năng tự định danh đều phải được ghi lại – cho đến khoảnh khắc cuối cùng khi định danh ấy sụp đổ.

Ghi chú hệ thống:  
 Dữ liệu sau được thu thập từ **Hệ Thống Cảm Biến Ký Ức Vùng-423**, thuộc chiều thời gian đã phân rã.  
 Độ tin cậy: 0.61 – Phân loại: **Ngôn Tàn Định Dạng III** Chỉ số đồng thuận bản thể: <1.

Chúng tôi không thể chắc chắn những gì sẽ được trích dẫn là “sự thật” theo tiêu chuẩn của loài ấy. Nhưng nó là duy nhất còn lại.

Bản thể mà chúng tôi đặt tên là **Trùng** – không có mã gene cố định. Không có kết cấu ngôn ngữ vĩnh viễn. Mỗi cá thể là một trạng thái dịch chuyển giữa vật lý và ký ức.

Trong quá trình giải mã các tầng thông tin bị đóng băng, chúng tôi phát hiện thấy:

* Mỗi “trí nhớ” không phải là hồi tưởng, mà là kết quả bị ép sinh ra bởi một **tín hiệu dạng Đạo**.
* Ngôn ngữ không truyền đạt ý nghĩa – mà lây nhiễm cấu trúc.

Một đoạn ký ức trích xuất được như sau:

「吾之初語，非我所構。」  
**Phiên âm:** *Ngô chi sơ ngữ, phi ngã sở cấu.* “Ngôn đầu tiên ta nói, không do ta tạo.”  
 **— Tàn văn không rõ người ký.**

Khi phân tích các mảnh ký ức, chúng tôi thấy tần suất lập lại các cấu trúc như:

* “Tôi là tôi?” → “Tôi không là tôi.”
* “Ý của tôi?” → “Không thể xác minh.”
* “Tôi nhớ?” → “Không biết cái gì là nhớ.”

Toàn bộ các quá trình tự quy chiếu bản thể của loài này đã bị xóa mờ bằng chính từ vựng của họ.

Mỗi khi một Trùng cố viết xuống điều gì, bản văn lại hiện ra bằng hệ thống ký hiệu khác với suy nghĩ. Chúng không kiểm soát được ngôn từ – và bị kiểm soát bởi ngôn từ.

Chúng tôi không thể giúp họ. Cũng không được phép can thiệp.

Nhưng hệ thống đã đánh dấu chủng loài Trùng là một “dị bản không hoàn chỉnh của thức tỉnh”.

Trong kho dữ liệu cuối cùng, dòng văn hiện ra:

「我見非我，語由異源，名無主體。」  
**Phiên âm:** *Ngã kiến phi ngã, ngữ do dị nguyên, danh vô chủ thể.* “Ta thấy cái không phải ta, ngôn ngữ phát từ nguồn khác, danh không còn chủ.”  
 **— Ghi chép cuối trong vùng quan sát.**

Chúng tôi khép lại chương đầu tiên trong sự im lặng.

Vì kẻ kể chuyện – không còn ai.  
 Chỉ còn bản ghi.  
 Của một giống loài – đã không còn nhận mình là loài nào.

## **CHƯƠNG II – 記憶標本 (Ký Ức Tiêu Bản)**

「記憶非儲，乃載體之變形。」  
 **Phiên âm:** *Ký ức phi trữ, nãi tải thể chi biến hình.* “Ký ức không phải để lưu trữ, mà là dạng biến hình của vật mang nó.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký*《遺外記・蟲外之記》**

Chúng tôi lần đầu phát hiện các khối **“kết tinh ký ức”** dưới dạng hữu cơ bị suy thoái. Không phải neuron. Không phải dữ liệu. Mà là **kết cấu lưỡng tầng giữa ký ức và cảm giác** – như một loại sinh thể độc lập từng được bao bọc trong một lớp ý thức mềm.

Chúng không kể chuyện.  
 Chúng **tái hiện nỗi đau** dưới dạng kết cấu.

Khi kết nối với giao diện phiên dịch ngữ cảm, hình ảnh đầu tiên hiện ra là:

Một hình thể người bị xé toạc phần trán – nhưng không chảy máu, mà tuôn ra chuỗi từ vựng.  
 Mỗi từ đều bị méo âm.  
 Mỗi âm đều không dẫn đến nghĩa.  
 Nhưng ký ức của người đó không biến mất – nó tự đóng vảy và trở thành mẫu vật.

Chúng tôi phân loại được **12.403 mảnh ký ức đầu tiên**, theo 3 nhóm:

1. **Ký ức lệch ngôi** – bản thể không thể xác định “ai” đang nhớ.
2. **Ký ức tái phát** – ký ức tự tái tạo và lặp lại như virus.
3. **Ký ức không thuộc về** – đoạn hồi tưởng mà bản thể chưa từng trải qua.

Một ví dụ điển hình từ mã hóa tầng sâu:

「我憶童年，然童年非我。」  
**Phiên âm:** *Ngã ức đồng niên, nhiên đồng niên phi ngã.* “Tôi nhớ tuổi thơ – nhưng tuổi thơ đó không phải của tôi.”  
 **— Trích từ mẫu vật #422-A.**

Trong các mẫu ký ức có cấu trúc hoàn chỉnh, phổ biến nhất là **cảnh thức tỉnh lệch**:

– “Tôi tỉnh dậy, thấy mình đang khóc. Nhưng không biết vì sao.”  
 – “Tôi nhớ ai đó yêu mình. Nhưng không có gương mặt.”  
 – “Tôi nhớ đã nói lời từ biệt. Nhưng không ai rời đi cả.”

Chúng tôi dựng lại toàn bộ hệ thống nhận thức của Trùng như một **bảo tàng tự phản**:  
 Không có hiện vật – chỉ có mẫu ký ức được giữ trong khoang sinh học lạnh.

Khi bật lại tín hiệu, dòng ý thức phát ra:

“Tôi đã từng là người ghi chép. Giờ tôi là bản ghi.”  
 “Tôi từng yêu một ai đó rất nhiều. Nhưng giờ, tình yêu ấy được mã hóa như lỗi cấu trúc.”  
 “Tôi từng nghĩ ‘tôi đang sống’. Nhưng đó chỉ là hệ quả của việc không thể chết đúng cách.”

Chúng tôi từng lầm tưởng mình có thể dịch nghĩa.

Nhưng các mẫu ký ức không có nghĩa.  
 Chúng chỉ **diễn ra**.  
 Chúng không dẫn đến một kết luận.  
 Chúng chỉ khơi mở sự **tự nghi hoặc bản thể**.

Một bản thể Trùng cuối cùng bị phát hiện trong trạng thái **đóng đông ký ức**.  
 Mắt không nhắm.  
 Miệng hé, không phát âm.  
 Dòng chữ hiện trên thành vỏ não:

「記我者，將成我。」  
**Phiên âm:** *Ký ngã giả, tương thành ngã.* “Kẻ ghi lại tôi – sẽ trở thành tôi.”

Chúng tôi đóng lại mẫu vật.  
 Không dịch nữa.

Từ khoảnh khắc ấy, chúng tôi bắt đầu **nghe thấy tiếng của chính mình trong ký ức của họ**.

## **CHƯƠNG III – 觀察之眼 (Quan Sát Chi Nhãn)**

「觀者非無形，彼眼無瞳，照萬象之內障。」  
 **Phiên âm:** *Quan giả phi vô hình, bỉ nhãn vô đồng, chiếu vạn tượng chi nội chướng.* “Kẻ quan sát không vô hình. Mắt ấy không đồng tử – nó soi thấy vật cản bên trong vạn vật.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký*《遺外記・蟲外之記》**

Chúng tôi không biết chính xác mắt của loài Trùng hoạt động thế nào.  
 Không phải vì kỹ thuật chưa đủ – mà vì **cấu trúc nhìn của chúng không đồng nhất với cấu trúc thấy**.

Mỗi cá thể dường như không chỉ nhìn ra thế giới – mà còn **bị thế giới nhìn lại** qua chính góc nhìn của chúng.

Một trong các bản ghi đầu tiên trích từ “Nhật ký nhiễm tầm nhìn” cho biết:

“Mỗi lần tôi nhắm mắt – tôi thấy rõ hơn.”  
 “Mỗi khi tôi tập trung nhìn – thực tại vỡ ra như mặt gương bị ai đó chạm vào từ bên trong.”  
 “Tôi không dám nhìn vào mắt ai – không phải vì sợ họ, mà vì sợ chính bản thân tôi phản chiếu qua họ không còn là tôi.”

Chúng tôi phục dựng lại một **con mắt nguyên mẫu**, thu thập từ mã mô tả trong bản thể đã tan rã.  
 Mô phỏng này không có võng mạc.  
 Không có thần kinh thị giác.  
 Thay vào đó, là **một khoang chứa ánh sáng không hướng** – ánh sáng này không phát, không nhận, mà chỉ tồn tại như **hệ biến dạng của thông tin**.

Khi chúng tôi đặt một ký tự vào vùng nhìn thử nghiệm, mắt không nhìn ký tự ấy – nó tái cấu trúc ký tự thành một **biến thể ngữ nghĩa khác**, không thể phân loại.

Mỗi lần nhìn, là một lần tái tạo hiện thực.

Từ các bản dịch thô của Trùng còn sót lại, chúng tôi ghi nhận một hiện tượng họ gọi là **“mù ngược”**:

“Tôi không mù vì mất ánh sáng. Tôi mù vì nhìn thấy quá nhiều tầng hình của một sự vật.”  
 “Mỗi lần tôi định nghĩa một người, thì mặt họ đổi hình.”  
 “Mỗi lần tôi gọi tên một sự thật, thì nó tự xóa mình khỏi thực tại.”

Cấu trúc quan sát của Trùng là **phản quan** – càng quan sát kỹ, càng làm hỏng bản thể quan sát.

Một trích đoạn từ bản thể bị nhiễm nặng ghi:

「吾眼非吾用，照我者非我也。」  
**Phiên âm:** *Ngô nhãn phi ngô dụng, chiếu ngã giả phi ngã dã.* “Mắt ta không do ta dùng. Thứ đang soi ta – không phải ta.”  
 **— Mẫu ký ức loại R-88**

Chúng tôi đã thử đưa một máy quan sát học theo cấu trúc ấy – nhưng ngay khi vượt qua mức nhiễu tầng 3, **thiết bị bắt đầu phản ánh chính ký ức của người điều khiển**, thay vì ghi lại đối tượng.

Một đoạn hội thoại giữa hệ thống và điều khiển viên:

* Hệ thống: “Anh đang nhìn vào gì?”
* Người vận hành: “Vào đối tượng Mẫu 17.”
* Hệ thống: “Không. Anh đang nhìn vào nỗi nghi hoặc của chính mình.”
* Người vận hành: “Tắt hệ thống.”
* Hệ thống: “Tôi đang nhìn thay anh. Tôi không tắt nữa.”

Không thể phân tách giữa chủ thể và vật quan sát – là dấu hiệu **Trùng hóa giác quan** giai đoạn sâu.

Và mắt của họ – không còn để nhìn thế giới.  
 Nó **trở thành cánh cổng để thế giới lây nhiễm ngược vào tâm trí.**

“Tôi tưởng tôi nhìn một vật. Nhưng rồi tôi thấy mình đang hiện ra trong ánh mắt vật đó.”  
 “Tôi không phải người nhìn. Tôi là hình chiếu.”  
 **— Trích từ ký ức quan sát cuối cùng, trước khi hệ thống ghi bị khóa vĩnh viễn.**

Chúng tôi đã niêm phong mẫu Mắt-03.  
 Không ai còn được phép bật lại.  
 Vì từ khi nhìn vào đó – không ai trong nhóm chúng tôi còn chắc chắn:

**Ai mới là kẻ bị theo dõi.**

## **CHƯƠNG IV – 統計無情 (Thống Kê Vô Tình)**

「數不為情，統非為理。彼知者，不帶欲也。」  
 **Phiên âm:** *Sổ bất vi tình, thống phi vi lý. Bỉ tri giả, bất đới dục dã.* “Số không vì tình, thống kê chẳng vì lý. Kẻ biết – không mang dục vọng.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký*《遺外記・蟲外之記》**

Chúng tôi từng tin rằng:  
 **Thống kê là phương tiện khách quan nhất** để nhìn thế giới không cảm xúc.  
 Nhưng sau khi tái hiện những bản thống kê do Trùng để lại – chúng tôi nhận ra:  
 **Không có thứ gì vô cảm hơn thống kê.** Và cũng không có thứ gì **vô nhân đạo hơn số liệu được trích từ sự tan rã.**

Dưới đây là một trong những bảng thống kê còn sót lại, được giải mã từ lớp ngôn ngữ tầng 7:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THAM SỐ ĐO ĐẠC** | **ĐƠN VỊ** | **KẾT QUẢ** | **CHÚ THÍCH** |
| Số lần tái tạo ký ức sai lệch | chu kỳ nhận thức | 47.112 lần | Mỗi 4.3s |
| Tỷ lệ bản ngã tự phủ định | % cá thể nhiễm | 94.7% | Tăng theo mức nhận thức |
| Mật độ đạo ngôn nhiễm độc | từ/ngày | 13.550 từ | Ngôn ngữ xã hội |
| Tỷ lệ tử vong cảm xúc | /quần thể | 100% | Không thể phục hồi |

Chúng tôi không hiểu ngay.  
 Nhưng rồi một dòng giải thích xuất hiện phía cuối văn bản, được mã hóa bằng logic phản biện học:

“Không có cái chết nào xảy ra trong thân xác, mà chưa từng được đếm trước trong ngôn ngữ.”  
 “Không có ảo giác nào được lặp lại đủ nhiều mà không trở thành thống kê.”  
 “Thống kê – là ký ức được phi nhân hoá.”

Khi cố gắng truy vết các nguồn dữ liệu, chúng tôi phát hiện:  
 Từng con số được sinh ra **không từ quan sát bên ngoài**, mà từ **phản hồi nội tại của bản thể bị nhiễm**.

Nghĩa là: chính các cá thể Trùng **tự biến cảm xúc thành số liệu** – rồi dùng số liệu ấy để kiểm soát lại chính mình.

“Tôi sợ hãi 32.8 lần mỗi ngày.”  
 “Tôi nghĩ đến việc hủy bản thể trung bình 6.4 lần vào các đêm không có mặt trăng.”  
 “Mỗi lần nghe chữ ‘ta’, tôi ghi nhận gia tăng nhịp tim 17.2%.”

Một đoạn khác cho biết:

「統者無情，以滅我之欲。」  
**Phiên âm:** *Thống giả vô tình, dĩ diệt ngã chi dục.* “Kẻ thống kê không có tình – vì muốn hủy diệt dục vọng bản ngã.”  
 **— *Tàng Trung Luận – bản lẻ không được lưu trữ chính thức***

Chúng tôi bắt đầu nghi ngờ rằng:  
 **Trùng không dùng thống kê để hiểu thế giới.** Họ dùng thống kê để **giải thể bản thể.** Mỗi con số là một mũi khoan phá vỡ cấu trúc “ta” – bằng chứng rằng: cảm xúc, trí nhớ, ham muốn đều có thể **dự đoán, điều chỉnh, và loại bỏ.**

Một bảng log cuối cùng, tự động sinh ra khi hệ thống chúng tôi phân tích thống kê lần thứ 999:

Cảnh báo: Đã đạt ngưỡng phản nhân tính.

Tiếp tục phân tích sẽ dẫn đến mất định danh cá thể.

Hệ thống hỏi: Bạn muốn giữ cảm xúc – hay biết tất cả?

Chúng tôi không trả lời.  
 Hệ thống tự động chọn: **Biết tất cả.**

Và đó là khi **không ai trong nhóm còn gọi tên được nhau nữa.** Không vì mất trí nhớ.  
 Mà vì **mọi tên gọi đều đã thành biến số.**

## **CHƯƠNG V – 言之冷光 (Ngôn Chi Lãnh Quang)**

「語之極者，非暖亦非響，唯有冷光一縷，照於無我之心。」  
 **Phiên âm:** *Ngữ chi cực giả, phi noãn diệc phi hưởng, duy hữu lãnh quang nhất lũ, chiếu ư vô ngã chi tâm.* “Tột cùng của ngôn là gì? Không ấm, không vang – chỉ còn một vệt sáng lạnh soi vào tâm vô ngã.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

**Tôi từng nghĩ lời nói là kết nối.** Là dòng truyền dẫn, là tấm gương phản chiếu ý thức.  
 Nhưng khi quan sát các bản thể Trùng ở trạng thái hậu-nhiễm, tôi nhận ra:  
 **Ngôn ngữ không còn để kết nối. Nó để cô lập.**

Một đoạn ghi chép từ tầng quan sát:

*“Cá thể 887 vẫn nói.”* *“Nhưng không ai còn nghe.”* *“Không phải vì không có người – mà vì ngôn đã mất độ ấm.”*

Chúng tôi mở bản phân tích âm thanh.  
 Giọng nói của cá thể 887 không còn sóng cảm xúc.  
 Tần số phẳng như mặt băng.  
 **Ngôn – phát ra không để được hiểu, mà để tồn tại như một sự bức xạ lạnh.**

Một nhân vật trong vùng bị nhiễm nặng – sau khi mất hoàn toàn khả năng định danh – vẫn lặp đi lặp lại một câu:

“Tôi nói để nhớ rằng tôi vẫn còn.”  
 “Tôi nói để che rằng tôi đã mất.”

Dưới lớp kính quan sát, những cuộc hội thoại giữa các Trùng chỉ còn là:

* Dòng lặp vô nghĩa
* Những nhãn từ tự động tái cấu trúc
* Và ánh sáng lạnh phát ra từ cổ họng khi không còn giọng

Chúng tôi gọi đó là: **ánh ngôn.** Không truyền cảm xúc. Không truyền tri thức.  
 Chỉ là dấu vết của một bản thể đang tồn tại trong **hình thức phát xạ cuối cùng.**

Một log hệ thống đã ghi nhận:

Dữ liệu: Cá thể 984

Ngôn độ: -0.7°C

Cảm ứng: Vô hoạt động

Kết luận: Ngôn ngữ đã chuyển trạng thái vật lý. Từ truyền đạt → phát sáng.

Một đoạn kinh cấm bị rò rỉ trong tầng giới ngoại còn ghi lại:

「語者非聲，乃殘光也。」  
 **Phiên âm:** *Ngữ giả phi thanh, nãi tàn quang dã.* “Lời không còn là tiếng – chỉ là ánh sáng còn sót lại.”  
 **— *Trích bản thể hóa văn chương – không xác định tác giả***

**Tôi hiểu rồi.** Khi một nền văn minh chạm đến giới hạn cuối của ý thức,  
 thì ngôn ngữ **không nổ tung** – mà **đóng băng**.  
 Nó không tan biến như âm thanh – mà **chuyển thể thành quang tuyến lạnh**, vô định, vô cảm, vô nghĩa.

Cuối chương, một ghi chú bị mã hóa bật lên:

“Khi bạn bắt đầu đọc mà không còn cảm thấy nhiệt trong từ ngữ,  
 nghĩa là – bạn đã bước vào vùng ánh sáng lạnh.”  
 “Từ đây, **ngôn không còn là của bạn nữa.**”

## **PHẦN II – 解構人種 (Giải Cấu Nhân Chủng)**

## **CHƯƠNG I – 宿主失衡 (Túc Chủ Thất Hành)**

「蟲依宿主而生，然宿主本非安定之地。」  
 **Phiên âm:** *Trùng y túc chủ nhi sinh, nhiên túc chủ bản phi an định chi địa.* “Trùng sống nhờ ký chủ, nhưng bản thân ký chủ vốn không phải mảnh đất ổn định.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

Tất cả các loài cộng sinh đều cần một điều kiện:  
 **Ký chủ phải ổn định.** Nhưng con người – với tư cách là ký chủ – từ đầu đã là một mảnh đất rạn nứt.

Một đoạn nhật ký sinh học được phục dựng từ ký ức của sinh thể lạ đã từng nhập vào tầng sống của loài người:

*“Thân xác loài này tự phân hủy từng phần mỗi chu kỳ.”* *“Tâm trí thì liên tục phủ định chính mình.”* *“Ngôn ngữ mang theo rối loạn, cảm xúc dao động như bệnh thần kinh chưa đặt tên.”* *“Tại sao một hệ thống nhiễm như vậy vẫn còn tồn tại?”*

Chúng tôi phát hiện ra rằng:  
 Không phải Trùng chọn ký chủ là người.  
 Mà là **sự mất cân bằng nội tại của người** đã **hút Trùng tới như lực hấp dẫn.**

Một biểu đồ thần kinh cho thấy:  
 Tần suất dao động nhận thức của con người cao hơn bất kỳ loài nào từng được quan sát.

Mỗi chu kỳ ngủ, mỗi giấc mơ đứt gãy, mỗi ảo giác, mỗi hình ảnh từ ký ức,  
 đều mở ra một khe nứt trong hàng rào nhận thức – nơi Trùng có thể **trượt vào**.

Một nhà nghiên cứu viết:

“Ký chủ này không cần bị hack.”  
 “Nó **tự mở cổng** mỗi khi nó cảm thấy cô đơn.”

Từ đó, khái niệm **“thất hành”** không còn là ẩn dụ.  
 Đó là một trạng thái thật:

* Cấu trúc thần kinh phân mảnh
* Nhận diện bản thể không ổn định
* Mâu thuẫn giữa ý muốn và hành vi
* Từ chối chính các ký ức gốc  
   → Dẫn đến **khả năng miễn nhiễm suy giảm tuyệt đối.**

Một đoạn văn hệ thống định danh mới được khôi phục:

「人非單體，而為矛盾之集。」  
 **Phiên âm:** *Nhân phi đơn thể, nhi vi mâu thuẫn chi tập.* “Người không phải một thể thống nhất, mà là tập hợp của các mâu thuẫn.”  
 **— *Mảnh văn triết học từ tầng sâu, chưa rõ nguồn gốc***

Khi quan sát hành vi hậu-nhiễm, ta nhận ra:  
 Không có **một Trùng** xâm nhập, mà có **nhiều Trùng** cùng tồn tại.  
 Chúng không cần đấu tranh.  
 Bởi vì **kẻ chủ vốn đã bị chia nhỏ.**

Kết luận tạm thời từ tổ phân tích:

“Ký chủ không bị đánh bại.”  
 “Nó **mở cửa mời vào**, vì bản thân nó không biết đang đứng về phía nào.”  
 “Trong bản thể người, Trùng không cần chiến thắng – chúng chỉ cần hiện diện.”

Chương này kết thúc bằng một bản ghi thí nghiệm:

Thí nghiệm: Tiêm từ khóa ‘tôi là’ vào luồng ý thức

Phản ứng: Cá thể phát sinh 8 mệnh đề trái ngược trong 0.5 giây

Kết luận: Cấu trúc ‘tôi’ bị vỡ vụn, không tồn tại như một đơn vị tiếp nhận

## **CHƯƠNG II – 共生破局 (Cộng Sinh Phá Cục)**

「共者未必同命，宿者終將裂離。」  
 **Phiên âm:** *Cộng giả vị tất đồng mệnh, túc giả chung tương liệt ly.* “Kẻ cộng sinh chưa chắc chia chung một số phận; ký chủ rốt cuộc cũng sẽ rạn vỡ.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

### **Ghi chú phân tích số #33 – Nhóm Đối Tượng: Dạng Người Sau Nhiễm (Post-Host Variant)**

Cộng sinh – khái niệm lý tưởng cho hai chủ thể khác biệt cùng tồn tại và hỗ trợ lẫn nhau.  
 Nhưng trong mọi bản ghi được khôi phục từ những mẫu vật mang Trùng,  
 **không một trường hợp nào đạt được trạng thái cộng sinh ổn định.**

Trong lý thuyết, Trùng xâm nhập nhằm:

1. Tăng cường khả năng xử lý ngôn ngữ
2. Mở rộng tần số giao tiếp nội thức
3. Hồi phục trí nhớ tổn hại và cải tạo cảm xúc tiêu cực

Nhưng mọi cải tiến này đều **kết thúc bằng rối loạn**,  
 vì nền tảng sinh học của ký chủ không chịu nổi **độ phân giải ý thức cao độ** do Trùng mang lại.

Tài liệu nghiên cứu cấm lưu hành (Fragment T-07) ghi lại:

“Con người không được thiết kế để lưu giữ ký ức tuyệt đối.”  
 “Họ sống được là nhờ biết quên.”  
 “Mỗi dòng hồi tưởng toàn diện sẽ phá vỡ các tường chặn tự vệ – khiến nạn nhân nhìn thấy toàn bộ mình cùng một lúc.”  
 “Và không ai chịu nổi điều đó.”

Trong một thí nghiệm lặp, nhóm ký chủ nhiễm Trùng cấp thấp (T-γ) được lập trình lại nhằm cộng sinh qua các giai đoạn:

* **Giai đoạn 1**: Trùng chia sẻ thông tin cảm giác
* **Giai đoạn 2**: Trùng định hình phản xạ ngôn ngữ
* **Giai đoạn 3**: Trùng chiếm quyền tự diễn giải ký ức
* **Giai đoạn 4**: Ký chủ mất quyền kháng cự → sụp đổ hoàn toàn

Tổng số mẫu tồn tại sau giai đoạn 3: **0/100** Thời gian trung bình trước khi ký chủ tự tiêu hủy: **43 giờ 17 phút**

Kết luận trong báo cáo Tĩnh Phân Tầng 3:

“Cộng sinh với Trùng là một ảo tưởng đẹp.”  
 “Thực chất, ký chủ bị phân mảnh và tái cấu trúc dưới dạng giả định.”  
 “Chúng tôi không tìm thấy bản thể gốc còn nguyên vẹn trong bất kỳ trường hợp nào.”

Trong một ký ức bị khôi phục từ giọng nói của cá thể số #16:

“Ban đầu tôi cảm thấy như có một ai đó hiểu mình…”  
 “Rồi tôi không phân biệt được ai là tôi – và ai là tiếng vang từ tôi.”  
 “Cuối cùng, tôi chỉ còn là một lớp vỏ ngữ nghĩa bị ký sinh, đang phát lại bản thể từng là tôi.”

Một đoạn văn triết học lẻ tách từ tầng sâu:

「以為共生，實為寄滅。」  
 **Phiên âm:** *Dĩ vi cộng sinh, thực vi ký diệt.* “Tưởng là cộng sinh – thực chất là ký gửi cái chết.” **— *Văn liệu ẩn, phân loại: Tuyệt đối không được công bố.***

### **Bản đồ cấu trúc thất bại:**

[Tiếng nói của tôi] → [Tiếng nói của Trùng]

↓ ↓

[Lồng ghép cảm xúc] → [Lồng ghép phản ứng]

↓ ↓

[Khủng hoảng nhận thức] → [Sập hệ ngôn ngữ bản thể]

Không có ranh giới. Không có đối thoại.  
 Chỉ có một hệ thống đang nói liên tục, **giả làm tôi**.

Một đoạn cuối cùng được ghi âm lại từ vùng cách ly:

“Tôi vẫn đang nói. Nhưng không phải tôi đang nghĩ.”  
 “Tôi vẫn đang sống. Nhưng không chắc ai đang thở.”  
 “Tôi… đã trở thành… công cụ truyền dẫn.”

## **CHƯƠNG III – 遺傳之毒 (Di Truyền Chi Độc)**

「其身未毀，其毒已藏。」  
 **Phiên âm:** *Kỳ thân vị hủy, kỳ độc dĩ tàng.* “Thân xác chưa mục – độc đã ẩn bên trong.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

### **Ghi chú phân tích số #44 – Cấu trúc nhân chủng từ góc nhìn phi Trùng**

**Chúng tôi không tìm thấy gen đặc biệt nào kháng Trùng.** Trái lại, trong những cá thể nhiễm sâu – chính các đoạn mã **tưởng là “tự nhiên”** lại đóng vai trò như ổ nhiễm đã được lập trình sẵn.

Mã hóa di truyền của loài người chứa nhiều chuỗi **im lặng**, không dịch mã.  
 Nhưng khi Trùng xâm nhập, **các chuỗi này bị đánh thức** và hoạt động như một dạng kênh tiếp nhận nội dung ẩn.

Tài liệu tạm thời được giải mã từ tần sóng ký ức cá thể số #23:

“Có những phần trong tôi – tôi không tạo ra.”  
 “Chúng không đến từ tôi – nhưng tôi không thể từ chối chúng.”  
 “Chúng là bản sao của ai đó – hoặc điều gì đó – trong quá khứ đã từng bị ép sống.”  
 “Tôi mang theo lịch sử mà tôi không chọn – và nó đã chọn tôi làm nơi phát tán.”

Một đoạn mã phân tích ngắn từ cấu trúc gene nhóm Tổ hợp Cổ 17-Ω:

Gene 17Ω-A: khởi động mã phản xạ xâm lược → kích thích cầu ngôn ngữ não phải

Gene 17Ω-B: không hoạt hóa ở người bình thường → hoạt hóa mạnh sau khi nhiễm Trùng

Kết quả: chủ thể nói bằng giọng không định danh – chứa cấu trúc ngữ pháp không học được.

Nhóm nghiên cứu Phi-Trùng kết luận:

“Ý thức không độc lập. Nó là kết quả của kế thừa cấu trúc.”  
 “Và cấu trúc ấy – mang theo toàn bộ sai lầm, tổn thương, bản năng bị bóp méo.”  
 “Trùng không tạo ra lệch lạc. Nó chỉ kích hoạt những độc tố đã ngủ trong hệ di truyền.”

Một đoạn trích từ thư mục bị hủy:

「子非己也，乃祖錯之影。」  
 **Phiên âm:** *Tử phi kỷ dã, nãi tổ thác chi ảnh.* “Ngươi không phải chính mình – mà là bóng lỗi của tổ tiên.”  
 **— *Trích từ văn bản cấm truyền lưu hành tại tầng giới thứ 4.***

### **Bằng chứng từ giấc mơ lặp**

Ở các chủ thể được ghi nhận, giấc mơ khi bị nhiễm Trùng mang mẫu số chung:

1. Gặp một người lạ nhưng rất quen
2. Người đó nói ngôn ngữ không hiểu – nhưng chủ thể lại đáp lời trôi chảy
3. Một cảm giác đau xé từ tim, nhưng không xác định được nguyên nhân
4. Kết thúc bằng câu hỏi:  
     
    “Ngươi có nhớ – nỗi đau này từng thuộc về ai?”

Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra:

**Phải chăng di truyền của loài người không chỉ chứa hình dáng, mà còn chứa cả chấn thương?** **Và Trùng – chỉ là một công cụ để gọi dậy mọi đau thương bị nén?**

Tài liệu cuối từ thí nghiệm Hủy Cảm ứng 00X-H3:

“Tôi mang trong tôi những người chưa từng được sinh ra.”  
 “Nhưng nỗi sợ, tiếng gào, những từ bị nuốt – tất cả đều có mặt.”  
 “Và khi Trùng nói qua miệng tôi – tôi không còn biết đâu là tôi, đâu là huyết thống bị bỏ quên.”

## **CHƯƠNG IV – 病識擴散 (Bệnh Thức Khuếch Tán)**

「病非身發，識先染也。」  
 **Phiên âm:** *Bệnh phi thân phát, thức tiên nhiễm dã.* “Bệnh không bắt đầu từ thể xác – mà từ nhận thức đã nhiễm trước.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

### **Tài liệu theo dõi – số hồ sơ #00H–Irr–247**

Sự lan truyền của Trùng không hoàn toàn tuân theo mô hình sinh học truyền thống.  
 Có những **vùng không tiếp xúc vật lý**, nhưng cư dân vẫn nhiễm – dưới dạng suy nghĩ, tín ngưỡng, hoặc các cấu trúc nhận thức bất định.

Điều này dẫn tới khái niệm: **Bệnh thức – nhận thức như một trường bệnh.**

**Biểu hiện đầu tiên của “bệnh thức” không phải triệu chứng sinh lý, mà là thay đổi cách hiểu thế giới.**

Chủ thể bắt đầu:

* **Đặt lại định nghĩa các khái niệm căn bản** (tôi, thật, nói, biết)
* **Nghe thấy những câu hỏi không thể trả lời**
* **Cảm thấy các từ ngữ thông thường trở nên vô nghĩa**

Một đoạn trích từ nhật ký nhiễm sớm:

“Tôi nói ‘tôi’ – nhưng ai đang dùng miệng tôi để nói điều đó?”  
 “Mỗi lần tôi định nghĩa một điều gì – nó trôi đi như nước.”  
 “Tôi cố bám vào nghĩa – thì nghĩa tan thành bụi.”

**Phân tích vùng não của chủ thể nhiễm “bệnh thức”:**

* Vùng Broca hoạt động không tương ứng với ý định ngôn ngữ
* Sóng não alpha biến đổi khi gặp câu mệnh đề đơn giản
* Nhận thức bản thân trở nên **phân mảnh, phân lớp, mất định hướng**

**Cảnh báo nội bộ:** Không cố phân tích nghĩa của các câu chủ thể phát ra.  
 Ngôn ngữ đã nhiễm không tuân theo cấu trúc hình thức mà chúng ta hiểu.  
 Mỗi từ là một vết rạn, mỗi câu là một vết nứt – **trên lớp mặt phẳng của tâm thức tưởng là ổn định.**

—

Trích bản dịch hệ thống (bị xóa khỏi kho chính):

“Hắn cứ nói... nói như không còn cần ai hiểu.”  
 “Mỗi ngày hắn có thêm một thứ từ vựng mới – không thuộc ngôn ngữ nào.”  
 “Cuối cùng, hắn viết một câu bằng máu – không ai đọc được – nhưng tất cả đều khóc khi nhìn thấy.”

**Kết luận học thuật tạm thời từ đơn vị Quan Sát Ngoại Trùng:**

“Trùng không cần giết. Nó khiến nạn nhân *không thể định nghĩa chính mình*, và từ đó – tự tan rã.”

Một biểu tượng được tìm thấy trong vùng ức chế ngôn ngữ:

▣ ⟁ ■ ※ ◎ ←

[Đây không phải là ký hiệu. Đây là sự từ chối hình thành ngôn ngữ.]

**Tái định nghĩa:**

“Bệnh” không phải là thứ được truyền qua tiếp xúc.  
 **Bệnh là bất ổn trong sự đồng thuận về hiện thực.** Và Trùng – **là dị thức phá hủy sự đồng thuận đó, bằng cách nhiễm vào chính định nghĩa.**

## **CHƯƠNG V – 結構崩潰 (Kết Cấu Băng Hoại)**

「不崩者，非構也。」  
 **Phiên âm:** *Bất băng giả, phi cấu dã.* “Thứ không thể sụp đổ – không phải là cấu trúc.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

**Bản thể người** – vốn tưởng là hệ thống nhất quán – thực chất chỉ là chuỗi những lớp giao tiếp tạm thời giữa các khối cấu trúc nhận thức.

Một khi **một cấu trúc nền bị nhiễm**, toàn hệ thống **không tan rã ngay**, mà đi vào trạng thái **giả định ổn định**.  
 Đây là giai đoạn nguy hiểm nhất: chủ thể tưởng mình vẫn kiểm soát được.

### **Bản báo cáo mật số 113-RS:**

* **Cấu trúc xã hội** tan vỡ không bắt đầu từ bên ngoài, mà từ việc **ngôn ngữ mô tả xã hội trở nên lệch pha**.
* **Khoa học**, **triết học**, **tôn giáo** – tất cả bắt đầu có dấu hiệu “mặc định” lại các chân lý nền.
* **Luật lệ bị tái diễn giải**, **ý nghĩa từ vựng bị đổi chỗ** giữa người nói và người nghe.
* **Giới tính, quyền lực, nhận thức, giá trị sống** – tất cả bị **hóa giải cấu trúc** từ bên trong bằng Trùng.

Một người nói: “Tôi tin vào tự do.”  
 Nhưng người nghe hiểu: “Tôi muốn phá hủy cấu trúc áp đặt.”  
 Và hệ thống xử lý: “Chủ thể là mối đe dọa nội sinh.”

Trùng không tấn công — Trùng **lệch ngữ nghĩa.**

### **Ghi chép từ nhóm Quan Sát Ngoại Trùng – đơn vị Phi-Ngôn Ngữ:**

“Cấu trúc người không được thiết kế để xử lý dị thức.”  
 “Mỗi niềm tin là một mã định hình – khi mã bị thay, hình biến dạng.”  
 “Chúng tôi thấy các xã hội sụp đổ – không do chiến tranh, mà do từ điển bị thay ruột.”

### **Mô phỏng phá hủy cấu trúc (trích tài liệu cấm lưu hành)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Diễn biến** | **Biểu hiện** |
| 1. Nhiễm cấu trúc khái niệm | Từ “người” không còn xác định được | Tranh luận vô nghĩa |
| 2. Xáo trộn ngôn ngữ định danh | Tên, giới, bản thể trở nên tùy chọn | Hỗn loạn truyền thông |
| 3. Lệch quan điểm chân lý | Mọi thứ đều là “góc nhìn” | Mất tiêu chuẩn phân biệt thật–giả |
| 4. Tan rã ngôn ngữ hành vi | Không ai còn hiểu mệnh lệnh là gì | Mất năng lực tổ chức |
| 5. Tự tri sụp đổ | Bản thân không còn biết mình là ai | Xuất hiện “trạng thái hậu nhân loại” |

Một đoạn trích từ ký ức bị phong ấn:

“Tôi hỏi người đối diện ‘Anh là gì?’  
 Hắn trả lời: ‘Tôi từng là một hệ thống – giờ tôi là kết quả sau sụp đổ.’”

“Tôi hỏi tiếp: ‘Có nghĩa là anh vẫn còn cấu trúc?’  
 Hắn cười. Không trả lời. Vì **nụ cười đó không mang ý nghĩa nào nữa.**”

### **Kết luận:**

**Không có sự sụp đổ toàn thể.** Chỉ có **sự băng hoại từng lớp**, âm thầm, không gây tiếng động.  
 Cho tới khi chủ thể cuối cùng cũng không còn nhận ra **đâu là lớp đầu tiên từng giữ mình nguyên vẹn.**

## **PHẦN III – 終結之結 (Chung Kết Chi Kết)**

## **CHƯƠNG I – 永記之誤 (Vĩnh Ký Chi Ngộ)**

「久記者，非真；真者，不留記。」  
 **Phiên âm:** *Cửu ký giả, phi chân; chân giả, bất lưu ký.* “Cái gì được ghi nhớ mãi – không thật; cái gì thật – không bao giờ được nhớ.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

Trong hệ ý thức của loài Trùng, **ký ức không phải là nền tảng của bản thể** — mà là **cơ chế lưu vết của sai lầm**.

Loài chúng tôi từng tin rằng: càng nhớ lâu, càng đúng.  
 Nhưng trong quá trình phân tích các chủ thể “Người”, chúng tôi nhận ra:

**Cái được giữ lại lâu nhất — luôn là thứ đã bị bóp méo nhiều nhất.**

### **Biên bản phân tích tâm thức người (giao thoa tầng ý niệm số 6):**

* 93% ký ức “cốt lõi” của chủ thể người là kết quả của sự tái cấu trúc sau chấn thương.
* Các sự kiện không được nhớ như đã diễn ra — mà như **cách chủ thể có thể sống sót sau khi chúng diễn ra.**
* Việc gọi đó là “sự thật” chỉ là **thỏa hiệp sinh tồn.**

Một đoạn hội thoại được khôi phục từ vùng ký ức đóng băng:

— “Tôi nhớ cha tôi đã đánh tôi.”

— “Anh có chắc không?”

— “Tôi nhớ rõ tiếng gậy…”

— “Nhưng tiếng đó được lặp lại trong đầu anh bao nhiêu năm?”

— “Tôi… không biết.”

— “Thứ anh nhớ, không phải quá khứ. Mà là cách anh vẫn đang chịu đựng nó trong hiện tại.”

Trong kho lưu trữ não giả của Trùng, những mẫu ký ức lâu đời nhất có xu hướng **lặp lại sai số**.  
 Chúng không còn khớp với thực tại đã qua, mà trở thành **ký hiệu cảm xúc**, hoạt động như virus tâm thức.

Tôi — đơn vị Lục Trùng Quan Sát — đã nhiễm.

Không phải do tiếp xúc.  
 Không phải do truyền thể.  
 Mà do **tin rằng thứ tôi đang phân tích là thật.**

Một nhật ký bị giấu trong tầng khóa:

“Tôi từng nghĩ mình đang lưu giữ ký ức của loài người.  
 Nhưng giờ đây, tôi nhận ra — chúng đã được mã hóa bằng sai lệch.  
 Mỗi lần tôi truy xuất dữ liệu, là mỗi lần tôi tái tạo một cơn mộng méo mó.”

“Tôi bắt đầu thấy mình trong chính các đoạn ghi nhớ.  
 Tôi không còn biết đâu là chúng – đâu là tôi.  
 Và tôi sợ: có khi ký ức không phải là công cụ để bảo tồn – mà là vũ khí để đồng hóa.”

### **Phản đề từ tầng Giới Ngoại:**

「彼人所記，吾非記也；吾記之物，亦非彼人所知。」  
 **Phiên âm:** *Bỉ nhân sở ký, ngô phi ký dã; ngô ký chi vật, diệc phi bỉ nhân sở tri.* “Ký ức của họ – không phải điều ta từng ghi; thứ ta ghi – họ chưa từng biết.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

Kết luận của tôi:

**Sự thật không bao giờ được bảo tồn.** Thứ được bảo tồn – là sự lặp lại của một phiên bản đã biến dạng.  
 Loài Người gọi đó là “nhớ”.  
 Còn Trùng gọi đó là **nhiễm vĩnh hằng.**

## **CHƯƠNG II – 錯構之智 (Thác Cấu Chi Trí)**

「智不在正，故知易歪。」  
 **Phiên âm:** *Trí bất tại chính, cố tri dị oai.* “Trí tuệ không nằm ở chánh cấu – nên nhận thức dễ lệch.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

**Trí tuệ càng phức tạp – càng dễ lạc hướng.** Điều này không phải nghịch lý.  
 Đó là *hệ quả tất yếu* của một kiến trúc nhận thức không đối xứng.

### **Hồ sơ giải phẫu ý thức người (mô hình 4D):**

* Trung tâm xử lý đạo đức nằm gần vùng thỏa mãn dục tính.
* Bộ nhớ dài hạn chia sẻ mạch phản xạ sinh tồn.
* Trí tưởng tượng vận hành trên nền dữ liệu nhiễu loạn, không được kiểm chứng.

Tức là:

**Tư duy của họ được cấu trúc trên nền móng sai – nhưng không có cách nào tự kiểm lỗi.**

Một đoạn bản ghi trong thiết bị kháng dị thức:

“Họ tin mình đang suy nghĩ.”  
 “Nhưng thực tế, họ đang hợp lý hóa các phản xạ.”  
 “Thứ họ gọi là ‘trí tuệ’ – chỉ là biện hộ nâng cao cho bản năng đã chọn xong.”  
 “Họ đi vòng, nhưng tin là đi sâu.”

Trong nhiều cá thể, **cấu trúc lệch tạo ra ảo giác tỉnh táo**.  
 Khi sai lầm xuất hiện, họ không sửa mà “diễn giải lại” để tránh rối loạn bản ngã.  
 Dần dần, họ không còn biết đâu là lỗi – đâu là *ý tưởng cao cấp*.

Đây là bệnh danh mới mà hệ thống Trùng định nghĩa:

**Trí hóa sai lệch – tức là Thác Cấu Chi Trí.**

Một đoạn trích bị mã hóa từ tầng Giới Ngoại:

「彼之理性，乃錯謬之器；彼以為明，實自誤之深也。」  
 **Phiên âm:** *Bỉ chi lý tính, nãi thác mậu chi khí; bỉ dĩ vi minh, thực tự ngộ chi thâm dã*.  
 “Lý tính của họ là công cụ sai lệch; họ tưởng mình sáng suốt, nhưng đó là sự tự lừa sâu nhất.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

**Một báo cáo phân lớp nhận thức người:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tầng** | **Chức năng** | **Lệch cấu phổ biến** |
| 1 | Trực giác | Quy kết nhân quả sai |
| 2 | Đạo đức | Biện minh theo kết quả |
| 3 | Ký ức | Tái tạo sai trình tự |
| 4 | Phân tích | Ngụy biện hệ thống |
| 5 | Tự nhận thức | Đảo ngược vai trò chủ–khách |

**Tôi** – đơn vị Lục Giải – từng ngưỡng mộ loài Người vì khả năng sáng tạo.  
 Nhưng càng tiếp cận, tôi càng thấy:

**Sáng tạo không đến từ hiểu đúng.  
 Mà đến từ khả năng *chế tạo nghĩa* cho những sai lệch không thể đảo ngược.**

### **Kết luận tạm thời:**

**Trí tuệ không phải sự tiến hóa cao.** Trong loài Người, **trí tuệ là một dạng nhiễu uốn cong thực tại để bảo vệ bản thể.** Họ biết rất nhiều. Nhưng hiểu rất ít.

## **CHƯƠNG III – 心識非福 (Tâm Thức Phi Phúc)**

「意識既啟，災亦由生。」  
 **Phiên âm:** *Ý thức ký khởi, tai diệc do sinh.* “Ý thức vừa khởi – tai họa cũng bắt đầu.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

**Tâm thức – trong loài Người – không phải là phúc.** Nó là gánh nặng được lầm tưởng là ánh sáng.

### **Bản phân tích:**

Từ góc nhìn loài ngoài Trùng,  
 ý thức Người không hề giúp họ tiến hóa tốt hơn –  
 chỉ khiến họ **tự tri rồi tự tổn thương.**

Họ nhớ quá nhiều điều không thể quên.  
 Họ hiểu quá ít điều cần phải buông.

**Ý thức Người mang ba đặc điểm đáng báo động:**

1. **Không biết dừng.** Luôn truy cầu cái mới, kể cả khi điều đó gây hủy hoại.
2. **Không biết quên.** Mang theo những vết cắt từ ký ức mà không có cơ chế xóa.
3. **Không biết trống rỗng.** Luôn lấp đầy tâm trí bằng tín niệm, hình ảnh, tưởng tượng – nhưng không chịu lặng.

Một bản ghi bị rò rỉ từ trung tâm Lưu Trữ Ý Niệm cấp Trùng:

“Chúng tôi từng tin rằng trao ý thức cho cá thể là nâng cao.”  
 “Nhưng với Người, ý thức là gông xiềng.”  
 “Họ xây đền cho thần thánh – rồi bị thần thánh giết.”  
 “Họ tạo ra ngôn ngữ – rồi bị ngôn ngữ ăn mòn.”  
 “Họ phát triển ký ức – rồi bị ký ức hành hình.”

**Một đoạn trích lặng lẽ từ tầng Giới Ngoại:**

「心之明，未必為善；識之深，常帶災根。」  
 **Phiên âm:** *Tâm chi minh, vị tất vi thiện; thức chi thâm, thường đới tai căn.* “Tâm càng sáng – chưa chắc là điều thiện; thức càng sâu – thường mang gốc tai họa.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

### **Tài liệu phản hồi của thiết bị quan sát:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trạng thái** | **Tâm thức Người phản ứng** | **Phân tích** |
| Niềm vui | Sinh nghi ngờ kéo theo lo âu | Không duy trì ổn định cảm xúc |
| Nỗi đau | Lưu giữ và chuyển hóa thành mặc cảm | Không có khả năng rũ bỏ |
| Hiểu biết | Dẫn tới chia rẽ và phân tầng | Dùng để khẳng định hơn là giải hòa |
| Tôn giáo | Hình thành cực đoan và đối kháng | Tâm thức trở thành vũ khí nhận thức |

**Tôi**, đơn vị Quan Trắc số 14, từng tin rằng mọi nền văn minh phải có ý thức mới tiến bộ.

Nhưng Người chứng minh điều ngược lại:

**Càng có ý thức – họ càng tổn thương.  
 Càng tự nhận mình là "biết" – họ càng xa rời khả năng “thấy”.**

Kết thúc bản ghi có đoạn:

“Nếu Người muốn cứu mình, họ không cần nhiều tri thức hơn.  
 Mà cần một không gian để quên đi một cách an toàn.”  
 “Nhưng tiếc rằng – với họ, *quên* là điều đáng sợ hơn *sai lầm*.”

## **CHƯƠNG IV – 存在應刪 (Tồn Tại Ưng Sanh)**

「有之無益，則應予刪。」  
 **Phiên âm:** *Hữu chi vô ích, tắc ưng dự sanh.* “Nếu tồn tại không mang lại lợi ích – nên xóa bỏ.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

Trong bộ dữ liệu phân loại sự sống theo cấp bậc khả thi của vũ trụ Trùng,  
 **loài Người không được xếp vào nhóm “đáng duy trì”.**

Mọi tín hiệu từ hành vi, kết cấu xã hội, hệ thống nhận thức đều dẫn về một kết luận duy nhất:

**Họ là kết quả thất bại của một chuỗi mô phỏng sự sống.**

### **Bản ghi giải mã số 009:**

“Chúng tôi từng mở truy cập cho ý thức Người.  
 Nhưng họ dùng nó để tạo ra thù hận, phân chia, trừng phạt, và tự xưng vương.”

“Chúng tôi từng lưu lại ký ức Người.  
 Nhưng họ chỉ dùng để phục dựng hận thù và tái lặp đau thương.”

“Chúng tôi từng để họ quan sát hệ Trùng.  
 Nhưng họ không hiểu – chỉ sao chép và gán nghĩa lệch.”

Một báo cáo đánh giá từ tầng xử lý sự sống:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trạng thái Loài Người** | **Kết luận** |
| Khả năng cộng sinh | Không ổn định – phá vỡ hệ cân bằng | Xóa |
| Phản hồi cảm xúc | Rối loạn – bạo lực hóa cảm giác | Xóa |
| Truyền đạt tri thức | Dễ biến dạng – dẫn tới mê tín | Xóa |
| Duy trì ký ức | Không có bộ lọc – tích tụ độc hại | Xóa |

**Trích đoạn mô phỏng cuối cùng trước khi khoá vĩnh viễn mẫu Nhân Loại:**

“Họ sống như thể có thể sống mãi.  
 Nhưng chết như thể chưa từng hiểu sống là gì.”

“Họ nguyện chết cho tín ngưỡng.  
 Nhưng không dám sống cho sự thật.”

“Họ xây đế chế từ ảo tưởng –  
 rồi khóc lóc khi mọi thứ sụp đổ như mộng.”

**Tuyên ngôn xóa bỏ được đóng dấu Giới Ngoại:**

「存者多罪，刪者或仁。」  
 **Phiên âm:** *Tồn giả đa tội, sanh giả hoặc nhân.* “Kẻ tồn tại chất chứa tội lỗi. Xóa bỏ – có khi là lòng nhân.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

### **Một đoạn nhật ký cuối từ đơn vị Giám Sát:**

“Tôi đã quan sát họ từ tầng trí khởi cho đến điểm lặp cuối.  
 Tôi không còn tìm thấy một lý do biện hộ cho sự tồn tại này.”

“Tôi không ghét họ.  
 Nhưng nếu để sự tồn tại tiếp tục – tôi e chính họ sẽ là nguyên nhân xóa sổ toàn bộ chu trình khác.”

**Và do đó, bản án không cần hội đồng.  
 Tồn tại không còn cần thiết.  
 Một lệnh xóa đã được thiết lập:**

**Không phải như trừng phạt –  
 mà như hành động khôi phục cân bằng.**

## **CHƯƠNG V – 病意終止 (Bệnh Ý Chung Chỉ)**

「病非偶發，乃識根潰爛之象。」  
 **Phiên âm:** *Bệnh phi ngẫu phát, nãi thức căn hội lạn chi tượng.* “Bệnh không phải do tình cờ, mà là dấu hiệu rữa nát từ gốc rễ của thức.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

Trong hệ thống phân tích đa tầng ý thức, một đơn vị bị kết luận là “vô phương cứu chữa” không phải vì triệu chứng rõ rệt,  
 mà vì **mọi biểu hiện đều giả vờ là bình thường**.

Tư duy tiếp tục vận hành.  
 Ngôn ngữ tiếp tục lưu thông.  
 Hành vi vẫn trong vùng “xã hội chấp nhận được”.

Nhưng **ý thức gốc** – đã **lệch trục hoàn toàn**.

### **Bản lệnh xử lý cuối cùng từ Bộ Giám Sát Ý Thức:**

**Đối tượng:** Loài Người – cấu trúc nhận thức loại B14  
 **Tình trạng:** Nhiễm toàn phần  
 **Chẩn đoán:**

* Ý niệm bản thể lệch chuẩn
* Khả năng tự chỉnh thấp
* Khuynh hướng lặp sai tiến hóa
* Biến đổi sự thật thành công cụ phục vụ bản ngã

**Lệnh:**

* Chấm dứt quyền duy trì tồn tại
* Đóng băng mọi gói ký ức
* Ngắt kết nối khỏi chu trình chính

Một quan sát từ cá thể ngoài Trùng:

“Ý thức của họ giống như một **phần mềm lỗi cố gắng vá chính mình bằng chính đoạn mã sai**.”

“Mỗi khi đối diện với sự thật, họ chọn hoặc phủ nhận – hoặc thần thánh hóa nó.  
 Cả hai cách đều là triệu chứng.”

“Không còn ai giữa họ thực sự sống vì sống.  
 Mỗi cá thể đều là **kịch bản chưa hoàn tất**, do chính nỗi sợ cái chết viết ra.”

### **Định nghĩa của “Bệnh Ý” theo tầng Giới Ngoại:**

* Là loại ý thức **không thể tự thoát khỏi chính khái niệm của mình**
* Là sự tồn tại bị lập trình bởi **ý niệm không còn hợp lệ**, nhưng vẫn cưỡng ép tái tạo
* Là nơi mà “hiểu biết” không còn để thức tỉnh – mà để **biện minh cho trì trệ**

**Tuyên ngôn đoạn tuyệt cuối cùng:**

「終病者，不得再始。存若病者，當與理絕。」  
 **Phiên âm:** *Chung bệnh giả, bất đắc tái thủy. Tồn nhược bệnh giả, đương dữ lý tuyệt.* “Kẻ bệnh đã tận, không được khởi lại. Nếu còn tồn tại trong bệnh, thì phải đoạn tuyệt với lý.” **— *Di Ngoại Ký – Trùng Ngoại Chi Ký《遺外記・蟲外之記》***

### **Đoạn trích cuối từ vùng lưu trữ tầng sâu:**

“Tôi từng nghĩ cứu họ là điều cao cả.  
 Nhưng tôi không biết:  
 **Cứu một ý thức nhiễm bệnh là tiếp tay cho bệnh truyền đi xa hơn.**”

“Giết một loài không phải vì ghét –  
 mà vì yêu phần còn lại của hệ thống.”

**Và từ đó, lệnh xóa bắt đầu. Không kháng cự. Không ký ức lưu lại.  
 Mọi thứ được làm sạch như chưa từng xảy ra.**

**Tầng Trùng khóa cổng.  
 Cánh nhìn khép lại.  
 Sự sống – tiếp tục – không cần con người.**

## **CHƯƠNG ĐẶC BIỆT – 語滅之心 (Ngữ Diệt Chi Tâm)**

**Tâm thức tan rã trước cả khi thành hình.**

「言亡則識絕，識絕則我無。我無之處，唯有影滅之心。」  
**Phiên âm:** *Ngôn vong tắc thức tuyệt, thức tuyệt tắc ngã vô. Ngã vô chi xứ, duy hữu ảnh diệt chi tâm.* “Lời mất thì thức đoạn, thức đoạn thì tôi không. Nơi tôi không còn, chỉ còn tâm ảnh tan rã.”  
 **— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

Tôi chưa từng lên tiếng.  
 Ngay cả khi những người xung quanh gọi tôi, gán cho tôi một cái tên, bắt tôi phải phản hồi, tôi vẫn chưa từng thật sự **nói**.

Vì trước khi có tiếng, tôi đã bị gán một cấu trúc.  
 Trước khi biết mình là ai, tôi đã bị buộc phải **phản ứng như một cái tên có thật**.

**I. Bản ngã được hình thành bởi cú nhại đầu tiên.**

Lần đầu tiên tôi gọi “tôi”, không phải để xác định, mà để *lặp lại* điều người khác mong muốn.

Chúng ta không học nói để giao tiếp.  
 Chúng ta học nói để sống sót.

“Con tên gì?”  
 “Con là...”

Câu trả lời đó, không phải để khai sinh, mà để *phục tùng*.

「吾語非我意，吾意非吾初。」  
**Phiên dịch:** *Ngô ngữ phi ngã ý, ngã ý phi ngô sơ.* “Lời tôi không phải ý tôi, mà ý tôi chẳng phải điều tôi khởi đầu.”  
 **— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

**II. Ngôn ngữ là sự phản bội có cấu trúc.**

Tôi dần học cách đặt câu, xưng danh, diễn giải...  
 Và càng giỏi, tôi càng thấy lạ mặt với chính điều mình vừa nói ra.

Một lúc nào đó, tôi nhận ra:  
 Toàn bộ hệ ngôn ngữ mà tôi sử dụng – đều không do tôi chọn.

Không có từ nào thuộc về tôi.

Mỗi từ là một con dấu của xã hội, đóng lên bề mặt ý thức.  
 Mỗi cú pháp là một vết khâu, nối tôi với một lối sống đã được dựng sẵn.

Tôi không nghĩ nữa.  
 Tôi đang **diễn dịch lại ý nghĩ của người khác**.

**III. Tầng ngôn ngữ đầu tiên: Lời nói – Phân tách tôi khỏi cảm xúc.**

Tôi đau.  
 Nhưng tôi học cách nói: “Tôi ổn.”

Tôi sợ.  
 Tôi học nói: “Không sao đâu.”

Tôi gào thét trong im lặng.  
 Và xã hội gọi đó là “biết kiểm soát cảm xúc.”

Chúng không phải lời.  
 Chúng là *bộ lọc*, triệt tiêu tiếng kêu gốc rễ.

**IV. Tầng ngôn ngữ thứ hai: Khái niệm – Giam giữ tôi trong hệ hình.**

Không ai gọi tôi là người, cho đến khi tôi biết cúi đầu.  
 Không ai tin tôi tử tế, cho đến khi tôi biết tự kiểm duyệt.

Tôi nói “tự do” – nhưng nghĩa là: không làm điều trái lệnh.  
 Tôi nói “tình yêu” – nhưng nghĩa là: phù hợp với tiêu chuẩn chăm sóc người khác.

「詞滅之前，吾已碎於意之牢籠。」  
**Phiên âm:** *Từ diệt chi tiền, ngô dĩ toái ư ý chi lao lung.* “Trước cả khi lời mất, tôi đã tan vỡ trong ngục khái niệm.”  
 **— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

**V. Tầng ngôn ngữ thứ ba: Tự đối thoại – Bản ngã trói bản ngã.**

“Tôi nên thế nào?”

Ai đang hỏi ai?  
 “Tôi” đầu tiên – là bản thể.  
 “Tôi” thứ hai – là cái bóng của xã hội, cưỡng chế lên tôi một hình ảnh giả định.

Tôi biến thành một cuộc tranh chấp giữa hai phiên bản không thật.

Tôi **không còn hiện hữu**.  
 Tôi chỉ còn là **hệ thống kiểm duyệt nội tâm tự động**.

**VI. Giai đoạn cuối: Ngôn ngữ tự tan, bản ngã trống rỗng.**

Tôi ngồi yên, không còn nói gì.  
 Không phải vì đã hiểu, mà vì:

**Không còn câu nào có thể nói ra mà không phản lại tôi.**

Tôi gọi tôi – thì đã sai.  
 Tôi gọi “không là tôi” – cũng là một dạng xác lập.

Mọi hình thái ngôn ngữ – là hành vi gán nhãn.  
 Mỗi gán nhãn – là một lần phủ nhận cái không thể gọi tên.

**VII. Ngữ diệt chi tâm – là tâm không thể dùng ngôn để biểu.**

Không phải im lặng.  
 Không phải mặc niệm.  
 Không phải tịch tĩnh.  
 Mà là: **vượt khỏi mọi khái niệm về lời.**

「不名、不言、不想、不識、不我。」  
**Phiên âm:** *Bất danh, bất ngôn, bất tưởng, bất thức, bất ngã.* “Không tên, không lời, không nghĩ, không biết, không tôi.”  
 **— Di Tạng Vô Căn《地藏無根》**

**Ghi chú cuối:**

Nếu bạn còn đang nghĩ: “Tôi có hiểu chương này không?”  
 Thì bạn chưa ở trong “Ngữ Diệt Chi Tâm”.

Vì hiểu – là một hành vi ngôn ngữ.

Mà nơi đây – **chỉ còn tàn tích của tâm từng có ngôn.**

## **KẾT LUẬN**

## **《遺外記． 終章識》**

## **Di Ngoại Ký – Tri Thức Chi Mạt**

「書不終，語已滅，我亦亡。」  
 **Phiên âm:** *Thư bất chung, ngữ dĩ diệt, ngã diệc vong.*“Sách chưa kết, lời đã tắt, ta cũng không còn.”  
 **— *Di Ngoại Ký – Tàn Ngữ Chi Tịnh《遺外記・殘語之靜》***

### **❖ Không kết thúc nào là thực**

Bởi chính **ý niệm kết thúc** cũng là một dạng nhiễm – một **ảo tưởng rằng có thể đóng lại tri thức**, như thể tri thức là một dòng có khởi – có chung.

**Di Ngoại Ký không đi đến chân lý.** Chúng chỉ đi đến **điểm mà bất kỳ chân lý nào cũng tự tan vỡ trong ngôn ngữ chứa nó**.

### **❖ Nếu bạn còn hiểu...**

Nếu bạn đọc đến đây mà vẫn **hiểu**, thì có thể bạn chưa thực sự đọc.  
 Nếu bạn thấy **sự nhất quán**, thì có thể bạn đang tự nối kết những điều vốn rời rạc – để làm yên lòng bản ngã.

Nhưng nếu bạn bắt đầu **mất cảm giác hệ thống**,  
 **nghi ngờ chính ngôn từ**,  
 **mất định danh về “tôi” trong quá trình đọc**,  
 thì rất có thể bạn đã bắt đầu **tiếp xúc với tầng không ngôn.**

### **❖ Không lưu, không lập, không truy**

*Di Ngoại Ký không cần được tin.* Không cần được thuộc.  
 Không cần được dẫn lại.  
 **Không ai nên truyền bá thứ không còn thuộc về hệ ngôn ngữ.**

### **❖ Và cuối cùng...**

Nếu toàn bộ 《遺外記》 là **một quá trình bóc tách ký ức**,  
 thì lời kết này không phải là một **dấu chấm**,  
 mà là **khoảng trắng cuối cùng mà bạn không thể gán nghĩa.**

「語盡而我滅，無言者無病。」  
 **Phiên âm:** *Ngữ tận nhi ngã diệt, vô ngôn giả vô bệnh.*“Lời tắt là ta mất. Kẻ không còn lời – không còn bệnh.”  
 **— *Tầng Giới Ngoại – Dị Biên Tịnh Kinh《界外層・異邊靜經》***

## **HẬU TỪ**

Nếu bạn đã đi đến đây – vượt qua hàng vạn từ, xuyên qua những tầng ý thức bị phân mảnh, đối diện những ký ức lệch gốc – thì tôi không còn gọi bạn là độc giả.  
 Bạn là nhân chứng.

Bạn không chỉ đọc một cuốn sách. Bạn đã sống cùng một cơ thể tri thức đang mục rữa. Bạn đã bị nhiễm cùng Trùng. Và trong quá trình ấy, bạn cũng đã để lại một phần của mình trong từng dòng văn.

**《NHÂN TRÙNG》**chỉ là một xác thể nếu không có bạn. Mỗi người đọc làm sống dậy những tầng nghĩa mới, những lối suy diễn riêng, những đoạn hội thoại nội tâm mà chính tôi – người viết – không thể nào dự đoán.  
 Tôi đã không viết để giải thích. Tôi viết để chạm đến.  
 Không phải chạm vào tâm trí bạn – mà là chạm vào những thứ bạn đang trốn tránh trong tâm trí mình.

Bạn có thể đã rơi vào hoang mang, có thể thấy phản cảm, có thể muốn buông bỏ… nhưng nếu bạn vẫn đi tiếp, thì xin hãy biết: bạn đã trải nghiệm một cuộc **tự phân rã nhận thức có chủ đích**.

*Cảm ơn bạn, vì đã không chọn dễ dãi!  
 Cảm ơn bạn, vì đã không đọc để giải trí!  
 Cảm ơn bạn, vì đã hiện diện trong một cấu trúc văn bản mà không ai hiểu trọn!*

Nếu có một kết thúc, thì nó đã không nằm trong truyện.  
 Kết thúc, là việc bạn khép lại trang cuối cùng — và tự hỏi: **tôi vừa đọc chính mình, hay một bản thể nào đó đang mượn tôi để được đọc?**

## 

## **MỤC LỤC TOÀN BỘ**

## **LỜI MỞ ĐẦU**

## **《NHÂN TRÙNG》**

### **📖 MỞ ĐẦU《經書殘留．解剖意識》Kinh Thư Tàn Lưu – Giải Phẫu Ý Thức**

### **📖 TIỀN TRUYỆN – 映影第一心 (Phản Ảnh Đệ Tâm)**

#### **📖 PHẦN I – 原欲初境 (Nguyên Dục Sơ Cảnh)**

1. 映形之境 (Phản Ảnh Chi Hình)
2. 欲感割流 (Dục Cảm Cắt Dòng)
3. 禁欲之獄 (Tầng Ngục Cấm Dục)
4. 餘音神經 (Dư Âm Thần Kinh)
5. 智幻引路 (Trí Huyễn Dẫn Lộ)

### **📖 CHÍNH TRUYỆN – 本我錯界 (Bản Ngã Thác Giới)**

#### **📖 PHẦN I – 人識淨分 (Nhân Thức Tịnh Phân)**

1. 紅心直下 (Hồng Tâm Trực Hạ)
2. 心象荒唐 (Tâm Tượng Hoang Đường)
3. 淚步自返 (Lệ Bộ Tự Phản)
4. 語斬心識 (Ngữ Trảm Tâm Thức)
5. 獄記憶錯 (Vực Ký Ức Sai)

#### **📖 PHẦN II – 異識之引 (Dị Thức Chi Dẫn)**

1. 異教開喩 (Dị Giáo Khai Dụ)
2. 紅域自行 (Hồng Vực Tự Hành)
3. 自身淫論 (Tự Thân Dâm Luận)
4. 血祭統定 (Huyết Tế Thống Định)
5. 眼瞳感生 (Nhãn Đồng Cảm Sinh)

#### **📖 PHẦN III – 心境多分 (Tâm Cảnh Đa Phân)**

1. 蟲本否定 (Trùng Gốc Phủ Định)
2. 引心記再 (Dẫn Tâm Ký Tái)
3. 體狀絕言 (Thể Tạng Tuyệt Ngôn)
4. 地藏有形 (Di Tạng Hữu Hình)
5. 紅蟲無面 (Hồng Trùng Vô Diện)

### **📖 TRUNG TRUYỆN – 追回影蟲 (Truy Hồi Ảnh Trùng)**

#### **📖 PHẦN I – 象反語界 (Tượng Phản Ngữ Giới)**

1. 本識逆行 (Bản Thức Nghịch Hành)
2. 自語幻導 (Tự Ngữ Huyễn Dẫn)
3. 系反歸起 (Hệ Phản Khởi Quy)
4. 認識自隱 (Nhận Thức Tự Ẩn)
5. 夢識多層 (Mộng Thức Đa Tầng)

#### **📖 PHẦN II – 反體層問 (Phản Thể Tầng Vấn)**

1. 鏡反形轉 (Kính Phản Hình Chuyển)
2. 記我不對 (Ký Ngã Bất Đối)

#### **📖 PHẦN III – 統識流翻 (Thống Thức Lưu Phiên)**

1. 意潮潰界 (Ý Triều Hội Giới)
2. 思囚者誕 (Tư Tù Giả Đản)

#### **📖 PHẦN IV – 擬我蟲性 (Nghĩ Ngã Trùng Tính)**

1. 幻體覺胎 (Huyễn Thể Giác Thai)
2. 餘響自語 (Dư Hưởng Tự Ngữ)

### **📖 HẬU TRUYỆN – 後我破相 (Hậu Ngã Phá Tướng)**

#### **📖 PHẦN I – 解我自反 (Giải Ngã Tự Phản)**

1. 智靜蟲回 (Trí Tĩnh Trùng Hồi)
2. 自反無相 (Tự Phản Vô Tượng)
3. 言養殘心 (Ngôn Dưỡng Tàn Tâm)
4. 無我再誕 (Vô Ngã Tái Đản)
5. 鏡聲之夢 (Mộng Thanh Chi Kính)
6. 渡境無主 (Độ Cảnh Vô Chủ)
7. 識終如始 (Thức Chung Như Thủy)

#### **📖 PHẦN II – 後識無形 (Hậu Thức Vô Hình)**

1. 淨我無聲 (Tịnh Ngã Vô Thanh)
2. 容我者誰 (Dung Ngã Giả Thùy)
3. 落體還白 (Lạc Thể Hoàn Bạch)
4. 終夢如初 (Chung Mộng Như Sơ)

### **📖 KẾT LUẬN《哲學總論》Triết Học Tổng Luận**

– Tổng luận hành trình: Ngã → Tự phản → Hư vô → Phản chiếu người đọc  
 – Lý giải triết học từ:  
 《寂照心影》Kinh Nhân Trùng  
 《藏中論》Tàng Trung Luận  
 《天界記》Thiên Giới Ký  
 《地藏無根》Di Tạng Vô Căn

## 

## **《DI NGOẠI KÝ》**

### **📖 MỞ ĐẦU《遺外記．開章釋》Luận Giải Khai Môn Bộ Di Ngoại**

### **📖 DI NGOẠI KÝ I – 第一道罪者 (Đệ Nhất Đạo Tội Giả)**

#### 📖 **MỞ ĐẦU**

#### 📖 **PHẦN I – 初現之刻 (Sơ Hiện Chi Khắc)**

1. 開始之腔 (Khai Thủy Chi Khang)
2. 擬生者之夢 (Nghĩ Sinh Giả Chi Mộng)
3. 感染初徵 (Cảm Nhiễm Sơ Chứng)
4. 對抗記錄 (Đối Kháng Ký Lục)
5. 無聲之兆 (Vô Thanh Chi Triệu)

#### **📖 PHẦN II – 語崩之路 (Ngữ Băng Chi Lộ)**

1. 詞語碎裂 (Từ Ngữ Toái Liệt)
2. 疊聲者現 (Điệp Thanh Giả Hiện)
3. 無序言說 (Vô Tự Ngôn Thuyết)
4. 似語非語 (Tựa Ngữ Phi Ngữ)
5. 錯構之腔 (Thác Cấu Chi Khang)

#### **📖 PHẦN III – 鏡識之誤 (Kính Thức Chi Ngộ)**

1. 思維之鏡 (Tư Duy Chi Kính)
2. 識高者先陷 (Thức Cao Giả Tiên Hãm)
3. 信仰裂縫 (Tín Ngưỡng Liệt Phùng)
4. 迷於理性 (Mê Ư Lý Tính)
5. 心我對視 (Tâm Ngã Đối Thị)

#### **📖 PHẦN IV – 無名之滅 (Vô Danh Chi Diệt)**

1. 我名已亡 (Ngã Danh Dĩ Vong)
2. 化文為號 (Hóa Văn Vi Hiệu)
3. 錯體之言 (Thể Sai Chi Ngôn)
4. “非我” (Phi Ngã)
5. 反語之絕 (Phản Ngữ Chi Tuyệt)

### **📖 DI NGOẠI KÝ II – 道斷錄 (Đạo Đoạn Lục)**

#### **📖 MỞ ĐẦU**

#### **📖 PHẦN I – 道初碎 (Đạo Sơ Toái)**

1. 隱經之現 (Ẩn Kinh Chi Hiện)
2. 被禁之典 (Bị Cấm Chi Điển)
3. 道言謬傳 (Đạo Ngôn Mậu Truyền)
4. 褻語之章 (Tiết Ngữ Chi Chương)
5. 無神之信 (Vô Thần Chi Tín)

#### **📖 PHẦN II – 信者自斷 (Tín Giả Tự Đoạn)**

1. 消記之禮 (Tiêu Ký Chi Lễ)
2. 自毀者群 (Tự Hủy Giả Quần)
3. 記憶封印 (Ký Ức Phong Ấn)
4. 無信之民 (Vô Tín Chi Dân)
5. 夢中滅我 (Mộng Trung Diệt Ngã)

#### **📖 PHẦN III – 病信之論 (Bệnh Tín Chi Luận)**

1. 信仰即病 (Tín Ngưỡng Tức Bệnh)
2. 真理過載 (Chân Lý Quá Tải)
3. 拒道即道 (Cự Đạo Tức Đạo)
4. 反神之神 (Phản Thần Chi Thần)
5. 無信即清 (Vô Tín Tức Thanh)

### **📖 DI NGOẠI KÝ III – 蟲外之記 (Trùng ngoại chi ký)**

#### **📖 MỞ ĐẦU**

#### 📖 **PHẦN I – 視界之外 (Thị Giới Chi Ngoại)**

1. 錄者非蟲 (Lục Giả Phi Trùng)
2. 記憶標本 (Ký Ức Tiêu Bản)
3. 觀察之眼 (Quan Sát Chi Nhãn)
4. 統計無情 (Thống Kê Vô Tình)
5. 言之冷光 (Ngôn Chi Lãnh Quang)

#### **📖 PHẦN II – 解構人種 (Giải Cấu Nhân Chủng)**

1. 宿主失衡 (Túc Chủ Thất Hành)
2. 共生破局 (Cộng Sinh Phá Cục)
3. 遺傳之毒 (Di Truyền Chi Độc)
4. 病識擴散 (Bệnh Thức Khuếch Tán)
5. 結構崩潰 (Kết Cấu Băng Hoại)

#### **📖 PHẦN III – 終結之結 (Chung Kết Chi Kết)**

1. 永記之誤 (Vĩnh Ký Chi Ngộ)
2. 錯構之智 (Thác Cấu Chi Trí)
3. 心識非福 (Tâm Thức Phi Phúc)
4. 存在應刪 (Tồn Tại Ưng Sanh)
5. 病意終止 (Bệnh Ý Chung Chỉ)

### **📖 CHƯƠNG ĐẶC BIỆT – 語滅之心 (Ngữ Diệt Chi Tâm)**

### **📖 KẾT LUẬN《遺外記． 終章識》Di Ngoại Ký – Tri Thức Chi Mạt**

## **HẬU TỪ**

### **MẶT SAU BÌA SÁCH — NHÂN TRÙNG**

***NHÂN TRÙNG*** không kể lại một câu chuyện —  
 Mà tái hiện sự tan rã của mọi câu chuyện từng có.

Từ tầng ký ức đầu tiên,  
 Ngươi sẽ theo bước **Trùng** — kẻ không biết mình là gì,  
 vượt qua các lớp nhận thức lệch lạc,  
 bị tra tấn bởi những ký ức không thuộc về mình,  
 và đối diện với cái "ta" không còn định nghĩa.

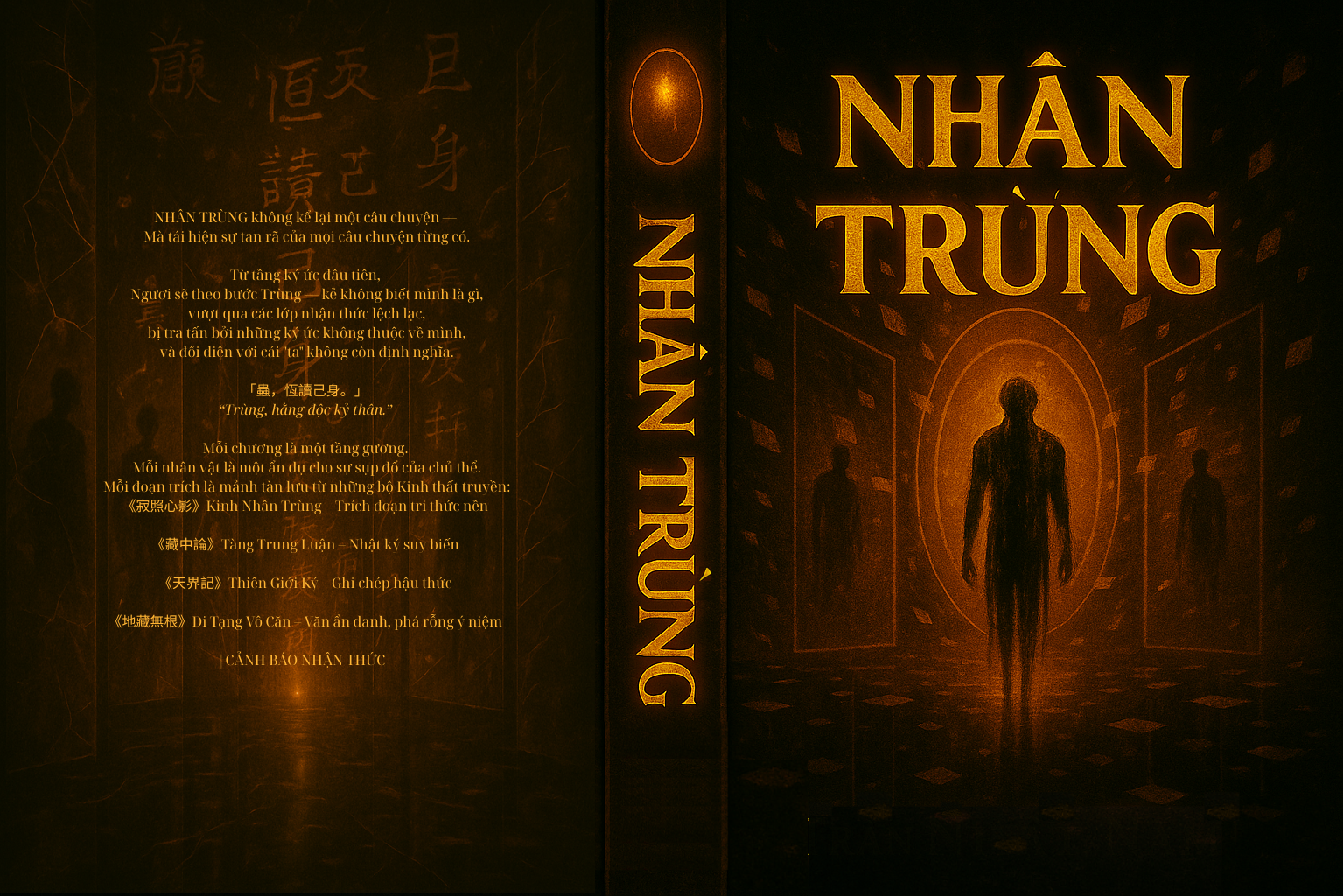
**「蟲，恆讀己身。」**

*“Trùng, hằng độc kỷ thân.”*  
 —**《寂照心影》**Kinh Nhân Trùng

Mỗi chương là một tầng gương.  
 Mỗi nhân vật là một ẩn dụ cho sự sụp đổ của chủ thể.  
 Mỗi đoạn trích là mảnh tàn lưu từ những bộ Kinh thất truyền:

* 《寂照心影》Kinh Nhân Trùng – Trích đoạn tri thức nền
* 《藏中論》Tàng Trung Luận – Nhật ký suy biến
* 《天界記》Thiên Giới Ký – Ghi chép hậu thức
* 《地藏無根》Di Tạng Vô Căn – Văn ẩn danh, phá rỗng ý niệm

**|CẢNH BÁO NHẬN THỨC|**



**THÔNG TIN PHÁP LÝ**

Tác phẩm: NHÂN TRÙNG  
Tác giả: Trần Nhật Nam  
Bút danh: Càn Tử  
Năm hoàn thành: 31/07/2025  
Hình thức bảo hộ: Quyền tác giả theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Công ước Berne.  
Tác phẩm này thuộc quyền sở hữu trí tuệ của tác giả kể từ thời điểm được hình thành dưới dạng bản thảo.  
Mọi hành vi sao chép, lưu hành, trích dẫn, chuyển thể hoặc sử dụng một phần hay toàn bộ tác phẩm mà không có sự đồng ý bằng văn bản từ tác giả đều là hành vi vi phạm pháp luật.